

PHAM DUY



HỒI KÝ III THỜI PHÂN CHIA QUỐC CỘNG

PHẠM DUY HỒI KÝ III THỜI PHÂN CHIA QUỐC CỘNG

Phạm Duy
Hồi ký III Thời Phân chia
Quốc-Cộng
midway press 2024

Copyright ©phamduy2024

PHAM DUY



HỒI KÝ III THỜI PHÂN CHIA QUỐC CỘNG



Midway Press 2024

MỤC LỤC

Mấy lời nói đầu	9
Chương một	15
Chương hai	31
Chương ba	51
Chương bốn	65
Chương năm	79
Chương sáu	103
Chương bảy	117
Chương tám	129
Chương chín	147
Chương mười	159
Chương mười một	173
Chương mười hai	189
Chương mười ba	201
Chương mười bốn	219
Chương mười lăm	237

Chương mười sáu	249
Chương mười bảy	269
Chương mười tám	287
Chương mười chín	305
Chương hai mươi	321
Chương hai mươi mốt	337
Chương hai mươi hai	351
Chương hai mươi ba	365
Chương hai mươi bốn	403
Chương hai mươi lăm	411
Chương hai mươi sáu ¹	425

MẤY LỜI NÓI ĐẦU



Thế hệ tôi, sinh ra trong phân đầu của thế kỷ, mang trong lòng ước mơ của thế hệ cha ông, gói ghém trong một khẩu hiệu – đồng thời là lời hứa của một lãnh tụ – gồm sáu chữ: **Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc**.

Chúng tôi có thời niên thiếu sống âm thầm hay cựa quậy dưới thời Pháp thuộc rồi có ngay cái tuổi thanh niên hân hoan chứng kiến hay tham gia cuộc Cách Mạng và Kháng Chiến của toàn dân để giành được hai chữ **Độc Lập** mà tiền nhân đã ấp ủ từ lâu.

Bước vào thời trung niên, chúng tôi sẵn sàng để được xung công vào việc chung vai thực hiện bốn chữ còn lại trong khẩu hiệu là **Tự Do-Hạnh Phúc** thì nước Việt Nam bị tạm thời chia đôi bởi các cường quốc với Hội Nghị Genève. Sau Thế Chiến Hai, diệt xong nạn Phát Xít, thế giới chia ra hai phe Tư Bản-Vô Sản, Việt Nam đáng lẽ phải được thống nhất với cuộc Hiệp Thương và Tổng Tuyển Cử như hội nghị Genève phác họa thì bị cắt thành hai miền đối lập với thế Quốc-Cộng và với cả hai cuộc chiến tranh lạnh, chiến tranh nóng giữa những người cùng có chung một tổ quốc, quê hương, giống nòi. Thế là tuổi trung niên ở cả hai miền (trở thành hai nước) trên danh nghĩa đã có Độc Lập rồi, phải đi tìm Tự Do-Hạnh Phúc trong tư thế Ta- Địch và trong một cuộc chiến tranh kéo dài 20 năm.

Hội Ký *Thời Phân Chia Quốc-Cộng* này muốn nói lên thân phận của một người thuộc lớp tuổi trung niên đó, ở giữa thế kỷ 20, phải sống tại một trong hai miền đất nước, dưới một chế độ do hoàn cảnh lịch sử thế giới tạo ra.

Hội Ký giải bày tâm sự của một nghệ sĩ chỉ mong có một quê hương hay tổ quốc để yêu mến và tôn

thờ, nhưng trong thực tế phải sống trong một nước bị phân đôi và có hai chế độ chính trị cực kỳ đối lập. Gần nửa đời người sống trong cơn tảo loạn, người nghệ sĩ chỉ còn một cứu cánh duy nhất là nhắm vào dân tộc của cả hai miền để xung tưng. Trong hai mươi năm đất trời đảo điên đó, nhìn ra tình trạng của mọi người – từ người lãnh đạo cho tới người dân trong cả hai miền quê hương – tất cả bị đẩy vào cuộc đấu tranh giữa cái gọi là “phải/trái”, “trắng/đen”, cho nên tôi muốn vượt lên trên những quan niệm hẹp hòi, những tầm nhìn ngắn hạn, những quyền lợi giả dối của từng phe để cố gắng làm nổi bật giá trị của người Việt Nam trong mọi hoàn cảnh, trong từng giai đoạn của cuộc sống. Thái độ này đem tới cho tôi biết bao nhiêu điều hiểu lầm, đôi khi còn là những điều khinh mạn nữa. Bởi vì những cái nhìn khe khắt đó thường được soi qua lăng kính chính trị một chiều, sau mấy chục năm trời, bây giờ là lúc Hồi Ký này xin được cởi ra những trói buộc, xóa đi những thành kiến, hoá giải những oan khiên...

Hồi Ký cũng cho phép tôi kể rằng: trước khi bước vào tuổi lão, kẻ trung niên là tôi đã sống hai mươi năm tại một miền đất nước – mà tôi đã vô phép gọi là chật chội oan khiên trong một bài hát – nơi đó, thời gian như ngưng đọng, không gian như thu hẹp, tôi không còn được phiêu lưu trên con đường lữ thứ như trong thuở hoa niên nữa.

May thay, ngay từ lúc đầu phải ép mình sống trong một miền đất nước, tôi đã phác hoạ ra con đường nghệ thuật mà mình phải theo và quả rằng tôi đã làm được cuộc phiêu lưu trong âm nhạc đầy lý thú này.

Những cuộc **lữ hành, viễn du** khởi đầu dẫn tôi đi qua **con đường cái quan** của dân tộc, dù phải đi dưới trận mưa bom hay đi trong không khí hãi hùng khinh thị, để gặp gỡ đầy đủ các thành phần xã hội như **bà mẹ quê, em bé quê, vợ chồng quê, người lính trẻ, anh thợ cấy, bác thợ mỏ, cậu mục đồng, chú bé bắt dế, bắt được con công, kể cả người hùng trong trắng và kẻ ăn cướp của công, tên cường đạo hay kẻ thù ta nữa...**

Rồi cuối cùng, dẫn tới hình ảnh **Mẹ Việt Nam** lồng lộng qua cảnh tượng **Đất Mẹ, Núi Mẹ, Sông Mẹ, Biển Mẹ...**

Tôi chỉ còn một tiếc thương là chưa có đủ thời gian cũng như những điều kiện chủ quan, khách quan để đưa chân tới người Cha Việt Nam qua một dự phóng là **Trường Ca Trường Sơn**, thì phải xa lìa quê hương...

Tôi mang ơn một số người, ngay từ ba, bốn chục năm về trước cho tới những ngày rất gần đây – nhất là qua bức thư gửi trong mùa Xuân năm 1991 của một người bạn mới – những người này không bao giờ nghi ngờ tính độc lập trong lập trường nghệ thuật của tôi, và hiểu rằng, trong một đời người

bệnh bông ngăn ngủi, tôi chỉ muốn là một **ca nhân của Tình Yêu** nhưng đồng thời cũng còn muốn là **một đứa con yêu của dân tộc**. Tôi xin được âu yếm gửi tới họ những cái hôn nồng ấm.

Thị Trấn Giữa Đàng

Mùa Thu 1991

Lời nói thêm:

Sau khi những cuốn hồi ký ra đời, có các bạn quý như Đặng Tiến, Thái Văn Kiểm, Trần Văn Khê, Tăng Thiên Tài, v.v. (kể cả của dăm ba độc giả vô danh nữa) đã viết bài trên báo cũng như gửi thư riêng để nêu lên dăm ba sự nhầm lẫn về danh xưng, tên người cũng như tên rạp, tên phố... Trong kỳ tái bản này, tôi đã sửa chữa theo ý kiến của tất cả các bạn và xin được trân trọng cảm ơn.

CHƯƠNG MỘT

*Người về trong đêm tối
Ôm cảnh hoa tả tơi
Bóng in dài gác đời lẻ loi...
Cảnh Hoa Trắng*

Một buổi sáng tháng 6, 1951. Trên chuyến máy bay cất cánh từ Gia Lâm, lời chào tạm biệt Hà Nội chưa kịp tan trong lòng mọi người, gia đình họ Phạm đã tới Saigon vào một trưa hè sáng sủa và mát mẻ. Chúng tôi xuống sân bay Tân Sơn Nhất với một lời chào khác: **Saigon, Chào Em!**



Saigon, năm 1951, chưa có hình vị lãnh tụ nào treo trên
Toà Đô Chính cả!

Trong chiếc xe ca chạy bon bon trên đường nhựa rộng rãi, dưới bóng rợp của hàng cây cao lớn, anh em trong gia đình nhà vợ xưa nay chưa biết mùi vị của những đô thị lớn, bây giờ nhìn Saigon như nhìn một thành phố ngoại quốc. Tôi có quá nhiều kỷ niệm với hòn ngọc Viễn Đông thời đi hát rong nên chỉ bồi hồi nhớ lại những ngày tháng vô tư và những đêm ca hát trong thành phố rộng lớn, sung túc, hoà bình và êm ả. Rồi tại đây, tôi còn có thêm những ngày náo nức, rộn ràng của thời chế độ bảo hộ Pháp được chấm dứt bởi cuộc đảo chính của quân đội Nhật. Ôi những ngày sau đó, những ngày tung bùng và hiên ngang của thời Cách Mạng và Kháng Chiến.

Bây giờ, sau sáu năm xa cách và sau những biến động lớn, Saigon vào năm 1951 mở rộng cánh tay đón tôi trở về. Thành phố có vẻ sung túc hơn trước nhiều. Bằng cuộc chiến tranh tái chiếm Việt Nam, người Pháp đem vào Saigon súng ống của quân đội Viễn Chinh cùng với hàng hoá và tiền bạc (tiền Francs), nhất là với những sản phẩm văn hoá như đĩa hát, phim ảnh, sách báo của châu Âu, châu Mỹ.

Những năm vừa qua, tôi sống liên miên trong một xã hội nông thôn kháng chiến, tuy vĩ đại vô cùng nhưng cũng là khép kín. Đời sống đó rất giản dị và thiếu thốn vì phải sống dưới chế độ kinh tế tự túc (autarcie) của Mặt Trận Việt Minh. Nay vào tới Saigon chúng tôi sẽ được hưởng những tiện nghi –

dù còn nhũn nhặn – của một xã hội tiêu thụ. Tuy nhiên, dưới bộ mặt hào nhoáng của thành phố này, tôi cũng cảm thấy sự chống Pháp âm ỷ trong lòng dân. Tại miền Nam vào lúc đó – nhất là ở Saigon – chưa mấy ai nhìn ra bàn tay thép được bọc nhung của Đảng Cộng Sản đằng sau Mặt Trận Kháng Chiến. Hào quang của chiến đấu vẫn còn chiếu sáng trong lòng mọi người.

Tôi đưa cả gia đình tới ở nhờ người bạn cũ Phạm Xuân Thái. Anh bạn suýt làm mục sư Tin Lành mảnh khảnh và nho nhã của tôi lại có cô vợ bé khác rồi. Người vợ trẻ măng tên Nguyễn Thị Thanh là người tình cũ của Nguyễn Bình, vừa mới vào thành sau khi đã sống những ngày sóng gió nơi bung biển có quá nhiều cuộc tranh chấp giữa Khu Trường Khu 7 và vài ba thủ lĩnh của các tổ chức Hoà Hảo, Bình Xuyên. Đã tưởng quên được chuyện kháng chiến, nay qua Nguyễn Thị Thanh tôi được biết chuyện đảng tranh đổ máu ở Nam Bộ. Chỉ vài tháng sau, chúng tôi buồn rầu nghe tin Nguyễn Bình bị bắn chết ở dãy Trường Sơn trên đường ra Bắc.

Ở chung với Phạm Xuân Thái trong ít ngày rồi chúng tôi dọn nhà bằng xe thổ mộ vào Thị Nghè. Đó là một căn phố nhỏ ở ngay cạnh chợ, chỉ có hai phòng nhỏ mà chứa đủ tám người lớn và một con nít. Sau những năm chịu gian khổ của tản cư và kháng chiến, gia đình Bắc Kỳ di cư này sống những ngày ổn định đầu tiên nơi cận đô êm ả. Chiều chiều

vợ chồng tôi đẩy xe con nít đưa bé Quang đi dạo chơi trong Sở Thú. Để sinh sống trong cuộc đời đã đổi mới, chúng tôi tới hát tại Đài phát thanh Pháp-Á (Radio France Asie), phòng thu thanh đặt ở Boulevard de La Somme (đường Hàm Nghi) gần chợ Bến Thành. Mấy anh em họ Phạm thành lập một ban hợp ca lấy tên là ban Thăng Long (tên này đã được dùng làm bảng hiệu cho quán phở gia đình ở Chợ Đại, Chợ Neo trước đây). Rồi cũng trong tâm trạng lưu luyến di vãng rất gần, Phạm Đình Viêm lấy tên là Hoài Trung (nhớ Khu 4 chăng?), Phạm Đình Chương lấy tên là Hoài Bắc.¹ Cô em út trong gia đình, Băng Thanh đổi tên là Thái Thanh để đi đôi với tên chị Thái Hằng.



Hát tại Đài Pháp-Á, chúng tôi thành công ngay. So với các ca sĩ hay các ban nhạc khác, lối hát nhiều

bè của chúng tôi có vẻ hấp dẫn hơn. Chúng tôi còn có một nhạc mục phong phú hơn những người cùng nghề. Những bài hát như *Về Đồng Quê*, *Về Miền Trung*, v. v... phản ánh thời đại một cách sắc nét. Dân chúng vẫn có cảm tình với kháng chiến nên chúng tôi càng được hoan nghênh khi hát những bài đó. Lẽ dĩ nhiên, vì người Pháp còn đang chiếm đóng Saigon, lời ca phải sửa đổi ít nhiều. Sau này, những bài đó được in ra và hát lên với lời ca của nguyên bản.

Giám Đốc Đài Pháp-Á là Jean Varnoux, người Pháp trí thức đầu hói, đối xử rất lịch sự với một cựu Việt Minh là tôi. Đó là nhờ anh bạn Hoàng Cao Tăng, chủ sự chương trình, tuy làm việc cho Pháp nhưng vẫn quý trọng những người đi kháng chiến, luôn luôn đề cao tôi với Varnoux. Anh Tăng hơn tôi 10 tuổi, tuy đã có hai vợ mà vẫn còn làm đóm. Anh đúng là thứ công tử bột Hà Nội còn sót lại, quần áo bảnh bao, tóc dài như tóc triết gia (dân Hà thành gọi là kiểu tóc philosophe-triết gia) luôn luôn chải mượt, mặt không đánh phấn nhưng trước khi đi ngủ, anh bôi kem để giữ cho da dẻ được tốt tươi.



Hoàng Cao Tăng, Trần Văn Lý, Jean Varnoux của Đài Pháp Á.

Đài Pháp-Á là cơ quan thông tin tuyên truyền của Pháp nhưng không bao giờ tôi bị ép buộc phải lên tiếng về chính trị. Tôi không hề phải đề cao những con bài quốc gia mà Pháp đang đưa ra lúc đó hay chửi bới Việt Minh một cách hạ cấp. Khi mới thành lập năm 1946, Đài Pháp-Á chưa có nhiều ca nhạc sĩ cộng tác. Chỉ mới có ban nhạc Trần Văn Lý với vài ca sĩ như Thu Hồ, Mạnh Phát, Minh Diệu, Thu Thu... Đài thiếu ca sĩ đến nỗi có một hôm, tới giờ phát thanh, Trần Văn Lý phải nhờ cô thông dịch viên Ngọc Trâm vào studio hát, rồi cô trở thành ca sĩ thực thụ và đổi tên là Minh Trang. Dần dần, số ca sĩ tăng lên, về phía nữ, có thêm Ngọc Hà, người tình của Lê Trực, tác giả bài *Tiếng Còi Trong Suong Đêm*. Có Ngọc Thanh và chồng là Đức Quỳnh, có thêm Oanh Oanh, Kim Bằng, Ngân Hà... những ngôi sao non chỉ một thời chiếu sáng rồi từ từ khuất bóng. Trong phái nam, ngoài Thu Hồ, Mạnh Phát có thêm Anh Ngọc và người em là Ngọc Long. Có thêm ca sĩ tài tử là sinh viên Tôn Thất Niệm, sau trở thành bác sĩ tổng trưởng và thượng nghị sĩ.

Các nữ ca sĩ lúc trước đều dùng tên đầu là Ngọc (Ngọc Trâm, Ngọc Hà, Ngọc Thanh), bây giờ, để cũng giống như Minh Trang, Minh Diệu, các cô mang tên là Minh Tản (em Minh Diệu), Minh Nguyệt (vợ Trần Văn Lý), Minh Hoan (vợ Vũ Huyền)... Sau đợt các nữ ca sĩ “Ngọc” và “Minh” này là đợt Mộc Lan, Châu Hà, Linh Sơn, Ánh

Tuyệt... tất cả đều đóng góp vào việc phát triển mạnh mẽ của Tân Nhạc. Ban Thăng Long với Hoài Trung, Hoài Bắc, Thái Thanh, Thái Hằng lại càng làm cho Tân Nhạc ở Saigon trong đầu thập niên 50 thêm phần rực rỡ.



Những bạn đồng nghiệp của tôi tại Đài Pháp Á, 1952: Trần Văn Lý, Hoài Trung, Phạm Duy, Út saxo, Nghiêm contrabass...

Đệm đàn cho ban Thăng Long tại Đài Pháp-Á, ngoài Út thổi saxo, Nghiêm đánh contrabasse là người Việt, còn có thêm nhạc sĩ người Pháp như Méritan đánh piano, Barthélémy thổi trombone, Niflis (lấy tên Việt là Nghị Lực) kéo violon. Thu Hò, Lê Thương cũng có những chương trình Tân Nhạc riêng. Trong ban Lê Thương có những nhạc sĩ về sau trở thành nhân vật lớn như Lê Minh Đảo (Tư Lệnh Sư Đoàn 18) đánh đàn banjo và Nguyễn

Văn Minh (Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô) đánh đàn guitare. Thứ Trưởng Kinh Tế sau này của miền Nam Nguyễn Chánh Lý cũng là một nhạc sĩ của ban Thu Hồ.

Với một số ca sĩ và bài bản khá nhiều, Đài Pháp-Á mở ra mục nhạc yêu cầu. Mục này giúp cho Đài đánh giá từng bản nhạc, từng ban nhạc hay từng ca nhạc sĩ và khiến cho Tân Nhạc không chỉ thịnh hành tại Saigon mà còn bung đi khắp nơi trong nước. Bài *Về Miền Trung* là bài được yêu cầu nhiều nhất trong hai năm 1951-52. Bài này phổ thông đến độ mỗi khi xe lửa sắp sửa rời ga Saigon ra Huế thì dân chúng được nghe phát thanh bài *Về Miền Trung* qua các loa lớn. Ông xếp ga Saigon hẳn phải là người rất yêu nhạc.

Ngoài việc giúp cho tiếng tăm của nghệ sĩ đi vào quần chúng rất nhanh và rất xa, đài Pháp-Á còn tổ chức những cuộc tuyển lựa ca sĩ để đào tạo ca sĩ trẻ. Người giật giải nhất trong buổi tuyển lựa đầu đầu tiên là Tùng Lâm. Rồi tới Bích Thủy và thần đồng Quốc Thắng. Các ca sĩ Hùng Cường và Văn Hùng cũng xuất thân từ những buổi tuyển lựa tài tử này. Ca nhạc sĩ cộng tác với Đài Pháp-Á được trả tiền thù lao rất hậu hĩnh: 100 đồng bạc Đông Dương cho mỗi ca sĩ trong mỗi chương trình. Mỗi tuần lễ hát ba lần, vị chi tiền lương cho mỗi người trong một tháng là 1.200 đồng. Đó là món tiền khá lớn vào thời buổi mà giá một bao gạo 100 kilô là 80 đồng.

Cũng như các ban nhạc khác, ban Thăng Long còn có thêm một nguồn lợi tức qua việc thu thanh đĩa hát. Sau Thế Chiến Hai, ngành đĩa hát trên thế giới đã tiến bộ hơn xưa. Ngay từ khi chúng tôi còn ở vùng kháng chiến, tại những nơi bị người Pháp chiếm đóng, họ cho nhập cảng những máy hát dùng loại đĩa microsillon, chạy với tốc độ 33 hay 45 tours một phút, thay thế cho máy hát cũ chạy với loại đĩa 78 tours.

Tân Nhạc ở Saigon lúc này đã có đất sống. Trước kia, các hãng sản xuất đĩa hát chỉ thu thanh cổ nhạc, nay khởi sự thu thanh tân nhạc. Có ba hãng đĩa là Lê Văn Tài (sau đổi tên là Việt Nam), Oria và Asia tranh nhau mời chúng tôi hát. Việc phổ biến âm nhạc qua những máy móc tối tân sẽ còn mạnh mẽ hơn nữa với những máy chơi băng (tape recorder) mà quân đội Mỹ đem theo súng đạn vào Việt Nam khoảng giữa thập niên 60 với hai loại băng lớn (reel-to-reel) và băng nhỏ (cassette). Vào năm 1951 này, tôi mua được một máy ghi âm bằng giấy thép, tiền thân của máy chơi băng. Dù vợ khuyên phải hà tiện nhưng tôi không tiếc tiền để thoả mãn sự tò mò về cái mới lạ trong nghề. Máy wire-recorder do Mỹ mới chế tạo dùng một cuộn giấy thép để ghi lại âm thanh. Mười năm sau, người ta mới sáng chế ra thứ băng nhựa để giữ tiếng.

Khi tôi viết những dòng này thì trên thế giới, qua hình thức compact disc, kỹ thuật thu thanh và

nghe nhạc bằng tia laser đã đạt tới mức cao nhất. Âm thanh trong compact disc được nghe bằng ánh sáng cho nên rất trong trẻo vì không còn có những tạp âm gây nên bởi cái kim trên đĩa hát hay bởi sự cọ xát của băng nhạc khi đi qua đầu máy. Đã có may mắn sinh ra trong thời phôi thai của kỹ thuật thu thanh, ghi lại tiếng hát và bài nhạc của mình vào đĩa hát 78 tours và 45 tours, tôi còn có vinh dự là người nhạc sĩ Việt Nam đầu tiên thu thanh tác phẩm vào compact disc tại Hoa Kỳ trong năm 1987.

Quay về với năm 1951, ban Thăng Long được các hãng đĩa trả tiền thù lao rất cao để thu thanh giọng hát. Tôi cũng được mời hát vào đĩa microsilicon 45 tours những bài *Buồn Tàn Thu*, *Gánh Lúa...* và còn giữ được kỷ niệm đó cho tới bây giờ. Tôi cũng được hãng đĩa trả tiền tác giả rất sòng phẳng. Ngoài ra, tôi có thêm tiền tác quyền của các nhà ấn hành bản nhạc như thế giới ở Hà Nội, Tinh Hoa ở Huế, Sống Chung và Á Châu ở Saigon. Lúc đó các học sinh rất thích làm collection những bản nhạc được in ra với khổ to như sách học trò hoặc với khổ nhỏ bằng nửa bàn tay, có tranh vẽ loè loẹt kiểu hoa hòe hoa sói, có thêm ảnh tác giả và ca sĩ trẻ măng, đẹp đẽ. Nghề ấn hành bản nhạc càng ngày càng khuếch trương với sự thành lập của cái tôi gọi là **chợ trời âm nhạc**. Các nhà xuất bản An Phú, Minh Phát trả tiền tác quyền cho nhạc sĩ rồi ấn hành bản nhạc và bày bán trên quầy đặt tại vỉa hè, không cần cửa hàng to lớn.

Tân Nhạc, vào thời này, mang tính chất bình dân, người khó tính gọi là **nhạc vỉa hè**, **nhạc máy nước**, người thức thơi gọi là **nhạc thời trang (!)**, **nhạc thương phẩm**. Sau một thời gian ổn định cuộc sống và phát triển nghề nghiệp (từ đài phát thanh qua hãng đĩa), với kinh nghiệm đi hát với gánh cải lương trước đây, tôi tạo ra lối hát **phụ diễn chiếu bóng**. Có thêm sự cộng tác của Lê Thương, Trần Văn Trạch. Tại vài rạp cinéma, trước khi chiếu phim chính, chúng tôi ra mắt khán giả bằng mục **attractions sur scène** với chương trình tạp lức gồm vài tiết mục nho nhỏ như đơn ca, hợp ca, ca hài hước...

Về phần nhạc mục (répertoire) ban Thăng Long đã có một sổ bài rất ăn khách do tôi soạn từ trước như *Nương Chiều*, *Gánh Lúa* hay mới soạn như *Tình Ca*, *Tình Hoài Hương*... Ngoài ra những bài như *Nhạc Đường Xa* của Phạm Duy Nhuận, *Đợi Anh Về* của Văn Chung, *Được Mùa*, *Tiếng Dân Chài* của Phạm Đình Chương cũng được hát trước màn ảnh. Chúng tôi khai trương lối phụ diễn chiếu bóng này tại rạp Nam Việt đường Chaigneau, Chợ Cũ. Và thành công ngay. Rạp Văn Cầm Chợ Quán, rạp Khải Hoàn và rạp Thanh Bình ở khu Chợ Thái Bình tuần tự mời chúng tôi tới trình diễn. Trước kia, khán giả tới nghe tôi hát **nhạc cải cách** trong gánh Đức Huy-Charlot Miêu phải ngồi chung với những người chỉ thích nghe **Hát Cải Lương**. Bây

giờ khán giả hoàn toàn là người thích Tân Nhạc và vì sự thẩm âm của dân có Tây học này Tân Nhạc phải có những bài mang nhạc tính Âu Tây. Tôi vốn chủ trương **dân nhạc** thì từ nay trở đi, loại dân ca của tôi cần được cải tiến.

Từ lối hát **phụ diễn chiếu bóng** thừa thắng xông lên, chúng tôi tổ chức những Đại Nhạc Hội (Théâtre De Variétés) tại rạp Nguyễn Văn Hảo, rạp Aristo. Không còn là hát phụ cho phim chiếu bóng nữa, chương trình ca diễn của chúng tôi phong phú hơn nhiều. Các màn đơn ca, hợp ca hay nhạc cảnh vẫn do ban Thăng Long đảm nhận nhưng chúng tôi mời thêm các ca sĩ mới ra lò tới diễn chung. Tôi còn nhớ Anh Ngọc hát bài *Tình Ca* lần đầu tiên ở rạp Thanh Bình. Những tiết mục khác như hát hài hước thì, ngoài Trần Văn Trạch ra, có thêm Phi Thoàn, Xuân Phát. Mục nhảy thiết hài (claquettes - tap dance) đã được công chúng thích từ khi được coi “giáo sư” Phúc trong gánh Đức Huy-Charlot Miếu. Bây giờ chúng tôi có một ban vũ gồm ba anh em Lưu Bình, Lưu Hồng và Mỹ An là những vũ sinh trẻ hơn, đẹp hơn, nhảy múa hấp dẫn hơn vũ sư Phúc (Saigon có thêm một vũ sư thiết hài nữa là Nguyễn Thống). Kịch ngắn do Hoàng Hải (tên thật là Lưu Duyên, anh ruột của sĩ quan Không Quân Lưu Kim Cương), Hoàng Năm và Linh Sơn phụ trách.

Sau thời kỳ thử thách (1935-38) và thành lập (1938-1945), Tân Nhạc đã tới thời kỳ phát triển

nhờ các phương tiện như đài phát thanh, nhạc tập, đĩa hát, phụ diễn chiếu bóng, Đại Nhạc Hội... Tân Nhạc thu hút toàn thể thanh niên nam nữ ở các thành phố lớn. Chỉ ít lâu sau, với phương tiện tape và cassette, cùng với vô tuyến truyền hình, Tân Nhạc đi luôn vào nông thôn và được tuổi trẻ, tuổi già mến yêu không thua gì Hát Cải Lương và Vọng Cổ. Đối với ban hợp ca Thăng Long là thành phần vừa mới từ biệt đồng quê khói lửa để vào nơi đô thị sầm uất, đời sống ở Saigon thật quá vui. Hai chị em Thái Thanh, Thái Hằng đã đuổi kịp các **mốt đương thời**, dung nhan trang điểm rất kỹ lưỡng, với bộ tóc được cắt ngắn và uốn quăn, với những áo dài đủ mẫu, đủ kiểu... khác hẳn với **mốt nâu sồng** của ngày trước. Sự trang điểm còn kỹ càng hơn nữa vì mỗi đêm hai người phải xuất đầu lộ diện dưới ánh đèn chói lói của sân khấu. Nhiều phen tôi lên ruột vì phải ngồi chờ hai nữ ca sĩ này làm công việc tô son điểm phấn quá lâu.

Thái Thanh khởi sự làm mê hoặc lòng người bằng giọng hát hãy còn rất mỏng của cô bé 17 tuổi. Bước vào nghề hát vào tuổi dậy thì, dù chẳng theo học một lớp dạy hát nào, Thái Thanh rất thông minh để không phát âm theo kiểu rung mạnh (giọng lỏng ngực) như Minh Đỗ hay kiểu đổ hột (giọng cổ họng) như Ái Liên. Thái Thanh có lối hát rất việt nam, nghĩa là nhấn giọng vào từng chữ, giống như lối hát dân ca, hát Chèo, hát Châu Văn.

Giọng cô bé là giọng Thương Huyền được tăng trưởng vì bao trùm hai bát độ, đứng giữa hai giọng soprano và alto, nghĩa là có nhiều khả năng hơn tất cả các ca sĩ đương thời. Những bài như *Tình Ca*, *Tình Hoài Hương* với âm vực rất rộng, lúc đó được tôi soạn ra cốt để cho Thái Thanh hát và chỉ có cô mới hát nổi những nốt rất trầm (nốt Sol dưới) hoặc rất cao (nốt Sol trên) của hai tác phẩm này. Từ đó trở đi, đa số ca khúc của tôi đều dựa vào khả năng của giọng hát Thái Thanh. Cho tới khi tôi có thêm giọng Duy Quang, Julie và Thái Hiền.

Với những hoạt động văn nghệ càng ngày càng mạnh mẽ, chúng tôi thấy Thị Nghè hơi xa với những nơi làm việc. Phạm Xuân Thái nhường luôn cho chúng tôi căn phố anh đang ở tại đường Trần Hưng Đạo, Chợ Quán. Nhà nằm giữa đường đi từ Saigon vào Chợ Lớn, ngày đêm thiên hạ rầm rập đi ra đi vô sòng bạc Đại Thế Giới (Grand Monde). Bến xe buýt ngay trước cửa nhà, mới tờ mờ sáng đã có tiếng phanh rít kéo chúng tôi ra khỏi giấc ngủ. Xe cộ chạy ầm ầm từ bốn giờ sáng cho tới hai giờ đêm. Mỗi đêm coi như chỉ có hai tiếng đồng hồ yên tĩnh.

Tôi không có đủ không khí lãng mạn để hàng đêm *ôm cảnh hoa trắng tã* tôi trở về gác đời lẻ loi như trong một bài hát mình vừa soạn ra năm trước. Bị mất ngủ, Thái Hằng gây tọp như một cảnh liễu, còn tôi thì mặt mũi lúc nào cũng xanh xao như tàu lá.

Phải mất một thời gian khá lâu, chúng tôi mới quen với những âm vang của thành phố và được ru ngủ bằng tiếng động cơ của đủ mọi loại xe: xe nhà binh, xe buýt, xe hơi (xe ô tô nhà), xe máy dầu (xe bình bịch) hay xe mô-by-lét và xe gắn máy là thứ xe ba bánh chuyên chở khách, chạy bằng mô tơ, với tiếng nổ đinđin tai điếc óc.

¹ Lúc đó tôi cũng định lấy tên là Hoài... Nghi (!).

CHƯƠNG HAI

*Lặng yên ta nói Cuội nghe
Ở trên cung vắng làm chi?...
Thằng Cuội – Lê Thương*



1953 - Vợ chồng son, tại Hà Nội thân yêu.

Vào những năm đầu thập niên 50, khi gia đình tôi kéo nhau vào Saigon, chúng tôi là một trong những nghệ sĩ Tân Nhạc đầu tiên hoàn toàn

sống bằng nghề hát. Trước đây, chỉ có những cậu sinh viên, cô nữ sinh hát nhạc cải cách tài tử, hát chơi cho vui, không nhận tiền thù lao gì cả. Bây giờ, tối thiểu đã có một gia đình sống khá giả bằng nghề âm nhạc. Câu châm ngôn của Pháp *la musique ne nourrit pas son homme* được cải chính: âm nhạc nuôi được kẻ làm nhạc, chơi nhạc rồi. Xã hội không còn khinh những kẻ xướng ca vô loài nữa.

Tại thành phố Saigon trong thời hầy còn chinh chiến này, chúng tôi đã hát ra tiền chứ không còn là thứ dễ mèn *hát xẩm không tiền nên nghèo xác xơ* như trong bài hát *Thằng Cuội* của Lê Thương. Cũng như một số các ca nhạc sĩ khác, trong túi lúc nào cũng rủng rỉnh đồng tiền, trong nhà băng đã có những trương mục to nhỏ, gia đình chúng tôi đã có xe hơi Citroën, là loại xe hạng khá lúc đó.¹ Riêng tôi có thêm xe scooter kiểu Ý lùn tịt để đèo tài tử Nguyễn Long chạy khắp Saigon. Có lần chở bé Quang, bị tai nạn, hai bố con ngã văng trên đường, may đứa bé không bị vỡ đầu gãy tay gì cả.

Chúng tôi đi tắm biển Vũng Tàu bằng tàu thủy, đi hát ở Cần Thơ bằng xe đò và tại Đà Lạt bằng xe lửa. Tới đâu tôi cũng nhận được cảm tình nồng nhiệt của khán giả cũ. Nhất là bây giờ có thêm bốn anh em họ Phạm trẻ trung và hát hay. Hát đâu cũng thành công nhưng vì tôi rất dở trong việc kinh tài nên thường bán giàn cho các ông bà bầu, giống như thời tôi đi theo gánh hát cải lương. Chúng tôi

được nhiều nơi trong nước mời đi hát và trong năm 1953, dưới tên đoàn Gió Nam, cùng với Võ Đức Thu, Trần Văn Trạch và ban vũ Mỹ An... ban Thăng Long ra hát ở Huế, Hải Phòng, Hà Nội.

Lúc mới từ chiến khu trở về, trong một tháng trời ở Hà Nội, chúng tôi chưa hoàn hồn để có thể hát hồng cho bà con Hà thành nghe. Bây giờ, ban nhạc mang tên Thăng Long cần phải được đăng ký ở ngay đất Thăng Long. Tôi không thể nào quên được sự nhiệt tình mà người dân Hà Nội đã dành cho ban Thăng Long và các nghệ sĩ khác của đoàn Gió Nam. Vì không mua được vé, nhiều thanh niên – bây giờ đã công thành danh toại cả rồi – phải trèo qua cửa sổ Nhà Hát Lớn để coi chúng tôi hát.



Ban Gió Nam ra trình diễn ngoài Bắc, 1953.

Vào năm 1953, nghệ thuật ca diễn của chúng tôi có vẻ hấp dẫn hơn tất cả những gì dân chúng miền

Bắc đã coi trong phạm vi Tân Nhạc. Lối hát bè và cách trình bày của ban Thăng Long là sự mới lạ vì chưa hề có một ban hợp ca gia đình với các giọng hát quyện vào nhau như vậy tại đất Bắc Hà. Trần Văn Trạch với mớ tóc dài và tác phong trình diễn đi trước phong trào hippy cả mấy chục năm đã đưa địa vị của những anh hề lên rất cao.

Võ Đức Thu, dù không đi kháng chiến một ngày nào cũng soạn ra bài *An Phú Đông*, trong lần Bắc du này, độc tấu dương cầm bài *Một Ngày Đã Qua* để vinh danh ngày Cách Mạng thành công ở Nam Bộ.



Võ Đức Thu, Phạm Đình Chương, Phạm Duy.

Đoàn Gió Nam ở lại Hà Nội trong vòng một tháng. Đã thành công về mặt nghệ thuật, tôi còn sung sướng biết bao khi được gặp lại thành đô yêu

quý. Rồi cho rằng những buổi mình dắt vợ đi dạo chơi phố phường hay đứng trên cầu Thê Húc cho anh bạn Nguyễn Cao Đàm chụp ảnh, như những ngày trăng mật lần thứ ba của chúng tôi.

Khi ra hai miền ngoài, tôi có thêm một con trai và cho cả hai con Quang và Minh đi theo trong cuộc lưu diễn xa xôi này. Anh Nhuận cũng từ Thái Nguyên về Hà Nội, tôi giúp anh tôi chút tiền để đem vợ con vào Saigon và dạy học ở Thủ Dầu Một.

Sau khi đóng vai trò khách quý của Hà Nội, tôi quay về nơi cư ngụ vĩnh viễn (!) là Saigon. Tại thành phố hoa lệ này, tôi có thêm biết bao nhiêu bạn mới. Trước khi hằng trăm hằng ngàn văn nghệ sĩ theo chân một triệu người miền Bắc di cư ồ ạt vào miền Nam sau Hội Nghị Genève (1954), tại Saigon vào khoảng 1952, 53 cũng đã có khá nhiều nhạc sĩ, ca sĩ, hoạt động thường xuyên tại đài phát thanh, các buổi phụ diễn chiếu bóng và các đại nhạc hội. Ngoài ban Thăng Long còn có ban Dân Nam với Anh Lân, Túy Hoa, Túy Phượng, nhóm Vũ Huân với Vũ Huân, Vũ Huyền, ban Tam Ca Anh Ngọc-Văn Phụng-Nhật Bằng, ban Thần Kinh với Mộc Lan, Châu Kỳ, Vĩnh Lợi, ban Sầm Giang của Trần Văn Trạch...

Trong số những bạn đồng nghiệp này, tôi yêu nhất nhạc sĩ Lê Thương (*). Rời Bến Tre, anh về Saigon làm nghề thầy giáo. Căn nhà nhỏ của anh đường Võ Tánh là nơi tôi đến chơi hàng ngày, hoặc

rủ anh đi mua báo Pháp như Paris Match, Canard Enchaîné ở hiệu sách Portail đường Catinat... hoặc rủ anh đi ăn, đi chơi. Lê Thương làm thơ, làm nhạc rất bay bướm nhưng anh có cuộc sống rất giản dị. Người bạn trăm năm của anh không thuộc hạng tiểu thu lá ngọc cành vàng hay nữ sinh nhí nhảnh. Chị Lê Thương là người bình dân hiền lành mộc mạc, không bao giờ nhảy xổ vào công việc của chồng, suốt đời lẳng lặng trông nom săn sóc chồng con.



Lê Thương và Trần Văn Trạch, hai cộng tác viên đầu tiên của Ban Thăng Long... cùng với tôi, là ba “khách quý” tại Khám Catinat trong 120 ngày.

Trước đây, tôi chỉ biết Lê Thương qua những bài hát tình yêu rất hay như *Bản Đàn Xuân*, *Thu Trên Đảo Kinh Châu*, *Một Ngày Xanh*, *Nàng Hà Tiên...* và Phần I của truyện ca bất hủ *Hòn Vọng Phu*. Bây giờ, tôi được biết thêm những bài anh soạn trong thời Cách Mạng và Kháng Chiến. Vào những năm đầu của cuộc chiến Nam Bộ, cũng như hầu hết những người trai của thời đại, Lê Thương đã có những

đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chống xâm lăng, giành Tự Do Độc Lập của toàn dân. Một trong những bài hát có ảnh hưởng lớn trong dân chúng lúc đó là bài *Bà Tư Bán Hàng*:

*Bà Tư bán hàng có bốn người con
Thằng Hai đã lớn, ba em hãy còn
Học theo các trường nhưng chưa thành nhân.
Năm Độc Lập kia trong nước Việt Nam
Mấy con của bà đều lên lối đường
Đầu quân chiến trường theo ý người dân.*

Thì ra Lê Thương cũng đi vào kháng chiến để tạo những huyền thoại về người mẹ Việt Nam. Trong khi tôi chọn những bà mẹ ở thôn quê (Bà Mẹ Chiến Sĩ, Bà Mẹ Gio Linh) thì anh chọn nhân vật điển hình là bà Tư bán hàng trong thành phố, một người mẹ bình dân có bốn người con, vào năm Độc Lập kia (...) đều lên (...) đường kháng chiến. Lê Thương dùng ngôn ngữ của dân tộc để kể tiếp:

*Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên
Suốt ba năm liền bà Tư mẫu hiền
Ngày đêm khẩn nguyện cho mấy người con...*

Rồi khi người con lớn chết trận thì bà thấp hương khấn vái hương hồn người con tử sĩ, xin dấn dất mấy đứa em trở về thành phố để sống với bà. Nhưng bà nhận được ba lá tình thư của ba đứa con xin được ở lại chiến khu để chiến đấu:

*Bà Tư thấp đèn câu khấn người con
Bà xin cho mấy đứa em hãy còn*

*Ở trong núi rừng, anh dẫn về cho.
 Nhưng một ngày kia ba lá tình thư
 Nói: Con bây giờ đường xa cách trở
 Vậy xin kính thờ hai chữ tình thân...*

Bài hát kết thúc với sự ý thức của bà Tư bán hàng về việc tự nguyện đi làm bốn phận công dân của các con. Bà tôn trọng ý nguyện đó và thấp đèn cầu nguyện cho các con mình trong chiến khu có được cuộc sống anh hùng.

Trước đây, tôi hi vọng một bài ca như *Bà Mẹ Gio Linh* có thể làm cho bộ đội dễ dàng lao vào đồn giặc, bây giờ, sau khi nghe bài *Bà Tư Bán Hàng*, tôi tin chắc chắn bài hát này làm cho thanh niên Saigon-Chợ Lớn ào ạt ra chiến khu. Và phải đợi ba năm nữa mới có trận Điện Biên Phủ nhưng tôi tin rằng kháng chiến nhất định phải thành công. Dù tác giả đã vào thành – nghĩa là cũng dinh tề như tôi – bài hát vẫn còn đó, vẫn còn sức đẩy thanh niên trong những thành phố miền Nam đi kháng chiến. Đó cũng là một trong những lý do để anh Lê Thương sẽ bị giam trong khám Catinat trong 120 ngày cùng Trần Văn Trạch và tôi, chuyện này sẽ nói tới trong những trang sau.

Lê Thương vào thành rất sớm. Vào năm 48, anh soạn bài *Hoà Bình 48*. Trên thế giới, chiến tranh lạnh đã khởi sự với việc Nga Sô phong toả Berlin và Hoa Kỳ dùng cầu không vận để tiếp tế cho dân chúng trong thành phố bị phong toả. Ở trong

nước, sau khi Bảo Đại vận động với Pháp để được thừa nhận là Quốc Trưởng của một nước Việt Nam tuy độc lập và thống nhất nhưng phải gia nhập Liên-Hiệp-Pháp với tư cách một quốc gia liên kết, chánh phủ Nguyễn Văn Tâm đã được thành lập. Cờ vàng ba sọc đỏ và bài *Thanh Niên Hành Khúc* của Lưu Hữu Phước đã được chọn làm quốc kỳ và quốc ca. Chính phủ quốc gia cũng như người Pháp cố tạo ra một không khí hoà bình.

Vào thời đó, nằm trên trục tuyên truyền của phe tả, chim bồ câu được chọn làm biểu tượng cho hoà bình. Hoạ sư nổi danh Picasso vẽ hình ảnh con chim bồ câu ngậm một chiếc lá, trông rất khoẻ mạnh. Nhưng anh Lê Thương của chúng ta cho rằng con chim đó đang bị đau nặng:

Con chim hoà bình đang đau nặng

Ngày và đêm càng thêm lo lắng

Đang lo chui mài dao guom đang

Chờ ngày mai đem ra giết nhau...

Với bài hát phổ biến vào năm 48, trước hết, Lê Thương đã có cái nhìn ra quốc tế trước tôi. Phải tới thập niên 60 tôi mới soạn những bài hát như *Người Lính Trẻ*, *Chuyện Hai Người Lính...* đã động tới việc Việt Nam có thể đang làm cuộc chiến tranh ủy nhiệm của hai cường quốc Mỹ-Nga, dù rằng khi tôi từ Thanh Hoá về Hà Nội (1951), thấy có chiến tranh ở Triều Tiên thì tôi nhìn nhận thế giới đã chia ra hai phe rõ rệt. Tôi đã cho rằng bất cứ một

cuộc nội chiến ở một nước nhỏ nào – ngay từ bấy giờ hay là về sau – cũng chỉ phản ánh cuộc chiến giữa hai phe Tư Bản và Cộng Sản.

Bài *Hoà Bình 48* là loại nhạc châm biếm-chính trị (satire politique) do Lê Thương dẫn đầu. Ngoài ý nghĩa chính trị, tác giả dùng ngôn ngữ đặc sệt miền Nam với những chữ như *Tây vực, đặng...*

Stalin cười hỏi sang Tây vực

Xin các ông chó khiêu khích tôi

Truman cười khi ôm kho bạc

Nhử mỗi, Tây Âu càng bối rối...

Bài này còn đả động tới cảnh xã hội miền Nam trong bối cảnh chiến tranh Việt Pháp:

Anh Ba Tàu ngồi kia nhậm xà

Chị hàng rong mãi lo ai đá

Chú bán chè đậu xanh lo mời

Thầy dùng thêm một hai chén thôi...

Lúc đó via hè thành phố Saigon đầy dẫy những hàng bán rong của người bình dân. Đội xếp thường tới đánh đuổi họ bằng những cái đá. Qua bài *Hoà Bình 48*, Lê Thương nói với chúng ta rằng: Làm gì có hoà bình khi thầy đội xếp tới đấm đá những gánh hàng rong hay đòi ăn hối lộ vài ba bát chè... Trong bài hát còn có câu: *Rối hàng đêm cà nông cứ ho...* Làm gì có hoà bình vì trong đêm cứ nghe hoài tiếng súng *canon* cắt tiếng ho.

Lê Thương còn soạn thêm những bài ca châm biếm như *Liên Hiệp Quốc, Làng Báo Sài Thành,*

Đốt Hay Không Đốt (nói tới chuyện cô Quờn vì quá ghen mà đốt chồng bằng dầu xăng, làm náo động dư luận Saigon Chợ Lớn). Đó là những bài hát tú được vào nằm trong nhạc mục những bài ca hài hước của Trần Văn Trạch gồm các bài *Téléphone*, *Cái Đồng Hồ*, *Chuyến Xe Lửa Mừng Năm...* Về phần nhạc cảnh, ba bản *Hòn Vọng Phu* của Lê Thương do ban Thăng Long diễn cũng là cái đỉnh của những buổi nhạc hội. Có thể nói những bản nhạc của Lê Thương là phần hồn trong quá trình ca diễn của chúng tôi trong những năm đầu thập niên 50 vậy.

Lê Thương cũng là người chuyên soạn nhạc cho thiếu nhi, thiếu niên qua những bài *Thằng Cuội*, *Tuổi Thơ...* Bài *Học Sinh Hành Khúc* anh tung ra lúc đó là một bài hát đầy tinh thần ái quốc. Về sau, bài *Bà Tư Bán Hàng* và bài *Học Sinh Hành Khúc* phổ biến đến độ có những lời ca nhại:

Học sinh là người hủ tiếu ăn hai ba tô...

.....

Bà Tư bán hàng có bốn người yêu

Người yêu thứ nhất đi xe máy dầu...

Tôi vẫn quan niệm bài hát nào có lời ca nhại là bài hát thành công nhất. Tôi cũng cho rằng trong làng Tân Nhạc, Lê Thương là người trí thức nhất. Mỗi bài nhạc, mỗi giai đoạn nhạc của anh đều chứa đựng thông điệp. Qua những bài vừa soạn ra, ta thấy một thứ triết lý thời loạn của anh. Người nghệ sĩ này, khi đi vào cuộc đời và cuộc chiến, đứng

hắn về phía kẻ yếu. Bao giờ cũng vậy, khi có chiến tranh thì người dân bị trị lâm vào cảnh một cổ đôi ba trùng. Người nghệ sĩ không phải là một hiệp sĩ cứu nhân độ thế nhưng có bốn phận an ủi hay nói hộ người dân. Là một nhà giáo, anh Lê Thương còn đứng vào địa vị của người ưu thời mẫn thế để soạn những bài như *Đừng Có Lo Lắng* trong đó anh đưa ra một sự thật muôn đời: **cao nhân tất hữu cao nhân trị**. Bài hát có những câu:

*Nghèo thì lo thiếu, giàu thì lo mất
Đi xe hơi (ô tô) có khi bị choáng u đầu...*

.....

*Châu Do còn bị Gia Cát
Chín nút còn sợ ba tây
Mac Arthur tiên sinh còn phải về vườn...*

Với bài này, Lê Thương nói: chưa chắc ai đã thắng ai trong cuộc chiến này, vậy thì xin người dân đừng lo, đừng buồn. Cũng giống như anh nói: sức mấy mà lo, mà buồn vậy.

Tuy rất kính phục anh bạn hơn tuổi nhưng nhìn vào tác phẩm của Lê Thương rồi gẫm thân nghệ sĩ của mình, tôi thấy khác anh trong vài khía cạnh. Có lẽ lúc đó tôi còn ít tuổi và còn đầy sự hoài nghi về cuộc đời và về thân phận mình nên không tự coi đã nắm được thời thế. Trước mọi nghịch cảnh, tôi không dám lên tiếng dạy đời, dạy người. Trong thời gian đi kháng chiến, tôi luôn luôn muốn thể nhập vào thực tại để thể hiện những tình cảm khác

nhau. Khi đầu tranh, có *Xuất Quân*, *Nợ Xương Máu*, khi dính líu tới lịch sử, có *Việt Bắc*, *Đường Lạng Sơn*. Khi gặp thiên nhiên, có *Nương Chiều*, *Thu Chiến Trường*, gặp tình náo nức, có *Tiếng Đàn Tôi*, *Tình Kỳ Nữ*, tính cuộc trăm năm là có *Đêm Xuân*, *Chú Cuội* và khi bất cần đời thì vượt *Cầu Biên Giới*... Không có gì là ưu thời mẫn thế trong những bài hát đó cả. Về sau, khi cuộc chiến leo thang, cuộc đời trở nên é chề và tuổi mình đã cao, tôi mới thể nhập và thể hiện một cách khác, nghĩa là đem nội dung đạo đức đặt dưới hình thức tục tằn qua *Mười Bài Tục Ca*.

Ổn định cuộc sống và nói cho ngoa là đã thành công trong năm đầu tiên di cư vào Nam, tôi được hưởng luôn một bài học đáng giá của đời người trong một xã hội có cạnh tranh chính đáng hay bất chính. Trước đây, vô tư như một con bướm mùa Xuân hay ham vui như một con chuồn chuồn giấu tổ, tôi bước vào đời với tất cả tấm lòng trinh trắng, không hề phải thi đua với ai và chưa bao giờ bị ai cạnh tranh với mình cả. Tôi vào cuộc sống với tư cách một ca sĩ nhà nghề và khá nổi danh. Nhưng phải nói cho rõ là vào đầu thập niên 40, ca sĩ chuyên nghiệp dù thành công đến đâu cũng chỉ là hữu danh vô thực, nghĩa là danh vọng (!) thì có thể không ít mà tiền tài thì không nhiều. Nổi tiếng rồi nhưng so với đào kép Cải Lương, tiền lương của tôi rất nhùn nhặn. So với ca sĩ các nước tân tiến, tiền lương đó là... giẻ rách. Trong nghề hát ở Việt Nam lúc đó, tôi

cũng chẳng có tới quá hai hay ba địch thủ. Thời tiền chiến, cả nước chỉ có hai anh chàng hát nhạc cải cách chuyên nghiệp. Dần dà, sau Tino Thân và tôi, mới có thêm Kim Tiêu và Mai Khanh thì hai cậu này là a-ma-tơ thứ thiệt. Rồi khi cùng toàn dân đi kháng chiến, ca sĩ như tôi trở thành văn công ngay lập tức, nghĩa là được nhà nước xung công để ca hát phục vụ cho người lính và người dân, được nuôi ăn bằng gạo, sắn và khoai, có lính thêm chút tiền cụ Hồ để uống cà phê và cắt tóc.

Bây giờ thì khác, con bướm nhớn nhơ hay con chuồn chuồn la đà đã trở thành con ve sầu rộn ràng của một Saigon quanh năm mùa Hạ. Nó vẫn làm nghề ca hát và chỉ khác xưa ở chỗ đã có trách nhiệm gia đình, dù vợ con là nợ nần nhỏ, chưa phải là một gánh nặng. Nó cũng khác con ve sầu tài tử trong ngụ ngôn của La Fontaine, *ayant chanté tout l'été, se trouva fort dépourvu quand la brise fut venue...* (Văn hào Nguyễn Văn Vĩnh dịch là: *ve sầu kêu ve ve suốt mùa hè, đến mùa gió bắc thổi, nguồn cơn thật bối rối*) vì đã có Đài phát thanh, có người mua bản nhạc hay đĩa hát, có khán giả coi phụ diễn chiếu bóng hay Đại Nhạc Hội trả tiền đầy đủ cho con ve chuyên nghiệp. Tại thành phố Saigon lúc này – a ha – từ một loài sâu đất đã thoát xác ra một đàn ve sầu khá đông đảo, chen vai thích cánh trong một cái chợ khá lớn, có khá nhiều cái nguyễn lườm của những hàng thịt, hàng cá.

Một nhóm ca nhạc sĩ mà tôi chẳng cần phải nêu tên ra đây, ghen tị tài nghệ đã đành, lại có ý tranh thương trước sự kiện chúng tôi quá thành công trong một ngành nghệ thuật đã trở thành thương phẩm hay thương vụ. Trước khi trở thành ca nhạc sĩ, trong khi mọi người đi kháng chiến, họ là những thanh niên ở lại trong thành và cộng tác với Pháp, nói thẳng ra là làm mật thám cho Phòng Nhì (Deuxième Bureau). Chính phủ (gọi là quốc gia) được thành lập thì mấy người này được chuyển qua làm việc trong Sở Công An Nam Phần, lúc đó nằm trong tay Mai Hữu Xuân, Trần Bá Thành. Các ca nhạc sĩ làm nghề Công An không được Đài phát thanh và hãng làm đĩa hát mời hát nhiều. Nếu họ đứng ra tổ chức Đại Nhạc Hội, đụng độ với chúng tôi, buổi diễn của họ sẽ vắng khách. Muốn triệt hạ chúng tôi, không khó gì cả, những ca sĩ kiêm công chức công an này bèn vu ngay cho chúng tôi là Việt Minh nằm vùng.

Thế là vào một ngày cuối năm 1951, Lê Thương, Trần Văn Trạch và tôi được cảnh sát công an tới nhà, còng tay đưa lên xe cây bút búng chỏ về khám Catinat. Tôi không hiểu vì sao chúng tôi không bị chụp bao bố vào đầu như những người bị bắt khác vào thời buổi mà những lính kín ở bót Catinat đem sự khủng bố của họ ra để đổi đầu với sự khủng bố của Việt Minh. Chúng tôi bị giam tại cái khám nổi tiếng ác liệt này trong 120 ngày. Từ ngày bị bắt cho

tôi ngày được thả, đối với ba anh chàng nghệ sĩ, không có một bản án ghi tội danh và một buổi hỏi cung nào cả. Khám Catinat nổi tiếng ác liệt vì nó là một phòng giam không rộng lắm nhưng Công An Nam Phần nhốt khoảng gần một trăm người vào đó. Trong phòng giam, ở bên ngoài hàng chấn song sắt, luôn luôn có thầy chú (coi tù) thay phiên ngồi canh những người bị giam. Suốt trong 120 ngày ở đây, ba anh em nghệ sĩ chúng tôi – cũng như mọi tù nhân khác – phải làm màn thoát y thường xuyên vì phòng giam nóng như lửa đốt. Mấy ngày đầu thấy ngượng nhưng dần dà nhìn các bạn tù ở trướng... tôi phì cười. Xưa nay quần áo thường che dấu những chỗ ít mỹ thuật nhất của thân thể. Bây giờ những bộ phận xấu xí của đàn ông được phô ra. Trong tháng đầu tiên tôi cảm tức mấy thầy chú vì họ hay vắng tục với người bị giam nhưng trong hai tháng sau thì tôi thương hại cho họ. Chắc họ làm nhiều điều lắm lỗi trong kiếp trước nên bây giờ suốt ngày họ bắt buộc phải ngồi nhìn sinh thực khí xấu xí của chúng tôi. Người Việt Nam thường hay tốc váy, tốc quần và chia hạ bộ ra để chửi nhau. Thầy chú nhìn chúng tôi cười trướng như vậy là nghe chúng tôi chửi thâm đấy.

Ban ngày cũng như ban đêm, vì phòng giam chật cứng, mọi người đều phải thay phiên kẻ đứng người ngồi. Chỉ người già yếu mới có chỗ để nằm co chân mà ngủ. Chỗ được quây lại làm cầu tiêu là chỗ rộng

rãi nhất và được dành cho những người vừa bị tra tấn nằm nghỉ. Một người tù già – được phong là ngục vương vì vào tù ra khám thường xuyên, đang nằm ở bót Catinat chờ ngày ra đảo – cho tôi ưu tiên tới ngồi dựa lưng vào bức tường của nơi phóng uế đó, mùi phân trộn với mùi máu và mồ hôi của khám Catinat sẽ ám ảnh tôi rất lâu. Sau này, khi được đọc tập thơ *Hoa Địa Ngục* của Nguyễn Chí Thiện, tôi rung động rất nhanh với câu thơ:

*Chỗ tôi nằm sáu mươi phân chiều rộng,
Giữa hai người một hủi, một ho lao...*

... vì tôi chợt nhớ tới một ngày trong 120 ngày bị giam giữ ở cái khám này, ngồi bên cạnh một người vừa bị tra tấn, được chở xuống khám lúc nửa đêm, sáng hôm sau anh ta là một xác chết. Đã làm quen với sự khủng bố ngay từ thời Cách Mạng mới thành công và trong thời gian đi theo kháng chiến, tôi không sợ hãi khi nghe thấy tiếng la hét của những người bị tra tấn bên cạnh phòng giam. Nhưng khi trèo lên vai bạn tù nhìn qua khung cửa sổ có chấn song sắt, thấy những nữ tù nhân được dẫn vào phòng giam gần đó thì tôi mùi lòng, nghĩ rằng những thiếu nữ kia có thể bị làm nhục ngoài sự tra tấn thông thường.

Tuy nhiên, trong những ngày nằm khám Catinat, tôi không buồn rầu hay đau khổ. Tôi chỉ nhớ con vô cùng và chỉ lo cho Thái Hằng, chắc chắn đang quá lo lắng vì chồng bị bắt và không được thăm nuôi.

Không một lúc nào tôi cho rằng mình đang bị lâm nguy cả. Hình như đa số người Việt Nam thuộc thế hệ tôi là lớp người ngu ngơ trước sự nguy hiểm (người Pháp gọi là *inconscient du danger*). Giống như lúc đi kháng chiến, chưa chắc tôi là người can đảm lắm đâu. Tôi hồn nhiên đi vào cuộc chiến vì chưa bao giờ ý thức được sự hiểm nguy hay sự dễ chết trong chiến tranh. Bản năng tự vệ trong con người chỉ mạnh lên khi đã biết mùi nguy hiểm. Thế giới được ném mùi Thế Chiến Một và Thế Chiến Hai rồi nên rất sợ xảy ra Thế Chiến Ba.

Trong lần bị bắt giam ở Cà Mau vào năm 45, vì không có chuyện gì ghê gớm xảy ra nên tôi không lo sợ trong lần bị bắt vào năm 1951 này. Ngày bị Tây bắt ở Cà Mau, tôi còn thấy đó là một vinh dự. Nay bị thú người quốc gia² – mà tôi cho là tay sai của Pháp – bắt giam thì có gì là nhục nhã để tôi phải đau buồn hay thù hận nhỉ? Nhất là lý do để bắt ba nghệ sĩ này được thúc đẩy bởi sự cạnh tranh bất chính của vài đồng nghiệp chó săn và là sự dẫn dắt của Công An Nam Phần đối với những người đã soạn bài hát cho Việt Minh. Tôi sẽ nhớ mãi một điều: đừng bao giờ chờ đợi ở những người quốc gia như phe nhóm Mai Hữu Xuân có một chính sách tốt đẹp nào đó đối với văn nghệ sĩ.

Nếu tôi biết mùi bót Catinat và không bị khiếp đảm thì có nhiều người bị bắt giam ở bót này, khi được thả ra thường hay làm tăng huyền thoại khủng

bố của nó nên cái tên bót Catinat đã gieo một sợ hãi lớn trong lòng người dân Saigon Chợ Lớn. Vào thời đó, những người đi chơi hay có công việc phải đi trên đường Catinat, khi tới trước mặt bót, không ai dám đi trên lề đường cả. Kể cả dưới thời Ngô Đình Diệm sau này, khi bót Catinat trở thành địa điểm của Bộ Nội Vụ, người đi trên hè đường bên này vẫn còn bị ám ảnh bởi tiếng tăm của cái bót cũ nên đều muốn lảng qua hè đường bên kia.

Sự bất hạnh đến với tôi vào năm 1951 bị niêm lạc quan cố hữu trong tôi đánh tan đi, nhưng hai anh bạn Lê Thương, Trần Văn Trạch có vẻ mất tinh thần. Ngay sau đó họ tránh làm mọi sự có tính cách khiêu khích chính quyền và về sau, khi thấy tôi soạn *tâm ca*, *tâm phẫn ca* và *tục ca*, nhớ lại chuyện cũ, họ khuyên tôi phải nên giữ mồm giữ miệng. Nhưng tôi là kẻ tuy cũng biết sợ sủng nhưng luôn luôn giả vờ mắc bệnh điên tai. Bây giờ phải nhắc lại chuyện xưa trong một cuốn Hồi Ký, tôi chỉ muốn nhớ tới bài học quý giá trong một xã hội tiêu thụ: phải tránh gây nên sự tranh thương bất chính nơi những người tự coi là địch thủ của mình. Đừng bao giờ tạo cho họ cái cảm tưởng mình làm vỡ nồi cơm của họ.

Ngoài ra tôi còn muốn ngỏ lời cảm ơn tiếng chuông Nhà Thờ Đức Bà đã an ủi tôi rất nhiều trong suốt 120 ngày tôi bị giam giữ. Tôi còn muốn đưa ra một lời chê bai Pháp thực dân và tay sai của

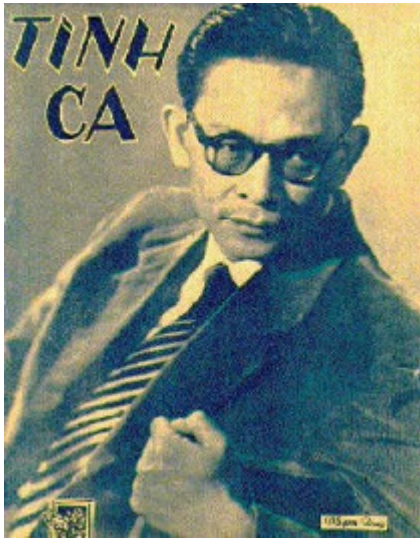
họ là những kẻ thiếu óc thẩm mỹ vô cùng. Ai lại giữa thành phố Saigon hoa lệ, ở một khu được coi là thanh lịch nhất nước, trên con đường nổi tiếng về các khách sạn to lớn, về các cửa hàng lộng lẫy khiến cho trai tài gái sắc đua nhau lượn phố, nhất là trước mặt ngôi thánh đường vĩ đại và tôn nghiêm... mà lại duy trì một cái khám giam người chạt chội, bẩn thiu, hôi thối như vậy.

¹ Sau này còn đổi xe Citroën lấy xe Hoa Kỳ mui trần màu vàng, rồi đổi qua Mercedes (mua lại của Nguyễn Long).

² Vào lúc này, Pháp thừa nhận Việt Nam độc lập và thống nhất. Trên danh nghĩa, tôi từ bỏ Việt Minh để về với quốc gia, dù còn là quốc gia trong Liên Hiệp Pháp.

CHƯƠNG BA

*Quê hương tôi, có con sông đào xinh xắn
Quê hương tôi, có con sông đào xinh xắn
Lúa thơm cho đủ hai mùa, dân trong làng
Trời về khuya vắng tiếng lúa đê mê...*
Tĩnh Hoài Hương



33 tuổi - Bìa bài hát Tình Ca.

Gần hai năm đã trôi qua, kể từ ngày tôi bỏ vùng quê vào Hà Nội, rồi miền Bắc vào miền Nam, lo ổn định nơi ăn chốn ở và thu xếp công gia việc nọ

tại Saigon, rồi đi hát chỗ gần chỗ xa, rồi còn được mời vào nằm chơi trong khảm Catinat suốt bốn tháng... tôi không có thì giờ hay cảm hứng để sáng tác, ngoài việc phổ nhạc bài thơ *Tiếng Sáo Thiên Thai* của Thế Lữ thành một bài tango, bài này được soạn ra để đáp ứng nhu cầu hát đôi (duo) của hai chị em Thái Thanh Thái Hằng.

Khi bắt đầu sáng tác lại, tôi soạn bài *Tình Hoài Hương* (1952). Nằm trong loại huyền thoại quê hương mà tôi tạo ra nhờ có cơ hội đi khắp ba miền đất nước trong thời bình và trong thời chiến... bài hát này không còn là một bài đối cảnh sinh tình như trước đây nữa. Nó là một bài hát hoài cảm, là sự nhớ nhung của riêng tôi đối với một nửa mảnh đất quê hương mà tôi vừa phải xa lìa. Ngờ đâu nó sẽ là bài hát hoài hương của một triệu người di cư vào Nam hai năm sau đó. Rồi khi một triệu người khác, trong một thời gian khác – nghĩa là sau ngày lịch sử 30 tháng tư năm 75 – phải vượt trời, vượt biển ra khỏi bán đảo chữ S thì bài *Tình Hoài Hương* của 20 năm trước lại trở thành một bài hát rất hợp tình, hợp cảnh cho con số một triệu người đó, kể từ năm đó trở đi.

Bài hát nói tới sự nhớ thương con sông đào xinh xắn, nhớ phiên chợ chiều xa tắp, nhớ vòm tre non và làn khói ẩm hương thôn nơi đó, trong mảnh đời thơ ngây của tôi, có con trâu lành nằm mộng bên đàn em bé, có mẹ già yêu dấu ngồi nghe tiếng sáo

chơi vui... Chao ôi là nhớ nhưng! Ngày hôm nay nhắc tới bài hát *Tình Hoài Hương* tôi còn thấy từ lúc ngồi nhớ con sông đào ngầy ngất ở chốn quê cũ vào năm 1952, tôi đã mơ ước có một chiếc xoay hướng để tôi được vượt qua những đại dương sâu thẳm, đi khắp các lục địa bao la, sống vui trong mối tình muôn đường... Không ngờ 23 năm sau, tôi đi tị nạn chính trị là thực hiện giấc mơ vượt cầu biên giới trở thành con người phiêu lãng của bài hát hoài hương xa lơ xa lắc. Rồi từ đó, được đi khắp năm châu bốn bể, dù nhiều phen nước mắt có chảy về miền quê lai láng, cũng xin cảm ơn cuộc sống vô cùng.

Tại sao vào cuối năm 1952 này tôi có nỗi một niềm nhớ quá lớn lao như vậy? Nhớ tất cả những chi tiết nhỏ nhất của dĩ vãng chưa đủ, còn phóng tâm tư đi tới những mối tình muôn đường của hàng ngàn phương trời mình chưa hề đặt chân tới. Cũng có thể vì sức sáng tác bị dồn nén sau gần hai năm bây giờ mới được toàn vẹn tung ra chăng? Ngồi một mình trong đêm tối ở căn nhà thật yên tĩnh nằm trong cái ngõ dài trên đường Phan Thanh Giản (sau đổi tên là Ngô Tùng Châu) – chúng tôi vừa dọn tới vì không chịu nổi sự huyền ảo của đại lộ Trần Hưng Đạo – tôi không chỉ làm công việc thụ động là nhắc lại ca dao mà phải tích cực hơn, nghĩa là phải đối thoại với ca dao:

Ai về có nhớ, nhớ cô mình chăng?

Tôi về, tôi nhớ hàm răng cô mình cười

Ai về mua lấy miệng cười

Để riêng tôi mua lại mảnh đời ngây thơ...

Đây cũng là lúc tôi không phải đầu tắt mặt tối vì công việc dẫn dắt ban Thăng Long đi hát nữa. Mấy anh em họ Phạm đã quen với nghề đi hát rồi. Tôi cũng có thêm bạn bè khác ngoài Lê Thương, Trần Văn Trạch. Hai anh bạn cũ là Nguyễn Đức Quỳnh và Hoàng Trọng Miên đã dinh tề vào Hà Nội rồi cùng gia đình di cư vào Nam. Tôi gặp lại họ thì rất thích thú vì chúng tôi đã có chung với nhau những ngày sinh hoạt văn nghệ hào hứng ở Chiến Khu IV.

Mới xa vùng Thanh Hoá chưa quá hai năm, tôi vẫn chưa quên được không khí hào hùng của thời cả nước lên đường. Sự có mặt của hai anh bạn Quỳnh, Miên còn giúp tôi trả lời một số người quen hay không quen ở Saigon, vì chưa nhìn thấy bàn tay Cộng Sản đằng sau Mặt Trận Việt Minh nên vẫn còn giữ nguyên những cảm tình đối với kháng chiến và thường tự hỏi tại sao những người như tôi lại bỏ kháng chiến về thành? Rồi đây, còn có thêm Hồ Hán Sơn và Đinh Hữu, cựu anh hùng Điện Biên Phủ – hãy khoan nói tới các văn nghệ sĩ khác, cùng với một triệu người Bắc di cư trong năm tới – trả lời họ tôi.

Từ ngày vào Nam cho tới nay, tôi chỉ có Lê Thương là bạn thân thiết. Bây giờ ngoài nhạc sĩ họ Lê, tôi có thêm Nguyễn Đức Quỳnh là người có một hiểu biết rất bách khoa để tôi học hỏi thêm về

nhiều lĩnh vực. Và để trao đổi những chuyện tâm tình nữa.

Suốt trong hai năm 53-54, tôi và anh Quỳnh gặp nhau hằng ngày. Là nhà văn, nhà báo, cùng với Hoàng Trọng Miên, Nguyễn Đức Quỳnh được mời viết báo *Đời Mới* của Trần Văn Ân. Đó là tờ báo nổi tiếng nhất của miền Nam thời đó, bìa báo trông hấp dẫn như tờ *Newsweek* hay tờ *Time* của Hoa Kỳ vậy.



Hồ Hữu
Tường

Tôi bị anh Quỳnh kéo tới toà báo *Đời Mới* sinh hoạt rồi trở thành người bạn trẻ của những nhân vật nổi tiếng trong giới làm văn học và chính trị miền Nam như Trần Văn Ân, Hồ Hữu Tường, Tam Ích, Lê Văn Siêu... Trước khi dùng hai căn nhà gỗ ở đường Thành Thái và Phan Thanh Giản làm một thứ đàm trường để qui tụ bạn bè, anh Quỳnh đã biến toà soạn *Đời Mới* là nơi gặp gỡ của giới làm văn học nghệ thuật trong Saigon-Chợ Lớn. Tại đây anh khởi sự nói về sự cần thiết phải vượt chủ nghĩa Mác, cho rằng chỉ có người Việt mới “vượt” được chủ nghĩa này.

Là người bạn mới của tờ *Đời Mới*, được anh em trong toà soạn đề ra phỏng vấn, tôi tuyên bố (!): Sau khi nói lên vinh quang và nhọc nhằn của dân tộc (qua những bài ca kháng chiến), bây giờ tôi đi vào tình tự quê hương. Bàn thảo với Nguyễn Đức Quỳnh, rồi anh ta có loạt bài *Người Việt Đáng Yêu*,

Đất Việt Đáng Yêu, Tiếng Việt Đáng Yêu đăng trên báo *Đời Mới* và sau khi tung ra *Tình Hoài Hương*, tôi có ngay bài *Tình Ca* xung tưng tiếng nói, cảnh vật và con người Việt Nam, đăng trong số Tết 1953 của báo này. Mùa Xuân năm đó, trong gian phòng bốn thước vuông ở căn nhà gỗ ngổ Phan Thanh Giản, tôi vừa bế con (Phạm Duy Minh mới ra đời) vừa hát:

Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi!

Mẹ hiền ru những câu xa vời, à à ơi tiếng ru muôn đời...

Bài *Tình Ca* này không còn thẳng băng ruột ngựa như những bài ca kháng chiến trước đây. Bây giờ nó muốn gắn bó tất cả người dân trong nước bằng một tình cảm thống nhất: tôi yêu tiếng nước tôi, yêu đất nước tôi, yêu người nước tôi. Thật là may mắn cho tôi là nói lên được phần nào bản sắc quốc gia (*identité nationale*) qua bản *Tình Ca* này.

Trong quá khứ, các bậc tiền bối chưa kịp làm công việc đó vì đã có lúc chúng ta có một cuộc nội chiến khá dài. Đó là 200 năm phân tranh giữa hai miền Đàng Ngoài-Đàng Trong. Trong khoảng từ những năm 1600 cho tới 1800, người trong nước khó có được sự đồng nhất quốc gia. Ở Đàng Ngoài, sĩ phu Bắc Hà không có thì giờ và phương tiện để tìm hiểu bờ cõi giang sơn mỗi ngày một thêm bành trướng với cuộc Nam Tiến. Ở Đàng Trong, sĩ phu bận bịu với những lo toan kiến thiết ở địa phương.

Ở miền nào kẻ sĩ phải phục vụ vua quan của miền đó. Tuy là một nước nhưng có hai bộ máy chính trị và văn hoá. Do đó, chưa hề có tác phẩm nào nói lên được một ý thức quốc gia toàn diện. Tới khi nhà Nguyễn thống nhất sơn hà và đất nước mở rộng hơn nữa về phía Nam, trong khoảng 50 năm ngắn ngủi, các nhà nho của triều Nguyễn chưa kịp đưa ra một hình ảnh quốc gia trọn vẹn nhất thể, nhất tề, nhất trí thì người Pháp tới xâm lăng Việt Nam. Trong 80 năm nô lệ sau đó, bản sắc quốc gia trong văn học nghệ thuật Việt Nam chưa kịp hình thành thì bị xé nát bởi chính sách chia để trị của Pháp, cố tình đề cao sự khác biệt giữa ba miền và giữa những người dân trong một nước, khiến ta mất đi ý niệm quốc gia đồng nhất. Khi có những phong trào phục quốc như Cần Vương, Văn Thân... ý thức quốc gia vẫn còn mang ý niệm bảo hoàng, phong kiến.

Định mệnh khiến cho tôi, một ca nhân tâm thường, qua một bản tình ca ngắn ngủi, đưa ra khái niệm con người Việt Nam với địa dư, lịch sử và tiếng nói chung của một dân tộc đã từng chia sẻ với nhau trên vài ngàn năm lẻ. Tôi làm được việc này vì tôi có may mắn được đi ngang đi dọc nhiều lần trên bản đồ hình chữ S, gặp gỡ đủ mọi hạng người trong xã hội, nhất là được sống với những nổi trôi của lịch sử từ thời thơ ấu qua thời vào đời tới thời cách mạng kháng chiến.

Với một tình cảm không còn bị giới hạn trong

ranh giới địa hình hay tâm lý như vậy, tôi sẽ suốt đời là người độc lập trong sáng tác. Nghĩa là tôi đi thẳng tới quốc gia, dân tộc mà không cần đi qua con đường chính trị. Trước khi nước Việt bị chia đôi bởi hoà hội Genève, ngay từ lúc này, tôi đã quyết định không bao giờ là người của bên ni hay là của bên tê. Tôi chỉ muốn phục vụ dân tộc Việt Nam mà thôi.

Bài *Tình Ca* được mọi người yêu thích ngay. Nó nói tới quê hương đất nước nhưng cũng nói luôn tới tiếng nói và con người nữa. Là bài hát **tình ca quê hương** nhưng nó còn là **bài hát tình tự dân tộc**. Tôi thấy cần phải tiếp tục soạn loại ca khúc này. Lúc đó, tôi còn mang trong lòng nhiều hình ảnh khó quên của thời kháng chiến cho nên tôi dùng bài *Bà Mẹ Chiến Sĩ* mà tôi soạn tại Vinh vào năm 1949 làm bài mở đầu cho một bộ ba (trilogie) về con người Việt Nam. Đó là ba bài *Bà Mẹ Quê*, *Vợ chồng Quê*, *Em Bé Quê*. Những nhân vật của thôn ỏ này bổ sung một thế giới trong âm nhạc của tôi, đã từng có những anh hùng vô danh, người Vệ Quốc Quân, chị du kích, kẻ ra đi, người trở về, anh thương binh v.v... Cùng với bài *Bà Mẹ Gio Linh* trước đây và với bài *Bà Mẹ Phù Sa* sau này, bài *Bà Mẹ Quê* là bước đầu của **huyền thoại Mẹ**, dần dà sẽ được tôi dẫn đến địa vị cao sang nhất trong *Trường Ca Mẹ Việt Nam*. Được viết ra từ lâu nhưng 40 năm sau, ta vẫn có thể hát bài *Bà Mẹ Quê*:

Miệng khô nhớ bát nước đầy

*Nhớ bà mẹ quê xưa ấy
Mùa đông manh chiếu thân gầy
Cháu bà ngủ thiêu giấc say...*

Bài *Vợ Chồng Quê* là xu hướng nhạc tình của tôi, xu hướng này đã khởi đi từ những bài hát nói về cuộc tình đơn sơ để sẽ vươn tới những tình khúc chan chứa hạnh phúc và khổ đau trong **huyền thoại Tình Yêu**. Bài này như muốn nhắc lại kỷ niệm riêng của vợ chồng tôi:

*Một ngày sang thu, một buồng cau to
Quanh co lối xóm những tà áo mới
Mẹ già yên lòng, thiếu nữ mơ màng
Các em nhi đồng trống ếch khua vang...*

Bài *Em Bé Quê* là tiền thân của loại bé ca sau này, những **huyền thoại Tuổi Thơ**, lúc nào cũng chỉ muốn nhắc nhở tới sự trinh trắng rất cần thiết cho con người phải sống liên miên trong một xã hội diên đảo vì chiến tranh và thù hận:

*Vàng lên cánh đồng, khi trời vươn ánh dương
Trẻ thơ lớn dậy giữ quê, giữ vườn
Đời vui thái bình, cây lúa trở bông
Cỏ ngàn thơm phức trâu ăn đầy đồng...*

Vào thời điểm này không phải chỉ có tôi viết về đất nước mến yêu hay soạn những bài hát nhớ quê hương khi đang sống trên quê hương. Cuộc di cư năm 54 của một triệu người đã khiến Vũ Thành soạn bài *Giấc Mơ Hồ Hương*, Hoàng Dương viết bài *Hương Về Hà Nội*. Khi những bài xung tụng quê

huong được phổ biến mạnh mẽ tại các thành phố miền Nam thì các nhạc sĩ trẻ như Hoàng Thi Thơ, Lam Phương cũng soạn những ca khúc lấy tình quê làm chủ đề như *Trăng Rụng Xuống Cầu*, *Gạo Trắng Trăng Thanh*, *Lúa Mùa Duyên Thắm*, *Tình Lúa Đêm Trăng*. Họ cũng phát triển dân ca nhưng trong phạm vi nhạc thuật, họ dùng những nhịp điệu Nam Mỹ như rumba, mambo. Khi in ra thành bản nhạc, họ ghi rõ ràng là **dân ca rumba** hay **dân ca mambo**. Dòng nhạc “mambo bolero” được Việt hoá này sẽ được hưởng ứng mạnh mẽ với bộ ba Lê-Minh-Bằng (Lê Dinh, Minh Kỳ, Anh Bằng) và với Trần Thiện Thanh tức Nhật Trường với những bài hát xung tưng tình yêu của tuổi choai choai.

Về phần tôi, trong thời gian khởi sự sáng tác lại, ngoài việc xung tưng quê hương, với cái tuổi mới ngoài 30 một tí, tôi cũng xung tưng ái tình qua những bài chịu ảnh hưởng giai điệu dân ca như *Đố Ai*, *Hẹn Hò*... Tôi lại làm việc đối thoại với ca dao. Người xưa đố ai biết lúa mấy cây, biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng. Bây giờ tôi đố ai tìm được tim ai, hay đố ai nằm ngủ không mơ. Về nhạc ngữ, tôi đang làm công việc thử thách phát triển dân ca. Bài *Đố Ai* là sự biến đổi của điệu hát du trong **hát ả đào**. Bài *Hẹn Hò* được xây dựng trên giai điệu ngũ cung, kể lể một câu chuyện tình thâm thiết, giống như chuyện Ngưu Lang Chức Nữ:

Một người bèn ra ven sông

*Buông theo nước cuốn cuộn mau
 Một người chìm sâu trong khi mưa Ngâu
 Bồng ngừng ngang đầu
 Cuộc tình thương đau êm êm
 Trôi theo nước xuôi về đâu?
 Hẹn hò gặp nhau Thiên Thu
 Cho phong phú đời người sau.*

Đây là lúc tôi hay nói tới chuyện thiên thu. Phải sống bon chen với thực tại, thỉnh thoảng tôi muốn sống với viễn mơ. Huyền Chi, một cô em bán vải ở Chợ Bến Thành đưa cho tôi phổ nhạc bài thơ nhan đề *Thuyền Viễn Xứ*. Bài thơ này nói tới tâm trạng một người Bắc Việt, phải rời bỏ bến Đà Giang để vào sinh sống tại miền Nam. Phổ nhạc xong bài thơ nhớ miền viễn xứ, trong tôi lại nổi dậy sự viễn mơ của bài *Bên Cầu Biên Giới* năm xưa, tôi bèn soạn bài *Viễn Du*, một bài hát ra đời vào đầu thập niên 50 mà lại phù hợp với cảnh người Việt Nam lũ lượt ra sông ra khơi sau năm 1975:

*Ra sông! Biết mặt trùng dương
 Biết trời mệnh mông
 Biết đời viễn vông
 Biết ta hải hùng...*

Bài này cũng nói luôn tới niềm vui của người đã vươn được từ tình quê hương tới tình thế giới:

*Ra khơi! Thấy lòng phơi phơi
 Thấy tình thế giới
 Thấy mộng ngày mai*

Thấy niềm tin mới...

Còn trong tuổi 30, qua bài *Viễn Du*, tôi ước ao được rời bỏ cá thể để đi vào đại thể, đi từ tiểu tình ca tới đại tình ca. Nhưng làm được những cuộc viễn du, rồi say hương kinh kỳ, quay cuồng cùng ánh sáng chói loà của nhịp đời dương thế, không ai có thể xoá hết được lối về của lũ khách đàu. Phải ra đi, và đi thật xa, nhưng nếu có ngày được trở về với những núi mờ, những xóm dừa và làn tóc ngây thơ thì lại phải viễn du nữa. Miễn là trong cuộc lũ hành, người ra đi biết mình mang thiên thu trong lòng này và nắm tương lai trong bàn tay. Bài *Lữ Hành* ra đời ngay sau bài *Viễn Du*:

Người đi trên dương gian

Thở hơi gió từ ngàn năm

Gió lung lay Hoàn Sơn

Gió dâng cao Biển Đông...

Người còn đi trong thanh xuân, đi giữa không gian, đi trong nhân gian... đi luôn luôn giữa hai đường tử sinh. Một lối đi mà tôi còn ruỗi rong mãi mãi. *Lữ Hành* sẽ kéo theo những bài như *Xuân Hành*, *Dạ Hành*, coi như tiếp tục cuộc ra đi của tôi, khởi sự với *Xuất Quân*, *Khởi Hành*, *Về Đông Quê*, *Đường Về Quê* hay *Con Đường Cái Quan*. Chỉ khác một chút là không những chỉ đi trên đất nước hay trong lòng người mà còn phải đi trong tâm tưởng nữa.

Đây cũng là lúc bài nhạc bán cổ điển *Danube Bleu* của Johann Strauss do tôi soạn lời Việt từ 1948 ở

Chợ Neo được hai chị em Thái Thanh Thái Hằng luôn luôn hát tại phòng trà, tại Đài Phát Thanh hay Đại Nhạc Hội và được hoan nghênh nhiệt liệt. Cũng như *Thuyền Viễn Xứ*, *Viễn Du* hay *Lữ Hành*, bài ca mang tên *Dòng Sông Xanh* này phản ánh sự viễn mơ của tôi, nhưng sự mơ ước của tôi là được sống mối tình ở bên bờ sông của thành Vienne chứ không phải là chết bên dòng sông Danube... Cùng với những bài ca Âu Mỹ cổ kim có giá trị khác mà tôi soạn lời Việt từ lâu như *Trở Về Mái Nhà Xưa* (*Back To Sorriento*), *Mối Tình Xa Xưa* (*Célèbre Valse* của Brahms), *Tình Vui* (*Plaisir d'Amour*)... bài *Dòng Sông Xanh* làm nên sự nghiệp của Thái Thanh và đi vào kỷ niệm của ba bốn thế hệ tình nhân Việt Nam.



Lời bài *Thuyền viễn xứ* do một cô em bán vải tên Huyền Chi ở chợ Bến Thành đưa cho Phạm Duy phổ nhạc.

Những bài hát tình ca quê hương, tình tự dân tộc hay mang tinh thần viễn mơ... đều được soạn

ra trong căn nhà gỗ nằm trong hẻm Phan Thanh Giản. Lúc đó tôi đang tận hưởng hạnh phúc gia đình với một vợ hai con, sống chung với cha mẹ và anh em nhà vợ, không một lúc nào phải lo lắng tới công ăn việc làm, tiền tài, sức khỏe... Chúng tôi cũng có thêm niềm vui lớn là đón được những người thân thích vừa lục tục di cư vào Saigon, như gia đình Chú Tư (chú ruột Thái Hằng), gia đình anh Nhượng, tới ở tạm với chúng tôi một thời gian ngắn.

CHƯƠNG BỐN

*Người đi, đi không thôi
Ngày thế giới lên nguồn vui...*

Lữ Hành



Những ngày ở Huế, 1954.

Vào thời điểm này, Bảo Đại đã được Pháp thừa nhận là Quốc Trưởng của một nước Việt

Nam độc lập và thống nhất. Nhưng vì những chánh phủ đều do những người nổi danh là thân Pháp như Trần Văn Hữu hay Nguyễn Văn Tâm cầm quyền và Việt Nam vẫn phải gia nhập Liên-Hiệp-Pháp với tư cách một quốc gia liên kết thì sự độc lập và thống nhất đó không thuyết phục được ai cả.

Sinh hoạt của Nguyễn Đức Quỳnh và tôi cũng không chỉ đóng khung trong báo chí hay âm nhạc. Ban ngày gặp nhau ở toà soạn *Đời Mới*, ban đêm chúng tôi kéo nhau đi coi cải lương. Hồi còn làm việc ở Khu IV với tướng Nguyễn Sơn và Đặng Thái Mai, anh Quỳnh phụ trách công tác trí vận (vận động trí thức), nói cho sát hơn là vận động văn nghệ sĩ, đặc biệt là giới Cải Lương để tích cực tham gia kháng chiến. Bây giờ không có tối nào anh không kéo tôi và đạo diễn Hoàng Trọng Miên tới các rạp hát. Chúng tôi làm quen với các ông bà bầu và các đào kép của nhiều gánh hát cải lương như Thanh Minh, Hoa Sen, Phước Chung... và hay lui tới rạp Aristo để khuyến khích vua cải lương Bắc Hà là Trần Viết Long đã dám cả gan đem *tiếng chuông vàng* (gánh Kim Chung) từ Hà Nội vào khua tại cái nôi của Vọng Cổ này. Giống như thời tôi đi theo gánh hát, tôi lại được sống với ánh sáng và âm thanh của sân khấu là những thứ dễ dàng tạo nên sự hứng khởi trong lòng người.

Khi anh Quỳnh và tôi tới chơi với anh chị em trong ngành Cải Lương, chúng tôi nhận thấy, ngoài

những vở tuồng bắt chước phim Mỹ, phim Nhật như Samson & Dalilah và Rashomon, đã có những soạn giả đứng đắn với những vở tuồng có nội dung cao. Người nổi tiếng nhất là soạn giả Trần Hữu Trang. Về sau, anh ta sẽ là Chủ tịch Hội Văn Nghệ Sĩ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Lúc đó, giới Cải Lương bị giới làm chính trị rất chú ý. Nghệ sĩ Duy Lâm, đang diễn tuồng *Luống Cây Nhuộm Máu* (hay *Lấp Sông Gianh?*) tại rạp Nguyễn Văn Hào thì bị ném lựu đạn. Anh (thoát chết nhưng) bị cụt chân. Sự khủng bố ở Việt Nam không lúc nào ngưng và không chừa một ai cả!

Dù đã được hân hạnh quen biết các đào kép thượng thặng như Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, v.v. từ năm 1944 nhưng mãi tới bây giờ, nhờ anh Quỳnh kéo tôi vào sinh hoạt sân khấu tôi mới được các anh Bảy Nhiêu, Duy Lâm... tặng cho những tài liệu đánh máy để tôi dùng trong việc biên soạn một chương viết về nhạc cải lương trong cuốn sách *Đặc Khảo Về Dân Nhạc Việt Nam*.

Nhưng ngoài thú giao dịch chặt chẽ với các giới làm văn học nghệ thuật, lúc này Nguyễn Đức Quỳnh hoạt động chính trị tích cực hơn hồi ở Khu IV. Tình thế lúc đó sôi nổi vì lá bài Bảo Đại vừa được tung ra để đối đầu với Hồ Chí Minh. Một người rất trung thành với Bảo Đại là Phan Văn Giáo lại là bạn đồng học khi xưa của anh Quỳnh. Ông ta mời anh ra Huế cộng tác. Anh được trao toàn quyền để tổ chức một

tờ báo với mục đích tranh thủ nhân tâm. Nhận làm việc cho một ông vua mà anh Quỳnh lại đặt tên báo là *Dân Trên Hết*. Điều này khiến cho bà Từ Cung, mẹ của Bảo Đại không bằng lòng. Toà báo ngưng hoạt động, nhưng không phải vì vậy mà anh Quỳnh bỏ về Saigon ngay. Khi ra Huế, anh Quỳnh rủ tôi đi theo để tổ chức một thứ làng văn nghệ giống như ở Khu IV trước đây. Chúng tôi cùng với Võ Đức Duy, Vinh Phan làm việc trong một thời gian nhưng khi nhận thấy ông Thủ Hiến Trung Việt không phải là Khu Trưởng Nguyễn Sơn và ông Bảo Đại không được lòng dân thì chúng tôi kéo nhau về Saigon.

So với hai lần trước, lần này tôi ở Huế khá lâu. Tôi có đủ thời giờ để biết Huế hơn xưa, biết yêu những con đường thật nhỏ và yên tĩnh (yêu nhất con đường mang tên Âm Hồn) dẫn tôi đi vào những căn nhà êm đềm và gặp cuộc sống rất thâm lặng của những người tôi đã vô phép gọi là của *xứ dân gầy*. Tôi ít khi gặp một phụ nữ Huế béo tốt, ngoại trừ Mụ Tồn là chủ nhân của một con đò sông Hương để tôi xuống nằm chơi với Vinh Phan, Võ Đức Duy, Tchya (Đái Đức Tuấn, nhà thơ đàn anh chúng tôi gọi là “Tây Chìa”) và vài nhạc sĩ cổ truyền của xứ Huế, khi hút thuốc phiện, khi nghe ca kỹ sông Hương hò hát. Kết tình với một người đẹp tên là Ngọc Túy, tôi ca hứng soạn lời ca cho điệu *Nam Bình* để nàng hát giữa đêm thâu. Chao ôi, còn gì sung sướng hơn được nằm gối đầu vào lòng người

ca kỹ trong khoang thuyền nhỏ bé của con dò Vỹ Dạ, nghe tiếng hát lan xa trên mặt nước im lìm, tiếng hát mơn trớn làn da, vỗ về trái tim, xúi giục yêu đương. Được ôm ấp những cô gái Huế khác, tôi thấy đó cũng là những núi lửa đang ngủ yên, chỉ cần một chút động đất là nổ tung lên.

Tuy nhiên, dù là kẻ rất ham mê những thú vui nhục dục, tôi cũng biết đi tìm con người và cảnh vật của Huế để thấy được khía cạnh thanh tao của những ngày ở nơi cố đô này. Lững thững đi chơi một mình nơi chùa Thiên Mụ hay tại những lăng tẩm vô cùng thâm lặng. Làm quen với những người nếu không là Công Tăng Tôn Nữ thì cũng thuộc thành phần cao trong xã hội, có lời ăn tiếng nói nhỏ nhẹ duyên dáng dễ thương, tôi có nhiều cảm hứng để soạn bài *Dạ Lai Hương*:

Đêm thơm như một giòồng sữa

Lũ chúng em êm đêm rủ nhau ra trước nhà...

Những ngày ở Huế, tôi cảm thấy đời ngon như men say và vui như ong bay. Vì tình (tình đây là tình người) lên phơi phới, tôi xin được nhẹ bàn chân, nhẹ bàn tay để nâng niu mật sống lâu dài. Soạn bài hát thơm tho này cũng là để nhớ tới mẹ một ngày Hưng Yên xa xôi nữa. Về sau, lần nào trở về Huế, tôi cũng cảm thấy đêm thơm như trong bài *Dạ Lai Hương* vậy.

Khi tôi ra Huế để cùng Nguyễn Đức Quỳnh giúp chính quyền trong vấn đề văn nghệ và sau khi được

coi như một người bạn thân rồi, tôi tìm hiểu thêm về anh Quỳnh và thấy anh là người rất bạo trong ý nghĩ, trong lời nói, nhưng lại rất e dè trong hành động. Đã nhiều lần, trong những công tác ở đây, anh không trực tiếp hành động mà giao việc cho tôi. Có một lần Thủ Hiến Phan Văn Giáo muốn anh Quỳnh từ Huế lên Đà Lạt gặp Bảo Đại để bàn chuyện chính trị thì anh đùn cho tôi đi thay. Tôi lại có dịp yết kiến cựu hoàng một lần nữa, lần này, tôi rất ngưỡng vì tự thấy không đủ kiến thức về chính trị để trình bày với một quốc trưởng. Khác với lần gặp gỡ trước, tôi thấy ông vua bây giờ có vẻ mặt buồn của một người cô đơn.

Tháng 9, 1953. Các đảng phái Việt Nam công kích Chính Phủ (Nguyễn Văn Tâm) quá thân Pháp khiến có những dư luận cho rằng Việt Nam muốn từ bỏ Liên Hiệp Pháp. Bảo Đại, từ Pháp, phái Hoàng thân Bửu Lộc về triệu tập Quốc Dân Đại Hội. Đại Hội sẽ gồm 200 đại biểu chọn trong các đảng phái, đoàn thể tôn giáo, kinh tế, xã hội... để phát biểu về hai vấn đề:

- 1) chủ quyền quốc gia phải được tới mức nào?
- 2) thể thức hợp tác với Pháp ra sao?

Từ Huế trở về Saigon sau đó, cùng với Trần Văn Ân, anh Quỳnh trở thành quân sư cho các lực lượng chính trị miền Nam. Rồi trong Đại Hội Quốc Dân mà Bảo Đại giao cho Bửu Lộc tổ chức, với tài ăn nói và sự hiểu biết sâu rộng về chính trị, anh Quỳnh đóng một

vai trò khá quan trọng. Tôi bị anh lôi kéo vào làm đại biểu của Đại Hội. Với tuổi mới ngoài 30 và cái tính rất tò mò, tôi cũng đi ra đi vô các giới Hoà Hảo, Bình Xuyên, Cao Đài¹ như một chính trị gia thực thụ. Tôi được gặp lại thầy Trần Trọng Kim, lúc đó là chủ tịch Quốc Dân Đại Hội và thấy thầy già hẳn đi. Thấy tôi đã phần nào trưởng thành trong khói lửa (sic), thầy Kim hết coi thường cái thằng Cẩn ngỗ nghịch ngày xưa rồi. Đó là lần cuối cùng tôi gặp người cha đỡ đầu. Vài năm sau, thầy qua đời ở Dalat.

Đây là lúc tôi có thêm một người bạn mới là Hồ Hán Sơn. Anh thanh niên người Hà Tĩnh này, tên thật là Hồ Mậu Đê, mới từ vùng Việt Minh vào miền quốc gia. Tại Saigon, anh tìm đến những người cựu kháng chiến như anh Quỳnh và tôi. Rồi do đó, gặp những người bạn khác. Là người giỏi về chính trị, Hồ Hán Sơn được chính trị gia miền Nam có cảm tình ngay. Anh được mời viết cho báo *Đời Mới* và mời làm đại biểu trong Đại Hội Quốc Dân. Trong Đại Hội, anh làm quen với Nguyễn Thành Phương và gia nhập hàng ngũ Việt Nam Phục Quốc Hội. Rồi được giới thiệu với Hộ Pháp Phạm Công Tắc để nhận chức Đại Tá của Cao Đài. Cộng tác với báo *Đời Mới*, với sự thúc đẩy của anh Quỳnh, Hồ Hán Sơn mở ra mục *Trả Lời Thắc Mắc*. Anh tạo ra những câu hỏi để giáo dục độc giả về chính trị. Cộng tác với Cao Đài, anh viết cuốn *Nghệ Thuật Chỉ Đạo Chiến Tranh* khiến cho Tướng Trình Minh Thế rất phục.

Hồ Hán Sơn được tháp tùng phái đoàn Việt Nam đi dự Hội Nghị Á-Phi ở Bandung, Nam Dương vào năm 1955. Liên hệ giữa tôi với Hồ Hán Sơn là một bài thơ của anh nhan đề *Cháy Tre Cối Đất* (đăng trên báo dưới bút hiệu Hồng Nam) do tôi phổ nhạc thành một bài dân ca nhan đề *Tình Nghèo*:

*Nhớ thuở nào, anh cấy thuê, em dất trâu
Đôi ta cùng gặp nhau dưới cầu...
Nhớ thuở nào, anh làm công, em gánh rong
Miếng trâu cau nên đôi vợ chồng...
Đôi vợ à chồng...*

Lúc đó chúng tôi còn ngây thơ lắm. Đều mong đôi tình nhân nghèo thành vợ thành chồng, sớm có ngày cháy tre cối đất phải được thay thế bằng cây xe cối máy để hằng năm hai mùa lúa chín ngô nhiều. Bao nhiêu năm đã trôi qua, Hồ Hán Sơn đã chết từ lâu, tôi xa quê hương đã gần cả đời mình, người nông dân ở nước nhà tiến lên cảnh cây xe cối máy hay lùi lại cảnh người bừa thay trâu cấy? Bài *Tình Nghèo* đi theo bài *Vợ Chồng Quê* và còn kéo thêm một bài nữa, bài *Hồ Lơ*, là chủ trương phát triển dân ca mới của tôi. Hình thức là nhạc ngũ cung, nội dung diễn tả đời sống thôn ỏ, sau khi nói tới mối tình của người miền Bắc, tôi vẽ ra tâm tình của người miền Trung và miền Nam. Bài *Hồ Lơ* này còn có pha nét nhạc **Vọng Cổ**:

*Yêu em tấm áo thô sơ dài dẫu nắng mưa
Vẫn chưa phai mối tình...*

Tôi thân với Hồ Hán Sơn vì anh là một tay chơi khùng khiếp. Anh hay kéo tôi tới Khu Bình Khang, một khu nhà chứa vĩ đại được mở công khai gần Ngã Bảy, nơi có hàng trăm căn phòng ân ái, phòng nào cũng gắn gương chung quanh tường và trên trần khiến cho khách làng chơi có thể soi gương nhau nhớ mãi hình hài như trong lời ca của bài *Giã Từ Ác Mộng* của tôi sau này. Tôi phải công nhận Hồ Hán Sơn là một người tình dữ dội. Gái giang hồ cũng phải vỗ đít chàng, tấm tắc ngợi khen.

Xa Hồ Hán Sơn trong hai năm, sau khi đi du học ở Pháp về, tôi nghe tin anh bị người em – tên Danh – của Nguyễn Thành Phương (Cao Đài) thủ tiêu, xác bị ném xuống giếng. Đi tìm người chết, người em tên Hồ Mậu Hoè nhận ra xác anh qua giày đai nịt mang chữ S. Cái chết của anh Đại Tá họ Hồ này thật oan nghiệt vì anh có tài nhưng rất kiêu căng nên bị nhiều người ghen ghét. Theo nhà cách mạng Nhị Lang trong cuốn sách viết về Tướng Trình Minh Thế, chỉ vì nhận lời mời ăn cơm với Bộ Trưởng Trần Chánh Thành mà anh bị nghi là phản bội anh em trong thời gian Cao Đài chống lại ông Diệm. Đã từng được hưởng một bài học về sự cạnh tranh bất chính của mấy ca sĩ mật thám, sau cái chết của Hồ Hán Sơn, tôi học thêm một bài học khác: Sống trong vùng quốc gia, phải biết nhún nhường, phải biết giấu tài (!), phải biết kìm hãm sự háo thắng được chừng nào hay chừng này.

Có mặt trong Đại Hội Quốc Dân là một hân hạnh lớn cho tôi vì được tham dự một cuộc tập tành thực hiện dân chủ qua những cuộc thảo luận sôi nổi của người quốc gia, đòi Việt Nam phải được đứng ngoài Liên Hiệp Pháp và chỉ liên hệ với Pháp qua một hợp ước liên minh bình đẳng. Đại Hội còn yêu cầu Quốc Trưởng Bảo Đại biến Quốc Dân Đại Hội này thành Quốc Hội Lập Hiến. Phản ứng của người Pháp là một bản công hàm chất vấn Bảo Đại về yêu cầu này. Bửu Lộc được lệnh phải can thiệp để Đại Hội sửa lại một câu trong bản tuyên ngôn: *Việt Nam độc lập không tham gia Liên Hiệp Pháp dưới hình thức hiện thời.*

Trước khi tham gia đại hội này, tôi đã nuôi giấc mộng xuất ngoại. Chiến tranh Việt-Pháp là cơ hội cho giới tài phiệt thuộc địa và các tay đầu cơ chính trị dề ra vụ chuyển ngân, cho phép những người có chương mục ở Banque de l'Indochine (hay những ngân hàng phụ) được chuyển tiền qua Pháp với hối suất 1\$ Đông Dương ăn 17 Francs (gấp đôi hối suất thường). Trong hai năm liền, tôi gửi được một số tiền francs khá lớn qua Pháp. Không cần tới học bổng của chính phủ, tôi đã có đủ tiền để đi du học tự túc.

Vì ủng hộ giải pháp Bảo Đại, Bình Xuyên là lực lượng chính trị và quân sự nòng cốt của miền Nam và được hưởng những quyền lợi to lớn như tiền chứa thổ đồ hồ của hai sông bạc Đại Thế Giới, Kim

Chung và của khu Bình Khang nói trên. Việc xuất ngoại nằm trong tay Lai Văn Sang, Giám Đốc Cảnh Sát Công An và Lai Hữu Tài, cố vấn chính trị của lãnh tụ Bình Xuyên Lê Văn Viễn tức Bảy Viễn. Đóng vai trò đại biểu trong Đại Hội giúp tôi gặp gỡ các ông này hằng ngày và tôi được cấp giấy thông hành đi Pháp một cách dễ dàng. Trong khung cảnh Đại Hội Quốc Dân, sự giao thiệp giữa tôi với Bảy Viễn rất tốt đẹp nên khi được Bảo Đại hứa giao cho chính quyền, ông ta nghe lời Nguyễn Đức Quỳnh đề nghị, mời tôi cộng tác và hứa cho làm Giám Đốc Đài Phát Thanh. Tôi từ chối vì tự thấy mình không đủ khả năng.

Tháng 11 năm 53, Pháp mở cuộc hành quân Castor, đổ bộ sáu tiểu đoàn chiếm đóng Điện Biên Phủ để lập một căn cứ với mục đích ngăn không cho quân đội Việt Minh tràn qua Lào và đồng thời cũng là để bảo vệ miền trung du Bắc Việt. Tướng Navarre còn muốn dùng căn cứ này để nhử quân đội Việt Minh tới đánh, hi vọng sẽ diệt tan lực lượng quân sự đối phương. Qua năm 54, tình hình Việt Nam mỗi ngày một khẩn trương. Pháp đã bị khó khăn trong việc chống đỡ những cuộc tấn công của Việt Minh tại Điện Biên Phủ, lại còn phải đàm phán với Việt Nam quốc gia để kiện toàn nền độc lập của nước này và ấn định sự liên kết giữa hai nước Việt-Pháp trong khuôn khổ mới của Liên Hiệp Pháp. Hội Nghị Genève khai mạc vào tháng

4, 54 để vào tháng 7 sẽ bế mạc với sự kết liễu của nền bảo hộ Pháp tại Đông Dương.

Tôi chuẩn bị xuất ngoại trong không khí chính trị rộn ràng. Bửu Lộc thay thế Nguyễn Văn Tâm lập chính phủ mới. Các lực lượng tôn giáo gia nhập Quân Đội Quốc Gia. Năm lớp thanh niên được gọi nhập ngũ. Bạn bè thuộc lớp tuổi tôi như Tạ Ty, Đức đen... đều bị động viên. Ly kỳ nhất là sĩ quan phụ trách việc động viên thanh niên quốc gia nhập ngũ không phải ai xa lạ, đó là Vũ Văn Thiết, người nhảy dù xuống Bắc Kạn năm xưa (bây giờ bị hư mắt nên mang danh là Thiết mù). Tôi đã có passeport đi Pháp nên thoát khỏi vụ đi lính.

Ngày 8-5-54, căn cứ Điện Biên Phủ bị tràn ngập. Quân Đội Pháp phải đầu hàng sau 55 ngày cầm cự. Tháng 6, chính phủ Bửu Lộc từ chức. Bảo Đại chỉ định ông Ngô Đình Diệm về nước thành lập chính phủ mới. Tháng 7, tôi già từ Saigon đi du học. Khi nghe tin chính phủ thay đổi thành phần bộ trưởng, tôi rất vui vì thấy bạn mình là Phạm Xuân Thái nắm chức Tổng Trưởng Thông Tin và Chiến Tranh Tâm Lý, nhất là thấy anh mình là Phạm Duy Khiêm làm Bộ Trưởng đặc nhiệm phủ Thủ Tướng.

1 Để bạn đọc trẻ tuổi biết qua về ba tổ chức đã trở thành những lực lượng tôn giáo và chính trị trong Đại Hội Quốc Dân này, xin thưa rằng: ngoại trừ lực lượng Bình Xuyên xuất xứ từ những băng đảng có tính chất giang hồ hảo hán, hai giáo phái Hoà Hảo và Cao Đài đều chống Pháp ngay trong thời kỳ Việt

Nam bị Pháp bảo hộ. Khi có cuộc kháng chiến toàn quốc, cả ba lực lượng đó đều đi theo Việt Minh rồi sau một thời gian đã chống lại những người trong phe tả của Mặt Trận này và trở về cộng tác với Quân Đội Pháp trong việc tiêu diệt kháng chiến. Sau này trong thành phần của các lực lượng đó, có những người chống lại chính phủ Ngô Đình Diệm và có những người cộng tác chặt chẽ với chính phủ này.

CHƯƠNG NĂM

*Em có hay chăng anh về
Chiều nay thời gian đứng im để nghe...
Người Về*



Lần đầu viễn du...

Từ Saigon qua Marseille, tàu La Marseillaise, tàu biển đẹp nhất, lớn nhất của nước Pháp phải trôi từ biển Đông êm đềm qua Ấn Độ Dương luôn luôn nổi sóng, ghé lại những bến bờ mang những cái tên đã từng nằm sâu trong nhiều giấc mơ hồng của tôi như Singapour, Calcutta, Djibouti... Tàu còn phải đi qua Kênh Suez ở Ai Cập để vào Địa

Trung Hải nắng chói, từ đó êm trôi ven biển lục địa Âu Châu tới bến Marseille. Hải trình dài trên 20 ngày, những ngày thần tiên của tôi so với những năm tháng vừa qua sống trong bầu không khí hùng hục lửa đạn và ô nhiễm chính trị.

Tôi sung sướng tới tột độ khi nhớ lại những ngày đứng trên bến Hải Phòng hay trên boong tàu Bạch Thái Bưởi chật hẹp để ôm mộng viễn du. Bây giờ, ban ngày tôi leo lên boong rộng như sân đá bóng của tàu La Marseillaise để hưởng mùi gió đại dương, ban tối tôi được nếm mùi com Tây trong phòng ăn lộng lẫy bên cạnh những cô đầm thơm như miếng kẹo, ban đêm tôi được nằm ngủ trong cabine hạng nhì, mơ màng nhìn qua cửa kính tròn để thấy sóng biển bạc đầu và trăng sao vàng vặc. Trong hải trình, tàu ghé lại bến nào tôi cũng có một cuộc rong chơi trên những phố lạ. Ôi những đôi mắt to và như viên nhung của phụ nữ ở Calcutta làm tôi nhớ bài *Chanson Hindoue* của Rimsky Korsakoff. Ôi những con lạc đà đi thông dong trên bờ Kênh Suez nhắc lại bản nhạc *Sur Le Marché Persan* của Borodine. Hạnh phúc đã thực sự đến với tôi rồi, nhưng trong hải trình này, khi con tàu chao đảo trên vùng Ấn Độ Dương, có lúc tôi chỉ muốn chết (!) vì không chịu nổi cái nhức đầu như búa bổ, cái hoa mắt muốn té ngựa, cái ói ra mật xanh mật vàng khi bị say sóng.

Ngày ra đi, vợ tôi (đã có mang tới tháng thứ tư) cùng cả gia đình tiễn tôi lên tàu ở bến Sáu Kho và

cũng như trong bất cứ một cuộc tạm biệt nào, tất cả mọi người đều có vẻ buồn. Nhưng sau khi chụp bức ảnh chia tay với vợ con và gia đình nhà vợ, tàu ra khỏi bến Saigon là tôi hết buồn ngay. Tôi còn rất vui khi thấy Hội Nghị Genève đã kết thúc, cuộc chiến đã tàn, hoà bình đã tới. Là một công dân hạng nhì, tôi hi vọng nước Việt Nam đã hoà bình rồi thì sẽ có ngày được thống nhất. Cho nên ngoài những giờ phút vui thú ở trên tàu hay ở những bến bờ xa lạ, tôi vẫn có những lúc nhớ về quê hương yêu quý. Sống với tinh thần lãng du nhưng con tim vẫn đập theo nhịp Việt Nam, tôi có cảm hứng để soạn ra một bài hát mang thể tài dân ca phát triển, bài *Ngày Trở Về*:

*Ngày trở về, anh bước lê
Trên quãng đường đê đến bên lũy tre
Nắng vàng hoe, vườn rau trước hè
Cười đón người về...*

(Một chi tiết ngộ nghĩnh: tôi bắt đầu soạn bài này khi tàu La Marseillaise tới gần biển đỏ = Mer Rouge. Tôi ngồi viết bản thảo của bài này trên chuyến xe lửa xanh = Train Bleu, chạy tốc hành từ Marseille lên Paris, tưởng tượng đâu đây có ngọn núi trắng = Mont Blanc)

Với bài *Ngày Trở Về*, đây là lần thứ hai tôi nói tới nhân vật thương binh. Hình như mỗi lần ở trong nước có một biến cố lớn nào xảy ra là trong sự vui mừng của tôi lại có xót thương len vào. Cách Mạng

vừa thành công, có chút máu đỏ là tôi khóc người chiến sĩ vô danh. Kháng chiến khởi sự và trên đà thắng lợi là tôi nhớ người thương binh. Giữa mùa chiến thắng, tôi chúc tụng anh hùng Sông Lô rất nhiều thì tôi cũng thương bà mẹ Gio Linh không ít. Bây giờ, trên chiếc tàu biển lười biếng trôi trên đại dương, tôi có đủ thì giờ để nghĩ tới trận Điện Biên Phủ. Là người Việt Nam, ai chẳng hãnh diện khi thấy người Việt khởi sự tay không mà đánh bại một đoàn quân viễn chinh có đầy đủ vũ khí. Nhưng khi thấy biết bao nhiêu xương máu đổ xuống cho chiến thắng cuối cùng, tôi lại cũng chỉ nghĩ tới ngày trở về của anh thương binh mà thôi!

Ngày đầu tiên đặt chân lên đất Pháp, tôi không cảm thấy lạ nước lạ cái như tôi muốn. Tôi đã quá quen thuộc với phong cảnh, con người, tiếng nói ở xứ Gaulois này từ khi đọc những cuốn *Lecture Française* ở trường Hàng Vôi. Bây giờ, đối với tôi, chẳng có cái gì là hương vị xứ lạ (exotique) ở cái nước Phú Lãng Sa này cả! Trên chuyến xe lửa màu xanh đưa tôi lên Paris, mới đầu tôi dừng dừng nhìn đồng quê nước Pháp với những đàn bò vàng đốm trắng ăn cỏ bên nông trại hay bên hàng lệ liễu (saule pleureur) rồi dần dà tôi ngỡ mình là người lâu năm xa xứ nay trở về nhà. Theo học các trường Pháp, sống với văn chương thi ca của người Pháp từ lâu, tôi thấm nhuần văn hoá Pháp là điều dễ hiểu.



Những ngày đầu tại Paris...

Tới Paris, tôi được ở tạm tại phòng người làm (chambre de bonne) của một cao ốc nằm trên đại lộ Montparnasse. Cao ốc không có thang máy, phòng người làm ở tầng cao nhất (tầng thứ 6?), suốt ngày tôi đi lang thang ngoài phố hay ngồi nghỉ chân trong quán café, chờ tối đến mới dám leo khoảng 100 bậc thang lên tới phòng ngủ. Rồi tôi mua được một studio nhỏ ở số 19 đường Joubert thuộc Quận 9, nằm giữa hai thương xá Le Printemps và La Fayette. Tôi mua cái studio một phòng ngủ và một bếp nhỏ này với giá một triệu quan cũ. Trong phòng chỉ có một ống sưởi bé tí tẹo, nhiều đêm tôi phải mặc áo ba-đời-suy (par dessus) và đi giầy tây

để ngủ. Cầu tiêu chung đặt ở hành lang, mỗi buổi sáng phải đứng nghiêng rãnh đợi tới phiên mình. Cao ốc sáu tầng mà không phòng nào có buồng tắm, mỗi tuần tôi phải vắt khăn lông và 25 francs đi tắm ở phòng tắm công cộng như đa số dân Paris. Tuy nhiên, tôi may mắn hơn nhiều người khác vì có nơi ăn chốn ở rất hợp vệ sinh. Sinh viên Việt Nam du học ở Pháp thường mắc bệnh lao vì thiếu dinh dưỡng và thiếu sưởi vào mùa Đông. Tôi ngu như một con bò vì khi trở về Việt Nam, tôi không giữ lại cái studio đó để cho thuê mà bán nó đi với giá rẻ mạt.



Căn phòng sinh viên.

Đường Joubert nằm gần nhà ga Saint Lazare, giữa khu ăn chơi. Các gái giang hồ đứng đầy đường từ sáng sớm tới quá nửa đêm. Mùa hè còn đỡ, vào mùa Đông lạnh buốt, thấy các cô đi tới đi lui chờ khách, vì mỗi chân nên phải đứng lò cò trông như lũ vạc ăn đêm, thương quá! Để cảm ơn một ả giang

hồ mắt xanh biêng biếc tên là Lucy đã dạy tôi ăn ái theo kiểu Pháp, sau những buổi đầu tiên ném mùi phụ nữ da trắng, tôi thường cho cô ả lên phòng ăn uống nghỉ ngơi.



Suzy.

Chưa quyết định xong việc học hành, tôi rong chơi trong một Paris còn ủ rũ vì nước Pháp vừa ra khỏi cuộc đại chiến và đang mất dần thuộc địa. Tôi có nhận xét là trong dân chúng, người già nhiều hơn người trẻ, người nghèo nhiều

hơn người giàu. Có lẽ đời sống của dân Pháp lúc đó có nhiều bi đát mà thuyết hiện sinh của Jean Paul Sartre đang bành trướng. Tôi mò tới quán café Flore ở Saint Germain des Prés để mong gặp giáo chủ của thuyết hiện sinh. Không gặp được triết gia thì đi vào hầm nhạc (cave) để coi cô ca sĩ Juliette Gréco là hiện thân của thuyết hiện sinh, với bộ áo chên mầu đen làm nổi bật những đường cong của thân thể, với giọng hát ồ ồ, ru hồn người nghe bằng bài thơ *Les Feuilles Mortes* của Jacques Prévert do Joseph Kosma phổ nhạc. Hoặc đi coi thoại kịch, kịch tiêu khiển (gọi là théâtre du boulevard) thì có những vở nhẹ nhàng của André Roussin, kịch bắt người coi phải suy nghĩ thì có những vở hóc búa của Pirandello, Bertolt Brecht...

Dù mỗi lần đi qua Opéra de Paris là tôi bị xúc động vì đây là nơi tột đỉnh danh vọng của giới sân khấu, nhưng tôi không thích coi loại đại-vũ-kịch cổ điển Tây Phương này, có lẽ vì ca kịch sĩ hát opéra là phải rú lên, nghe chướng tai vô cùng. Không thích coi opéra cũng là một thiệt thòi cho tôi, chắc chắn như vậy. Trái lại tôi thích coi Théâtre de Variétés và không bỏ qua bất cứ một buổi diễn nào của nghệ sĩ Georges Brassens với loại hát giống như là tục ca. Chính tác giả cũng tự nhận là *le pornographe de la chanson* (kẻ dâm tục trong ca khúc). Tôi mê bài *Le Gorille* của anh và sẽ biến nó thành *Tục ca số 5*. Với vẻ người hao hao giống Nguyễn Tuân, Georges Brassens là một ca sĩ ngang ngược, không bao giờ chào khán giả khi ra sân khấu hay sau khi hát xong. Đây là lúc tôi mê một cô bé soạn ca khúc tên là Nicole Louvier và dịch bài hát *Qui Me Délivrera* của cô ra tiếng Việt: *Ai Sẽ Giải Thoát Em*. Sự nghiệp của cô đâm gậy và hôi nách này giống như một đời hoa, sớm nở tối tàn, nổi danh trong một thời gian rất ngắn rồi chìm ngay vào lãng quên.

Tôi học được nhiều điều trong những ngày làm quen với không khí kinh đô văn hoá là Paris này. Tuy nhiên, tò mò đi vào thế giới văn học và nghệ thuật của Pháp quốc, tôi vẫn chưa quên được Việt Nam. Vẫn còn bị ám ảnh bởi hình ảnh quê hương, tôi soạn bài *Người Về* trong một đêm đi một mình giữa Paris vắng lạnh. Bài này nói tới người mẹ,

người vợ và đàn con trong bài *Nhớ Người Ra Đi* của thời kháng chiến, nay rất vui mừng khi thấy người đi đã trở về:

*Me có hay chăng con về?
Chiều nay thời gian đứng im để nghe
Nghe gió trong tim tràn trẻ
Nụ cười nhăn nheo bỗng rung lệ nhoè...*

.....

*Em có hay chăng anh về?
Thoạt nhìn người yêu ngỡ trong mộng mè
Ai dám mong chi Xuân về?
Nào ngờ vườn đêm có bông hoa kẻ...*

.....

*Con có hay chăng cha về?
Lời ca hồn nhiên líu lo ngoài kia
Chinh chiến đã qua một thì
Tuổi thơ nở trên biết bao ê chề...*

Biết rằng không có đủ thời gian và phương tiện để ăn dặm ở dễ tại Paris, tôi quyết định học tắt và chỉ học những gì cần thiết cho việc tỏ tình qua âm nhạc của mình.

Trước hết, tôi được Đặng Trần Vận, cựu chủ nhân Phòng Trà Thiên Thai ở Hà Nội 1946, hiện đang du học ở đây, giới thiệu tôi với giáo sư Robert Lopez để tới học lý thuyết (hoà âm, đối âm) và thực hành (piano), mỗi giờ phải trả 1000 quan cũ gì đó. Mỗi tuần ba ngày tôi đạp métro (xe điện ngầm) lên nhà thầy Lopez ở Neuilly để học hỏi kỹ càng về 800

năm âm nhạc cổ điển Tây Phương mà tôi chỉ biết qua sách vở hay đĩa hát. Học để coi xem có thể áp dụng vào âm nhạc Việt Nam hay không.

Tôi tổ chức việc học hành theo phương pháp của tôi, không nhầm mắt đi theo trường phái nào cả. Đi học tự túc thì không có đủ tiền để theo một giáo trình rồi thi đậu và có bằng cấp để được thu dụng làm giáo sư Trường Nhạc hay làm người chuyên khảo trong Viện Âm Nhạc. Hơn nữa, vì có một vợ hai con ở nhà, tôi cần phải đốt thời gian. Tôi quyết định chỉ học những nguyên tắc căn bản về nhạc lý, về tiến trình âm nhạc thế giới, về bí quyết sáng tác. Tôi học piano để chỉ đánh nhạc Debussy, thiên về Á Đông. Rồi tôi thấy ngay hình thức đại nhạc của



Với Trần Văn Khê, tại Institut de Musicologie – Paris.

Âu Tây không áp dụng vào nhạc Việt lúc này được. Cần phát triển giai điệu đến tột cùng rồi nhờ thế hệ sau đi vào hoà điệu. Tôi may mắn vô cùng vì tôi có con tôi là Phạm Duy Cường để thực hiện điều tôi phác hoạ từ khi du học.

Ngoài việc học nhạc với thầy Robert Lopez, tôi theo Trần Văn Khê tới học nhạc ngữ ở Institut de Musicologie (nằm trong Đại Học Sorbonne) để hiểu rõ hơn về sự thành hình và biến hình của âm giai. Vào năm 1954 này, môn nhạc học vừa mới được thành lập, các lý thuyết gia như Jacques Chailley, Constantin Brailoui vừa đặt xong nền tảng cho khoa nhạc học. Khi giảng bài, giáo sư cần những ví dụ về giai điệu để chứng minh cho tiến trình thành lập âm giai, thì tôi – vốn biết nhiều



Cùng Gisèle, Huỳnh Tấn Đốc và Trần Văn Khê
tại Vườn Luxembourg.

giai điệu cổ truyền Việt Nam – đứng lên cống hiến một vài ví dụ. Chẳng hạn, để chứng minh cho giai đoạn tam cung (tritonique) tôi hát mấy câu hát ví,

giai điệu nằm trong ba cung DO FA SOL. Chứng minh cho giai đoạn tứ cung (tétratonique), tôi có điệu ru Huế, giai điệu nằm trong bốn cung DO RE FA SOL...

Nhờ những ngày đi nghe giảng về khoa nhạc ngữ này, tôi thấy mình có thể phát triển những đoàn khúc dân ca lên thành những bản trường ca. Trước kia, tôi chưa bao giờ theo học một lớp nhạc nào cả và chỉ vô tình đem hơn một âm giai ngũ cung vào một ca khúc. Nay tôi hiểu rõ hiện tượng **métabole** nghĩa là sự chuyển điệu từ ngũ cung này qua ngũ cung khác khiến cho giai điệu của bất cứ nhạc phẩm nào cũng có rất nhiều cung bậc mà nghe ra vẫn là giai điệu Việt Nam.

Học hỏi về nhạc lý và lịch sử âm nhạc cổ điển Tây Phương còn giúp tôi phối hợp đặc tính của hai loại nhạc có chủ thể (musique tonale) và nhạc không có thể (musique modale). Tôi cũng chăm chú nghe đĩa hát và tập đánh đàn những đoản khúc soạn cho piano của Debussy để thấy nhạc sĩ này đã sử dụng âm giai ngũ cung ra sao trong việc sáng tạo những giai điệu mới. Bản *La Jeune Fille Aux Cheveux De Lin* của ông cho tôi thấy rõ ràng cách ông phát triển nét nhạc ngũ cung. Những nhạc phẩm của Debussy đã ảnh hưởng đến tôi rất nhiều vì mấy chục năm sau, dù đã quên hẳn Debussy nhưng trên đường tị nạn, tôi đã soạn ra một ca khúc nhan đề *Dấu Chân Trên Tuyết*. Chắc chắn trong tiềm thức của tôi vẫn

còn cái tên của bản nhạc *Des Pas Sur La Neige* của Debussy.

Sau khi nắm được hiện tượng *metabole* và bí quyết soạn nhạc ngũ cung của Debussy rồi, tôi soạn ra mấy khúc đầu của Trường Ca *Con Đường Cái Quan*:

*Tôi đi từ Ải Nam Quan, tôi gặp Nàng Tô Thị yyy
Cho tôi gửi một đôi câu: chớ có về...*

Đó là lời ca của đoạn 2. Về sau, khi hoàn tất tác phẩm này thì cả nhạc lẫn lời mà tôi phác họa ra ở Paris vào năm 54 sẽ được thay đổi ít nhiều. Trường Ca *Con Đường Cái Quan* là sự phản kháng của tôi trước sự chia cắt đất nước. Dù luôn luôn chối từ đóng những vai trò chính trị viên hay chính trị gia nhưng tôi không bao giờ bỏ lỡ cơ hội dùng văn nghệ để bày tỏ thái độ chính trị của mình.



Vô Lăng, bạn Trường Mỹ Thuật xưa

Phạm Duy và chân dung do Vô Lăng vẽ tại Paris, 1955.

Tôi cứ bị chính trị quẩn chặt như vậy là vì qua tới Paris, tôi gặp lại anh bạn Võ Lăng của trường Cao Đẳng Mỹ Thuật ngày nào. Võ Lăng đang là một chính trị gia thứ thiệt, nhân viên rất đặc lực của Tàn Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Tôi rất năng tới trụ sở của Đại Sứ Lưu Động Ngô Đình Luyện ở Avenue Kléber hay tới phòng vẽ ở đường Vaugirard để gặp anh bạn cũ. Tôi muốn biết vì sao Võ Lăng trở thành người tâm phúc của nhà Ngô, tôi được anh kể chuyện...

... Trong khoảng đầu thập niên 30 khi ông Tuần Vũ Ngô Đình Diệm ở Bình Thuận ra Quảng Trị để thăm và ở lại nhà người bạn đồng liêu là Tri Phủ Võ Vọng thì vào một buổi trưa hè ông được con trai 10 tuổi của bạn là Võ Lăng (cậu con lớn là Võ Văn Hải) ngồi quạt cho ông ngủ. Cậu bé Lăng ngồi quạt một lúc thì gục xuống giường ngủ. Khi tỉnh dậy cậu bé hết hồn vì thấy ông Diệm đang cầm quạt phe phẩy cho cậu ngủ. Rồi Võ Lăng lớn lên, đi học vẽ, hoạt động chính trị và bị Việt Minh lùng bắt, phải trốn qua Hồng Kông làm nghề vẽ truyền thần. Tại đây, vào tháng 6 năm 1946, gặp nhau trong thang máy của Hôtel Francis, anh trở thành người quen của Bảo Đại. Vì ở chung một khách sạn nên hai người gặp nhau hằng ngày và vì cựu hoàng không có quần thần ở chung quanh, Võ Lăng là người độc nhất để cựu hoàng trò chuyện. Thời cơ tới với Bảo Đại khi người Pháp tiếp xúc với cựu hoàng. Bảo Đại hỏi Võ

Lăng là nên chọn ai để lập chính phủ. Võ Lăng đề nghị ông Ngô Đình Diệm, người được tiếng là yêu nước và thanh liêm. Võ Lăng liên lạc với anh là Võ Văn Hải lúc đó đang ở Bỉ để ngỏ lời mời gặp của cựu hoàng tới ông Diệm. Khi ông Diệm tới Hồng Kông, Võ Lăng lại là người cho ông Diệm biết rằng cựu hoàng không còn ăn chơi như lời đồn đại. Hai nhân vật lịch sử này gặp nhau tại Hotel Paramount. Để thấy cựu hoàng trọng ông Diệm tới mức nào, Võ Lăng kể rằng khi các chính trị gia khác, người thấy mùi xôi thịt, lục tục kéo nhau từ Việt Nam qua Hồng Kông để xin yết kiến Hoàng Thượng thì có lần cựu hoàng mặc pyjama, không thềm cài lại khuy quần khi tiếp họ. Trái lại, ngày tiếp ông Diệm ở Hồng Kông, cựu hoàng rất bản khoản, ăn mặc rất chỉnh tề, còn nhờ Võ Lăng coi xem cái cravate có ngay ngắn hay không. Cựu hoàng trọng ông Diệm tới độ vái ông Thủ Tướng tương lai hai cái và gọi ông Diệm là Ngài. Cũng phải qua một thời gian khá lâu, với sự thay đổi của mấy bộ máy chính trị không được lòng dân như chính phủ Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc, với tình hình đã biến đổi sau hoà hội Genève, đã tới lúc Quốc Trưởng Bảo Đại trao lá cờ quốc gia cho ông Diệm để ông phát cao trong việc tranh thủ nhân dân với ông Hồ Chí Minh. Võ Lăng lại là người đưa ông Diệm xuống Cannes để gặp Cựu Hoàng. Đáng lẽ Võ Lăng trở về Việt Nam cùng với ông Diệm. Vé máy bay đã mua

sẵn. Nhưng ông Diệm muốn Võ Lăng ở lại Paris để giúp việc cho ông Ngô Đình Luyện. Võ Văn Hải về Việt Nam thay em và làm bí thư cho Thủ Tướng... Đến với Võ Lăng, tôi chỉ có một nhúm kinh nghiệm trong thời gian làm cán bộ văn nghệ kháng chiến để nói với bạn. Tôi ủng hộ việc Toà Đại Sứ Lưu Động vận động một số lớn chuyên viên trở về phục vụ đất nước, trong số đó – về điện ảnh – có Đỗ Bá Thế, Trần Văn Bữu là những người mà sau này tôi sẽ tích cực tiếp tay qua việc sản xuất phim của Hãng Đồng Phương và của Trung Tâm Điện Ảnh Quốc Gia. Lúc này, anh ruột tôi là Phạm Duy Khiêm đã nhận chức Cao Ủy Việt Nam (cao hơn chức Đại Sứ) tại Pháp. Tôi chỉ tới Toà Đại Sứ để thăm anh tôi một lần và cũng được hỏi qua loa về đường lối chính trị chung chung của Việt Minh. Một lần khác, nhân ngày giỗ mẹ, hai anh em hẹn gặp nhau ở một tiệm ăn, cùng nhau trao đổi vài ba câu chuyện gia đình. Thời gian đi rất nhanh. Năm tháng trôi qua, trôi nhanh hơn nước sông Seine chảy dưới cầu Pont Neuf. Hàng ngày tôi đi học tư nơi thầy Robert Lopez hay tới Institut de Musicologie để nghe giảng về nhạc học. Trước giờ học, thi nhau đánh *tilt* (bàn bi điện) với Trần Văn Khê. Hoặc đến chơi với Võ Lăng và gặp Đại Sứ Lưu Động Ngô Đình Luyện, người hiền lành nhất của gia đình họ Ngô, rất đông con nhưng toàn là con gái. Đôi khi tới Đông Dương Học xá với Đặng Trần Vận, tham gia chương trình

văn nghệ của các sinh viên Việt Nam và được coi màn múa võ của kiến trúc sư khôi nguyên La Mã tương lai Ngô Viết Thụ. Hay hẹn hò với hai nhạc sĩ Công Giáo Hải Linh, Ngô Duy Linh gặp nhau ở đâu đó để bàn chuyện âm nhạc.



Cha Ngô Duy Linh, khi gặp tôi ở Paris.

Trong thời gian sống ở Paris, tôi chẳng bao giờ thấy cô đơn cả! Thế nhưng tôi thấy một ranh giới được vạch ra giữa Việt Kiều, một ranh giới rất sâu đậm, từ đó tới nay chưa được xóa bỏ hoàn toàn. Tôi nhớ tới ý niệm bên ni bên tề mà tôi đưa ra trong một bài ca kháng chiến, với mục đích phân biệt ta (dân tộc VN) và địch (Pháp thực dân). Sau trận Điện Biên Phủ và hoà hội Genève, thế nhị-nguyên ta-địch đó mất chỗ đứng rồi, tôi không còn nhìn người Pháp như kẻ thù nữa. Nhưng buồn thay, chuyện bên ni-bên tề bây giờ chuyển qua phía người Việt. Đã có mâu thuẫn giữa những người theo (!) ông Diệm và những người theo (!) ông Hồ rồi! Tôi là nạn nhân của thế nhị nguyên Quốc-Cộng đó, khi tôi chơi với Võ Lãng và có anh ruột làm Đại Sứ của chính phủ miền Nam, dù qua bài *Tình Ca* sáng tác trước đây, tôi chỉ muốn có một nước Việt Nam

độc lập thống nhất để xung tụng cái bản sắc quốc gia của một dân tộc có chung lịch sử, địa lý, tiếng nói từ bốn ngàn năm lẻ.

Ở Paris lúc đó, tôi chứng kiến hoạt động của những sinh viên sau này sẽ là đám người nòng cốt trong Hội Việt Kiều yêu nước. Tôi thấy họ bị ông Hồ chinh phục khi ông này qua Pháp giám sát Hội Nghị Fontainebleau rồi trở về nước để điều khiển cuộc kháng chiến, đem lại chiến thắng cuối cùng ở Điện Biên Phủ. Những sinh viên ấy đi vào một huyền thoại rồi vô tình hay cố ý, theo đúng đường lối tuyên truyền của Hà Nội, vạch ra một ranh giới giữa người Việt với nhau. Họ nhìn tôi như một địch thủ vì tôi không theo (!) ông Hồ!!! May thay gần đây tôi qua Paris, sau khi ván bạc Cộng Sản Quốc Tế đã tàn canh, huyền thoại Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa đã tan tành, những sinh viên của 35 năm trước, nay là bác sĩ, giáo sư, trạng sư giàu sang cả rồi, dường như không còn bị chính trị chi phối tình cảm con người nữa.

Nhưng vào hai năm 54-55 này, không được giao thiệp với tất cả mọi người ở Paris thì tôi và Đặng Trần Vận vác đàn tới hát ở nhà mấy người bạn mới như Huỳnh Tấn Đốc, Phạm Gia Huỳnh. Cả hai anh bạn giàu này đều có bạn gái Pháp và khi thấy các cô đầm mê mẩn hai anh nghệ sĩ nghèo thì phải đành lòng ban phát người tình cho chúng tôi vậy. Tôi đã có nhiều buổi hẹn hò với người tình

gốc Ba Lan Josiane ở quán café DUPONT gần vườn Luxembourg rồi dạo chơi trên vỉa hè khu Latinh hay ở rừng Boulogne trong những ngày hè sáng sủa.



Josiane.

Có ở Paris rồi mới thấy thèm nắng vô cùng. Vào mùa Đông, ngay chuyện mở cửa đi ăn tối (sinh viên tự túc, chỉ dám ăn self service) cũng đã ngại rồi, nói chi tối chuyện đi tự tình với người yêu da trắng. Vào những ngày chủ nhật có mưa hay có tuyết, nằm một mình trong gác hẹp, mới thấy bài *Sombre Dimanche* là hay. Tôi soạn lời ca tiếng Việt, theo đúng tinh thần của bài hát:

*Sombre dimanche les bras tout chargés de fleurs
Je suis entré dans notre chambre, le cœur las...*

.....

*Chủ nhật buồn đi lê thê cầm một vòng hoa đề mê
Bước chân về với gian nhà, với trái tim cùng nặng nề*

.....

*Car je savais déjà que tu ne viendras pas
Je suis resté tout seul et j'ai pleuré tout bas
En écoutant hurler la plainte des frimas...*

Đoạn kết của bài *Chủ Nhật Buồn*, thật là buồn:
*Je mourrai un dimanche où j'aurai trop souffert
Des cierges brûleront comme un ardent espoir
Et pour toi mes yeux seront ouverts...*

.....

*Rồi một ngày tôi im hơi vì đợi chờ không người ngoài
Bước chân người nhớ thương tôi tới với tôi thì
muộn rồi*

*Trước quan tài khói hương mờ bốc lên như vạn
ngàn lời*

*Dẫu qua đời mắt tôi cười vẫn đắm đắm nhìn về người
Hồn là rồi nhưng em ơi tình còn nồng đôi con người
Nhắc cho ai biết cuối đời có một người yêu không
thôi...*

Sau gần hai năm ở Paris rồi xa Paris, tôi có nhiều phen trở lại nơi nên thơ nhất hoàn cầu này nhưng không bao giờ tôi thấy lại không khí êm đềm của thời tôi đi học. Lúc đó tại kinh đô nước Pháp còn rớt lại không khí *le bon vieux temps* của thời trước Thế Chiến Một. Những quán rượu ở dưới hầm hay còn là nơi có tiếng đàn tiếng hát giúp cho ly rượu ngon hơn, cho người tình của mình đẹp hơn. Bây giờ, dù kính phục người Pháp không hề là người thù cừu, tôi không thấy đầy sùng sất tối tân của

khu Centre Pompidou hay cái lồng kính hình Kim Tự Tháp ở giữa sân Musée du Louvre làm tăng vẻ đẹp của Paris. Tôi càng buồn khi thấy những hầm rượu ở Quartier Latin đều biến thành nơi bán thịt cừu của dân Marocain, Algérien. Tôi không còn cái thú hẹn em quán nhỏ nữa. Bây giờ muốn gặp người tình phải vào quán phở mặn mùi dân tộc – mùi nước mắm – ở quận 13 và những đôi tình nhân ôm nhau đi trên hè phố là dễ dàng lắm phải c... chó. Cả cái khu phố Joubert xinh xắn của tôi cũng biến dạng rồi. May thay tôi vẫn còn bờ sông Seine để ngồi khóc – tôi có soạn một bài hát tị nạn nhan đề *Bên Bờ Sông Seine Ta Ngồi Ta Khóc* – và vẫn còn những dãy phố xiêu vẹo (như Utrillo đã vẽ) ở Montmartre để thương nhớ những ngày sinh viên xa xưa...

Những ngày du học, thỉnh thoảng tôi rời Paris đi thăm miền sông Loire là nơi có ánh trời chiếu xuống lung linh để cho vua chúa thời xưa cho xây những lâu đài tráng lệ. Hay đi về vùng Bretagne để nhìn cảnh vực đá sương mù đã từng ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu qua những tiểu thuyết của Victor Hugo, Pierre Loti. Có lần tôi qua Berlin để vào Viện Khảo Cổ xin ghi lại những điệu Chèo do ông Nguyễn Đình Nghi hát, đã được phái đoàn khảo cổ Đức tới Hà Nội để thu thanh vào những cái ống nhựa (chứ không phải đĩa hát) từ những năm đầu của thế kỷ.

Lúc bấy giờ chưa có bức tường ô nhục, tôi có thể

đứng ở Tây Bá Linh cúi đầu nhìn qua Đông Bá Linh với cảm quan của một người cũng ở trong hoàn cảnh một nước bị phân đôi như nước Đức. Không ngờ 35 năm sau, tôi còn sống để chứng kiến bức tường Berlin bị phá tan cùng với chủ nghĩa Mác-Lê Nin ở Đông Âu. Khi đó là mùa Đông 1989, tôi đang đi hát ở Đức Quốc.

Mùa Thu năm 1955. Ở nhà vợ tôi đã sinh đứa con trai thứ ba từ hồi đầu năm, đặt tên là Hùng. Tôi được sống cuộc đời trai không vợ đã khá lâu rồi. Đã có dăm ba cuộc tình với những cô em xanh mắt bồ câu Josiane, Lucy, Gisèle... thứ tình dị chủng rất nhẹ, dễ vào dễ ra, dễ bén dễ tan. Tôi không ngờ những cuộc tình tạm bợ này, về sau, giúp tôi rất nhiều khi tôi phổ nhạc những bài thơ của Cung Trầm Tưởng. Tôi chỉ cần nhớ lại hình ảnh tôi và những mỹ nhân tóc vàng sợi nhỏ đó là có thể dễ dàng gọi ra cảnh *Mùa Thu Paris, trời buốt ra đi, hẹn*



Gisèle.

em quán nhỏ... hay cảnh tiễn em về xứ mẹ... tại nhà ga Lyon đèn vàng, cầm tay em muốn khóc, nói chi cũng muộn màng...

Ở trong nước, Chính Phủ Ngô Đình Diệm đã vượt qua những khó khăn gây nên bởi các lực lượng chống đối, đã lăm le truất phế Quốc Trưởng, thành lập nên Cộng Hoà với ông Diệm là Tổng Thống. Bộ Thông Tin từ tay anh bạn thân Phạm Xuân Thái rơi về tay Trần Chánh Thành. Đài Phát Thanh do Đoàn Văn Cừu nắm. Tôi quen biết hai người này từ khi còn ở vùng kháng chiến. Rồi một ngày nọ, tôi nhận được thư của Đoàn Văn Cừu mời về cộng tác. Việc học của tôi đã coi như khá đầy đủ, không ngần ngừ, tôi thu xếp hành lý, đáp máy bay về Saigon với ý định làm việc với Đài Phát Thanh.

CHƯƠNG SÁU

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về ...
Tiếng Hò Miền Nam*



Đài VTVN, đường Richaud nơi gặp gỡ rất vui vẻ của lũ nhạc sĩ, nhạc công, ca sĩ chúng tôi...

Xa nhà, xa nước trong một thời gian không lâu lắm, nhưng khi về tới Tân Sơn Nhất sau 17 tiếng đồng hồ máy bay, cảm giác đầu tiên của tôi là thấy hơi lạ mắt lạ tai. Sau khi hoà hội Genève kết thúc, Pháp rút quân dần dần ra khỏi Việt Nam, đất nước tạm chia đôi chờ ngày hiệp thương, gần một

triệu người miền Bắc bỏ nơi chôn nhau cắt rốn di cư vào Nam, trước hết, làm thay đổi bộ mặt của miền *ai zỉ Gia Định, Đồng Nai thì zỉ...* Miền Nam không còn vẻ an nhàn, lười biếng của thời xưa nữa. Phong cảnh dọc đường từ Saigon về các tỉnh bị dân Nam Định, Bùi Chu, Phát Diệm làm thay đổi hoàn toàn. Họ ở trong hàng trăm cái lều vải lớn, dựng lên hai bên đường cái. Có những lều được dùng làm giáo đường với đông đảo các bà, các cô Bắc Kỳ di cư rặng đen, khăn vuông mở quạ tới làm lễ, trước khi nhà thờ mọc lên như nấm ở những nơi được đặt tên là Hố Nai, Gia Kiệm.

Thành phố Saigon trước kia rộng rãi và thưa thớt nay như bị nhỏ lại và chật chội vì dân Hà Nội kéo vào quá đông. Những khu đất hoang biến thành những khu phố với những nhà gỗ mái tôn mọc lên chi chít như những con cò, khiến cho một khu phố được gọi là Bàn Cờ từ trước nay lại càng có vẻ bàn cờ hơn. Ngoài đường, những người ăn mặc xuề xòa ít hơn những người mặc áo veston, đội mũ, thắt cravate, đi giày với bút tất len. Giữa mùa nắng nóng, họ nhón nháo đi quanh phố xá (nhất là quanh khu Catinat và chợ Bến Thành) cứ như là đi dạo bên Hồ Gươm vào một mùa Thu lãng mạn!

Trước cảnh tung bồng của lớp người đang xây dựng một đời sống mới, tôi có đầy đủ cảm hứng để soạn bài *Tiếng Hò Miền Nam* mang hơi hướng của

những đoàn khúc nằm trong PH... N III của *Trường Ca Con Đường Cái Quan* sau này:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định Đồng Nai thì về!

Ai li hò lơ! Ai li hò lơ!

Ai nghe chẳng tiếng hò bao la

Những tiếng lòng di cư vẫy vùng theo gió

Ai nghe chẳng tiếng người công phu

Biết tìm tự do tránh xa ngục tù...

Chính quyền Ngô Đình Diệm mà tôi rất có cảm tình đã đứng vững sau con giông tố. Một gia tộc làm chính trị chuyên nghiệp vừa nắm được quyền lực thì bị những chống đối đến từ vị quốc trưởng đang lo bị truất phế tới những đảng phái chân chính hay những tổ chức tay sai của Pháp, để sống sót, chính quyền đó không thể làm gì hơn là tiêu diệt đối lập. Tôi ở Pháp hơn một năm nên không được chứng kiến những nỗ lực của anh em họ Ngô trong việc đấu tranh để nắm giữ quyền lực. Chỉ biết rằng tình hình chính trị ở trong nước đã hoàn toàn thay đổi.

Vào ngày 18 tháng 10 năm 55, Bảo Đại ở Pháp gửi công điện chấm dứt nhiệm vụ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm thì trong ngày 23 cùng tháng, có cuộc trưng cầu dân ý với kết quả là toàn dân truất phế Bảo Đại và suy tôn Ngô Đình Diệm lên chức vị quốc trưởng. Ngoài thắng lợi chính trị đó, vào thời điểm Đông Xuân 1955-56 này, về phương diện quân sự, nhà Ngô đã toàn thắng các phe đối lập

vì được sự ủng hộ của một số tướng của hai giáo phái Hoà Hảo, Cao Đài như Nguyễn Giác Ngộ, Nguyễn Thành Phương, Trình Minh Thế và của nhiều sĩ quan cao cấp trong Quân Đội. Lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn, Lai Văn Sang, Lai Hữu Tài cùng lực lượng Bến Tre của cựu sĩ quan Tây lai Jean Léon Leroy bị đánh tan tành, phải theo chân quân đội Pháp mà ra đi, mấy người này đều bị xử tử hình khiếm diện. Hộ Pháp Phạm Công Tắc của Cao Đài lánh qua Cao Mên. Tướng Trần Văn Soái về đầu hàng. Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt bị bắt và bị xử tử hình. Đài Pháp Á ngưng hoạt động, những toán quân cuối cùng của Pháp đã về nước.

Chủ quyền ở miền Nam nằm hoàn toàn trong tay họ Ngô. Từ ngày 29 tháng 10 năm 1955, nước Việt Nam Cộng Hoà được thành lập với Tổng Thống là Ngô Đình Diệm. Quốc Hội Lập Hiến khai mạc vào tháng 3 năm 1956 và có nhiệm vụ chọn quốc ca, quốc kỳ. Trong số bạn bè của tôi, Hồ Hán Sơn đã chết, Trần Văn Ân và Hồ Hữu Tường đã bị bắt rồi bị đẩy ra Côn Đảo, chỉ có Nguyễn Đức Quỳnh không bị hê hấn gì vì không đi theo Bình Xuyên qua cầu chữ Y hay ra Rừng Sát.

Tôi ở Pháp về tới Saigon là theo ban Thăng Long tới hát tại Đài Phát Thanh Quốc Gia. Giám Đốc Đoàn Văn Cừu tiếp đãi tôi rất ân cần, cho tôi làm nhạc trưởng của một ban nhạc (về sau lấy tên là ban Hoa Xuân) và đề nghị tôi nên dự thi quốc ca.

Tôi bèn soạn một bài có tính chất âu ca, bài *Chào Mừng Việt Nam* để tham dự cuộc thi: *Chào mừng nền Cộng Hoà Việt Nam*

Chào Dân Chủ Mới chiếu nguồn ánh sáng mọi nơi.

Chào muôn năm bao anh hùng chiến sĩ,

Chào bao thanh niên anh dũng hi sinh.

Chào mừng anh em! Chào mừng Đoàn Kết!

Lấy ý chí quốc gia xây đời văn minh.

Chào mừng nhân dân! Chào mừng thế giới!

Quyết chiến đấu xây đời tự do đẹp tươi.

Hoan hô Độc Lập! Hoan hô Hoà Bình!

Bông hoa Á Châu, đây dân Việt Nam!

Hoan hô nụ cười! Hoan hô cuộc đời!

Vui tranh đấu không quên bao tình người.

Ngoài bài của tôi, Hùng Lân dự thi với 2 bài: *Nhân Dân Cách Mạng Việt Nam* và *Việt Nam Minh Châu Trời Đông*, Ngô Duy Linh với bài *Một Trời Sao*, Ngọc Bích và Thanh Nam với bài *Suy Tôn Ngô Tổng Thống*. Chao ôi, thật là khó khăn cho Ủy Ban chọn quốc ca trong Quốc Hội quá! Không chọn bài *Suy Tôn Ngô Tổng Thống* thì sợ Tổng Thống buồn, chọn bài đó thì chuống quá, cho nên kết cục Quốc Hội Lập Hiến duy trì bài quốc ca mà các chính phủ Nguyễn Văn Xuân và Nguyễn Văn Tâm đã chọn, nhưng Quốc Hội nhờ nhân viên của Đài Phát Thanh sửa lại lời ca. Chẳng hạn câu đầu:

Này thanh niên ơi!

Đứng lên đáp lời sông núi...

... nay được đổi thành:

Này công dân ơi!

Quốc gia đến ngày giải phóng...

Đã từng đi dạy sinh viên học sinh hát khi tham gia Phong trào Thanh Niên Tiền Phong vào năm 1945, tôi thấy bài *Tiếng Gọi Sinh Viên* luôn luôn bị thay đổi. Lời ca nguyên thủy là:

Này sinh viên ơi!

Chúng ta kết đoàn hùng tráng

Đồng lòng cùng nhau ta đi kiếm nguồn tươi sáng...

... Khi trở thành *Tiếng Gọi Thanh Niên*, được đổi là:

Này thanh niên ơi!

Đứng lên đáp lời sông núi

Đồng lòng cùng đi, đi, đi mở đường khai lối...

Câu:

Thanh niên ơi! Ta quyết đi đến cùng...

... bây giờ được đổi là:

Công dân ơi! Mau hiến thân dưới cờ

Công dân ơi! Sao làm cho côi bờ, v.v.

Tôi không phải là người độc nhất có cảm tình với chính quyền này để hăng hái tham gia bất cứ phong trào văn nghệ nào. Sau ngày Pháp ký hiệp ước trao trả chủ quyền cho Việt Nam và rút quân về nước, với cuộc di cư ồ ạt của đồng bào miền Bắc, với việc truất phế Bảo Đại và việc thành lập chế độ Cộng Hoà, với sự tiến hành những công trình xây dựng qui mô... quả thực đã có một sự phấn khởi lớn lao trong dân chúng miền Nam. Nhất là trong

giới làm văn học nghệ thuật. Đã thấy xuất hiện tại Saigon những khuôn mặt lớn của giới nhà văn, nhà báo như Đoàn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Hiếu Chân, Võ Phiến, Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo... và những cơ sở báo chí, những nhà xuất bản mới mẻ như Tự Do, Văn Hoá Ngày Nay, Bách Khoa, Sáng Tạo...

Được những người đã từng đi kháng chiến như Trần Chánh Thành (và Đồng Lý Văn Phòng là Lê Khải Trạch) chỉ huy, Bộ Thông Tin của chính phủ Ngô Đình Diệm thấy được khả năng tuyên truyền của văn nghệ cho nên đã thành lập một tổ chức đặt tên là Văn Hoá vụ để làm công tác vận động văn nghệ sĩ tham gia đời sống chính trị. Người đầu tiên được giao cho nhiệm vụ điều khiển Văn Hoá vụ là Đinh Sinh Pài, một cán bộ đã từng ở Khu IV, đã từng chứng kiến hoạt động của tướng Nguyễn Sơn và Đặng Thai Mai trong công tác này. Cùng với gia đình Thăng Long, tôi tham dự Đại Hội Văn Hoá Toàn Quốc mà Văn Hoá Vụ đứng ra tổ chức. Đại Hội này treo giải thưởng cho nhiều bộ môn. Tôi đoạt giải nhất trong bộ môn âm nhạc với vở ca kịch ngắn *Chim Lồng*. Vở này nói tới những con chim bị mất tự do và phải được tháo cũi sổ lồng để bay đi muôn phương, nghìn hướng. Vở ca kịch này như báo trước sự ra đời của tổ khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ*:

Chim, chim chim ơi! Chim, chim chim ơi!

Hãy cất cánh bay tung đầy trời!

*Hãy cất cánh bay theo bụi đời!
 Đời là nụ cười! Đời là nguồn vui!
 Vì một đàn chim bay giữa gió
 Và miệng thì líu líu lo lo...*

Trong thời gian đi kháng chiến, tôi gần đồng ruộng nên đa số bài hát đều nhắc tới lúa: *Tuổi xanh như lúa mai - Có nàng gánh lúa cho anh ra đi giết thù - Về đây với lúa với nàng...* Bây giờ ở Saigon, 1955 – nhất là khi sống ở Hoa Kỳ sau này – không còn cơ hội gần với đồng lúa Việt Nam thì tôi bị ám ảnh bởi chim. Sau bản *Chim Lồng* soạn ra để dự thi trong Đại Hội Văn Hoá Toàn Quốc, tôi nói tới những con chim trời qua một bài bé ca nhan đề *Một Đàn Chim Nhỏ*. Đàn chim nhỏ này từ trời bay về trần gian để trả lời lũ bé vì sao những nhân vật huyền thoại như Chị Hằng và Chú Cuội không còn ở cung trăng nữa. Trả lời rằng:

*Từ ngày có hỏa tinh bay,
 Bay có ba ngày lên tới mặt trăng
 Ổ tang tình tang ổ tang tình tình.
 Cuội đành đem Chị Hằng Nga
 Tìm xứ xây nhà không biết ở đâu
 Ổ tang tình tang ổ tang tình tình...*

Những lời nói mò trong bài hát không ngờ lại đúng với sự thực: 10 năm sau đó, quả nhiên hỏa tinh Hoa Kỳ chỉ mất có ba ngày lên tới mặt trăng và làm cho Chú Cuội và Cô Hằng phải bỏ ra đi. Tội nghiệp cho huyền thoại khi khoa học tiến bộ. Đối

với Lý Bạch và Tản Đà, mặt trăng sẽ không còn là một nơi để các ngài cùng tôi trú ẩn nữa. Bé Ca *Một Đàn Chim Nhỏ* này còn là sự liên tục của bài *Chú Cuội* năm xưa của tôi.

Chính phủ Ngô Đình Diệm đã vượt qua một gay go lớn là sự chống đối của các lực lượng giáo phái hay đảng phái và coi như đã nắm chặt chính quyền. Nhưng vẫn còn một gay go khác đến từ Hà Nội mà Đệ Nhất Cộng Hoà cần phải khắc phục. Một mặt, sau hạn định 300 ngày để dân chúng hai miền chọn nơi sinh sống theo tinh thần của bản Hiệp Định Genève, Việt Nam tạm chia đôi để chờ ngày thống nhất bằng một cuộc Tổng Tuyển Cử, rồi bây giờ khi miền Bắc nêu vấn đề Hiệp Thương thì miền Nam cương quyết chống. Mặt khác, Phong Trào Tranh Thủ Hoà Bình vừa được thành lập tại miền Nam và có những hoạt động chống chính phủ cùng với sự nổi loạn của tù chính trị tại các trại Tam Hiệp (Hố Nai), Phú Lợi (Thủ Dầu Một) – cả hai chính biến này đều do Hà Nội giật dây – khiến cho chính quyền phải huy động toàn thể dân chúng miền Nam vào cuộc đấu tranh chính trị với miền Bắc. Lợi dụng hậu quả không tốt của cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Bộ Thông Tin của chính phủ Ngô Đình Diệm được giao cho trách nhiệm tạo nên một phong trào gọi là Tổ Cộng. Nằm trong bộ Thông Tin, Văn Hoá vụ tổ chức Đại Hội Văn Hoá rồi theo dõi sinh hoạt của giới văn nghệ sĩ. Đài Phát Thanh

là nơi thu hút hầu hết ca nhạc sĩ ở Saigon. Đài còn giúp họ sinh sống bằng cách tạo ra nhiều ban nhạc.

Cũng như các nghệ sĩ khác, dù rất bận trong việc sinh nhai ở phòng trà hay đại nhạc hội, tôi không hề hững với mọi thứ công tác văn nghệ do bộ Thông Tin đề xướng. Từ Khu IV dinh tề vào Hà Nội rồi vào Saigon, anh Hoàng Văn Chí, soạn giả cuốn *Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc* sau này, cũng hăng hái như tôi, xung phong vào làm việc trong Văn Hoá vụ, nhưng anh sẽ sớm thất vọng và bỏ nước ra đi. Đó là bởi vì chính quyền khởi sự dùng ngay những công chức không có kinh nghiệm văn nghệ (nhưng là người cùng quê với Tổng Thống) như Nguyễn Duy Miến ở Văn Hoá vụ và Bửu Thọ ở Đài Phát Thanh để thay thế Đinh Sinh Pài và Đoàn Văn Cừu, những người tương đối biết tìm cách gần gũi với văn nghệ sĩ. Sự gần bó giữa chính quyền và văn nghệ sĩ dần dần trở nên lỏng lẻo.

Sau này, trước khi bị lật đổ, chính phủ Diệm đưa ông Ngô Trọng Hiếu về cơ quan Công Dân vụ (với sự giúp sức của Nguyễn Đức Quỳnh) để cố gắng thu phục văn nghệ sĩ một lần nữa, cũng như có những người trong các chính phủ kế tiếp định nắm đầu văn nghệ sĩ, phải kết luận là trong suốt mấy chục năm đấu tranh chính trị với miền Bắc, miền Nam chưa hề có một chính sách văn nghệ có hiệu quả, nghĩa là chưa bao giờ vận động được văn nghệ sĩ vào cuộc tranh đấu chính trị đó. Riêng về ngành

nhạc, nhờ có Tham Vụ Nguyễn văn Huấn – vốn là một tay chơi violon – làm việc trong Phủ Tổng Thống và được lòng hai anh em ông Diệm, ông Nhu cho nên sau khi có trường Quốc Gia Âm Nhạc, một ban nhạc hoà tấu được thành lập ở Saigon.



Nhạc sư già người Đức là Otto Soellner.

Mấy đêm nhạc Mozart được tổ chức dưới quyền điều khiển của một nhạc sư già người Đức là Otto Soellner. Nhưng ban nhạc hoà tấu đó chỉ hoạt động trong một hai năm rồi tan rã ngay. Suốt trong 20 năm ở miền Nam, chỉ có vài buổi concert do Nguyễn Phụng hay Nghiêm Phú Phi điều khiển. Năm nào cũng có tổ chức giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc của Tổng Thống trong đó có giải thưởng cho nhạc hoà tấu. Người luôn luôn giật giải là nhạc sĩ Vũ Thành, nhưng không bao giờ bản nhạc trúng

giải được trình tấu vì lẽ giản dị là miền Nam không có ban nhạc hoà tấu. Thật là tội nghiệp cho những nhạc sĩ Việt Nam của thời đại này.

Trong nửa thế kỷ loạn lạc, nước ta là một nước chưa giàu chưa mạnh cho nên dân chúng chưa có thể vui thú trong cảnh hoà bình thịnh vượng để tận hưởng cái hay cái đẹp của nhạc cổ điển. Tôi là kẻ biết thân biết phận, sau khi đi du học ở ngoại quốc về, nhìn thấy tình trạng đất nước nên không dám nghĩ tới chuyện soạn nhạc theo trường phái đại nhạc Tây Phương. Tôi chỉ xin nhũn nhặn làm kẻ hát rong suốt đời với một chục, một trăm hay một ngàn lời ca tâm thường. Ấy thế mà lại hay! Tôi không phải đau khổ như các nhạc sĩ nuôi mộng làm Mozart, Chopin hay Beethoven vì trong suốt đời mình, dù tôi chỉ dùng phương tiện tâm thường nhưng lại nói lên được khá nhiều điều. Và quan trọng nhất, có rất nhiều người nghe được những điều mình muốn nói.

Nói tới Đài Phát Thanh thì vào mấy năm đầu của Cộng Hoà thứ nhất, sau khi công chức Bửu Thọ thay thế Đoàn Văn Cừ, vì không biết cách sử dụng văn nghệ trong việc đấu tranh chính trị với miền Bắc, đài Saigon tràn ngập thỉnh không bằng những bài hát tuyên truyền. Nếu đó là những bài hát có giá trị thì cũng tốt thôi, nhưng trong 45 phút phát thanh của mỗi ban nhạc mà chỉ có toàn nhạc khẩu hiệu thì thật là khổ cho lỗ tai của thính giả. Đài còn

làm một điều rất là cao quý: nhạc sĩ sáng tác được trả tác quyền để soạn nhạc tuyên truyền. Mỗi lợi này khiến cho ở trong Phòng Văn Nghệ của Đài có những nhạc sĩ (xin giấu tên) làm sẵn một số nhạc điệu rồi tùy theo các chiến dịch tuyên truyền mà soạn lời. Thế thì làm sao mà có nhạc hay được, hờ Trời? Chúng tôi gọi đó là loại nhạc bốn bò vì Đài trả tiền tác giả cho mỗi bài hát đấu tranh là 400\$. Vào năm 56, đó là một số tiền không nhỏ. Tuy nhiên, những đãi ngộ đối với nhạc sĩ và ca sĩ của Đài Phát Thanh không lúc nào đi đôi với thực tế. Trong suốt hai mươi năm, tiền thù lao cho ca sĩ, tiền tác quyền cho tác giả, lúc đầu mua được cả trăm tô phở, vì không bao giờ được tăng lên, sẽ không thể nào theo kịp giá sinh hoạt. Vào những năm cuối cùng của miền Nam, tiền tác quyền hay tiền thù lao đó chỉ đủ cho nhạc sĩ hay ca sĩ ăn một hai tô phở hay chỉ đủ trả một cuộc xe taxi đi hát radio. Đài Vô Tuyến Việt Nam viết tắt là VTVN được chúng tôi gọi là Đài Vô Tình Vô Nghĩa.

Nói đùa thế thôi, chứ những ngày làm việc ở Đài Phát Thanh là những ngày đầy tình nghĩa giữa đám nghệ sĩ chúng tôi và những người điều khiển tổ chức này, phần nhiều là những nhà văn nhà thơ như Thái Văn Kiểm, Huy Quang Vũ Đức Vinh, Nhất Tuấn Phạm Hậu, Hà Thượng Nhân Phạm Xuân Ninh.... Hàng ngày gặp nhau tại Đài hay tại quán Phở trước mặt Đài là truyện trò với nhau vui như Tết. Các ca

sĩ hay nhạc sĩ có khi đánh đàn hay hát trong hai, ba ban nhạc khác nhau, vào trong studio rồi mà vẫn còn đầu lảo huyền thuyên một hồi, rồi khi đèn đỏ bật lên mới nhào vào chỗ mình ngồi hay đứng. Ít khi chúng tôi phải tập hát hay tập đàn những bài bản ghi trong chương trình. Dù là bài mới, trông lời ca mà hát, trông nốt nhạc mà đàn.

Nhiều nghệ sĩ thành vợ thành chồng nhờ ở những năm tháng làm việc chung trong Đài Phát Thanh. Chúng tôi thân nhau đến độ gọi nhau bằng những biệt hiệu. Trưởng Phòng Văn Nghệ kiêm thi sĩ Thái Thủy đi chân chữ bát được gọi là Hoàng Tử Gù. Nguyễn Hữu Thiết mang biệt hiệu Khủng Long vì mặt mũi lúc nào cũng có vẻ đau khổ. Trưởng ban Tùng Lâm hay gắt gỏng được gọi là Tùm Lum...

CHƯƠNG BẢY

*Bể sâu không nhiều
Nhưng cũng đủ yêu...
Chiều Về Trên Sông*



Hoàng Văn Chí và tôi tại Arlington VA USA.

Trong khoảng 1955-56, anh bạn Hoàng Văn Chí (đang làm việc trong Văn Hoá vụ) nhận được tài liệu báo chí ở Hà Nội đăng tải về vụ *Nhân Văn Giai Phẩm* mà cơ quan tình báo trong Chính Phủ của Bác sĩ Trần Kim Tuyến, sở Thông Tin USIS của Mỹ ở Saigon, một tổ chức tuyên truyền ở Đài

Loan do Linh mục Raymond De Jaegher chỉ huy và một ngoại kiều trong lãnh sự quán Ấn Độ trao cho để khai thác. Anh văn hoá vụ trưởng họ Hoàng đưa cho tôi coi để hỏi thêm tiểu sử của một số văn nghệ sĩ dính líu tới vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Do đó tôi được biết khá rõ ràng phong trào đòi tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc trong đó có những người bạn cũ như Văn Cao, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo...

Sau khi Kruschew hạ bệ Staline ở Đại Hội Đảng CS lần thứ XX, nhà cầm quyền Liên Xô tuyên bố áp dụng chính sách cởi mở, bãi bỏ quan niệm thần tượng hoá lãnh tụ. Bắc Kinh rập khuôn Liên Xô, đưa ra khẩu hiệu *Trăm Hoa Đua Nở* cho phép văn nghệ sĩ tự do sáng tác, phê phán lãnh đạo. Theo gót Bắc Kinh, Hà Nội cũng cởi trói văn nghệ: phong trào Nhân Văn Giai Phẩm ra đời những năm 54, 55, 56 trong giai đoạn cuộc cải cách ruộng đất gây ra những sai lầm thảm khốc cho Việt Nam. Nhân Văn Giai Phẩm là phong trào đầu tiên của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc đòi tự do dân chủ cho đất nước. Họ bị thẳng tay đàn áp, kẻ đi tù, người bị bạc đãi. Trước sự kiện đó, tuy trong lòng thì xót thương các bạn cũ, tôi rất vui vì sự quá lỏng lẻo trong chính sách văn hoá, văn nghệ của chính phủ Ngô Đình Diệm (và của những chính quyền đi sau). Vui là vì nếu chính phủ Diệm chưa bao giờ được xưng tụng là một Nhà Nước tôn trọng tự do và dân chủ thực

sự nhưng văn nghệ sĩ ít khi bị đàn áp, trừ trường hợp đó là nhà văn, nhà báo làm chính trị hẳn hoi, đi theo một đảng phái nào đó để chống chính quyền. So với miền Bắc, người làm văn học nghệ thuật thuần túy ở miền Nam có một sự tự do tương đối nào đó trong phạm vi sáng tác.

Nhưng vui thì vui đấy, thực ra tôi cũng nên buồn một phát! Buồn vì phe quốc gia không có một chính sách văn nghệ nào cho ra trò, chính phủ chỉ dùng những công chức để làm việc một cách rất máy móc với văn nghệ sĩ. Tổ chức kiểm duyệt nằm trong bộ Thông Tin là rất cần thiết để ngăn ngừa những người – được gọi là ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản – có ý định dùng văn hoá phẩm để tuyên truyền cho chế độ miền Bắc. Nhưng khi cần kiểm soát ngành nhạc, chính quyền đã rất lảm cẩm khi làm khó dễ chúng tôi trong việc sáng tác nhạc tình. Trong cơn say mê lãnh mệnh hoá quốc gia, bài trừ thuốc phiện, đóng cửa vũ trường, chính quyền đóng luôn vai trò kiểm soát con tim trong phạm vi âm nhạc.

Tuy nhiên, chúng tôi đâu có chịu thua mù kiểm duyệt. Vì sự lỏng tay của chính quyền, ngay trong thời ông Diệm, ngay khi phong trào Tố Cộng chưa dứt, ngoài loại nhạc tranh đấu mà chính quyền đề cao, chúng tôi vẫn rì rả đưa ra những bản nhạc tình. Rồi tới khi dòng nhạc tuyên truyền cho khu trục mật, áp chiến lược... ra đời thì vẫn có những bản nhạc

ướt át được phổ biến, tuy chẳng bao giờ được chính quyền ủng hộ nhưng cũng không bị ngăn cấm gắt gao và được tuổi trẻ hát như điên. Đó là loại nhạc với nội dung tình yêu của tuổi choai choai. Sau thời ông Diệm, nhạc ướt át ẩn thân vào những bài tôi gọi là lính ca. Khi các ông nhà binh lên cầm quyền và khi có tới ba bốn thế hệ thanh niên tiếp tục bị gọi lính – khiến cho tôi cũng phải soạn ra một bản lính ca nhan đề *Một Hai Ba Chúng Ta Đi Lính Cả Làng* – thì những ca khúc thiên về tình yêu với đề tài lính tiền tuyến và em gái hậu phương được tung ra và rất thành công.

Khi các khiêu vũ trường bị đóng cửa, những người của đêm tối bèn kéo nhau đi chơi ở phòng trà có âm nhạc sống. Gia Đình Thăng Long và giới nghệ sĩ sinh sống bằng nghề nhạc ở Saigon giờ, ngoài địa bàn hoạt động là Đài Phát Thanh, Hãng đĩa Hát, Đại Nhạc Hội, có thêm chỗ dựng võ là những phòng trà. Tôi thường đến giúp vui cho Phòng Trà Đức Quỳnh ở đường Cao Thắng là nơi đào tạo ra các ca sĩ Thu Hương, Lệ Thanh, Thanh Thúy... Thấy phòng trà ăn khách và với sự khuyến khích của tôi, nhà văn Mặc Thu mở phòng trà Trúc Lâm ở đường Ngô Tùng Châu. Rồi tới khi kiến trúc sư Võ Đức Diên mở phòng trà Anh Vũ ở đường Bùi Viện thì tôi là người điều khiển chương trình văn nghệ.

Các khiêu vũ trường Văn Cảnh, Tabarin, Tự Do

– bây giờ đổi thành phòng trà – cũng là nơi tôi lai vãng hằng đêm. Dù chính quyền đang chủ trương lạnh mạnh hoá xã hội, **Saigon by night** vẫn còn là không gian và thời gian để những người thích hủ hoá (!) như tôi đi tìm nguồn vui xác thịt. Phòng trà là nơi hò hẹn của những cuộc tình tạm bợ. Thế nhưng nhờ ở chủ trương lạnh mạnh hoá xã hội này mà có một số nữ ca sĩ trở thành những mệnh phụ phu nhân của nhiều vị quan to – kể cả quan văn lẫn quan võ – của hai thời Cộng Hoà.



Thanh Thúy.

Khung cảnh ăn chơi ở phòng trà trong thời điểm này cũng giúp tôi có vài người tình xác thịt như thời 45, 46. Dăm ba mối tình tạm bợ này làm tôi nghĩ tới vũ nữ Định với bài *Tình Kỳ Nữ* và bài ca xã hội tôi soạn cho Hanoi by night khi xưa, bài *Tiếng Bước Trên Đường Khuya*. Tôi bèn soạn bài *Phố Buồn* với một thể nhạc phù hợp với thể giới hộp đêm (boite de nuit) là thể **tango**. Nhờ giọng hát ma quái của Thanh Thúy, nhờ nhà xuất bản ở chợ trời âm nhạc – tái bản tới 8 lần – bài ca xã hội này phổ biến ra dân chúng rất nhanh, rất rộng mà không cần phải nhờ tới đài phát thanh:

*Đường về đêm đêm mưa rơi ướt bước chân em
Bùn lầy không quên bôi thêm lối ngõ không tên*

*Qua mấy gian không đèn
 Những mái tranh im lìm
 Đường về nhà em tối đen
 Nhìn vào khe song trông anh ốm yếu ho hen
 Một ngày công lao không cho biết đến hương đêm
 Em bước chân qua thềm
 Mưa vẫn rơi êm đêm
 Và chỉ làm phố buồn thêm...*

Với bài này, tôi nghịch ngợm với chữ nghĩa và vần điệu như mưa rơi tí tách, mưa tuôn dưới vách, mưa qua mái rách, mưa như muốn trách, mưa yêu áo rách... và mơ màng họ những đôi tình nhân nghèo, phải sống trong những ngôi nhà gỗ mái tôn trong hẻm tối phố buồn (khu Bàn Cờ?) rồi nhìn ngôi nhà gạch mà họ mơ tưởng như chiếc bánh ngọt ngon!

Trong mấy năm liền, từ khi tôi bỏ vùng quê vào thành, được ra nước ngoài trong một thời gian rồi trở về nước, ở đâu tôi cũng phải sống quá nhiều với những đô thị. Nhất là bây giờ, vì việc công cũng như việc tư, tôi phải bó chân trong một Saigon với những đại lộ tuy rất vui nhưng cũng rất ồn ào, đầy khói xe và bụi bặm. Hay với những khu phố buồn, mùa mưa, ẩm ướt, lầy lội. Tôi nhớ đồng quê, tôi nhớ thiên nhiên vô cùng. Tôi tìm mọi cách để ra đi. Rồi tôi có những buổi chiều ngồi bên dòng sông Cửu Long:

*Chiều buông trên dòng sông Cửu Long
 Như một cơn ước mong ời chiều...*

... để mong được như *hàng cây gỗ rong, nghiêng mình (trôi) trên sóng sông yêu kiều...* Tôi còn muốn theo *đò ngang quá giang, thương chiều...* Rồi bởi vì tôi *thương nhiều, nên tôi nhớ tình yêu*. Vâng, tôi lại được lãng mạn như xưa rồi! Bài *Chiều Về Trên Sông* có lẽ là bài có nhiều tình cảm thiên nhiên nhất của tôi. Bài hát được soạn trên một âm giai mineure 6, coi như đó là sự thử thách của tôi trong việc dùng những âm giai khác với những âm giai tôi đã dùng từ trước tới nay.

Trong thời gian này, cuộc sống gia đình của tôi rất là hạnh phúc. Ra ngoài xã hội, tôi cũng như hầu hết dân chúng miền Nam đều thấy trong lòng phấn khởi vì thấy mỗi ngày chế độ quốc gia càng như thêm vững chắc, chính phủ đang tiến hành những công trình xây dựng qui mô. Một triệu người di cư đã gây một tác động mạnh mẽ vào tinh thần những người còn có cảm tình với “ngoài kia”. Phong trào Tổ Cộng cố gắng làm sáng tỏ hơn chính nghĩa quốc gia. Hơn thế nữa những biến cố ở trong và ngoài nước như vụ nổi loạn ở Quỳnh Lưu, vụ Nhân Văn Giai Phẩm ở Hà Nội, vụ nổi dậy ở Ba Lan, Hung Gia Lợi... càng cho mọi người có cảm tưởng rằng miền Bắc có nhiều vấn đề hơn miền Nam. Khiến ai cũng thấy hân hoan. Ai cũng muốn hát lên những lời ca vui vẻ, đầm thắm. Tôi cũng thấy như vậy. Và tôi soạn ra một số bài hát, có thể được gọi là những bản **xuân ca**. Khởi đầu là bài *Hoa Xuân*:

*Xuân vừa về trên bãi cỏ non
 Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn
 Hoa cười cùng tia nắng vàng son
 Lũ ong lên đường cánh tung tròn...*

Bài *Xuân Thì* nói rõ hơn sự yêu mến hoà bình của người miền Nam:

*Tình Xuân chớm nở đêm qua
 Khi mùa chinh chiến đã lui ra ngoài đời
 Ngày Xuân con én đưa thoi
 Có người nhớ tới những lời yêu mến nha
 Xa xa có tiếng kinh cầu
 Chiều trên dương thế mang sầu mệnh mông
 Người đi giữa độ Xuân nồng
 Nhìn nhau bờ ngõ rung rung lòng nhớ thương...*

.....

*Tình thương nhân thế bao la
 Yêu người năm trước đã khiến cho ta giận hờn
 Và thương cây súng cô đơn
 Hoa đào đã nở trên vết mòn chiến xa...*

Bài *Xuân Nồng* sau đây ca tụng mùa Xuân ở miền Nam, nơi không gió lạnh mưa phùn như ở miền Bắc, chỉ có bụi và nắng, vậy mà vẫn nên thơ:

*Trời xanh xanh quá, sáng soi bên nhà
 Hương xuân la đà lọt cánh cửa qua.
 Ngoài trời tự do, lũ bướm quanh co
 Theo đường tơ, ra ngoài nẻo mơ.*

.....

Một mùa Xuân nóng giữa nơi kinh kỳ

*Mưa bay không về, chỉ có bụi xe
Mặt trời phương Nam trong lúc Xuân sang
Yêu người dân, Xuân nông tình doan...*

Nhưng bài **xuân ca** mà tôi đặc ý nhất là... *Xuân Ca*! Mùa Xuân của ta khởi nguồn từ khi cha mẹ ta gặp nhau:

*Xuân trong tôi đã khơi trong một đêm vui
Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về!
Xuân âm u, lắt leo trong nguồn suối mơ
Bùng reo rồi theo nắng lên từ cha chói chan lòng mẹ...*

Xuân ta ra đời từ đêm động phòng của cha mẹ, rồi Xuân ta leo đèo trên đường đời cho tới khi ta cũng như mọi ai, chết trong địa cầu. Nhưng đừng lo, vì ta cũng như Xuân, sẽ tái sinh, sẽ sống thêm vài lần, như trong bài *Xuân Ca* vậy!

Tôi vốn là một kẻ tham lam. Cho nên soạn ra những bài hát mùa Xuân rồi thì tôi muốn trở thành một kẻ hát rong quanh năm ca hát. Tôi muốn soạn ra những “ca khúc bốn mùa”. Vì sinh ra vào một mùa Thu nên tôi rất yêu mùa lá rụng. Trong kháng chiến tôi soạn bài hát về một mùa Thu chiến tranh nhưng đích thực ra tôi đã xung tưng mùa Thu muôn năm hoà bình. Lúc này tôi đang tập tọe đánh đàn tranh. Tôi bèn soạn một ca khúc hát với tiếng đệm đàn tranh lấy tên là *Tơ Tình*. Bởi vì bài hát nói tới mùa Thu, tôi đổi tên là *Tình Ca Mùa Thu*. Bài này, cũng như những **xuân ca**, là một bài hát trong xu hướng hoà mình vào thiên nhiên của tôi:

*Đêm nay sương mờ bao phủ u ú như lòng thương nữ
 Nhớ mấy cung đàn, thương đường tơ, mơ hiển hoà
 Đêm nay sương mờ bay toả á á như hồn câu thơ
 Ngát khúc tình ca, trong mùa Thu...*

Rồi trong không khí ca hát bốn mùa đó, tôi viết thêm những ca khúc mùa hè như *Hạ Hồng*:

*Mùa hè đi qua như làn gió
 Mùa hè trong ta đã đỏ hoe
 Mùa hè đôi ta bốc lửa cháy
 Lửa thiêu trái đất này
 Mùa hè thiên nhiên như tỉnh giấc
 Mùa hè đưa ta tới hồng hoang
 Trần trướng yêu nhau trong trời đất
 Mùa hè của yên ương
 Đôi ta chỉ có một mùa mà thôi
 Đôi ta chỉ có một lần đời vui
 Mùa hè ngày tháng chưa già
 Mùa hè hạnh phúc đôi ta...*

Hạ Hồng là một bài ca đầy nhục tính. Đây là lúc tôi tới tuổi sung sức nhất của người đàn ông, tôi không giữ nổi tôi những khi trượt chân và ngã vào lòng những người nữ miên Nam nóng như lửa đốt. Rồi sau cuộc giao hoan, tôi lười biếng nằm chết trong giường tình và soạn bài *Ngày Tháng Hạ*:

*Ngày tháng Hạ, mệnh mông buồn
 Lòng vắng vẻ như sân trường
 Hàng phượng vĩ cũng khác thường
 Nhỏ tia máu trên con đường...*

Bài *Hạ Hồng* rất nóng bỏng, bài *Ngày Tháng Hạ* thật là oi ả, bài *Gió Thoảng Đêm Hè* sau đây có vẻ mát mẻ hơn, nhưng cả ba bài hạ ca này đều xung tụng dục tình:

Gió thoảng đêm hè
Gió thoảng về khuya
Gió gặp cô bé
Lúc tuổi xuân thì
Giấc ngủ không mơ
Cô bé học trò
Đến tuổi học trò...
Gió thổi căng tròn
Dưới lồng ngực son
Gió dôn tim xuống
Gió lạnh tâm hồn
Gió là nụ hôn
Làm cho cô bé
Nức nở nhiều hơn...

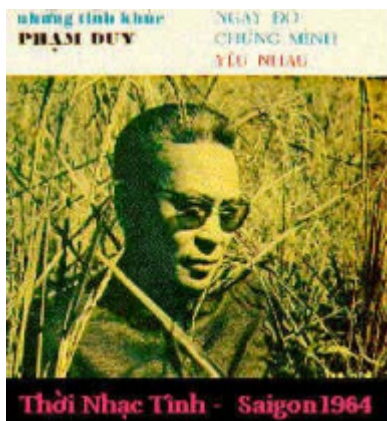
Chủ trương soạn ca khúc bốn mùa nhưng tôi không yêu mùa Đông cho lắm, nên ngoài bài *Mùa Đông Chiến Sĩ* soạn trong kháng chiến hay bài *Mùa Đông Paris* (tức *Tiểu Em*, thơ Cung Trầm Tưởng do tôi phổ nhạc), hồi tôi còn trẻ, tôi không soạn thêm một ca khúc mùa Đông nào khác. Về già, trong tổ khúc *Bầy Chim Bò Xứ*, tôi mới đả động tới mùa Đông xứ lạnh quê người, có những con chim phải thổ huyết và cầu cổ tự vẫn vì buồn!

Cho tới năm 1956, nghĩa là gần hai năm sau

thời gian đi học ở Pháp, những ngày tháng sống tại miền quốc gia đầy hứng khởi này là những ngày hoàn toàn hạnh phúc của tôi. Trong gia đình, tôi sống an nhiên bên vợ hiền con ngoan. Ngoài xã hội tôi là người được ưu đãi. Trong sáng tác, tôi tìm được đường đi. Rồi tôi buông thả tình cảm ra, trước hết với thiên nhiên, sau tới với xã hội và con người. Không bao giờ tôi nghĩ rằng sự buông thả không kìm chế của tôi sẽ đưa tôi đến những đổ vỡ không tránh được.

CHƯƠNG TÁM

*Dù nhau đi trên phố vắng
Dù nhau đi trong ánh sáng...
Thương Tình Ca*



Thời yêu một Nàng Thơ...

Như đã tâm sự trong Chương 9 của cuốn Hồi Ký *Thời Thơ Ấu*, tôi biết yêu rất sớm – vào khoảng 12 tuổi – chỉ vì tôi mê đọc truyện lãng mạn và thường được người lớn kể cho nghe những truyện tình. Dục tính trong tôi còn được khêu gợi

sớm hơn nữa, ngay từ khi mới lên bảy lên tám. Được biết những bài học về tình từ lúc còn thơ rồi lớn lên với những cuộc tình quá dễ dãi, tôi luôn luôn đi trên con đường tình ái rất đổi bình yên. Trong cuộc nội tình đã trở thành duyên thành nghĩa với vợ hiền hay trong những cuộc ngoại tình hoa bướm nào đó, bao tổ chưa bao giờ đến với tôi cả.

Nhưng vào năm 1956 này, đổ vỡ đã đến qua một tai nạn ái tình xảy ra giữa tôi và người vợ của em vợ. Đây là lúc chúng tôi bị lôi cuốn vào một ngành nghề thuật rất mới mẻ là điện ảnh. Tôi vừa ở Pháp về và cộng tác chặt chẽ với anh bạn Đỗ Bá Thế mà tôi đã quen khi còn ở Paris và hứa sẽ cùng anh đi vào công việc thực hiện phim Việt Nam. Lúc đó hai hãng phim lớn ở Saigon là Đông Phương của Đỗ Bá Thế và Tân Việt của Bùi Diễm đang thi đua làm phim tố Cộng với hai cuốn phim *Đất Lành* và *Chúng Tôi Muốn Sống*. Đây cũng là lúc tôi rất hưng hăng (!) với những thành công quá dễ dãi của mình – trong cả hai địa hạt âm nhạc và điện ảnh – quên hẳn bài học bị bắt giam ở bót Catinat và cái chết của Hồ Hán Sơn, tất cả những chuyện đó xảy ra cũng vì cái tính háo thắng của tuổi trẻ.

Sự buông thả không kìm chế trong sáng tác cũng như trong đời sống hàng ngày đẩy tôi vào một cuộc tình đáng lẽ tôi nên tránh. Thành thực mà nói, tôi muốn tránh cũng không được. Vì nhu cầu của công tác điện ảnh, tôi sống quá gần gũi với người vợ của

em vợ, đôi khi còn phải sống chung ở Hồng Kông hay Manila để hoàn tất cuốn phim. Hơn nữa trong đời sống hằng ngày, lẽ ra vợ chồng tôi nên đi ở riêng sau ngày em vợ lấy vợ nhưng khi dọn tới căn nhà rất lớn đường Bà Huyện Thanh Quan, chúng tôi vẫn cứ ở gần nhau. Thế là vụ ngoại tình xảy ra. Nếu tôi sống trong một xã hội Âu Mỹ thì tai nạn ái tình này cũng dễ giải quyết, nhưng vì gia đình nhà vợ – trừ vợ tôi – đã không bình tĩnh lại còn bị hai nhà văn (!) T.N. và T.K.N. xúi giục nên đem vụ này ra chốn công khai và vì tôi đã nổi tiếng rồi cho nên, khác với câu châm ngôn tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại, chuyện không đẹp này trở thành một xì căng đan rất lớn. Báo chí ở Saigon làm âm lên đã đành, báo chí Hà Nội còn mĩa mai: Cam ở đất Bồ Hả mà đem vào trồng ở nơi không hợp với thủy thổ là hư ngay (!) Dù chưa đến độ lúc nào cũng đâm ngực thùm thụp để nhận cái tội gốc của những người mang số kiếp nòi tình, tôi luôn luôn buồn rầu khi phải nhắc lại mối tình cấm (amour défendu) mà tôi cả gan đi vào khi tôi mới ngoài 30 tuổi. Tôi chỉ buồn vì đã làm buồn lòng người vợ, người em. Buồn vì biết rằng những đổ vỡ này sẽ không bao giờ có thể hàn gắn được.

Khác với người Á Đông, thường cho rằng phúc bất trùng lai họa vô đơn chí, người Pháp có câu *à quelque chose malheur est bon*, tai họa tôi gây nên và nhận lấy không ngờ đem về cho tôi hạnh phúc.

Cuộc tình không đẹp vừa kết thúc dẫn tôi tới một cuộc tình khác. Nhưng vì kinh qua việc gây khổ đau cho mình và cho người nên tôi rất thận trọng, tự nguyện phải nâng niu cuộc tình này.

Trong Chương 25 của cuốn *Hồi Ký Thời Vào Đời*, tôi nói tới những ngày rất đẹp khi ghé lại tỉnh Phan Thiết vào năm 1944. Tại thành phố sáng sủa và ấm áp này, nhờ bài hát *Buồn Tàn Thu* của Văn Cao, tôi làm quen với một goá phụ rất trẻ có hai dòng máu Việt-Anh tên là Hélène. Nàng ở với mẹ già và hai đứa con, một gái là Alice, một trai là Roger, tại một đồn điền ở Suối Kiết, cách tỉnh lỵ không xa. Giữa chàng du ca và người cô phụ trẻ tuổi có một cuộc tình rất nhẹ nhàng và trong sạch. Mỗi tình nửa kín nửa hở được hiểu ngầm là khá say sưa. Hai người đều biết có sự yêu mến lẫn nhau nhưng không ai dám lên tiếng yêu đương cả, chẳng khác chi trong những mối tình câm lặng khi tôi mới 16 tuổi. Mỗi tình thốt lên qua những lời ca tôi mượn của Đặng Thế Phong, Lê Thương, hay Văn Cao và qua những lời thơ nàng mượn của Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu hay Huy Cận. Rất có thể vào lúc đó, tôi mang mặc cảm tự ti của anh hát rong trong gánh Cải Lương và nàng chưa ra thoát lối sống goá phụ trầm lặng, chúng tôi chỉ được coi đang ở mấp mé một cuộc tình. Suốt một tháng trời, hai người dạo chơi trên phố xá đông đảo hay trên bãi cát vắng vẻ, nói với nhau những chuyện trên trời dưới bể, chuyện con

đế con giun nhưng không bao giờ dám nắm tay nhau hay nói những lời ân ái như trong tiểu thuyết hay trên màn ảnh cinéma.

Khi tôi già từ Phan Thiết và Hélène để theo gánh hát vào Nam, nàng tiễn tôi trên sân ga xe lửa. Trên bước đường giang hồ, tôi nhận nhiều bức thư (và cả những bài thơ) của Hélène. Tôi cũng luôn luôn gửi thư cho nàng. Tất cả những chuyện gặp gỡ, gần nhau, hát và đọc cho nhau nghe những lời ca, lời thơ rồi chia tay nhau, gửi cho nhau những lá thư màu xanh màu tím... chao ôi, sao mà giống như những gì bao quanh một mối tình huyền diệu. Thực tế, đó chỉ là một mối tình suông! Cho nên khi xảy ra Cách Mạng và kháng chiến ở miền Nam khiến tôi phải chạy khỏi Saigon, leo lên xe lửa trở về miền Bắc, tàu hoả ngừng tại ga Suối Kiết mà tôi cũng không ghé thăm Hélène. Rồi kể từ đó, tôi quên nàng goá phụ trẻ tuổi.

Trở lại Saigon vào năm 1951, tôi chẳng có lúc nào nhớ tới người đẹp Phan Thiết cả. Năm tháng trôi qua với những sinh động và xuẩn động trong nghề nghiệp cũng như trong đời tư, sau tai nạn ái tình kể trên, một hôm tôi đang lang thang trước chợ Bến Thành, đột nhiên Hélène hiện ra trước mắt. Mừng mừng, tủi tủi, chúng tôi đứng nói chuyện rất lâu, biết rằng đôi bên đã có gia đình, tôi đã có bốn đứa con, nàng có thêm ba đứa con nữa. Alice và Roger đã lớn...

– Nếu “ông” rảnh rồi, xin mời lại chơi. Nhà ở ngay đầu đường Trần Hưng Đạo kia kia!

Tôi vội vàng đi theo Hélène về nhà. Hai cháu Alice và Roger chạy ra nắm tay chú. Tôi ngỡ ngàng khi thấy Alice. Cô bé giống mẹ như đúc. Cũng như các nữ sinh khác, cô bé đã biết tới những bài hát của tôi như *Tình Kỳ Nữ*, *Bên Cầu Biên Giới*, *Tình Ca*, *Tình Hoài Hương*... Có lẽ trong tiềm thức của cô thiếu nữ 16 tuổi này đã có dư hương vòng tay bế bồng của tôi lúc cô mới lên bốn cho nên cô quá quít tôi như người quen biết từ lâu.

Đang có một thảm kịch trong lòng sau vụ ái tình được cả nước biết, tôi đi tìm an ủi ở người bạn cũ Hélène. Nhất là ở người con gái giống mẹ như đúc. Trong lúc đang có cảm giác bị mọi người chung quanh khinh khi, ghét bỏ, tôi thấy người ngoại trong lòng khi nghe cả hai mẹ con nói rằng tôi chẳng có tội gì cả! Họ nói thế vì họ muốn kéo tôi ra khỏi một sự nhục nhằn, tôi biết vậy! Để ghi lại cuộc gặp gỡ này, tôi phổ nhạc một câu ca dao thành một tình khúc nhan đề *Nụ Tầm Xuân*, khi in ra có đề tặng Hệ Liên (về sau nàng lấy tên là Huệ Liên, cũng do ở tên Hélène mà ra):

Nụ tâm xuân nở ra xanh biếc

Em lấy chồng rồi anh tiếc lắm thay!

Trong suốt một năm, hằng tuần, tôi lái xe hơi tới đón Alice đi chơi. Cô bé có vẻ không yêu người cha ghê. Hình như tất cả những cô bé sớm mồ côi

cha đều không ưa người chồng mới của mẹ mình. Đã không ưa dưỡng thì chắc chắn cũng ít khi tâm sự với mẹ. Tôi là người có may mắn được nghe Alice trút bầu tâm sự của một thiếu nữ vào tuổi dậy thì. Càng nhìn mặt, càng nghe chuyện cô bé, tôi càng thấy Alice giống Hélène. Cũng vẫn giọng nói đó, cũng vẫn những chuyện tôi đã nghe nơi người mẹ, nói về cuộc đời, nói về mình, nói về người và nhất là nói về nền thi ca Việt Nam.

Thế là cái lưới ái tình chật hẹp tung lên vào năm 1944 mà không chụp vào đầu tôi, hơn mười năm sau, vì không tránh né nên tôi chui lọt vào lưới.

Một chiều mùa Thu 1957, tôi tỏ tình với Alice và được nàng ban cho một cái ừ lặng lẽ. Lúc đó, tôi có ngay quyết định là mối tình này cũng phải cao thượng như mối tình giữa tôi và Hélène. Tôi bỏ ra 10 năm để xây dựng một cuộc tình mà kết quả là một số bản tình ca soạn ra để riêng tặng nàng, từ *Thương Tình Ca* (1956) cho tới *Chỉ Chừng Đó Thôi* (1975). Nàng cũng viết ra khoảng 300 bài thơ để tặng tôi, trong đó có bài tôi phóng tác thành ca khúc:

Tôi đang mơ giấc mộng dài

Đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh...

Kể từ năm 1948 cho tới khi xảy ra vụ xi căng đan về tình, tính ra đã gần một thập niên, sau khi lấy vợ và lánh xa chính trị để sống với bản thân và gia đình, rồi đi học xa, rồi trở về “phụng sự” (!) quốc

gia, vì quá mãi mê soạn nhạc xã hội, những bài tình tự quê hương, tôi không soạn một bản nhạc tình nào cả. Vả lại, trong 10 năm trời, tôi không gặp một cuộc tình nào gọi là đáng kể. Tới khi một chuyện tình không đẹp xảy ra, trong muôn vàn đổ vỡ do tôi gây cho những người trong cuộc, có sự đổ vỡ của riêng tôi. Dù có người vợ hiền lành đại lượng, sẵn sàng tha thứ cho mình nhưng tôi vẫn chưa ngoi ra khỏi cái vực thẳm mà tôi đẩy tôi xuống. Nằm trong đáy cô đơn, tôi ngóc đầu vươn lên để soạn bài *Tìm Nhau*:

Tìm nhau trong hoa nở, tìm nhau trong cơn gió

Tìm nhau trong đêm khô hay mưa lũ

Tìm nhau khi nắng đổ, tìm nhau khi trăng tỏ

Tìm nhau như chim mộng tìm người mơ...

Khi quá đau khổ, người ta dễ dàng đi vào Đạo:

Gặp nhau trong hơi thở của cuộc đời, người ơi

Gặp nhau, hãy nép hơi im trong hương mới

Gặp nhau trong nhân tình đầy bác ái, ơi người

Gặp nhau trong kinh cầu một hồi chuông...

Tôi không ngờ trong một thời gian ngắn, tôi lại gặp được tình yêu. Tôi không lẫn tránh nó dù biết không giữ nó được suốt đời. Cuộc tình khởi sự bằng bài *Thương Tình Ca*:

Dù nhau đi trên phố vắng

Dù nhau đi trong ánh sáng

Dắt hồn về giấc mơ vàng, nhẹ nhàng

Dù nhau đi chung một niềm thương...

Biết rằng có ngày phải chia xa nhau nhưng vẫn hứa:

*Dìu nhau sang bên kia thế giới
Dìu nhau nương thân ven chín suối
Dắt dìu về tới xa vời, đời đời
Dìu nhau đưa nhau vào ngàn thu...*

Vì vấn đề chênh lệch tuổi tác cũng như vì tôi không muốn làm phiền những người chung quanh một lần nữa, tôi quyết định ngay từ lúc đầu rằng đây chỉ là một mối tình giữa hai tâm hồn mà thôi. Tôi cố gắng tránh mọi đụng chạm về xác thịt và tôi hãnh diện để nói rằng nàng vẫn là một trinh nữ khi rời xa tôi để bước chân lên xe hoa về nhà chồng. Là một nghệ sĩ, tôi cần tình yêu để sáng tác, giống như con người cần khí trời để thở. Tôi không cần phải chiếm đoạt ai cả, nhất là chiếm đoạt một người con gái còn ít tuổi. Giữa chúng tôi, không có ràng buộc, trói chặt nhau. Mỗi cuối tuần gặp nhau, thế là quá đủ. Tôi nói lên điều này qua ca khúc *Cho Nhau*:

*Cho nhau chẳng tiếc gì nhau.
Cho nhau gửi đã từ lâu
Cho nhau cho lúc sơ sinh ngày đầu
Cho những hoa niên nhịp cầu
Đưa tuổi thơ đến về đâu...*

.....

*Cho nhau làn tóc làn tơ
Cho nhau cả mắt trời cho
Cho nhau tiếng khóc hay câu vui đùa*

Cho chiếc nôi, cho nắm mỏ

Cho rồi xin lại tự do...

Vì yêu nhau nhưng không muốn chiếm đoạt nhau cho nên có thể cho nhau cả dãy Trường Sơn, cho nhau cả bốn trùng dương, quê hương xin vẫn cho nhau như thường... để rồi khi cần phải dứt tay chia đôi đường, đã giữ lại sự “tự do cho nhau” rồi thì sẽ chẳng còn gì để đòi người tình phải vương vấn hay oán trách nhau.

Tôi muốn nói qua về những tính chất nhạc tình trong Tân Nhạc Việt Nam. Khi mới thành hình, nhạc tình trong âm nhạc cải cách mang nhiều tính chất lãng mạn với những tác phẩm của Đặng Thế Phong, Lê Thương, Thẩm Oánh, Dzoãn Mẫn, v.v. Tình nhân trong những ca khúc đó bao giờ cũng phải có mùa Thu, gió heo may, sông nước, trời mây, hoa cỏ... đến để làm đẹp cho cuộc tình.

Rồi theo với thời gian, nhạc tình tiến tới giai đoạn phát triển của Tân Nhạc, nó rời khỏi khung cảnh lãng mạn (romantique) để tiến tới nhạc tình cảm tính (sentimental). Bây giờ đòi lứa yêu nhau không còn cần đến bối cảnh chung quanh nữa. Trong loại nhạc tình này, chỉ có anh với em mà thôi, nghĩa là chỉ có người nam, người nữ diu nhau đi trên đường tình. Rồi nhạc tình Việt Nam sẽ tiến tới giai đoạn não tính (cérébral) với Trịnh Công Sơn, nhục tính (sensuel) với Lê Uyên Phương, ảo tính (psychédélique) với Nguyễn Trung Cang...

Nhạc tình của tôi ra đời trong giai đoạn 58-68 nằm trong loại nhạc tình cảm tính vậy.

Sau khi diu nhau trong *Thương Tình Ca* để đi vào tình tôi soạn những bài *Ngày Đó Chúng Mình, Đừng Xa Nhau, Kiếp Nào Có Yêu Nhau*, tất cả nhấn mạnh vào chữ “nhau”:

*Ngày đó có em đi nhẹ vào đời
Và mang theo trăng sao đến với lời thơ nuôi.
Ngày đó có anh mơ lại mộng ngời
Và xe tơ kết tóc giam em vào lòng thôi...*

Georges Etienne Gauthier, trong một bài báo đăng trên *Bách Khoa* vào năm 1972 đã ví giai điệu của những bài nhạc tình này như sự vươn lên của cánh thiên nga:

*Ngày đôi ta ca vui tiếng hát với đường dài
Ngâm khê tiếng thơ, khơi mạch sâu lời (ý y y)
Ngày đôi môi đôi môi đã quyết trời đời người
Ôi những cánh tay đan vòng tình ái (ó ơ ờ)
Ngày đó có ta mơ được trọn đời
Tình vươn vai lên khơi tới chín trời mây khói
Ngày đó có say duyên vượt biển ngoài
Trùng dương ơi! Giữ kín cho lâu đài tình đôi...*

Nhưng dù nét nhạc, lời ca có đẹp đến mấy tôi cũng biết rằng không thể nào giữ được người tình suốt đời. Cho nên:

*Ngày đó có em ra khỏi đời rồi
Và mang theo trăng sao chết cuối trời u tối
Ngày đó có anh mê mãi tìm lời*

*Tìm trong đêm rách rưới con mơ nào lẻ loi?
Rồi tiên đoán ngày xa nhau:
Ngày đó có bơ vơ lạc về trời
Tìm trên mây xa khơi có áo dài khăn cưới
Ngày đó có kêu lên gọi hồn người
Trùng dương ơi! Có xót sa cũng hoài mà thôi...
Mới yêu nhau mà đã lo sợ ngày xa nhau. Chúng
tôi đã khuyên nhau:
Đừng xa nhau!
Đừng quên nhau
Đừng rẽ khúc tình nghèo
Đừng chia nhau nỗi vui, niềm đau
Đừng buông mau
Đừng dứt áo
Đừng thoát giấc mộng đầu
Dù cho đêm có không bền lâu
Dù mai sau dặt nhau mà qua cầu
Mồ chôn sâu ánh trăng vàng mái lầu
Đừng xa nhau nhé
Đừng quên nhau nhé
Đừng chia nhau núi cao vực sâu
Đừng xa nhau
Đừng quên nhau
Đừng dứt tiếng ngâm sầu
Đừng im hơi đắng cay rời nhau
Đừng đi mau, để mãi mãi
Là chiếc bóng đậm màu
Còn theo nhau tới muôn đời sau...*

Trong lúc này, một người bạn gái cũ là Hoài Trinh ở Paris gửi về cho tôi nhiều bài thơ hay trong đó có bài *Kiếp Nào Có Yêu Nhau* mà tôi thấy rất phù hợp với thứ tình xanh vẫn còn lo sợ của tôi. Cho nên tôi vội vàng phổ nhạc ngay:

Đừng nhìn em nữa anh ơi!

Hoa xanh đã phai rồi, hương trinh đã tan rồi

Đừng nhìn em

Đừng nhìn em nữa anh ơi

Đôi mi đã buông xuôi, môi nhẵn đã quên cười

Hắn người thôi đã quên ta

Trăng Thu gãy đôi bờ, chim bay xú xa mờ

Gặp người chẳng

Gặp người chẳng, nhấn cho ta

Hoa xanh đã bơ vơ, đêm sâu gối ơ thờ

Kiếp nào có yêu nhau, thì xin tìm đến mai sau

Hoa xanh khi chưa nở, tình xanh khi chưa lo sợ

Bao giờ có yêu nhau, thì xin gạt hết thương đau

Anh đâu anh đâu rồi?

Anh đâu anh đâu rồi?

Đừng nhìn nhau nữa anh ơi

Xa nhau đã xa rồi, quên nhau đã quên rồi

Còn nhìn chi

Còn nhìn chi nữa anh ơi

Nước mắt đã buông xuôi, theo tiếng hát qua đời

Đừng nhìn nhau nữa... anh ơi...

Những bạn bè yêu nhạc thường hỏi tôi về cái gọi là bí quyết phổ nhạc. Ấu là tôi xin phép nữ sĩ Hoài

Trình cho tôi được in ra sau đây nguyên bản của bài thơ để bạn so sánh:

*Anh đừng nhìn em nữa
 Hoa xanh đã phai rồi
 Còn nhìn em chi nữa
 Xót lòng nhau mà thôi.
 Người đã quên ta rồi
 Quên ta rồi hẳn chứ?
 Trăng mùa thu gãy đôi
 Chim nào bay về xứ?
 Chim ơi có gặp người
 Nhắc dùm ta vẫn nhớ
 Hoa đời phai sắc tươi
 Đêm gối sầu nức nở.
 Kiếp nào có yêu nhau
 Nhớ tìm khi chưa nở
 Hoa xanh tận nghìn sau
 Tình xanh không lo sợ.
 Lệ nhòa trên gối trắng
 Anh đâu, anh đâu rồi!
 Rượu yêu nồng cay đắng
 Sao cạn mình em thôi!*

Chắc bạn đọc cũng thấy bài thơ phổ nhạc được tôi thêm câu, thêm chữ. Phổ nhạc là chấp cánh cho thơ bay cao. Bài thơ ngắn ngủi, cô đọng này, vì có thêm chữ nên không còn tiết vận đều đều, bằng phẳng nữa. Bây giờ nó quay cuồng theo nét nhạc, câu nhạc. Giai điệu của câu *đừng nhìn em, nữa anh*

oi chuyển rất đột ngột, đi từ nốt trầm lên nốt cao nhất với hai nhảy bậc quãng 5 để diễn tả sự tột độ của tình cảm. Cái *syncope* sau câu *đừng nhìn em làm* cho mọi người thấy được sự ghen ngạo của bài thơ và bài hát.

Đây cũng là lúc mà những bài thơ rất hay như *Vân Thơ Sầu Rụng*, *Hoa Rụng Ven Sông*, *Thú Đau Thương* của Lưu Trọng Lư, *Ngâm Ngủi* của Huy Cận, *Mộ Khúc* của Xuân Diệu, *Tình Quê* của Hàn Mặc Tử và *Tỳ Bà* của Bích Khê... được tôi biến thành những ca khúc để mỗi cuối tuần gặp người yêu-thi sĩ thì tôi hát tặng Nàng.



Với Cung Trầm Tưởng, thăm bức tường lưu niệm Vietnam War.

Lại có thêm Cung Trầm Tưởng, một thi sĩ trẻ vừa ở Paris về, đưa cho tôi mấy bài thơ để phổ nhạc như *Tiểu Em*, *Mùa Thu Paris*, *Chiều Đông*, *Kiếp Sau*, *Về Đây*, *Bên Ni Bên Nó*... trong đó, có hai bài hát về Paris do các nữ ca sĩ trẻ đẹp như Thanh Thúy, Thu

Hương, Lê Thanh trình bày hằng đêm tại các phòng trà và được khán giả hoan nghênh. Những bài thơ phổ nhạc đó trở thành những tình khúc của một thời, thi tứ chắc chắn là của các thi sĩ nhưng động lực khiến tôi phổ nhạc, chính là Nàng Thơ của tôi.

Trong số bài thơ phổ nhạc vào lúc này, bài *Ngâm Ngùi* thành công nhất.



Với Huy Cận, Hanoi 2000.



Lệ Thu làm cho bài *Ngâm ngùi* trở thành bất hủ.

Bài thơ của Huy Cận cũng đã được đàn anh Lê Thương phổ nhạc từ năm 1943 hay 44 gì đó. Tiếc thay, thiên hạ không có dịp hát nó. Tôi may mắn hơn chàng Lê, vừa tung bài thơ phổ nhạc ra là mọi người biết ngay. Được Anh Ngọc hát lần đầu tiên rồi được Lệ Thu làm nó trở thành bất hủ, bài thơ của Huy Cận do tôi phổ thành ca khúc là một thứ giao lưu văn nghệ xảy ra ngay từ lúc này. Nguyên bài thơ đã là một giao lưu giữa thơ Đường và thơ lục bát Việt Nam rồi.

Thơ hiện diện từ mấy chục năm trước, được trở thành nhạc vào lúc Việt Nam bị phân chia, ca khúc *Ngâm Ngùi* của Huy Cận-Phạm Duy giao tiếp hai thời thanh bình và khói lửa, giao hoà hai nghệ sĩ ở hai miền đối nghịch. Về phương diện thẩm âm, thẩm mỹ, bài đó xung tưng một cái đẹp sắp sửa mất, đang mất hay sẽ mất, với lời thơ êm ả, buồn ngùi, thương tiếc, với nhạc điệu ôm ấp, vỗ về, an ủi. Hãy trả lại chúng tôi **mộng bình thường** mà có lẽ chúng tôi đã, đang hay sẽ mất. Tôi cố tình dùng hơi “oán” trong bài ca:

– *Phải nhấn giọng ở chữ “bãi” trong câu nắng chia nửa bãi chiều rồi, như ta hát Vọng Cổ, nghe không ca sĩ...*

Suốt mấy chục năm liền, *Ngâm Ngùi* được hát liên miên. Ca sĩ mới ra lò ở Mỹ hiện nay (1991) dù đã ngọng tiếng Việt, cũng vẫn hát *Ngâm Ngùi* như thường. Đường như chưa hề ra thoát một u buồn

triển miên, chúng ta không ngưng nghỉ ru nhau
vào giấc mộng bình thường:

Ngủ đi em mộng bình thường

Ru em sẵn tiếng thùy dương đôi bờ

Ngủ đi em! Ngủ đi em!

CHƯƠNG CHÍN

*Mang ơn đời nâng đỡ, dâng nắm mồ thô sơ
Với dâng hương hồn thương nhớ
Còn vấn vương trong chiều tà...
Tạ Ôn Đời*



1955, đã biết “tạ ơn đời” từ lúc này rồi...

Sau khi đất nước chia đôi, chỉ trong vòng vài ba năm, **Tân Nhạc** tiến từ thời thành lập tới thời phát triển. Ở miền Bắc nó nằm trong tay Nhà Nước, nhạc sĩ, ca sĩ đều trở thành văn công. Ở miền Nam, nằm trong tay tư nhân, ngành nhạc đi tới chỗ loạn phát. Dưới thời thịnh của ông Diệm, trong phạm

vi văn nghệ, xã hội miền Nam – mệnh danh là tự do – là một xã hội có kiểm duyệt, dù lỏng lẻo. Hệ thống thông tin quần chúng như nhật báo, radio phải qua kiểm duyệt. Âm nhạc, muốn phổ biến rộng rãi, phải qua Đài Phát Thanh và chịu sự kiểm soát của Phòng Văn Nghệ. Muốn phát hành bản nhạc, đĩa hát, băng nhạc cũng phải qua kiểm duyệt. Nhưng bên cạnh bộ máy kiểm duyệt này, Nhà Nước cũng có một hệ thống sản xuất riêng. Các Đài Phát Thanh Quốc Gia hay Quân Đội có hàng chục các ban nhạc và hàng trăm các bản nhạc phục vụ thông tin tuyên truyền. Trong sinh hoạt chung, có một nền nếp rõ ràng: Những bản nhạc đánh vào lý trí hay vào xúc cảm (một cách guồng ép) của dân chúng thì có guồng máy thông tin của Nhà Nước. Về phía tư nhân, nhạc sĩ độc lập cứ việc soạn nhạc tình cảm dù vẫn phải qua kiểm duyệt. Dần dần nó bị cơ cấu hoá và người ta cho rằng đánh vào lý trí, để Nhà Nước làm là đúng lắm. Vô hình trung có sự phân công rõ rệt giữa dân chúng và chính quyền. Nhà Nước làm chuyện thông tin tuyên truyền, tư nhân làm chuyện văn nghệ thuần túy, như thế là rất quân bình, đôi bên bổ túc cho nhau.

Do đó, dù là cơ quan Nhà Nước, các Đài Phát Thanh cũng giúp nghệ sĩ tư nhân địa bàn hoạt động. Đó là lúc những Tổng Giám Đốc và Trưởng Phòng Chương Trình hay Phòng Văn Nghệ là những văn nghệ sĩ có tâm và có tài như Vũ Đức Vinh (văn sĩ

Huy Quang), Phạm Hậu (thi sĩ Nhất Tuấn), Phạm Xuân Ninh (thi sĩ Hà Thượng Nhân), nhạc sĩ Vũ Thành, Nguyễn Hiền, văn sĩ Văn Quang. Vũ Thành còn lợi dụng phòng kiểm soát của Đài để bắt các trưởng ban nhạc phải soạn hoà âm đứng đắn cho từng bản nhạc trong chương trình.

Đài Quốc Gia còn có hẳn những chương trình giúp cho tân nhạc phát huy một cách rộng rãi do các nhà văn, nhà báo Phan Lạc Phúc, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Quang Hiện, Trần Dạ Từ phụ trách. Rồi có lúc loại nhạc vàng lên cao vùn vụt. Như đã nói ở trên, vì ngành nhạc ở miền Nam nằm trong tay tư nhân với những phương tiện phổ biến dồi dào như việc ấn hành những bản nhạc rời, việc lăng xê bài hát trên đài phát thanh, việc thu đĩa, thu băng nên nó trở thành món hàng tiêu thụ, tức là nhạc thương phẩm với những ca khúc rất dung tục, ít thi tứ vì chạy theo thị hiếu thấp của quần chúng.¹ Nếu không có các nhà văn, nhà báo với những chương trình phát thanh kể trên hết lòng giới thiệu thì những nhạc phẩm đứng đắn không được dân chúng biết. Tôi mang ơn những người phụ trách các chương trình phát thanh đó. Họ giúp tôi trấn tĩnh với thính giả mỗi khi tôi tung ra một loại ca mới nào. Tôi luôn luôn được phỏng vấn. Trả lời câu hỏi của Nguyễn Đình Toàn trong chương trình nhạc chủ đề của Đài Saigon, tôi nói vào lúc đó

– khoảng cuối thập niên 50 – đối với tôi, chỉ có ba điều quan trọng: **tình yêu, sự đau khổ và cái chết.**

Với cuộc tình vừa kể ở chương trước, tôi đã soạn ra những bài hát xung tụng tình yêu của chính tôi, trong đó biết bao nhiêu điều hạnh phúc được nói lên. Còn hạnh phúc nào hơn sự diu nhau đi trên phố vắng nhỉ? Bạn đọc còn nhớ chứ, mỗi năm Saigon đều có những ngày mưa rất đẹp. Mưa ào ào trên đầu của những tình nhân rồi lại tạnh ngay. Mưa từng là vụn cổ sầu của Đặng Thế Phong, là sầu thiên thu nhưng cũng là mưa hạnh phúc của những tình nhân Saigon. Bài hát nhan đề *Mưa Rơi*:

*Mưa đi từ tuổi thơ,
Mưa theo cuộc tình tơ
Mưa rơi bạc đầu ai mong nhớ mưa...*

.....

*Mưa rơi vào lòng ta
Mưa rơi vào tình ta
Có hay chăng là mưa rơi vì chúng ta
Mưa rơi, và còn rơi
Không bao giờ mưa ngơi
Không bao giờ ta nguôi yêu người ơi...*

Đã nhiều lần, như một sinh viên 18 tuổi, tôi đưa em về nhà em khi mưa rơi ngoài đường đêm (đường phố Saigon) và mưa vui mừng quán quýt dưới chân em...

*Mưa rơi lạnh trời đen
Mưa trong lòng lên men*

Mưa cho lửa tình thêm chút yếu mềm...

Đối với tôi, mưa rơi ngoài hè đêm, như đôi bàn tay tiên, ru nhẹ nhẹ một ca khúc không tên. Và tôi xin mưa cứ rơi đi, rơi mãi nhé, ôi những giọt mưa to nhỏ triền miên, mưa trên đầu vô biên, mưa áp ủ tình duyên thêm vững bền. Xin mưa cứ rơi trên đầu những kẻ đang dìu nhau đi trên phố vắng!

Xung tưng bước đi trên phố mưa, phố vắng của người tình qua bài *Mưa Rơi* vừa rồi, tôi còn có thêm một bài hát *Đường Em Đi*:

*Đường em có đi
Hàng đêm gót hoa
Nở những đoá thơ ôi dị kỳ
Đường em có khi
Chờ em bước qua
Là nghiêng giấc mơ ước thể
Ngàn sao sáng xa nhìn em thuốt tha
Rụng rơi vương mây tóc ngà
Đường thom bóng gầy, nhạc run lá bay
Hàng cây thiết tha đắm say...*

Đây cũng là lúc tôi hoàn tất trường ca *Con Đường Cái Quan*. Trong khi tôi rảo bước trên con đường tử sinh của dân tộc, tôi cũng không quên con đường tình của mình:

*Đường em cứ đi
Tình ta cứ xây
Chờ em thoát thai quay đường về.
Đường quanh khúc co*

Nhịp chân trời vo

Đường duyên ấm vui, đường mơ...

Hạnh phúc trong cuộc tình này khiến cho tôi
như sống trong cơn Mộng Du:

Đêm đêm người mở lòng ra

Ôm ta trong cõi mơ hồ.

Giã từ đời bằng hơi gió

Hoá hồn theo cánh mây xa...

.....

Êm êm người dệt bài thơ

Nâng ta trong lưới mơ hồ

Ta về lòng người bỏ ngõ

Khóc cười như bé bơ vơ

Ta theo đường mộng còn lừa

Hương đưa vào nẻo ngàn thu

Người về tay ngà thương nhớ

Kêu ta bằng một lời ru...

Nhưng trong hạnh phúc của cuộc tình đã thấy le
lói sự khổ đau. Tôi tự biết không giữ được cuộc tình
nên tôi than:

Nếu một mai em sẽ qua đời

Hoa phủ đầy người

Xe nhịp đầm khơi, xa xôi...

Với bài *Nếu Một Mai Em Sẽ Qua Đời* này, tôi nghĩ
tới ngày xa nhau. Với hoa phủ đầy người, người yêu
lên xe hoa. Xe hoa là xe tang hay xe cưới? Chỉ biết
em sẽ qua cầu, em sẽ xa anh:

Nếu một mai không còn ai

*Đứng bên kia đời trông vời vói
 Không còn ai! Đâu còn ai?
 Trong ngày mai, có dư hương người
 Chỉ là trắng trời mà thôi
 Nếu về sau em có qua cầu
 Không chẳng vì sầu, thương chẳng còn đâu?
 Mà nói chuyện quên nhau
 Nếu vì sao, quay gót cuốn mau
 Dấu chân sâu in vết không lâu
 Chẳng nợ gì nhau...*

Xa nhau rồi hết nợ nhau nhé! Rồi còn gì nữa đâu mà tưởng nhớ nhau? Mà oán trách nhau? Mà phải khóc nhau? Mà gọi mãi nhau? Bài *Còn Gì Nữa Đâu* được soạn ra ngay từ lúc này, nghĩa là sáu, bảy năm trước khi xa nhau:

*Còn gì nữa đâu?
 Mà kể với nhau
 Vết thương đầu ngày nào
 Có sống bao đời sau
 Thì đà mất nhau
 Còn gì nữa đâu?*

.....

*Còn gì nữa đâu?
 Mà gọi mãi nhau...*

Hạnh phúc gắn liền với đau khổ trong vấn đề tình yêu được thể hiện trong một số bản nhạc tình, đúng như tôi trả lời người phỏng vấn Nguyễn Đình Toàn trong chương trình văn học nghệ thuật

vào cuối năm 1959. Thế cái chết thì sao? Xin thưa ngay rằng tôi rất sợ chết. Luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết. Tôi từng chứng kiến, lúc còn bé hay khi bước vào đời những cái chết đáng sợ: xác người treo cổ hay trảm mình ở Hồ Guom, cái chết của thằng bạn nhỏ phố Hàng Dầu, của chị Sâm, xác bạn đồng ngũ ở chiến khu Baria, của người dân quân ở huyện Gio Linh v.v... Tôi còn bị ám ảnh bởi cái chết của chính tôi nữa. Sinh ra khi người cha đã mang trọng bệnh, tôi là đứa bé không đến nỗi quá gầy ốm nhưng cũng chẳng béo tốt gì. Khi lớn lên, ham mê điên kinh rồi được làm nghề lao động chân tay, còn được về sống trong không khí đồng quê trong sạch nữa nên ít khi tôi bị đau ốm. Nhưng khi lâm bệnh thì toàn là bệnh nặng.

Con người sống mạnh khoẻ là nhờ con tim và bộ phổi tốt. Trong chuyến vượt Trường Sơn vào Bình-Trị-Thiên, phải đi bộ và leo núi quá sức mình, quả tim của tôi bị nở ra khiến tôi khổ sở ở chiến khu Ba Lòng và phải trở ra Thanh Hoá bằng đường biển. Vào Saigon, thỉnh thoảng thấy có sự trục trặc trong quả tim hơi to của mình, cuối cùng tôi nhờ ông lang người Tàu Chợ Lớn bốc cho khoảng 100 thang thuốc trong đó có thứ quế Việt Nam (theo ông ta nói) có khả năng làm cho quả tim không nở to ra nữa. Những ngày làm thợ ở Moncay, phải sống quá nhiều với thán khí của lò rèn và của nhà máy phát điện, tôi bị đau phổi phải vào nhà thương để

chữa bệnh thổ huyết. Từ đó, trên đầu cuống phổi của tôi, có một bướu nhỏ. Những khi làm việc quá sức, vết thương nhỏ lại ứa máu ra, thường thường là vào khoảng một hay hai giờ sáng. Tôi lo sợ vì trong gia đình tôi có hai người chết vì ung thư là mẹ tôi và anh Nhượng. Hơn nữa, ở chung với gia đình nhà vợ, tôi được một người thân tặng những vi trùng mang tên bacille de Kock nhờ tôi là công chức và phải khám sức khỏe nên bệnh lao được phát giác và chữa chạy trong hai năm. Cũng may tôi không hút thuốc lá và uống rượu nên hai bệnh tim và phổi này không có cơ hội phát triển dù nhịp độ mệt tim và thổ huyết tăng lên với tháng năm. Chỉ mãi gần đây, sau một cơn thổ huyết quá nặng, được đưa vào bệnh viện Hoa Kỳ để đốt vết sẹo đó bằng tia laser rồi được phòng thí nghiệm cho biết *tumeur* không có ác tính. Từ đó (tháng 4 năm 1990) tôi mới hết sợ chết. Trước đó, quả rằng trong những ca khúc của tôi, cái chết luôn luôn được đề cập.

Những cái chết trong kháng chiến tôi đã nói lên rồi. Bây giờ trong nhạc tình có phảng phất bóng dáng của Nữ Thần vác lưỡi liềm dài. Trong bài *Nước Mắt Rơi* soạn năm 1961 chẳng hạn, tôi nói tới cuộc đời ngắn ngủi của giọt lệ. Giọt nước mắt ra đi từ bờ mi rồi về chết trên bờ môi. Trong hành trình rất là ngắn ngủi đó, nước mắt là ngọt bùi của đời lứa, là mặn đắng của khổ đau, là tình tình nữ, là hồn thơ, là đời hoa sớm nở tối tàn, là tuổi lệ nhỏ nhoi hay

là biển nước mắt bao la của chúng ta. Là nước mắt không mùi và còn là giọt nước mắt khô nữa:

Nước mắt rơi cho tình ra đời

Nước mắt theo duyên về xa vời

Mùa Xuân ngời trôi dòng lệ vui nhỏ bé xanh tươi

Nước mắt xuôi cho người gặp người

Nước mắt len sau từng nụ cười

Lệ ngọt bụi say đời rủ nhau tìm lối ra khơi

Nước mắt rơi trên đường đã dài

Nước mắt đưa chân về cõi đời

Giọt lệ vàng không mùi ngược trôi về với đơn côi

Nước mắt êm đi vào tuổi trời

Nước mắt khô âm thầm không lời

Vài giọt sầu lững lờ dựa nhau về chết trên môi..

Rồi tôi nói tới cái chết của chiếc lá trên đường chiều. Lá đang như chiếc thuyền rung rinh trong gió, bỗng nghe tiếng đất gọi về, lá rụng để trở thành những ngôi mộ ủa trên đường chiều, nơi đó có tôi và người yêu đang đi trong cuộc tình:

Chiều rơi trên đường vắng có ta rơi giữa chiều.

Hồn ta theo vật nắng, theo làn gió dịu hiu...

Tôi nhìn chiếc lá vàng bay giống như di vãng gầy, tóc buông dài, bước ra khỏi tình phai. Tôi nhìn chiếc lá vàng rơi giống như chút hơi người già ơn đời trên nẻo đường hấp hối. Chiếc lá vàng êm, như mũi kim mềm sẽ khâu liền kín khung cửa tình duyên. Chiếc lá vàng khô, như nét môi già đã nhăn chờ lên nẻo đường băng giá. Để chiều không chiều

nữa, và đêm lẫn lửa, chẳng thương chẳng nhớ. Để
những lệ buồn cánh khô, rơi rớt từ một cõi mơ,
nghe đất gọi về tiếng ru hững hờ...

*... Còn rơi rụng nữa,
Cành khô và lá
Thành ngôi mộ úa
Chờ đến một trận gió mưa
Cho rửa tình già xác xơ
Cho biến thành nhựa sống nuôi tình thơ*

.....

*Chiều tan trên đường tối, có ta như rã rời
Hồn ta như gò mối đang chờ phút đầu thai....*

Dù sao, vào lúc này – đầu thập niên 1960 – tôi
đang sống một cuộc đời rất phi nguyện. Tôi có đầy
đủ vinh quang và tui nhục, hạnh phúc và khổ đau
dù tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết. Sống được
quá nửa đời mình rồi, tôi gẫm thân:

*Ôi một lần nuơng nấu!
Đi trên đời chẳng lâu
Trong trăm mùa Xuân héo
Tay hái biết bao niềm yêu
Dăm eo sèo nhân thế
Chưa phai lòng say mê
Với đôi ba lần gian dối
Đời vẫn ban cho ngọt bùi...*

Rồi nghĩ tới một ngày sẽ phải xa đời vĩnh viễn,
tôi soạn bài *Tạ Ôn Đời*:

Mang ơn đời chẵn vỏ

*Dâng cho người yêu goá
Dâng cây đàn bơ vơ
Dâng biết bao ân tình xưa
Mang ơn đời nâng đỡ
Dâng nắm mồ thô sơ
Với dâng hương hồn thương nhớ
Còn vấn vương trong chiều tà...*

Trong những Chương tới, bạn đọc thân mến sẽ còn thấy, trong những xu hướng khác với xu hướng nhạc tình của tôi, ba vấn đề **Tình Yêu, Sự Đau Khổ và Cái Chết** vẫn còn ám ảnh tôi hoài...

¹ Có lẽ vì bài *Tiểu Em* được hoan nghênh nên đã có các bản nhạc khác ra đời cũng lấy chủ đề là sự tiễn đưa nhau ở sân ga như: *Ga Chiều, Buồn Ga Nhỏ, Ga Chiều Phố Nhỏ, Tàu Đêm Năm Cũ, Hai Chuyến Tàu Đêm, Chuyến Tàu Hoàng Hôn, Chuyến Tàu Về Quê Ngoại, Chuyến Tàu Tiểu Biệt*, v.v. Nên biết rằng vào thời điểm này, chỉ còn rất ít nhà ga hoạt động vì đường xe lửa ở miền Nam luôn luôn bị Việt Cộng phá hoại.

CHƯƠNG MƯỜI

*Cụ già châm điếu ngon trên sàn
Kể chuyện Cao Nguyên xưa, véo von...
Mùa Xuân Trên Buôn*



1955, đi Cao Nguyên, sưu tầm Nhạc Thượng...

Tôi đã có dịp nói tới sự phân công ngầm giữa các chính quyền quốc gia và văn nghệ sĩ tự do ở miền Nam trong phạm vi văn hoá: chính quyền làm công việc thông tin tuyên truyền, tư nhân làm công việc phát huy văn học nghệ thuật.

Trong thời gian mấy năm đầu của chính phủ Ngô Đình Diệm, với tinh thần hưng khởi của dân

chúng trước những công trình xây dựng của Nhà Nước, phải công nhận là có một sự tung bừng trong các hoạt động văn nghệ. Ngoài những tổ chức giúp đỡ cho sự phát triển của của văn nghệ tư nhân lẫn văn nghệ chính phủ như Văn Hoá vụ, Đài Phát Thanh... Nhà Nước cho thành lập những trường đào tạo nhạc sĩ và hoạ sĩ là Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Trường Mỹ Thuật, không những ở Saigon mà còn ở những thành phố lớn khác nữa. Như đã nói ở trên, nếu chính phủ không giúp đỡ ngành nhạc một cách tích cực hơn thì trong ngành hoạ, sự thành lập các trường Mỹ Thuật và những cuộc Triển Lãm mùa Xuân do chính quyền tổ chức khiến cho khá nhiều hoạ sĩ trẻ có tài xuất hiện bên cạnh các hoạ sư đàn anh.

Chính quyền cũng đặt phần quan trọng vào điện ảnh, một ngành rất lợi hại trong việc thông tin đại chúng. Một mặt Nhà Nước khuyến khích các hãng sản xuất phim tư nhân như Đông Phương của Đỗ Bá Thế, Tân Việt của Bùi Diễm, Alpha của Thái Thúc Nha (làm phim chống Cộng). Mặt khác, Trung Tâm Điện Ảnh được xây dựng ở đường Thi Sách để đào tạo các chuyên viên. Vì mê điện ảnh từ nhỏ, bây giờ được Giám Đốc Trần Văn Bữu (mà tôi quen hồi còn du học ở Paris) mời cộng tác, tôi vào làm việc với Trung Tâm trong 10 năm, khởi đầu là người viết truyện phim rồi leo dần tới địa vị Phó Giám Đốc.

Những hoạt động của Nhà Nước qua các cơ sở vừa kể cộng với những hoạt động chung của đồng đảo văn nghệ sĩ Bắc Kỳ di cư và gốc địa phương làm cho bộ mặt văn học nghệ thuật miền Nam trong thời kỳ thịnh trị của nhà Ngô là một thứ trăm hoa đua nở thực sự. Văn học phát triển mạnh nhờ số người đọc tăng lên dữ dội. Trước đây, độc giả miền Nam là đối tượng khá lớn của nền văn học đến từ phương Bắc. Sau chuyển di cư của gần một triệu người, miền Nam chật chội những cây viết đã nổi danh hay sắp nổi danh. Con số độc giả đến từ hai miền ngoài cộng với số độc giả địa phương làm cho số người ưa đọc sách báo ở miền Nam nhân lên thành ba. Từ thời tiền chiến cho tới lúc này, nền văn học cận đại thường đi qua ngả báo chí trước khi xuất hiện bằng ấn phẩm. Hoặc nó mang tính chất canh cải phong hoá và thẩm quan của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Hoặc đó là thứ văn học xã hội của nhóm Tân Dân.

Rồi có dòng thơ mới rất lãng mạn ra đời và phát triển mau lẹ ở bất cứ nhóm nào. Trong âm nhạc và kịch nghệ, có phong trào cải cách, cải lương. Thời Cách Mạng và Kháng Chiến, một dòng văn học nghệ thuật mang tính chất hiện thực xã hội xuất hiện. Sau 1954, những người từ chiến khu trở về như Nguyễn Văn Xuân, Đỗ Tấn, Võ Phiến – trụ trì ở Huế – thành lập một nhóm văn nghệ chủ trương hiện thực mới. Từ Hà Nội vào Saigon, Phạm Việt

Tuyền, Hiếu Chân, Như Phong, Mặc Thu... qua báo *Tự Do*, chủ trương văn hoá phương Nam đối đầu với văn hoá phương Bắc. Nhóm *Sáng Tạo* với Mai Thảo, coi mình là văn hoá vượt vĩ tuyến thì phải vượt luôn những xu hướng họ cho là không thuộc về hôm nay. Họ muốn khai tử nền văn nghệ tiền chiến, muốn phá vỡ văn học tả chân, lãng mạn, khái niệm hay luận đề của văn nghệ hôm qua. Nhóm Quan Điểm với Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ... xuất hiện không qua ngả báo chí, với những tác phẩm nặng về chính trị, vì muốn chống lại văn chương miền Bắc nên đề cao giai cấp tiểu tư sản. Nhà văn kiêm chính trị gia Nhất Linh, linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn, bây giờ xuống núi để gây dựng nhóm Văn Hoá Ngày Nay.

Trong mọi xu hướng của văn học nghệ thuật miền Nam vào lúc của chính quyền lẫn tư nhân đều hoạt động tung bùng như thế, có phong trào **về nguồn**. Rất có thể vì miền Nam đã khởi sự có sự hiện diện của người Mỹ và vì phong trào dịch thuật quá mạnh, ai cũng muốn quay về với tình tự dân tộc mà riêng trong ngành nhạc, tôi là người khởi sự đưa ra từ 1952.

Đây cũng là lúc tôi nhận thấy thanh thiếu niên thời đó không biết gì về dân nhạc Việt Nam (dân ca cổ truyền hay cải tiến). Tôi thực hiện tại hai đài phát thanh Quốc Gia (đài Saigon) và Tự Do (đài Voice of Freedom) những chương trình nhan đề

Dân Ca Dẫn Giải. Tôi mời thánh giả nghe mục *Gia Tài Âm Nhạc* (musical heritage) với các bài bản chọn lọc kèm lời bình luận của tôi. Muốn có tài liệu phát thanh, tôi đi Cao Nguyên để thu thanh nhạc Thượng, đi Phan Rang thu thanh nhạc Chăm, đi Huế thu thanh nhạc Triều tức nhạc cung đình (musique de Cour), đi Cần Thơ, Bến Tre... thu thanh các giọng Hồ miền Nam. Đó là chưa kể đi tìm đồng bào di cư gốc Nghệ An, Hà Tĩnh để thu thanh Hát Giặm.

Rồi tôi chọn một số bài dân ca cổ truyền để phóng tác thành những bài dân ca phục hồi theo kiểu **bình cũ rượu mới** như hồi đi kháng chiến. Tôi không ngần ngại thêm lời, thêm nét nhạc vào những bài dân ca cổ. Những bài dân ca miền xuôi nằm trong các thể hát vặt, hát ví, hát quan họ, hát chèo, hát ả đào khi xưa như **Lý Cây Đa, Qua Cầu Gió Bay, Cây Trúc Xinh, Chuốc Rượu, Se Chỉ Luôn Kim, Trán Thủ Lưu Đồn...** được tôi phục hồi và hiện đại hoá.

Phục hồi có hai cách. Một là giữ nguyên điệu cũ nhưng thêm lời ca phù hợp. Hai là phải tạo lời ca mới. Chẳng hạn khi xưa, trong bài ca xưng tụng cô gái miền quê, có câu hát Trúc xinh trúc mọc bờ ao, chi Hai xinh, chị Hai đứng chỗ nào cũng xinh... thì bây giờ, vì chị Hai đã vào Saigon rồi, ta nên có lời ca phù hợp:

Trúc xinh trúc mọc cạnh buy-in đình

Chi Hai xinh, chị Hai đúng tình lắm thay...
Tôi cũng soạn thêm lời ca mới cho bài *Lý Che*
Hường. Câu:

Trông hường phải khéo che hường
Nắng che mưa đây cho hường trở bông...
... bây giờ có thêm hai câu hát:
Trông hường giờ nón che hường
Nhớ em không quên bước đường, đường xa.
Trông hường giờ nón che hường
Ngất bông hoa đẹp tặng cho nường đẹp hơn...
Bài Hái Hoa, nguyên văn chỉ có một đoạn:
Hỡi bạn đường ta
Hái hoa cho khéo
Hoa nào heo héo
Thì hái bỏ đi
Chớ để làm chi
Ừ ư ư ừ hoa tàn...

... Tôi soạn thêm 3 đoạn nữa:

Gió thổi từ xa
Cánh hoa phơi phới
Yêu làn hương mới
Chẳng nở bẻ hoa
Gió thổi từ xa, ừ ư ư ừ hoa cười...
Bướm đẹp vờn hoa
Bướm mon đôi má
Hoa nào thương nhớ
Thì chóng già nua
Bướm chỉ nhón nhơ

Ứ ứ ừ ừ hoa sâu...

Lũ trẻ đùa hoa

Ngắt hoa không tiếc

Hoa còn trinh tiết

Còn thiếu tình duyên

Chờ để vườn tiên

Ứ ứ ừ ừ hoang tàn...

Sau khi Việt Nam Cộng Hoà được nhiều quốc gia trên thế giới công nhận, có nhiều vụ trao đổi văn hoá giữa nước ta và các nước bạn. Cùng với các bạn nghệ sĩ khác, tôi được cử đi Phi Luật Tân, Nhật Bản, Thái Lan để giới thiệu văn nghệ Việt Nam. Và với ít nhiều kinh nghiệm bang giao, tôi thường có mặt trong những buổi đón tiếp các phái đoàn văn nghệ nước ngoài, ví dụ đoàn vũ trống của Đại Hàn, đoàn Moral Rearmement của Mỹ...

Khi một số nhạc sĩ dân ca Hoa Kỳ tới Việt Nam để trình diễn, tôi luôn luôn là người được cơ quan văn hoá của Nhà Nước hoặc được Toà Đại Sứ Mỹ nhờ tiếp đón và hướng dẫn các sứ giả âm nhạc đó. Tôi lợi dụng những cuộc tiếp xúc như vậy để trao đổi tài liệu với các nhạc sĩ Mỹ. Do đó một số bài dân ca phục hồi được các bạn nhạc sĩ Mỹ soạn lời ca Anh ngữ khiến cho về sau, khi gia đình tôi di cư qua Mỹ, chúng tôi có sẵn một số dân ca Việt Nam để hát cho dân chúng Hoa Kỳ nghe như *Full Moon Fair Song, The Wind On The Bridge, The Pretty Bamboo Tree, Don't Pick The Flower When It's Blooming* v.v...

Kể cả bài dân ca kháng chiến *Nhớ Người Thương Binh* của tôi cũng có lời ca Anh Ngữ với đầu đề *The Wounded Soldier* (do Steve Addiss soạn):

*One day, one day in the afternoon
There's a girl on the land
With sheaves of rice on her hand...*



Đôi song ca Phạm Duy/Addiss.

Đi thu thanh nhạc Thượng tại Cao Nguyên để làm tài liệu cho chương trình radio kể trên, tôi khám phá ra một âm giai ngũ cung có bán-cung: DO MI FA SOL SI DO. Rồi khi sưu tập được một câu ca dao miền Nam:

*Nước chảy bon bon
Con vườn ôm con
Lên non hái trái
Anh cảm thương nàng
Cô gái mở còi...*

... Tôi soạn một bài dân ca có âm hưởng Tây Nguyên với ngũ cung kể trên:

Mua nhỏ mệnh mang

Con nhện trong hang
 To giăng bối rối
 Em cảm thương chàng
 Lạc lối đường đi.
 Gió thổi vang vang
 Con quạ kêu than
 Thâu đêm suốt sáng
 Ta cảm thương người
 Mang nặng hờn oan.
 Nắng đỏ nghiêng nghiêng
 Con dế vô duyên
 Không lên tiếng hát
 Ta cảm thương người
 Phai nhạt tuổi xanh
 Hỡi người người ôi.
 Ta mở tay đầy
 Mau trở về đây...

Khi tôi chủ trương về nguồn trong âm nhạc như vậy, tôi đang làm việc tại Trung Tâm Điện Ảnh thuộc bộ Thông Tin. Tôi được giao cho công tác thực hiện những cuốn phim tài liệu về nghệ thuật ca diễn ở Việt Nam như Các Điệu Múa Chàm, Hát Bộ Bình Định, Chiếc Nón Bài Thơ, Y Phục Phụ Nữ, Đời Người Qua Tiếng Hát v.v.... Tôi lợi dụng công tác quay phim để làm công việc sưu tầm và phục hồi nhạc cổ truyền. Sau khi đi nhiều nơi tại vùng đồng bằng miền Trung, tôi lên Cao Nguyên để thu hình và phục hồi dân ca miền núi.

Trước kia, tôi có dịp may được sống ở những vùng thượng du miền Bắc, được đắm mình vào không khí âm u và huyền bí trên nương chiều, được bơi lội trong dòng suối rừng tươi vui và hùng dũng. Bây giờ, tôi như con ngựa hồng phi thân trên những đồi cỏ bập bênh và thăm thẳm trên cao nguyên Trung Phần. Quê hương ta đẹp quá. Tại sao ta phải bỏ quê hương ra đi? Vào những năm 60 này, đã có nhiều người phải xa quê hương rồi đó. Tại Dalat, nơi đồng bào vùng Sơn La, Lai Châu tới định cư, tôi quay phim những màn Vũ Xoè và tôi soạn lời Việt cho một bài dân ca Thái, đặt tên là *Ngày Mùa*. Tôi lại có những thi tử của những ngày ở Việt Bắc:

*Ngày mùa lúa tốt tươi
Chim ơi, lũ chim trời
Tung cánh về đây coi
Lúa chín vàng trên đồi,
Nàng về nàng quẩy trên vai
Lúa thơm của ta ơi...*

Dân ca của các sắc tộc Jarai, Bahnar, Rhadê, H'rê, Kuà... là nhạc bộ lạc (musique tribale) còn roi rớt từ thời tiền sử, với cung bậc đơn sơ và giai điệu âm u của thời hồng hoang. Tôi muốn hiện đại hoá nó, nghĩa là cho nó một nội dung mới. Với tinh thần của một cán bộ Thông Tin, tôi nhắn nhủ người Thượng không nên đốt rừng làm rẫy rồi bỏ rẫy ra đi:

Chiêng trống công mừng anh trên rẫy

Xuống đồi xuống nương đi cây.

Ôi rừng ơi Núi ơi

Ôi thác suối ơi

Rừng ơi Núi ơi...

Tang tính tình đàn tre dây núa

Chúc mừng các anh đi bừa

Ôi ruộng ơi Đất ơi

Ôi thóc lúa ơi

Ruộng ơi Đất ơi...

Không đốt rừng làm đau hoa lá

Sốt lòng cái cây kơ-nia.

Ôi rừng yêu mến ơi

Ôi gỗ quý ơi

Rừng yêu mến ơi...

Truyền thuyết **Một Mẹ Trăm Con** cũng có trong vài bộ tộc miền núi. Tôi dùng chủ đề đó và một điệu dân ca Bahnar để gây tình đoàn kết giữa người Kinh, người Thượng:

Anh em ta cùng mẹ cha

Nhớ truyện cũ trong tích xưa

Khi thế gian còn mù mờ

Xưa khi xưa mẹ đẻ ra

Trăm cái trứng, sinh lũ con

Trăm đứa con cùng một dòng...

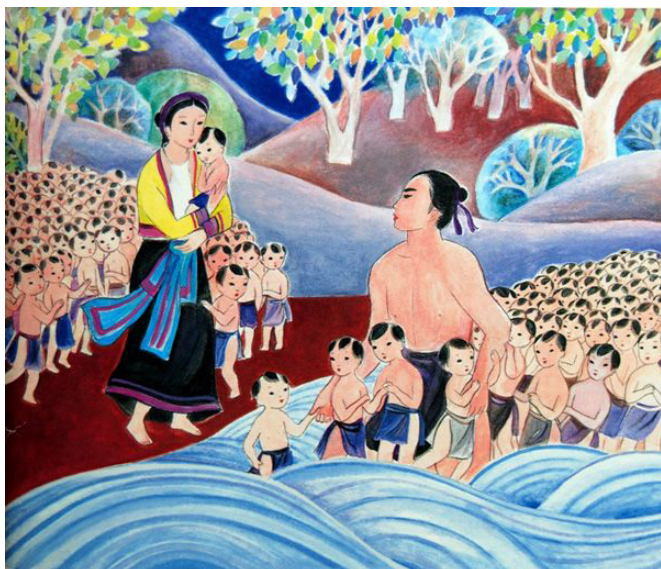
Năm mươi con vượt đồi non

Phá rừng núi, khai rẫy nương

Xây đắp buôn, lập nhà sàn

Năm mươi con dọc Trường Sơn

*Đi xứ Bắc, đi xứ Nam
Xây núi sông, lập ruộng đồng..*



Những ngày ở Cao Nguyên, tôi được nghe nhạc công và cồng thấy thú vị khi được đi sâu vào gia tài âm nhạc vô cùng phong phú của nước ta. Tôi vui mừng và muốn được khua chiêng, đập cồng cùng với đồng bào miền núi:

Khua chiêng lên, đập cồng lên

Tiếng cồng đánh, qua mái tranh qua mái tre vào rừng già

Cho con Hua, khi già Hua

Cho ma quái, cho lũ nai ngơ ngác say vì nhạc gông...

Yêu cảnh vật và con người miền núi, tôi soạn những câu hát xưng tụng cô sơn nữ. Ở Việt Bắc, cô

nàng về để tuổi tương tư chỉ khoả thân khi đi tắm.
Ở Cao Nguyên này, lúc nào sơn nữ cũng hở vú:

*Này cô gái xinh
Như đoá hoa tình
Dệt vải một mình
Ngực tròn rung rinh.*

*Này cô gái ngoan
Như lúa trên ngàn
Đập gạo ngoài sào
Bụng nhỏ lưng thon.*

Tôi muốn cùng cô:

*Vui sống trên đời
Đàn gảy về trời
Gồng chạy ra khơi...*

Xa quê hương đã hơn 15 năm, ngồi viết những trang Hồi Ký này, tôi bỗng nhớ đàn chim rừng già trong bài hát cũ:

*Nhiều rẫy làm mùa
Ruộng mới tốt lúa
Bên thác reo vì vu.
Đàn chim rừng già
Bỏ vách núi đá
Thương nhớ người tìm về...*

Đàn chim rừng già có thương nhớ tôi chăng? Tôi đang ngồi ở Thị Trấn Giữa Đàng để nhớ thương người Cao Nguyên vô kể:

*Kìa chàng trai bước vui trên đời
Vào đôi nương thăm bông lúa tươi.*

.....

*Kìa nàng sơn nữ bên suối ngàn
Gội đầu thơm ca vui véo von...*

.....

*Kìa là em bé ngoan chăn bò
Thả diều theo tiếng sáo vi vu...*

.....

*Ngọn lửa thui miếng ngon chín giòn
Rượu cần thơm, chung quanh cháu, con.
Cụ già châm diều ngon trên sào
Kể truyện Cao Nguyên xưa, véo von...*

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

*Tôi đi từ Ải Nam Quan
Sau vài ngàn năm lẻ...
Con Đường Cái Quan*



Trên đường cái quan...

Một chút lược sử:

1954: Ông Ngô Đình Diệm về nước.

1955: Dẹp giáo phái, chống Hiệp Thương, truất phế Bảo Đại, thành lập nền Cộng Hoà.

1956: Chống Tổng Tuyển Cử, củng cố dân chế độ.

1957: Ông Diệm công du Thái Lan, Úc Châu, Nam Hàn, Ấn Độ, Phi Luật Tân; sau chuyến Mỹ du, chế độ tiến tới chỗ vững chãi nhất.

1958: Định chế hoá tất của các cơ chế xã hội xong rồi, với chính sách độc tài, diệt trừ đối lập.

1959: Dân chúng bắt đầu bất mãn, khởi sự chống lại; một nhóm trí thức họp tại Hôtel Caravelle ra tuyên ngôn đòi cải cách.

1960: Chính phủ đe dọa bằng luật số 10; Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông đảo chánh hụt.

1961: Chính phủ khủng bố; đàn áp lần thứ nhất.

1962: Phạm Phú Quốc, Nguyễn Văn Cử ném bom Dinh Độc Lập. Chính phủ đàn áp lần thứ hai.

1963: Vụ Phật Giáo xảy ra; 70 ngày sau, nhà Ngô sụp đổ.

Mua được căn nhà nhỏ, vợ chồng tôi và bốn con thơ (Phạm Duy Cường đã ra đời) về ở trong khu cư xá mới được xây cất ở đầu đường Chi Lăng, Phú Nhuận, nơi có nhiều gia đình nghệ sĩ tới ở, như gia đình Nguyễn Mạnh Côn, Năm Châu, Duyên Anh, Hồ Anh, Anh Ngọc, Trần Ngọc, Hoàng Nguyên, Minh Trang, Kim Tước... Cư xá được xây trên mảnh đất trước kia là khu vườn hoang của Toà Bố Gia Định. Khi phu lục lộ đào đường trong cư xá để đặt ống nước thì họ tìm thấy những bộ xương người, những Việt Gian mà Cách Mạng đã thủ tiêu trong năm 45. Nhớ lại lời khoe khoang của trường ban Mật Vụ là Bửu Dương¹ tôi buồn bã trước những

xác người vô danh và vô tội, nạn nhân trong những ngày khủng bố đó. Tôi sẽ mãi mãi cảm phần trước hành động của những người nhân danh lòng yêu nước để giết hại đồng bào. Khởi sự từ hồi Cách Mạng, thời kỳ khủng bố nhau ít khi chấm dứt. Thời nào cũng có những người quá khích ở các phe, rồi đấu tranh với nhau và khủng bố lẫn nhau.²

Dưới thời Cộng Hoà thứ nhất, từ khi chế độ nhà Ngô thành lập và tiến dần tới thời thịnh trị rồi mất vận, miền Nam nếu chưa được là thiên đường của đông đảo văn nghệ sĩ đi tìm tự do thì cũng là nơi đất lành cho chim đậu. Một thể hệ văn nghệ sĩ mới đã thành hình và hoạt động dữ dội bên những vị đàn anh di cư từ miền ngoài. Phòng trà, tiệm bánh, quán nước như Kim Sơn, Mai Hương, La Pagode, Givral, Brodard... là nơi không hẹn mà văn nghệ sĩ tới gặp nhau hằng ngày.

Không còn hoạt động với ban Thăng Long nữa, tôi đáp ứng lời mời của Trần Văn Bửu vào làm việc với Trung Tâm Điện Ảnh. Làm việc thường xuyên trong cơ quan nằm sau lưng trụ sở Quốc Hội, tôi thường ra La Pagode đường Tự Do. Buổi sáng trước khi vào sở, tới ăn điểm tâm tại nhà hàng, là gặp Trần Lê Nguyễn, vừa viết xong vở kịch *Bão Thời Đại* nhưng không có dịp dựng kịch của mình trên sân khấu. Dân chúng miền Nam thích Cải Lương hơn nên dù Saigon có khá nhiều tài năng của ngành Kịch Nói như Tiền Phong, Thiếu Lang, Mỹ Tín,

Hoàng Năm... mà không bao giờ thủ đô miền Nam có một ban kịch chuyên nghiệp. Tại La Pagode, tôi cũng hay gặp người có giọng ngâm thơ hay là Quách Đàm, vì quá đông con mà nhà quá chật chội nên ngâm sĩ phải ra đi từ tờ mờ sáng, chỉ trở về nhà khi mặt trời đã lặn.

Vào giờ nghỉ trưa, ra quán Chùa, tôi gặp Mặc Thu, người bạn luôn luôn có nụ cười tươi tỉnh. Không biết sau biến cố tháng 4 năm 1975, bị Cộng Sản bỏ tù lâu năm, anh có còn nụ cười đó không? Đôi khi gặp Vũ Khắc Khoan, lúc nào cũng lừ đừ vì dùng khá nhiều rượu trong đời và trong tác phẩm. Tôi tò mò coi xem tác giả phải dùng bao nhiêu thùng rượu trong một cuốn truyện của họ Vũ là thấy cứ cách vài trang lại có cảnh nhân vật uống rượu, nếu đoong số lượng rượu trong truyện thì tối thiểu cũng là mười mười lăm thùng (tonneaux).

Buổi chiều là lúc La Pagode nhộn nhịp nhất. Hồi đó, nhà hàng này chưa gắn kính và đặt máy lạnh, thực khách ngồi của bên trong lẫn ngoài vỉa hè trên những chiếc ghế da lớn. Ngồi bên ngoài nhà hàng có cái thú chọc ghẹo và nhìn các thiếu nữ đi qua.

Thích ngồi ở bên ngoài nhà hàng là Hà Thúc Cẩn, phóng viên điện ảnh của Đài CBS, triệu phú hiện nay ở Singapore vì thành công trong nghề bán đồ cổ.³ Thích ngồi bên trong nhà hàng là nhà làm tự diễn Hoàng Trọng Quý tức Thanh Nghị, chồng mới cưới của nữ ca sĩ Tâm Vấn nhưng khi trở thành

bộ trưởng tương lai của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì lọt vào mắt xanh của “người đẹp Bình Dương” Thẩm Thúy Hằng.

Tại La Pagode, tôi hay gặp Cung Trầm Tưởng và Ngý Cao Uyên, hai sĩ quan Không Quân làm thơ hay và vẽ giỏi, để sẽ làm chuyện ồn ào trong văn nghệ bằng tập *Tình Ca* với tranh Ngý Cao Uyên và thơ Cung Trầm Tưởng do tôi phổ nhạc. Nhà hàng La Pagode có bàn bi điện, chúng tôi tranh nhau đánh *tilt*. Nhờ quen chơi trò này từ ngày đi học ở Khu La-tinh trong thành phố Paris, tôi luôn luôn thắng các bạn trẻ.



Bộ ba PD, CTTưởng, NCUyên và tập *Tình Ca*.

Buổi tối, La Pagode là nơi có mặt của một nhân vật nổi danh trong làng chơi của chúng tôi là Phương, vì béo tròn trùng trục nên được gọi là Phương “Bi Ve”. Không phải làm một nghề gì ngoài

nghe làm chồng đào hát nổi danh nhưng Phương Béo vất vả lắm. Mỗi tối, sau khi đưa vợ là Bích Hợp ra rạp Aristo thì anh ta tới La Pagode, ngồi đợi khi tan hát sẽ đi đón vợ. Tôi và Trần Viết Long, chủ gánh Kim Chung thường tới ăn cơm với Phương rồi kéo nhau đi hút.

Những bạn gặp gỡ ở nhà hàng La Pagode là niềm vui của tôi. Chúng tôi đùa nhau như một đám sinh viên. Mặc Thu mời tôi điều khiển phòng trà Trúc Lâm. Chủ nhân La Pagode, Nguyễn Văn Liêm, rất thích điện ảnh, nhờ tôi viết truyện phim. Tôi còn có thêm một số bạn thỉnh thoảng đặt chân tới quán này như Tạ Ty, Văn Thanh, Lê Ngọc Châu... để tôi nói chuyện tâm tình. Lê Ngọc Châu với toà soạn Bách Khoa còn là người và chỗ để giúp tôi hò hẹn với người tình.

Nhưng phải thú thật, trong số bạn bè, chỉ có Nguyễn Đức Quỳnh và Võ Đức Diên giúp đỡ tôi nhiều. Hồi bấy giờ, Nguyễn Đức Quỳnh không hoạt động chính trị như trong thời Bảo Đại, Bửu Viễn. Nhưng nhà anh là nơi hầu hết các nhà trí thức ở miền Nam thường lui tới. Nhân viên Công An, Mật Vụ của chính quyền cũng tới để nghe ngóng nữa. Anh Quỳnh muốn biến nhà anh thành một thứ đàm trường (anh đặt tên là Viễn Kiến, tức là nhìn xa) và có một cuốn sách lớn bìa dày, giấy đỏ để ghi biên bản những cuộc họp. Cuốn sách này để trên một chiếc bàn đặt giữa nhà, ai đến chơi cũng giở sách

ra coi. Anh Quỳnh muốn gieo vào đầu óc những người đến đàm trường một ý thức dân tộc, ý niệm này được anh nói tới từ thời hoạt động trong nhóm Hàn Thuyên. Theo anh, Đệ Tam, Đệ Tứ CS đã lạc hậu. Anh cho rằng phải thành lập Đệ Ngũ Quốc Tế với ý thức dân tộc và với thành phần cốt cán là văn nghệ sĩ, trí thức để vượt các nhóm đó. Đàm Trường Viễn Kiến là nơi điều hợp và tác động giới văn nghệ sĩ miền Nam. Do đó, anh không tiếc lời khen tất cả mọi người, nhất là giới trẻ. Anh cho rằng ai cũng có một chỗ đứng trong việc gây ý thức dân tộc, vượt chủ nghĩa Mác. Tôi là người hiểu được việc làm cao cả của anh Quỳnh. Tiếc rằng anh không còn sống để chứng kiến ngày tàn của chủ nghĩa Mác. Vào cuối thập niên 80, nó không còn là thứ chính trị học, kinh tế học và xã hội học vô địch nữa rồi. Được áp đặt vào Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lênin làm cho nước ta nghèo đói và sa đọa.

Tới đàm trường, tôi được làm quen với các bậc tu hành như Thích Tâm Châu, Thích Đức Nhuận và những bạn văn nghệ như Doãn Quốc Sĩ, Lý Đại Nguyên và Phạm Thiên Thu, người sẽ làm cho âm nhạc của tôi thêm phần phong phú. Tôi coi Nguyễn Đức Quỳnh như người anh ruột mà tôi tuy có nhưng không có. Hơn một lần, khi có chuyện gia đình hay xã hội làm tôi buồn nản – chẳng hạn sau “xi-căng-đan” về tình – tôi đều đến tâm sự với anh. Mỗi khi tôi soạn ra một bài hát nào thì anh Quỳnh

là thánh giả thứ hai, sau vợ tôi. Ngược lại, tôi cũng cố gắng giúp anh kết tình với một nữ ca sĩ, dù đó chỉ là một thứ tình **platonique** mà thôi.

Trong thời thịnh trị của họ Ngô, ngoài anh Quỳnh ra, tôi có Võ Đức Diên là người giúp tôi rất nhiều. Là công chức cao cấp của Nha Kiến Thiết, vì được lòng ông bà Ngô Đình Nhu trong việc trang hoàng các dinh thự lớn, kiến trúc sư họ Võ được chế độ tin cậy. Anh Diên là người có thành tích văn nghệ với đoàn ca kịch Anh Vũ trước đây, đã từng dựng những vở ca kịch của Lưu Hữu Phước – với libretto của Thế Lữ – như *Con Thỏ Ngọc* hay *Tục Lụy* (đáng lẽ Thái Hằng đóng vai Nhã Tiên nhưng bố mẹ không cho phép). Cũng như anh Quỳnh, Võ Đức Diên được coi là lão tướng trong làng văn nghệ miền Nam nên khi anh vận động ông Nhu để làm một tập san và mở một phòng trà thì anh được thoả mãn ngay.

Tờ báo được đặt tên là *Sáng Dội Miền Nam*, toà soạn là nhà của hoạ sĩ trang trí Văn Thanh. Được anh Diên mời viết về âm nhạc, tôi hay lui tới toà soạn và được hân hạnh “chơi” với các bậc đàn anh như Vi Huyền Đắc, Lê Văn Siêu, Vũ Hoàng Chương, Tam Ích... Tổ sư của Thoại Kịch họ Vi đã già rồi mà nói chuyện rất có duyên. Nhà văn hoá Lê Văn Siêu mua được mảnh vườn ở xa lộ Biên Hoà và về đó sống, được chúng tôi gọi là Lý Trường. Đây là lúc tôi muốn hoàn tất trường ca *Con Đường Cái Quan*. Khi tôi ngỏ lời được giúp đỡ để có thể đi từ

Saigon ra Quảng Trị, lấy cảm hứng soạn nốt phần còn lại của trường ca thì anh Diên đồng ý ngay. Và anh cùng đi với tôi, còn kéo thêm 5 người đi theo nữa. Thế là có ngay một chuyến đi xuyên Việt của bảy lữ khách là: chủ báo Võ Đức Diên, hai họa sĩ của tờ báo Tạ Ty, Văn Thanh, nhiếp ảnh viên Phùng Trục, tôi và hai ngôi sao rực rỡ của Khoa Tử Vi, Địa Lý Dương Thái Ban và “Thầy” Diễn. Tại sao lại có hai nhà tiên tri này cùng đi xuyên Việt? Thưa đó là vì anh Diên muốn đãi ngộ hai ông thầy ạ. Anh Diên rất tin tướng số, và quen với các ông thầy nổi danh ở Saigon. Nghe lời Thầy Diễn, anh luôn luôn mặc áo màu đen để đánh lừa Thần Chết. Vậy mà anh đột nhiên ra đi giữa lúc đang khỏe mạnh. Khi nghe tin anh qua đời đột ngột, tôi hơi tin vào tử vi hay tướng số, chứ trong khi đi chơi trên đường cái quan này, tôi và Tạ Ty luôn luôn châm chọc hai vị mà chúng tôi gọi là “thầy bói sáng”.

Lần đi đường thiên lý này có vẻ thú vị hơn những lần trước. Tôi không còn là lữ khách lầm lũi trong thời nô lệ hay hấp tấp trong thời chiến tranh. Hai xe hơi đưa chúng tôi đi ven bờ biển Thái Bình, vượt qua những nơi đầy ắp kỷ niệm như Phan Thiết sáng sủa, Nha Trang ấm áp, Qui Nhơn lộng gió, Đà Nẵng ồn ào, Huế thơ mộng và Quảng Trị cần khô. Khi ghé Quảng Ngãi, Hồng Vân (nữ ca sĩ) lúc đó còn bé tí teo, leo lên bờ tường khách sạn, ngồi rình xem mặt Phạm Duy. Chúng tôi có những giây phút trầm

ngâm trước cảnh tượng hùng vĩ của Đèo Cả, Đèo Hải Vân và cũng không quên nhào xuống biển để tắm táp và kỳ cọ (như hai ông thầy) ở bãi Lăng Cô.

Bản *Con Đường Cái Quan* – soạn xong phần đầu ở Paris năm 54 để phản đối ngay lập tức sự chia cắt đất nước – sau sáu năm bỏ dở, bây giờ nhờ chuyển đi rất thanh bình này, được hoàn tất nhanh chóng. Trong khung cảnh trời cao biển rộng đường dài, trong hoàn cảnh chung của nước Việt trong thời kỳ đầu của nền độc lập, trong niềm hạnh phúc được tự do sáng tác của riêng mình... tôi có nhiều hứng khởi để diễn tả con đường mạch máu của đất nước và tấm lòng khao khát thống nhất của người dân Việt. Những ca khúc mạnh mẽ trong phần *Miền Bắc* diễn tả sự hào hùng của người đi khai sơn phá thạch. Trong phần *Miền Trung*, ca khúc trở nên ngọt ngào, đôi khi xót xa như bước chân Huyền Trân Công Chúa. Phần *Miền Nam* rất hoan lạc vì đó là những bước chân thành đạt của lũ khách để cùng toàn dân hoàn thành nước Việt.

Trường ca ra đời xuôi xả vì còn có sự khuyến khích của bạn bè, nhất là có sự giúp đỡ thực tế của anh Võ Đức Diên. Chắc chắn bên trên anh Diên, có sự đồng ý của ông Ngô Đình Nhu (và Trần Kim Tuyến). Anh tôi là Phạm Duy Khiêm làm Bộ Trưởng và Đại Sứ cho ông Diệm, Võ Lăng là bạn thân của tôi, nhất là tôi đã khá nổi tiếng trong quân chúng rồi, hồi bấy giờ, tôi được nhà Ngô để ý. Đã có

lần tôi được ông Diệm, ông Nhu thân mật hỏi han tôi trên sân cỏ của Dinh Độc Lập vào một buổi tiếp tân và sau đó, nếu “xì căng đan” về tình không xảy ra, tôi có thể là người được chính quyền giao cho một chức vụ nào rồi. Tôi không dám nói là tôi sẽ nhận việc hay từ chối, nhưng vào thời Thanh Niên Cộng Hoà được thành lập, tôi được mời vào Dinh Độc Lập để dạy hát cho cô Ngô Đình Lệ Thủy, một đoàn viên của đoàn Thanh Nữ Cộng Hoà. Chao ôi, sao mà cô con gái của ông bà Nhu lại đẹp đến thế. Và than ôi, sao cô lại chết non như vậy. Chết vì nạn xe hơi ở Pháp sau 1963.

Ngoài tờ báo ra, anh Diên được ông Nhu giúp đỡ để mở Quán Anh Vũ tại đường Bùi Viện. Tôi được giao việc điều khiển phần văn nghệ. Thế là mỗi tối, tôi được sống với không khí rạp hát và phòng trà, đôn đốc các nhạc sĩ, ca sĩ hay ra hát những bài vừa mới soạn ra.

Sai khi hoàn thành, *Con Đường Cái Quan* được đăng trên *Sáng Dội Miền Nam* rồi được trình diễn tại quán Anh Vũ. Cố Vấn Ngô Đình Nhu đem của gia đình tới nghe. Sau đó, qua ông Ngô Trọng Hiếu, trường ca còn có một ngân sách để tái lập giàn nhạc hoà tấu và mời nhạc sĩ người Đức Otto Soellner làm hoà âm phối khí. Có thêm những buổi trình diễn tại Saigon, Dalat, Nha Trang. Tất cả những giọng hát tốt nhất của Saigon được huy động để đi trình diễn trường ca này.

Trong giàn nhạc hoà tấu, ngoài nhạc sĩ Việt Nam, có thêm vài nhạc sĩ Pháp trong đó có Annie Cochet kéo cello. Cô đảm 17 tuổi này bèn đi qua đời tôi vài ba lần, rồi sau khi hết duyên cầm sắt (đánh đàn?) thì chúng tôi đổi qua



Annie Cochet.

duyên cầm kỳ (đánh cò?). Sau đó Annie về Pháp, có một cuộc đời khá sôi nổi rồi kết cục có một địa vị cao trong xã hội. Nàng là một trong những người tình lâu bền nhất của tôi. Trước 1975 chúng tôi luôn luôn gặp nhau. Trong 15 năm qua, mỗi năm tôi đi Paris một vài lần và gặp lại Annie. Chúng tôi đều đi ăn cơm tiệm cùng với đức lang quân rất dễ thương của nàng. Vào năm 1960 này, Tân Nhạc ở miền Nam đã phát triển toàn diện. Đã có khá nhiều xu hướng như:

* xu hướng nhạc theo trường phái cổ điển Tây Phương mà Nguyễn Xuân Khoát hay Võ Đức Thu khởi xướng với Vũ Thành soạn cầm tấu khúc, thụy khúc theo thể concerto, sonate. Nghiêm Phú Phi và Văn Giảng thì cho len vào âm sắc của nhạc giao hưởng những âm thanh của nhạc cổ truyền Việt Nam. Loại nhạc thuần túy đòi hỏi phải có những ban nhạc lớn để biểu dương, hơn nữa nhạc không lời chưa hợp với quần chúng nên những người theo xu hướng nhạc giao hưởng đưa ra những bài soạn theo lối nhạc nhẹ (musique légère), nghĩa là

có lời ca, qua những bản *Giấc Mơ Hồi Hương* (Vũ Thành), *Tơ Sầu* (Lâm Tuyền), *Tiếng Dương Cầm* (Văn Phụng)...

* xu hướng nhạc khiêu vũ phát triển mạnh vì có lợi địa là những dancing với nhạc **tango**, **pasodoble** của Hoàng Trọng hay Đan Thọ, nhạc slow rock của Nguyễn Hiền hay Ngọc Bích, kích động nhạc của Khánh Băng và nhạc rumba, bolero của khá nhiều nhạc sĩ trẻ. Loại nhạc soạn theo điệu Nam Mỹ này dễ dàng đi đến loại nhạc có cái tên bắt ổn là nhạc thời trang với nội dung quá thấp kém, người nghiêm khắc gọi là nhạc vàng nghĩa là nhạc ồm yếu, nhạc thương phẩm.

* xu hướng nhạc hài hước với Trần Văn Trạch dẫn đầu, tiếp theo là ban AVT với những bài Mái Tóc Huyền, Hội Sợ Vợ, Ba Bà Mẹ Chồng, bài này soạn bởi Phạm Duy Nhuận.

* xu hướng nhạc của các tôn giáo với tác phẩm của Hải Linh, Hùng Lân bên Công Giáo và của Lê Cao Phan, Phạm Thế Mỹ bên Phật Giáo.

* xu hướng nhạc tình với hầu hết các nhạc sĩ già hay trẻ trong đó có những tình khúc cảm tính (sentimental) của tôi (soạn cho người tình thi sĩ), trước khi có những tình khúc Trịnh Công Sơn mang nhiều não tính (cérébral) và nhạc Lê Uyên Phương mang nhiều nhục tính (sensuel), nhạc trẻ của Nguyễn Trung Cang, Lê Hựu Hà mang nhiều ảo tính (psychédélique).

* xu hướng nhạc dân ca với những bài hát tình tự dân tộc, tình ca quê hương thì có tôi chủ trương, cùng với Hoàng Thi Thơ hay Lam Phương trong một số bài.

Với trường ca *Con Đường Cái Quan*, tôi tiếp nối dòng nhạc xung tưng quê hương của tôi với một tầm vóc lớn hơn, giống như Văn Cao đã làm trong kháng chiến với bản *Trường Ca Sông Lô*. Sau tôi, Hoàng Thi Thơ cũng soạn một trường ca nhan đề *Ngày Trống Đại* để xung tưng chế độ Cộng Hoà do Ngô Tổng Thống lãnh đạo.

Trường ca *Con Đường Cái Quan* là một bài hát lên đường. Trước đây, tôi đã chủ trương xung tưng những cuộc lên đường rồi. Hoặc lên đường tâm tưởng như Lữ Hành, Viễn Du. Hoặc bước đi trên những nẻo đường kháng chiến như *Khởi Hành*, *Đường Về Quê*. Còn phải đi trên con đường tình ái rất ướt át của mình nữa, với những bài diu nhau đi trên phố vắng hay *Đường Em Đi...* Đi thêm trong mộng mị với *Mộng Du...*

Trường ca *Con Đường Cái Quan* có tới ba, bốn cuộc lên đường gom lại, vì lũ khách bây giờ đi trên con đường quê hương gấm vóc, đi trong lịch sử kiên cường, đi trong tình yêu, còn đi của trong lòng của nhân dân nữa. Về hình thức, qua trường ca này, loại dân ca cải tiến được tôi phát triển lên mức độ cao nhất. Trường ca gồm 19 đoàn khúc, đại đa số bài nằm trong nhạc ngũ cung, có thêm nhạc thuật

chuyển hệ khiến cho giai điệu được phong phú. Nhạc sĩ người Đức Otto Soellner, khi soạn hoà âm phối khí cho bản trường ca, nói rằng: có những đoạn trong trường ca giống như nhạc của Johann Sebastian Bach.

Nhạc học gia người Gia Nã Đại Georges Etienne Gauthier, vì hiểu biết nhạc dân ca Việt Nam hơn, qua một bài viết đăng trên báo *Bách Khoa* vào năm 1970, cho rằng trường ca này dung hợp được tinh túy của của hai loại nhạc Đông Phương và Tây Phương.

Khá nhiều người có uy tín trong giới nghệ sĩ như Trần Văn Khê, Nguyễn Đình Toàn, vì có lòng yêu nên đánh giá cao tác phẩm dài hơi của tôi. Và mỗi lần có đảo chính ở Saigon, trong khi nhân viên của Đài chờ người làm chủ tình thế tới tiếp thu cơ quan truyền thông quan trọng này thì bản trường ca được phát thanh suốt ngày khiến cho nó được phổ biến rất mạnh mẽ trong dân chúng. Ngoài ra, còn có nhiều sinh viên ở nhiều nơi đã dựng tác phẩm này thành một hoạt cảnh, đúng như lời tôi ghi trong đoạn giới thiệu. Tôi xin trân trọng cảm ơn tất cả những người hữu danh và vô danh kể ra trên đây.

Tôi còn muốn nói thêm một điều: Trong bản trường ca, khi đi tới cuối con đường xuyên Việt rồi, ước vọng của lũ khách là có ngày đường tan ranh giới để lũ khách được đi xa hơn nữa trên con đường

dài của tình yêu, ở nơi thế giới xa xôi, và trong lòng dân chúng muôn nơi... Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, gia đình tôi và một số rất lớn đồng hương đã thực hiện được ước vọng đó. Xin cảm ơn cuộc đời.

¹ Cõi Hồi Ký Thời Cách Mạng Kháng Chiến, trang 37.

² Ra hải ngoại rồi mà vẫn còn có người nhân danh sự yêu nước rồi khủng bố tinh thần những người không cùng lập trường chống Cộng như mình.

³ Nói đến chuyện đồ cổ ở Việt Nam, phải đau đớn thấy rằng trong cuộc chiến tranh dữ dội giữa lính Mỹ và Vi Xi, có những sĩ quan quốc gia đã không quản hiểm nguy, dùng xe tăng đi lấy tượng Chàm đem về bán cho người ngoại quốc. Kể của nghị sĩ cũng làm việc phi pháp này.

CHƯƠNG MƯỜI HAI

*Đừng lay tôi nhé cuộc đời
Tôi còn trẻ dại cho tôi mơ mộng...
Tôi Đang Mơ Giấc Mộng Dài*



Một bức hình mà tôi chọn để minh hoạ câu hát: *Tôi còn trẻ dại
cho tôi mơ mộng...*

Từ ngày rời bỏ miền Bắc thân thương nhưng đây bất trắc để di cư vào Nam, trong vòng mười năm, tôi được sống tại một phần đất nước tương đối vững chãi và thanh bình. Nhưng riêng

tôi phải trải qua dăm ba cơn sóng gió dữ dội, bị tay sai của thực dân giam trong nhà tù hay tự dìm mình vào tù ngục của tình yêu rồi phải xa lánh mọi người vì e ngại dư luận. Nhưng kỳ diệu thay, dường như lúc nào cũng có đôi bàn tay tiên gỡ tôi ra, đưa tôi đi... khiến tôi đã hơn một lần thoát hiểm, từ từ vươn lên từ hố sâu hệ lụy để tiếp tục ca hát. Cũng giống như mọi người mà thôi, vào giữa đời mình, tôi ném đủ mùi hạnh phúc và khổ đau, trong cuộc đời cũng như trong cuộc tình. Và tôi luôn luôn nghĩ tới cái chết...

Đã có một lúc tôi quyết định không đem nghệ thuật của mình ra để chỉ nghe theo mệnh lệnh nào đó, xung tưng một chiều. Bên cạnh vinh quang còn có nhục nhằn, nếu ở một nơi nào tôi không được nói tới của hai khía cạnh cuộc đời thì tôi ôm đàn ra đi. Đã chủ trương hai chiều trong nghệ thuật thì trong đời sống riêng tư, tôi cũng chấp nhận của vinh quang lẫn tủi nhục. Vào lúc tôi vừa ở Pháp về và đang dương dương tự đắc vì dăm ba cái thành công (!), muốn kiểm chế bớt tính kiêu căng, tôi cần phải uống một liều thuốc nhục. Rồi từ đó, trải qua nhiều năm, từ khi chế độ nhà Ngô vững chãi cho tới lúc sắp sửa sụp đổ, tôi được ném thêm ít nhiều ngọt bùi và đắng cay. Là người muốn sống trung thực với mình, với người, tôi đem tất của cái buồn cái vui, cái sướng cái khổ, cái thực cái giả, cái xấu cái tốt, cái sống cái chết vào những bài hát của tôi.

Tôi soạn những bài nói tới cuộc đời toàn diện chứ không phải chỉ là những mảnh đời vụn vặt.

Một Bàn Tay là tất cả. Bàn tay đưa ta vào đời, dẫn dắt ta đi, đánh đập ta hay vỗ về ta, cuối cùng, bàn tay vuốt mắt ta:

Bàn tay đưa anh ra khỏi lòng người

Một đêm kêu lên hơi thở tuyệt vời.

.....

Bàn tay đưa anh đi gặp cuộc đời

Một Xuân bao dung ai cũng là người.

.....

Trong cơn mưa hè

Tay nào khô héo bắt anh về

Bàn tay che mắt, ôi còn ngân câu hát,

Bàn tay ám khí u mê

Nhưng tay em về thơm mùi gỗ quý, gỗ anh ra...

.....

Bàn tay ôm anh trong cuộc tình đầy,

Một Thu sang, tìm anh nở tròn ngày...

.....

Một mai đưa anh thăm thăm lìa đời

Mùa Đông khăn tang mây bỏ đường dài

Bàn tay thương nhớ, một đêm băng giá

Lạ lòng, tay khép làn mi...

Tiếp theo là bài *Những Bàn Chân*. Bài này phát triển ý niệm lên đường mà tôi nuôi dưỡng. Tôi xưng tụng:

Những bàn chân, trên ruộng cần

*Dưới nắng hè lửa thiêu đất khan
Vỡ đôi nương, cho máu đào rơi thấm cỏ hoang...*

.....

*Những bàn chân trên sa trường
Những bước buồn đạp trên máu xương
Vẫn hoài mong cho đất vàng hoa nở nhiều hơn...*

.....

*Những bàn chân trong hoà bình
Mang những lời yêu, trong gió xanh
Bước hiển mình đi nối liền hai cõi tử sinh...*

Trước đây, tôi có bài *Lữ Hành*. Bây giờ tôi soạn một bài cũng nằm trong ý niệm lên đường là bài *Xuân Hành*. Bài *Lữ Hành* là một tuyên ngôn: *Ta đi trên dương gian, đi trong thanh xuân, đi trong thiên nhiên, đi trong nhân gian, đi trong thời gian và bao giờ ta cũng phải bước nhanh vượt chân đời.*

Với bài *Xuân Hành* tôi muốn trả lời một câu hỏi muôn đời: **qui es tu? d'où viens-tu? où vas-tu?:** *Người là ai? Từ đâu đến?*

Và người ơi, người sẽ bước chân về nơi nao?

Người vì sao mà chớm nở?

Rồi sớm tối, cánh hoa tươi tươi bời theo với những lá úa?

Người là chi? Là cơn gió?

Là cát trắng hay bụi xanh lơ?

Có phải người từ xưa, thuyền theo lái về bến cũ?
Hay người lên xe đi từ hư vô qua hư vô? Câu trả lời trong *Xuân Hành* là: *Người từ lòng người đi ra rồi*

sẽ trở về lòng người. Người vừa là người, vừa là thần thánh và ma quỷ, biết thương yêu dai và cũng biết hận thù dài, làm bất cứ điều gì thì cũng phải rất là đắm say. Nhưng trong khoảnh sống ngắn ngủi này, người phải biết nhìn toàn đời trong từng chớp mắt, người phải biết vui biết buồn ngay trong một con tim đập, tim ngưng. Cuối cùng, khi chết đi, người đời còn nhớ tới mình thì có nghĩa là mình ra đi từ lòng người rồi sẽ trở về lòng người:

Người là TA, đường nhân ái còn đi mãi mãi

Hết bước Xuân, TA gọi nhau về trong người...

Trong thời gian này, tôi có cái nhìn bao la hơn trước. Được người tình vỗ về chăm sóc, trong một bài hát tình yêu, tôi cảm ơn người tình đã đem vào đời tôi trăng sao vời vợi... Quả thật là như vậy! Những buổi gặp nhau nàng thường tặng tôi những câu ca dao, trong đó có một câu tôi yêu vô kể:

Sao tua chín cái ối a nằm kê

Thương em từ thuở mẹ về với cha...

Người Việt Nam khi xưa đã cho của thời gian bất tận lẫn không gian vô tận vào một câu thơ tình lục bát. Tình yêu của người soạn câu ca dao thật vĩ đại bởi vì người này nhìn vào tình tú vô biên để thương yêu một người từ thuở chưa có người đó. Tôi thêm lời vào câu ca dao bất diệt này để soạn thành *Bài Ca Sao* nói lên tình yêu của tôi đối với người tình:

Sao vua sáu cái nằm xa

Thương em từ thuở người ra người vào

Sao Khuê chín cái nằm dài
 Thương em từ thuở tình ngoài nghĩa trong
 Sao măng năm cái nằm ngang
 Thương em từ thuở mẹ mang đầy lòng.
 Sao đôi hai cái nằm chồng
 Thương em từ thuở mẹ bỗng mất tay
 Sao hoa ba cái nằm xoay
 Thương em từ thuở được vay nụ cười
 Sao băng ngã xuống gấm trời
 Thương em từ thuở mẹ ngồi nghĩ xa.
 Sao sa, sa xuống vườn hoa
 Thương em từ thuở người ta lại gần.
 Sao hôm le lói đầu hè
 Thương em từ thuở em về với ai
 Sao mai le lói ngọn cây
 Thương em từ thuở về xây tình người...

.....

Sao Vân muôn cái mặt mừng
 Thương em từ thuở nghìn trùng cách chia.
 Sao quanh theo gót người đi
 Thương em chỉ có trời khuya nhìn về
 Sao ơi, sao hơi buồn gì?
 Sao ơi, sao hơi buồn chi?

Người tình còn đem tới của trăng non, trăng già
 thì tôi phải có Bài Ca Trăng. Bài này là một bài ca
 tình tự với trăng, tức là với người yêu:

Trăng ơi, trăng ơi kìa là trăng ơi
 Trăng lá trai trong chiếu voi

Luôi trắng treo đầu trời, ngoài đồng hoang vắng rơi
 Trăng ơi, trăng ơi tình còn nhỏ nhoi
 Theo gió đưa trăng về khơi
 Trăng ơi, trăng ơi kia là trăng xanh
 Trăng sáng soi trong vườn chanh
 Sáng luôn trong vườn đào, kia là soi trăng đêm
 Trăng ơi, trăng ơi mặn nồng tình duyên
 Trăng thức lâu trên giường êm.
 Trăng ơi, trăng ơi kia là trăng đêm,
 Trăng đến khuya thăm người quen
 Gối chăn đã lạnh mềm, người về trong cỏi duyên
 Trăng ơi, trăng ơi tình già bình yên
 Trăng khuất mau sau màn đêm...

Tình yêu đã đem trăng sao đến cho tôi rồi và qua
 một bài thơ của nàng do tôi phổ nhạc – mà Tạ Ty,
 người viết chuyện đời tôi, cho rằng đó là bài tình ca
 hoan lạc nhất của tôi – quả rằng vào lúc gần tàn của
 chế độ nhà Ngô, tôi...

... đang mơ giấc mộng dài
 Đừng lay tôi nhé cuộc đời chung quanh
 Tôi đang nhìn thấy màu xanh
 Ở trên cây cành trôi xuống thân mình
 Tôi đang nhìn thấy màu hồng
 Ở khắp nẻo đường nhẹ thấm vào hồn
 Từ bình minh tươi mát
 Về hoàng hôn thơm ngát
 Làn gió đưa hương trời
 Vào chứa chan lòng tôi...

Đúng vậy!

Tôi nghe từ cõi đời vui

Vượt qua đêm dài lên tới sao trời

Tôi nghe từ cõi lòng người

Lời nói bồi hồi tìm kiếm ngọt bùi

Và nhìn thấy trong tim

Tình yêu nở những con chim tuyệt vời...

Như bất cứ đôi người tình nào trên thế giới, chúng tôi van xin:

Đừng lay tôi nhé cuộc đời

Tôi còn trẻ dại cho tôi mơ mộng...

Tuy nhiên, bây giờ ngồi nhớ lại cuộc tình xưa, tôi tự thấy vào lúc đó tôi chỉ mơ mộng có khoảng 50% của giấc mộng. Không những tôi cố gắng không biến cuộc tình của mình thành một sự chiếm đoạt, một cuộc đụng chạm xác thịt hay một cuộc hứa hẹn trăm năm gì đó, vào những lúc đắm thắm nhất hay chua xót nhất của tình yêu và vào lúc chúng tôi đều hiểu ngầm của đôi bên muốn đi đến chỗ “trời chật nhau”, tôi đều cố gắng thoát ra khỏi ràng buộc đó. Tôi không vì vợ hiền con ngoan mà bỏ mất cuộc tình thì tôi cũng không thể vì người tình mà bỏ bê vợ con.

Có thể biết rõ như vậy cho nên vợ tôi – có người gọi là á thánh (!) – không bao giờ sợ mất tôi cả. Chắc chắn vợ tôi biết tôi có đủ những nét tốt của một người chồng và chỉ có một nét xấu của đàn ông mà thôi. Cái tật này thì hình như nhiều bậc nam

nhì đều có hoặc muốn có, và được các bà vợ tha thứ hay nhất định không tha. Tôi vẫn thường khoe với bè bạn rằng dù là người thích bay bướm nhưng không bao giờ tôi vắng mặt trong bữa cơm hàng ngày. Rất ít khi đi ngủ đêm ở ngoài. Không bao giờ phản đối vợ dù trong những việc con con nhất. Bên trên tất cả là vấn đề tiền tài. Từ khi lập gia đình cho tới bây giờ, làm được đồng nào là đưa cho vợ giữ, không bao giờ tôi biết tôi có bao nhiêu tiền trong túi, trong ngân hàng hay trong hầu bao của vợ.

Trót là một nghệ sĩ chỉ biết xung tưng tình yêu, không bao giờ tôi trốn tránh tình yêu cả. Nhưng vì tôi sống trong một xã hội không có sự tự do quá trớn (như xã hội Âu Mỹ chẳng hạn), tôi biết tôn thờ tình vợ chồng, tình cha con, nói tóm lại là tình gia đình. Lạy Phật lạy Chúa, gia đình chúng tôi luôn luôn bình an, chưa bao giờ biết tới bi kịch hay thảm kịch. Gia đình nào mà chẳng có những phút hiểm nguy, nhưng tôi xin phép được thưa rằng trong suốt một đời vợ chồng, chúng tôi không bao giờ to tiếng với nhau, ngay của vào lúc gay go nhất. Vì cảm tình con bướm, tôi có thể là một người tình lang chạ, bao giờ cũng biết yêu, biết quý từng cuộc tình một, nhưng tôi không thờ chủ nghĩa đa thê.

Cũng chẳng khác chi các văn nghệ sĩ khác, chưa bao giờ tôi hài lòng với tác phẩm của mình cả. Một bài hát, dù ngắn dù dài, nếu chưa được ấn hành và thu băng thì tôi cứ đem nó ra sửa chữa hoài hoài.

Tôi đã từng bỏ ra 5 năm, 15 năm để hoàn tất một tác phẩm là thế đó. Có khi hoàn tất rồi mà vẫn thấy chưa như mình mong muốn. Dem so sánh, tôi thấy những cuộc tình của tôi cũng chỉ là những tác phẩm chưa thành. Chẳng bao giờ hoàn thành cả. Người tình nào tới với tôi cũng chỉ đem cho tôi một thứ gần như là tình yêu. Tôi yêu ai cũng thấy hoặc mình yêu chưa đủ hoặc người tình chưa hết mực yêu mình. Cho nên nếu tôi có thể đi vào đi ra khá nhiều cuộc tình, trong lòng có thể rất vui vẻ hay rất buồn thương nhưng chẳng bao giờ tôi phải khổ sở vì những tác phẩm nửa chừng (*oeuvre inachevée*) như vậy. Nói cho rõ hơn, chẳng có cuộc tình lẻ nào có thể hoàn thành được cả, khi tôi là kẻ rất “có hiếu” với vợ con. Tuy nhiên mỗi một mối tình không hoàn thành cũng đều là một phần hạnh phúc của đời tôi nên lúc nào tôi cũng mang một ơn sâu đối với tất cả những người tình lang chạ.

Để bênh vực thêm quan niệm (vợ vào) về tình yêu của một nghệ sĩ sống bằng con tim, xin thưa rằng: tôi chẳng bao giờ là một vị thánh hay một nhà đạo đức. Tôi luôn luôn đi tìm tình yêu nhưng chẳng bao giờ tôi muốn phá tan tổ ấm. Về vấn đề này, tôi học mót ở người xưa: người Việt Nam có một quan niệm khá rõ rệt về chữ **tình** nên đã phân chia ra ba thứ: tình yêu, tình duyên và tình nghĩa... Yêu nhau rồi có thể xa nhau, đó là **tình**. Khi đã kết hôn với nhau, đó là **duyên** (và **nợ**). Khi con cái đầy

đàn thì chuyển sang **nghĩa**. Tình có thể rất mỏng manh, còn đó, mất đó, nhưng đã là duyên và nợ, đã là ơn và nghĩa, thì phải ràng buộc lấy nhau. Giản dị là như vậy.

Nhưng than ôi, cũng chẳng cần đến quan niệm về tình của người xưa hay đến tính sợ vợ muôn đời của đàn ông – ha ha – để giúp tôi ra khỏi cuộc tình mười năm mà kết quả là một số bản tình ca đôi lứa đi trước một số bản tình ca một mình... Biến cố tháng 11 năm 1963 tới và nhất là biến cố Tết Mậu Thân giúp cho chúng tôi vĩnh viễn xa nhau.

CHƯƠNG MƯỜI BA

*Lũ con lạc lối đường xa
Chiếc lá rơi theo heo may
Có con nào nhớ Mẹ ta thì về...
Mẹ Việt Nam*



Người Mẹ Việt Nam điển hình, giữa thế kỷ 20.

Ngày 11 tháng 11 năm 1960, quân đội Nhảy Dù bao vây Dinh Độc Lập, nổ súng vào chính quyền Ngô Đình Diệm. Cuộc đảo chính của Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông không thành công nhưng nó báo hiệu ngày tàn của chế độ. Dù đã có công trong việc di cư và định cư cho gần một triệu người miền Bắc đi tìm tự do và xây dựng một

miền Nam trù phú và thanh bình, sau 7 năm cầm quyền, Nhà Ngô tỏ ra không có tinh thần dân chủ và đi tới chế độ gia đình độc trị, có thể cũng do tình hình trong nước tới lúc gay go hơn trước.

Một mặt, sau khi miền Nam từ chối hiệp thương, Cộng Sản khởi sự đánh phá. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập (do Hà Nội tạo ra). Các cơ sở nằm vùng của Cộng Sản xuất hiện. Mới đầu còn là những hoạt động du kích, về sau là những trận đánh lớn của những đoàn quân chính quy **sinh Bắc từ Nam**. Nông thôn trở nên bất an. Mặt khác, trong hàng ngũ quốc gia, với sự đảng tranh phải xảy ra, chính quyền Công Giáo với đảng Nhân Vị muốn độc tôn cai trị nên gây ra sự bất bình nơi các chính khách và sự hiềm khích nơi các tôn giáo, đặc biệt là Phật Giáo. Cuối cùng là sự không đồng ý Mỹ hoá chiến tranh Việt Nam nên ông Diệm, ông Nhu chống đồng minh Hoa Kỳ.

Sau vụ nổ súng không thành của nhóm Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông, sau khi bỏ tù và đưa ra Côn Đảo những người dính dáng tới cuộc đảo chính, chính quyền nhà Ngô cũng chẳng bớt đi những hành động quá khích. Nhưng họ chú ý hơn tới công tác tuyên truyền. Bây giờ, vừa muốn chống Cộng vừa muốn lấy lại lòng dân, Bộ Công Dân Vụ do ông Ngô Trọng Hiếu điều khiển, tìm cách thu phục giới văn nghệ sĩ. Anh Nguyễn Đức Quỳnh được mời cộng tác với chính quyền. Anh lại

lôi kéo tôi vào đấu trường. Vì đang là công chức của Trung Tâm Điện Ảnh thuộc Nha Tổng Giám Đốc Thông Tin (lệ thuộc Công Dân Vụ), tôi không thể từ chối. Trong công tác nghệ sĩ vận và dân vận như vậy, chính phủ đã giao cho anh bạn cố tri của tôi là Phạm Xuân Thái điều hành Câu Lạc Bộ Văn Hoá ở đường Tự Do để có nơi cho văn nghệ sĩ tới gặp nhau hàng ngày, thay vì ra nhà hàng La Pagode gần đó. Bây giờ một đoàn ca vũ kịch lớn được thành lập tại Bộ Công Dân Vụ, tụ tập nhiều nghệ sĩ tên tuổi do Lê Văn Vũ Bắc Tiến chỉ huy. Tôi tới sinh hoạt thường xuyên với đoàn ca vũ kịch này. Nhưng ai cũng công nhận rằng làm công tác dân vận cho Công Dân Vụ lúc bấy giờ thật khó vì đa số dân chúng đã bất mãn với chính quyền, lại thêm phe Cộng Sản hoạt động tối đa trong việc phản tuyên truyền. Cái tên Công Dân Vụ được nói lái là **vu dân Cộng**, chắc do đối phương làm ra và rỉ tai quần chúng.

Trong thời Cộng Hoà thứ nhất, dù tôi có đời sống riêng tư rất sôi nổi, nghĩa là sống hết mình cho nghề nhạc, sống trọn vẹn cho gia đình và sống nhẹ nhàng cho một cuộc tình thi vị, tôi vẫn không từ chối làm những việc ta có thể gọi là việc công. Cộng tác với Trung Tâm Điện Ảnh, tôi đóng góp vào việc thực hiện những cuốn phim thông tin tuyên truyền. Liên hệ với những hãng phim tư nhân – như hãng Đông Phương của Đỗ Bá Thế – tôi đóng góp vào việc sản xuất những cuốn phim nghệ

thuật, tuy vẫn phải mang tinh thần tổ Cộng mà chính quyền miền Nam đề cao.

Từ lâu tôi đã biết yêu ngành nghệ thuật được gọi là septième art¹ này. Tôi vừa làm việc, vừa học hỏi thêm về điện ảnh. Lénine đã từng coi điện ảnh rất quan trọng, đến độ phán rằng: *Le cinéma, c'est de la culture*. Thế hệ tôi được chứng kiến sự ra đời và phát triển của điện ảnh, từ phim câm tới phim nói, từ phim đen trắng màn ảnh hẹp tới phim màu màn ảnh đại vĩ tuyến, từ một trò chơi giải trí tới một nghệ thuật phản ánh sự sống một cách mãnh liệt. Trong những ngày học nhạc tại Pháp, tôi đã mê những phim tân tả thực xã hội của Ý và đứng xếp hàng trên hè đường tuyết phủ trước rạp ciné để coi đi coi lại nhiều lần những phim *Trẻ Đánh Giày* (Sciucia), *Kẻ Cắp Xe Đạp* (Le Voleur de Bicyclette) của Vittorio de Sica mà của thế giới phải khâm phục khi Thế Chiến Hai vừa chấm dứt. Lúc tôi làm việc tại Trung Tâm Điện Ảnh cũng là lúc phim Nhật đang được thế giới chú ý qua những phim *Địa Ngục Môn* (Rashomon) *Bảy Người Hiệp Sĩ* (Seven Samurais) của Akira Kurusawa. Tôi có may mắn được một người bạn là Nguyễn Đăng Xương, giám đốc nhà phát hành phim Hoàn Kiếm, thuê làm phụ đề tiếng Việt cho những phim Nhật đó. Tôi tự hỏi tại sao phim Nhật chinh phục được hoàn cầu. Rồi tôi thấy từ cuối thế 19, người Nhật đã biết mở cửa tiếp thu những kỹ thuật Âu Tây vừa được phát minh

khác với chính sách bế môn toả cảng của các vua ta. Gọi là nghệ thuật thứ bảy nhưng điện ảnh là tổng hợp của sáu ngành nghệ thuật đã có, cộng thêm với những kỹ thuật tân kỳ. Biết chuyển sang xã hội kỹ thuật, Nhật Bản còn tiến xa về mọi phương diện, ngoài sự thành công trong điện ảnh.

Một ví dụ khác về khả năng giúp ích cho việc phát triển nghệ thuật: khi người Mỹ đem tiền bạc và vũ khí đổ vào Việt Nam, họ còn đem theo một phần của một nền kỹ thuật mới mẻ tới nữa. Xã hội Việt Nam, từ trước tới nay, chưa hề là một xã hội kỹ thuật. Văn nghệ gây được chấn động trong dân chúng là văn nghệ có luận đề, trừu tượng, phù hợp với xã hội nông nghiệp, những thi phẩm *Kim Vân Kiều*, *Chinh Phụ Ngâm*, *Lục Vân Tiên* được phổ biến theo lối truyền khẩu. Người Pháp đem máy hát vào nước ta và thúc đẩy nhạc Việt tới thời cải cách. Tân Nhạc ra đời nhờ kỹ thuật mới mẻ là máy hát chạy bằng lò xo, đĩa nhựa và kim sắt. Tới khi Hoa Kỳ đem vào Việt Nam những sản phẩm mới hơn như tape và cassette recorder thì những vật liệu không công kênh này đóng góp vào việc đưa âm nhạc Việt Nam đi nhanh hơn nữa. Không có phong trào nghe băng cassette trong dân chúng, tân nhạc không thể nào phổ biến về đồng quê được. Ngành điện ảnh, với kỹ thuật cao và rắc rối hơn, cần thời gian để khắc phục nên điện ảnh Việt Nam chưa tiến nhanh tới thời kỳ trưởng thành, dù về diễn viên, chúng ta có những

ngôi sao như Kiều Chinh, Đoàn Châu Mậu, Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Quỳnh... Các nhà sản xuất thiếu vốn lớn để trang trải các món chi tiêu khổng lồ trong đó phần chi phí về phim liệu, máy quay hình, thu thanh, ánh sáng là tốn kém nhất. Tuy vậy, chúng ta cũng có những người hi sinh cho điện ảnh như Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Vĩnh Lộc... để Điện Ảnh Miền Nam có mặt tại các Festivals lớn ở Đông Nam Á. Phải công nhận việc xây dựng Trung Tâm Điện Ảnh là một công lớn của chính quyền Ngô Đình Diệm vì đây là nơi đào tạo ra những chuyên viên điện ảnh đầu tiên. Là nhân viên của Trung Tâm Điện Ảnh, phụ trách viết lời bình cho những cuốn phim thời sự, phim tài liệu hay viết truyện và đối thoại cho những phim truyện, tôi thường đi theo các phóng viên điện ảnh tháp tùng các phái đoàn Chánh Phủ đi thăm Ấp Chiến Lược. Là nhân viên của Bộ Công Dân Vụ, tôi tham dự những sinh hoạt của các đoàn thể do ông bà Ngô Đình Nhu tạo ra như Thanh Niên Cộng Hoà, Phụ Nữ Liên Đối, Phụ Nữ Bán Quân Sự... chứng kiến những nỗ lực của chính quyền trong công tác thu phục thanh niên nam nữ. Như đã nói, tôi còn là huấn luyện viên hát và đóng kịch cho cô Ngô Đình Lệ Thủy nữa. Nhưng vì trốn được tham gia nhiều chiến dịch và đích thân làm công tác dân vận, trí thức vận, dịch vận trong thời kháng chiến chống Pháp, tôi nhận thấy những việc làm của chính quyền miền Nam hồi đó, tuy

nhiều thiện chí nhưng chỉ có tính cách bề ngoài. Thấy ông Diệm hay ông Nhu ngồi bành chèo trên thuyền để đi thăm ấp chiến lược trong vùng không có đường cho xe chạy, với dăm ba người dân quê lội nước đẩy thuyền đi, tôi không tin các vị ấy được lòng dân. Các thanh niên, thanh nữ Cộng Hoà dưới bộ quần áo màu xanh trơn tru sạch sẽ, đi diễn hành nơi vận động trường, trông rất oai nhưng không có nhiều tinh thần chiến đấu như những lãnh tụ mong muốn. Hơn nữa, họ là con cháu của dân, mà dân có vẻ không ưa chế độ. Ngày ông Tổng Thống và lãnh tụ của Thanh Niên Cộng Hoà lâm nạn, dù có lời kêu gọi trên Đài Phát Thanh, không có thanh niên thanh nữ nào đi cứu các ông cả.

Sau những hành động vụng về khác như bắt dân chúng đứng dậy chào quốc ca và suy tôn Tổng Thống tại rạp hát hay chiếu bóng, dựng tượng Hai Bà Trưng có dáng dấp bà Nhu, gian lận trong cuộc bầu cử Tổng Thống nhiệm kỳ hai, cộng với thêm nhiều lầm lỗi khác, một chính biến nữa lại xảy ra với việc ném bom Dinh Độc Lập của hai phi công Phạm Phú Quốc, Nguyễn Văn Cử. Sự chống đối âm thầm của dân chúng và sự phản kháng bằng bom đạn của các quân nhân làm cho chế độ càng thêm cứng rắn. Thay vì nhìn thấy lòng dân, lắng nghe lời dân, chế độ gia đình độc trị thi hành chính sách bịt miệng báo chí, bắt bớ giam cầm bừa bãi, vu cáo những người phê bình hay chống đối là thân Cộng Sản.

1963. Ngày 7 tháng 5, ở Huế, tăng ni và Phật tử sửa soạn lễ Phật Đản, cảnh sát tới hạ cờ Phật Giáo. Ngày 8 tháng 5, lễ Phật Đản, buổi sáng có rước Phật từ chùa Từ Đàm tới chùa Diệu Đế, buổi chiều có chương trình phát thanh đặc biệt về buổi lễ ban sáng. Hàng ngàn Phật tử tụ tập trước Đài Phát Thanh bên bờ sông Hương để nghe những lời thuyết pháp với tinh thần chống đối chính quyền rất gay gắt của Thượng Toạ Thích Trí Quang. Cuộc tụ họp bị lực lượng an ninh tới giải tán. Xung đột xảy ra, lựu đạn nổ và súng cũng nổ: bảy thường dân chết, một thường dân và năm binh sĩ bị thương. Kết quả là tại Huế và tại Saigon, biến cố xảy ra dòn dập. Bên Phật Giáo có những buổi lễ cầu siêu cho nạn nhân ở Huế, những vụ tuyệt thực, biểu tình của tăng ni và Phật tử. Bên chính phủ có lực lượng an ninh tới canh giữ chùa Từ Đàm, điện nước trong chùa bị cúp.

Vụ Phật Giáo càng ngày càng trở nên trầm trọng. Ngày 11 tháng 6, Thượng Toạ Thích Quảng Đức tự thiêu, kéo theo bảy vụ tự thiêu khác. Những cuộc hội họp giữa Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ do chính phủ thành lập, cũng như sự gặp gỡ giữa các nhà lãnh đạo Phật Giáo với Tổng Thống Ngô Đình Diệm không đi đến một hoà giải nào cả. Cuối cùng Lực Lượng Đặc Biệt tấn công chùa Xá Lợi. Thượng Toạ Thích Trí Quang lánh nạn tại Tòa Đại Sứ Mỹ.

Như tất cả dân Saigon lúc đó, tuy không tham gia biến cố nhưng chứng kiến những sự việc xảy ra, vụ Phật Giáo đấu tranh với chính quyền nhà Ngô làm tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì thấy một chính quyền độc tài có thể bị đánh đổ. Lo vì biết rằng vụ này có thể làm lợi cho chính quyền miền Bắc. Và cũng như mọi người dân trên thế giới, tôi bị rúng động trước cảnh tự thiêu của Thượng Toạ Thích Quảng Đức. Thấy cái chết đó đẹp quá nhưng vì tài hèn sức mọn nên không đưa được vào tác phẩm lớn như bài thơ *Lửa Từ Bi* của anh Vũ Hoàng Chương. Tuy nhiên ngọn lửa thiêng này cũng được tôi ghi lại trong đoản khúc *Việt Nam Việt Nam*.



Ngọn lửa thiêng soi toàn thế giới...

Là một nghệ sĩ, tôi còn phản ứng mạnh hơn khi thấy bạn đồng nghiệp bị dính líu vào biến cố chính trị này. Ngày 7 tháng 7, phản đối việc chế độ đưa

ông ra xét xử về tội phản nghịch, nhà văn mà tôi rất kính phục là Nhất Linh, tự tử. Anh bạn rất thân Nguyễn Đức Quỳnh, dù đã từng giúp việc cho Công Dân Vụ và Lý Đại Nguyên, người cả gan ra tranh cử Tổng Thống với ông Diệm, của hai đều bị bắt trong một ngày tháng 8 năm 63. Khi hai người bạn này được thả, họ cho biết tôi cũng bị chính quyền để ý vì năng lui tới đàm trường để gặp anh Quỳnh và Lý Đại Nguyên.

Ngày 1 tháng 11 là ngày tàn của chế độ. Cuộc đảo chánh thành công. Cũng như mọi người, tôi thấy miền Nam trút được một gánh nặng nhưng khi nhìn thấy xác của ông Diệm, ông Nhu, tôi buồn. Rồi khi có giả thuyết Mai Hữu Xuân là người ra lệnh giết hai ông thì tôi không ngạc nhiên.

Sau khi lật đổ chế độ nhà Ngô, các tướng lãnh đảo chánh thành lập **Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng** để điều khiển quốc gia. Từ lúc này cho tới ngày miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, số mệnh nước ta nằm trong tay những quân nhân dù có hai lần chính phủ dân sự được thành lập rồi chết non vì không có thực lực trong tay. Người Mỹ khởi sự nhúng tay vào chính trường Việt Nam. Trong vòng 20 tháng sau khi ông Diệm chết, đã xảy ra 13 cuộc chỉnh lý và tái chỉnh lý, đảo chánh và phản đảo chánh. Có tới chín chính phủ tranh nhau cầm quyền và có tới bốn bản hiến pháp được soạn ra. Những cuộc bãi khoá, biểu tình, xuống đường

xảy ra thường xuyên, mâu thuẫn giữa Phật Giáo và Công Giáo còn đi đến chỗ đổ máu nữa... Rồi từ đó trở đi, tất cả những khuyết điểm của chế độ nhà Ngô như thiếu dân chủ, độc tài, tham nhũng, ngoan cố... lại hiện ra trong chính quyền. Cho tới ngày mất về tay Cộng Sản, miền Nam là nơi có đầy đủ những vụ mua quan bán tước, hối sống hối chết, lính ma lính kiếng, buôn gian bán lận (có xe nhà binh hộ tống) do một số tướng lãnh đang nắm những chức vụ then chốt dung túng cho đàn em hoặc trực tiếp nhúng tay vào việc phi pháp.

Tôi không còn làm việc với Trung Tâm Điện Ảnh nữa. Nhưng lại được mời tới làm giáo sư trong Trường Quốc Gia Âm Nhạc ở đường Nguyễn Du, dạy môn Nhạc Ngữ Việt Nam. Tôi vẫn không phải lo lắng về đời sống vật chất. Việc bán bản quyền tác phẩm của mình cho Ngọc Chánh ấn hành, thu thanh vào băng cassette và việc đi hát ở Đài Phát Thanh hay phòng trà cũng đủ để tôi nuôi vợ và năm đứa con. Thái Hiền vừa ra đời, vợ chồng tôi vui mừng hết sức. Sau khi có liên tục bốn đứa con trai, vì thêm con gái quá nên đã có lần vợ tôi mua quần áo con gái để cho con trai Hùng mặc. Vui lòng vì mới có con gái nhưng lại khổ tâm vì những vụ bãi khoá xảy ra thường xuyên trong hai năm trời khiến cho mấy đứa con trai của chúng tôi phải bỏ bê học hành. Rồi tới tuổi quân dịch, ba đứa lớn phải bỏ học đi làm nghĩa vụ “chống Cộng”, chỉ có

Cường được theo đuổi học hành một cách đầy đủ hơn các anh.

Tình hình náo loạn ở Saigon làm cho tôi không còn hứng thú đi chơi với người bạn nữ thi sĩ nữa. Nàng cũng đã rời mẹ để đi làm tại Biên Hoà. Tôi chỉ có thể thỉnh thoảng lái chiếc xe Hillman cũ kỹ đi thăm nàng. Trên xa lộ vừa mới được Hoa Kỳ làm xong, đi thăm người tình vào ban đêm, lắm khi có những trận mưa lũ làm tôi không nhìn thấy đường, may mà xa lộ lúc đó vắng tanh nên không xảy ra tai nạn.

Đây là lúc tôi có những tiếp xúc chặt chẽ với sinh viên. Nói về vai trò của sinh viên trước và sau cuộc Cách Mạng đánh đổ Ngô triều mà nhóm quân nhân tự nhận là có công, ta cần biết rằng vào cuối thời nhà Ngô, thành phần đấu tranh chính yếu là lực lượng tôn giáo, có sự đóng góp rất tích cực của sinh viên. Hai năm đầu cầm quyền của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng là lúc xảy ra nhiều xáo trộn trong giới trẻ, bởi vì có quá nhiều biến động và cứ mỗi lần biến động xảy ra là nó lôi kéo sự tham dự hay phản kháng của sinh viên, học sinh. Cao điểm của phong trào sinh viên là vụ xé bản Hiến Chương Vũng Tàu, lật đổ Nguyễn Khánh. Sau đó, phong trào sinh viên chấm dứt, không tham gia trực tiếp vào những biến động lên xuống của các chính quyền nữa. Nhưng phong trào thanh niên nói chung không phải chấm dứt hẳn mà rẽ qua con đường khác, sau khi họ đã

có non hai năm sống trong những biến động chính trị. Lúc đó, một số người trong phong trào thanh niên hiểu được sự giới hạn của đám trẻ. Nói một cách đẹp đẽ, họ chẳng qua chỉ là một thứ đơn vị tiền phong, còn nếu dùng danh từ khác thì họ là phương tiện của những phong trào quần chúng rộng lớn như tôn giáo, quân nhân, chính đảng. Biết vậy, cho nên thanh niên, sinh viên bớt chú quan về sức mạnh của họ và họ muốn tìm những hoạt động thực tiễn hơn, lâu dài hơn, nghĩa là những hoạt động xã hội, văn hóa. Còn một động cơ thứ hai nữa khiến cho họ phải thay đổi là: chiến tranh lên cao nên sinh viên bị động viên. Số sinh viên đi lính càng nhiều thì hoạt động chính trị của sinh viên càng bị thu hẹp. Môi trường hoạt động trực tiếp bị giảm đi thì môi trường gián tiếp gia tăng, qua những hoạt động xã hội và văn hoá.

Tình hình ở Việt Nam trong hai năm 63-65 còn là sự chia rẽ lớn lao với những cái trục người Nam-người Bắc, Công Giáo-Phật Giáo chưa kể cái trục dân sự-nhà binh. Rồi thêm cái trục sâu xa bên dưới nữa là quốc gia-cộng sản – còn có của cái trục người già-người trẻ nữa – cho nên ai cũng muốn đi tìm một **mẫu số chung**, ai cũng muốn mọi người ngồi lại với nhau với mong ước: Hãy là người Việt Nam đi đã. Ai cũng muốn đặt vấn đề Tổ Quốc, Đồng Bào, Con Người, Nhân Đạo lên trên.

Vào lúc này, tôi còn nhận thấy tình hình âm

nhạc nói chung có vẻ suy đồi với loại nhạc chỉ có tính cách biểu diễn cho mọi người ngồi nghe, dùng những ca sĩ mặt hoa da phấn với lời ca ngon ngọt để xoa dịu lòng người. Tôi bèn vác máy tape recorder có sẵn ampli, speaker hiệu Akai (là loại tốt nhất lúc đó) và băng nhạc *Con Đường Cái Quan* tới sinh hoạt với sinh viên và thanh niên. Đây là lần đầu tiên giới trẻ được tham gia mạnh mẽ vào các cuộc ca hát. Khi chế độ cũ ra đi thì trong nước tương đối có tự do, sinh viên cũng như tất cả mọi người bắt đầu có sự tự do sinh hoạt. Trước hết tuổi trẻ họp nhau lại, cùng hát chung những bản hùng ca cũ của ngày xưa. Bây giờ tôi đem tới cho họ bản trường ca *Con Đường Cái Quan* và cho in ronéo lời ca để phát cho các bạn trẻ, mời mọi người hát theo với ca sĩ trong băng nhạc. Dù sao thì những anh hùng ca hay bản trường ca này là những bài hát mà thanh niên đã biết tới rồi. Muốn lôi cuốn tuổi trẻ, tôi cần phải có cái gì mới để cung cấp cho họ.

Như đã nói ở trên, trong tình trạng xáo động và chia rẽ của thời này, ai cũng muốn đi tìm mẫu số chung. Không cần tìm ở đâu xa xôi, tôi thấy ngay rằng: Mẫu số chung là Mẹ Việt Nam vậy. Muốn tìm lại tổ quốc, đồng bào, con người, nhân đạo, phải tìm đến Mẹ Việt Nam. Tôi bèn soạn trường ca *Mẹ Việt Nam*. Sau khi thu thanh với giọng hát và với nhạc sĩ trong ban nhạc Hoa Xuân của tôi ở Đài Phát Thanh, tôi lại xách bộ máy Akai đi phổ biến

bản trường ca rất hợp thời này. Cũng nên nhắc lại sự ích lợi của kỹ thuật trong việc phổ biến âm nhạc vào thời này, nếu không có bộ máy AKAI, chưa chắc *Mẹ Việt Nam* đã được nhiều người biết tới. Khi Bộ Chiêu Hồi in nhạc phẩm này ra, tôi có những lời mở đầu như sau:

Nếu *Con Đường Cái Quan* là một hành ca ghi lại bước tiến của dân tộc ta trên một sinh lộ nhất quyết không chịu chia cắt thì *Mẹ Việt Nam* là một âu ca, ca tụng Mẹ Tổ Quốc và những Mẹ điển hình trong truyền kỳ lịch sử nước nhà, đề tài và cảm hứng nhắm dựa vào Tình Thương Yêu và Tính Hiếu Hoà, tính tình này đã sinh tồn mạnh mẽ trên đất ta và phải được truyền đi trong thế giới tàn nhẫn hiện tại. Đây là một Trường Ca trong đó, lúc trẻ tuổi, Mẹ Việt Nam được biểu tượng bằng ĐẤT MÀU tươi tốt, đa tình, nền tảng của gia đình, ruộng nương, làng nước. Khi đứng tuổi, MẸ hiện thân là NÚI NON sắt đá, trong sự hi sinh ròng rã, vẫn bền bỉ đợi chờ và che chở người chinh phu chưa hết nợ đao binh. MẸ còn âm thầm xót thương lũ con SÔNG NGÔI, có những đứa đại dột, hiếu thắng, phản bội MẸ vì sự tranh giành lẫn nhau, gây oán hận phân chia, làm nát tan lòng MẸ. Vào lúc tuổi già, MẸ trở thành BIỂN CẢ đại lượng bao dung, kêu gọi và ôm đón đàn con giang hồ, thành công hay thất bại. Nước mắt vui mừng của MẸ lúc gặp con bốc lên trời cao làm mây đầy đặn và ấm áp, bay đi rửa sạch

địa cầu bằng ơn mưa móc, nổi chặt chu kỳ trường ca MẸ VIỆT NAM.

Mấy năm trước, vì CON ĐƯỜNG CÁI QUAN mang tính chất tả thực (réaliste) và được xây dựng trên âm giai LA MAJEUR nghĩa là với những nốt nhạc có dấu thăng (dièse). Tôi muốn MẸ VIỆT NAM mang tính chất tượng trưng (symbolique) nên bây giờ tôi dùng âm thể MIb với những nốt nhạc có dấu giáng (bémol). Tôi cũng làm cái trò đối thoại với huyền sử hay dã sử khi soi bóng người Thiếu Phụ Nam Xương trên bờ đê (hơn là trên tấm vách) và cho rằng sự hoá đá của Mẹ Việt Nam không do bởi Mẹ đứng đợi người tình. Mẹ hoá đá vì quá mong chờ ngày hạnh phúc của dân tộc.

Tôi soạn trường ca này vào lúc mà nước Việt đang trong hoàn cảnh khốn khó nhất. Trong bất cứ giai đoạn gay go của một nước nào, người nghệ sĩ của nước đó thường cất cao tiếng nói của tâm thức dân tộc. Ở Việt Nam, vào thời gian mọi người sống trong chia rẽ, kinh thị và kinh hoàng, với trường ca này, tôi cho rằng chúng ta chỉ có thể được cứu rỗi bởi một Tình Yêu Chung, hướng về Mẹ Tổ Quốc. Trường Ca về MẸ được mọi người yêu mến vì ra đời đúng lúc. Rồi bởi có nước ta vẫn chưa ra khỏi số phận lạc loài, trường ca này lúc nào cũng có thể là bài hát hợp thời. Vào những năm cuối cùng của cuối thế kỷ, vẫn còn quá nhiều lũ con lạc lối đường xa, mà chưa hề có con nào nhớ Mẹ ta mà về...

Đoạn kết của trường ca, đoản khúc *Việt Nam Việt Nam* là một bài ca hầu hết người Việt Nam thuộc lòng. Có những người yêu nó, muốn nó trở thành bài quốc ca. Tôi xin nhũn nhận thua rằng: một tác phẩm văn nghệ được tung ra quần chúng rồi là nó tuột khỏi tầm tay của tác giả. Ai muốn dùng bài hát đó làm gì cũng được nhưng phải xin phép tác giả. Phải xin phép!

Soạn xong và hát lên hai bài trường ca vào thập niên 50-60, vài chục năm sau, tôi rất lấy làm vui mừng vì những giấc mơ tôi vẽ ra trong hai tác phẩm đó đều đã được thực hiện:

* Trong *Con Đường Cái Quan*, lũ khách mơ ước có ngày đường tan ranh giới để người được mãi mãi đi trong một duyên tình dài, trên con đường thế giới xa xôi, trong lòng dân chúng nơi nơi.

* Trong *Mẹ Việt Nam*, tôi ước mơ có ngày được đem ngọn lửa thiêng của Việt Nam đi soi toàn thế giới. Những giấc mơ đó đã thành sự thực. Hai triệu người Việt Nam đang có mặt trên gần 50 quốc gia trong hoàn cầu.

* Đầu năm 1990, tôi hoàn tất một trường ca khác (mà tôi phải bỏ ra 15 năm để thai nghén, sáng tác và tu chỉnh): tổ khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ*. Nửa phần đầu của Tổ Khúc này là một cơn ác mộng, nửa phần sau là một giấc mơ hồng. Giấc mơ cái tổ chim êm đềm (hay là tổ quốc cũng thế) đã có lúc bị vỡ tan khiến cho một bầy chim phải lia tổ bay đi, đã tới lúc

tất của loài chim phải đồng lòng với nhau để xây dựng lại tổ chim đó. Không biết giấc mơ này có thể trở thành sự thật như những giấc mơ trong hai bài trường ca trước hay không?

¹ được gọi là nghệ thuật “thứ bảy” vì ra đời sau văn chương, thi ca, âm nhạc, hội hoạ, điêu khắc và kiến trúc.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

*Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai?...
Tâm Ca Số 7*



Saigon 1965, thời tâm ca.

1965 là năm miền Nam nước Việt giống như cái chai có gắn cuống phễu và đang bị một thùng dầu sôi lửa bỏng rót vào. Trong chín năm Đệ Nhất Cộng Hoà chỉ có ba biến động, nhưng chỉ trong một năm 64, biến động lên xuống 13 lần, con người như bị quay cuồng trong cơn bão

tổ, tuổi trẻ già hẳn đi, tuổi già mệt nhọc hơn. Quân Đội Hoa Kỳ, Đại Hàn, Úc, Phi... đổ bộ vào Việt Nam khiến cho chiến tranh leo thang. Xã hội ngã nghiêng vì đồng dollar, dù tiền lưu hành mang màu đỏ, giống như giấy bạc giả. Giới trẻ bị động viên. Ba đứa con trai của tôi tuần tự nhập ngũ. Tôi đi thăm chúng tại trại Quang Trung, lòng đầy ái ngại. Gia đình nào cũng có con phải đi lính. Ai cũng nếm mùi chia ly, hoặc mùi chết chóc, mặc dù chưa bị khó khăn về kinh tế như sau này. Ai cũng sống trong thao thức, lo âu. Tôi gọi đây là thời kỳ **thần đồng gãy cánh, còi tiền lạc lõng, nhạc trời đứt đoạn.**

Tôi soạn bài *Tôi Còn Yêu, Tôi Cứ Yêu*:

Tôi còn yêu, tôi cứ yêu

Tôi còn yêu, tôi cứ yêu

Tôi còn yêu mãi mãi mãi

Tôi còn yêu đời, tôi còn yêu người

Tôi còn yêu tôi...

.....

Cho dù tôi đã chết rồi

Cho dù ai đã giết tôi

Cho dù xương trắng vẫn chất núi

Cho dù sông ngòi vẫn hoen máu người

Oán thù vẫn dài...

Sống trong cơn bão thời đại, tôi mất luôn đời sống riêng tư. Tôi không gặp người tình thường xuyên nữa, coi như đã gần mất nhau. Trong bài hát

nói về Tình Yêu chữ hoa này, tôi để lộ sự mất mát
mối tình riêng: *Vâng! Tôi còn yêu*

Tôi còn nhớ mãi thân hình gầy yếu

Một dòng tóc mây yêu kiều

Một cặp mắt ngậy hương chiều

Nụ cười đắm say tâm hồn người yêu

Vâng! Tôi còn yêu

Tôi còn nhớ mãi làn môi ngọt ngào

Một vòng cánh tay mỹ miều

Còn lại chút hương tiêu điều

Và mộng đắng cay đi về, điều hui...

Tôi lại nhìn thấy sự chết:

Tôi còn yêu mãi mãi mãi

Tới ngày mai rồi, xa lìa cõi đời, tôi còn yêu ai

Oi người ơi! Hãy lắng tai

Nghe hồn tôi trong nắng mai

Trong làn gió mới, trong đêm tối

Trong giọt mưa dài, suốt năm tháng ngày

Yêu người, yêu hoài...

Đang sống quay cuồng trong một xã hội đảo
điên như vậy, một hôm tôi bỗng đọc được bài thơ
của Thượng Toạ Thích Nhất Hạnh, với đầu đề
Hoà Bình:

Sáng nay vừa thức dậy

Nghe tin em gục ngã nơi chiến trường

Nhưng trong vườn tôi

Vô tình, hoa tường vi

Vẫn nở thêm một đoá

*Tôi vẫn sống, vẫn ăn
 Và tôi vẫn thở
 Nhưng biết bao giờ
 Tôi mới được nói thẳng
 Những điều tôi ước mơ?*

Qua bài thơ này, tu sĩ kiêm thi sĩ Nhất Hạnh cho ta thấy cảnh người vẫn chết, hoa vẫn nở rất là bi đát của thời đại và sự mong muốn được nói ra niềm ước mơ hoà bình. Tôi yêu bài thơ này ngay lập tức. Thi sĩ tự hỏi biết bao giờ mới được nói thẳng những điều ước mơ thì tôi xin góp tiếng bằng cách phổ nhạc và hát âm ỹ bài thơ đó lên. Theo Albert Camus, nói lên được bi đát là hết bi đát. Rồi tôi thấy rằng bài hát này – bây giờ mang tên *Tôi Ước Mơ* – có thể mở đầu cho một thứ chương khúc, nghĩa một loạt bài hát cùng nằm trong một đề tài mà tôi đặt tên **tâm ca**. Chương khúc *Tâm Ca* gồm 10 bài (tôi cho con số 10 là con số trọn vẹn nhất) là phản ứng của tôi trước sự **vong thân** (aliénation) của con người Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử hết sức nhiều nhương.

Hãy thử nhìn vào tình trạng âm nhạc của nước ta giữa thập niên 60 này.

Nhạc tuyên truyền ở miền Bắc, chịu sự chỉ huy của Nhà Nước, chỉ có mục đích phục vụ cho chính trị. Còn ở miền Nam, Tân Nhạc nằm trong tay tư nhân, trở thành một thương phẩm (produit commercial) trong một xã hội tiêu dùng (société

de consommation). Vào lúc Quân Đội ngoại quốc vừa mới chân ướt chân ráo bước vào nước ta, rõ ràng có sự phồn thịnh ở Saigon, dù giả tạo. Người dân với mức lương thấp nhất cũng dễ dàng có máy radio hay máy cassette. Các Đài Phát Thanh mọc lên ở hầu hết các đô thị phổ biến mạnh mẽ Tân Nhạc trong giai đoạn tôi gọi là **loạn phát** (ex-croissance) này. Những bản nhạc cũ và mới được tung ra thị trường dưới hình thức nhạc bản, nhạc tập, đĩa hát, tape, cassette. Tân Nhạc trở thành một trào lưu, một thú trang trí cho đời sống và đời luôn cái tên không ổn là nhạc thời trang, nhạc hợp thời, nhạc à la **mode**.

Trước những hiểm nguy hay bi đát của cuộc đời, con người thường có hai thái độ: hoặc đối đầu hay lẩn tránh sự thực. Trong hoàn cảnh đất nước ngả nghiêng, Tân Nhạc ở Saigon lúc đó giúp cho người ta quên được thực tại ê chề bằng những bài hát được gọi là nhạc vàng mang tính chất mượt mà, êm dịu, vuốt ve, an ủi.¹ Hoặc là những bài mới soạn ra thiếu giá trị nghệ thuật. Hoặc những bài hát tình cảm và lãng mạn của thời trước được cho sống dậy và mang cái tên Nhạc Tiền Chiến dù một số bài soạn hồi hậu chiến. Vì chủ trương một dòng nhạc phản ánh con người và cuộc sống Việt Nam, trong khi loại nhạc thời trang đang hoành hành như vậy, tôi quyết định lên tiếng. Không lẩn tránh sự thực,

nhìn thẳng vào cuộc đời 1965, qua 10 bài tâm ca, tôi nói lên sự bi đát của thời đại.

Cho tới năm 1965 – thối thoát đã trên hai mươi năm rồi – kể từ khi tôi bước vào nghề hát rong và soạn ca khúc, đi khắp mọi nơi trên đất nước, sống dưới nhiều triều đại khác nhau, gặp đầy đủ mọi hạng người trong xã hội... tôi chỉ làm một việc là xung tưng và xung tưng. Hết xung tưng tổ quốc, lịch sử, con người lại xung tưng tình yêu, sự đau khổ hay cái chết. Qua những bài tình ca quê hương, tình tự dân tộc, tình khúc lãng mạn với những nội dung phơi phới, với những nét nhạc lộng lẫy, với những lời ca ngọt ngào.

Bây giờ, tôi đang đứng trước một quê hương đã trở thành nơi thử võ khí và tranh chấp ý thức hệ của những thế lực quốc tế. Với mức độ gia tăng của chiến tranh, xã hội Việt Nam quay cuồng theo cơn lốc chiến cuộc, những giá trị tinh thần bị đổ vỡ và bị thay thế bằng những giá trị vật chất, đời sống càng ngày càng trở nên khốc liệt... tôi cần phải nhận diện lại quê hương. Không thể cứ xung tưng một nước Việt Nam lý tưởng qua những dân ca, trường ca yêu nước được nữa. Bây giờ là lúc phải phê phán xã hội. Vấn đề là phê phán ra làm sao thôi. *Mười Bài Tâm Ca*, với những tựa đề như *Tôi Ước Mơ*, *Tiếng Hát To*, *Ngồi Gắn Nhau*, *Giọt Mưa Trên Lá*, *Để Lại Cho Em*, *Một Cành Củi Khô*, *Kẻ Thù Ta*, *Ru Người Hấp Hối*, *Tôi Bảo Tôi Mãi Mà Tôi Không Nghe*, *Hát Với Tôi...* muốn được

là tiếng nói lương tâm của con người đối mặt cùng sự thật, nhận diện lại mọi thứ trong đời.

Trong một bài viết đăng trên báo Văn Học số 21 tháng 10, 1987, nhà văn Bùi Vĩnh Phúc đã tóm tắt tâm ca: *Tâm Ca số 1 (Tôi Ước Mơ) nhận diện cái bi đát của xã hội trong giai đoạn ấy. Tâm Ca số 2 (Tiếng Hát To) là thái độ của tác giả trước sự bi đát đó. Tâm Ca số 3 (Ngồi Gắn Nhau) nhận diện lại dân tộc. Tâm Ca số 4 và Tâm Ca số 6 (Giọt Mưa Trên Lá, Một Cành Củi Khô) nhận diện lại thiên nhiên, siêu nhiên, đời sống con người khi được (hay bị) đặt vào cái thiên nhiên đó và trái tim của nó hướng về những điều siêu nhiên kia. Tâm Ca số 5 (Để Lại Cho Em) nhận diện lại gia tài của người đi trước để lại cho người đi sau. Tâm Ca số 7 (Kẻ Thù Ta) nhận diện kẻ thù. Tâm Ca số 8 (Ru Người Hấp Hối) nhận diện cái chết. Tâm Ca số 9 (Tôi Bảo Tôi Mãi Mà Tôi Không Nghe) nhận diện chính mình. Và Tâm Ca số 10, một tuyên ngôn, trình bày lại thái độ (và lời mời gọi) của tác giả sau khi đã có cơ hội nhận diện lại mọi sự trong đời...*

Cũng nên biết qua bối cảnh xã hội trong thời kỳ này. Tâm Ca ra đời vào lúc giới trẻ Việt Nam, lần đầu tiên, được dịp đi sâu vào Phật Giáo dưới khía cạnh văn hoá truyền thống. Sau biến cố 11-63, việc giảng dạy về văn hoá bớt bị giới hạn trong văn hoá Công giáo với những thuyết duy linh, nhân vị. Phật Giáo được đem vào các môi trường giáo dục, nhấn mạnh tới những truyền thống Phật Giáo thời Lý,

Trần và gây được sự học hỏi trong giới trẻ. Nhấn mạnh tới Lý Trần là nói tới Thiền Việt Nam với hình ảnh mà bình dân có thể hiểu được như Nhất Chi Mai, thiền sư Vạn Hạnh.

Lúc đó Phương Tây cũng đang học hỏi về Thiền của Phương Đông, sách vở ồ ạt vào Việt Nam vì không bị hạn chế như thời ông Nhu trước đây. Rồi phong trào **hippy** cũng tràn vào cùng với những sách như *Câu Chuyện Một Dòng Sông* với Tất Đạt Đa, sách của Herman Hess, nhạc dân ca có giọng điệu phản chiến của Pete Seeger, tất cả đều là sự tìm hiểu và làm quen với Thiền trong giai đoạn dễ hiểu và ngộ nghĩnh của nó. Những ý niệm về hòn đá, về hoa, về những công án trở nên rất quen thuộc với giới trẻ nên lúc đó tuổi trẻ Việt Nam đi vào Phật Giáo với hình ảnh khá tinh vi của Thiền môn, của Vô Môn Quan, của Thiền Luận, của Suzuki...

... Và đột nhiên những hình ảnh đó xuất hiện trong Tâm Ca vì tôi cũng bị lôi cuốn vào cuộc hành trình về phương Đông này. Tôi áp dụng những gì tôi hiểu về Thiền vào tình thế, nghĩa là vào hoàn cảnh người vẫn chết, hoa vẫn nở, súng vẫn nổ, tiếng hát vẫn to, bụi ngời chung với kẻ sát nhân, con người chia sẻ vui buồn với cảnh củi khô hay hòn đá cuội...

Hơn nữa, đây là lúc chiến tranh khởi sự sôi sục. Chiến tranh này cũng không phải là cuộc nội chiến bình thường mà bị quốc tế hoá. Quốc tế hóa trong nhiều khía cạnh.

Trước hết, trong hai năm 1964-65 này, Quân Đội ngoại quốc đổ vào Việt Nam quá đông, quá lẹ, mang theo nhiều sản phẩm của xã hội Tây Phương. Cái phễu đặt trên chai Việt Nam đã được những tư tưởng mới đổ vào (qua sách vở nói trên) nay bị lối sống siêu-tiêu-thụ là the **american way of life** rót vào nữa. Khi Hoa Kỳ ồ ạt vào Việt Nam, tuổi trẻ đua nhau đi học Anh Văn để làm thông dịch viên và có đời sống cao hơn. Sau khi nắm được Anh Ngữ, họ lại càng đọc thêm những sách của thời thượng như thuyết chán đời, hippy, v.v. Một sự kiện quan trọng nữa là – lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh – cuộc chiến ở Việt Nam được chiếu trên Tivi, do đó Saigon là nơi có một đạo quân báo chí, truyền hình đông đảo nhất thế giới, với những phóng viên trẻ trung, hăng hái, xông xáo, có phương tiện tối tân để thực hiện những phương pháp làm báo rất táo bạo... Tiền bạc đổ ra – chỉ riêng cho việc lấy tin tức – còn hơn tiền ném qua cửa sổ. Tất cả ảnh hưởng mạnh tới giới truyền thông Việt Nam, giới có dịch vụ với Mỹ kể từ cô gái bán bar, anh lái xe taxi, tới anh sinh viên hay người trí thức, ảnh hưởng tới người làm thương phẩm cũng như ảnh hưởng tới người làm văn học nghệ thuật. Trong làng nhạc, có một biến chuyển lớn.

Saigon vẫn có thú văn nghệ thông thường, rất mềm mại, than thở về chuyện đi lính, chia ly,

nhớ Thành Đô, v.v. rất ăn khách của các bạn soạn nhạc ít bận tâm về thời thế. Bây giờ máy thu băng hay máy chạy đĩa hát mang những tên Pioneer, Akai, Sony giúp cho nhạc Âu Mỹ (nhất là nhạc Beatles) nhảy vào Việt Nam cùng với lính Mỹ. Loại **Nhạc Trẻ** ra đời, ồ ạt như vũ bão. Rất nhiều ban nhạc được thành lập để đi hát cho lính Mỹ nghe. Nhiều bài hát soạn theo điệu **rock** ra đời. Các hãng băng đua nhau phát hành chương trình nhạc thương mại.

Về phần tôi, vào lúc này, quyết định không soạn những bài hát bợc đường nữa, lại càng không đi vào loại **nhạc trẻ** thời thượng vì tôi đang thao thức trước tình thế và muốn tung ra loại **nhạc tâm thức** với 10 bài tâm ca. Tôi quyết định đi vào tuổi trẻ vì gần đây, đem máy Akai tới phóng thanh cho thanh niên, sinh viên nghe hai trường ca *Con Đường Cái Quan* và *Mẹ Việt Nam* và được tuổi trẻ nồng nàn chấp nhận. Tôi muốn cùng tuổi trẻ nhận diện lại quê hương.

Giới trẻ còn hưởng ứng tâm ca một cách tích cực hơn, nghĩa là chấp nhận tâm ca rồi tham gia vào việc sáng tạo. Một số anh em thành lập những nhóm ca hát ở nhiều nơi rồi sau này đặt tên là **Phong Trào Du Ca**. Phong trào này bành trướng trong giới trẻ về của phương diện địa lý nữa, khi nó ra khỏi Saigon để đi về các trường Đại học trong nước, từ Miền Nam ra miền Trung lên Cao Nguyên, xuống

Hậu Giang. Các Hội Đoàn lớn, các phong trào của người lớn cũng hưởng ứng theo.



Quang, Linh, Thảo, Văn, Jane Pratt, Phương Oanh, PD,
Art Giuliano.

Phong Trào Du Ca ra đời quy tụ một số nhạc sĩ trẻ, chấp nhận lối soạn những bài ca phi-thương-mại và nói thẳng vào xã hội Việt Nam, cũng như chấp nhận lối hát chung với nhau mà họ sẽ gọi là hát cộng đồng. Những du ca viên sau này sẽ trở thành những du ca trưởng như Nguyễn Đức Quang, Giang Châu, Ngô Mạnh Thu... đưa ra những bài ca mới, đi theo đường lối nhận diện lại quê hương của Tâm Ca. Đó là những bài mang tên *Quê Hương Ta Đó, Đến Với Quê Hương, Đi Vào Quê Hương, Xin Nhận Nơi Đây Là Quê Hương...*

Điểm son của Tâm Ca và những bài hát Du Ca là ở chỗ tuy dám nói lên cái bi đát của thời đại nhưng không hề có sự tuyệt vọng. Nguyễn Đức Quang khẳng định:

*Xin nhận nơi này làm quê hương dầu đang chiến tranh
 Xin nhận nơi này làm quê hương dầu chưa thanh bình
 ... dầu đang khó khăn
 ... dầu chưa ấm êm*

Và nói lên niềm hi vọng: *Hi vọng đã vươn lên
 trong nhọc nhằn trong nước mắt... như làn tên đang
 rục lên trong màn đêm.*

Quê hương đang rách nát, xã hội đang ngã
 nghiêng, những toán du ca rủ nhau đi khắp mọi nơi
 để mời mọi người cùng hát bài *Về Với Mẹ Cha* của
 Nguyễn Đức Quang:

*Cùng đi xoay Hoành Sơn
 Cùng đi lay Trường Sơn
 Cùng đi biển rừng hoang ra lúa thom
 Vượt khơi ra đảo xa
 Lướt ngàn nước sông nhà
 Ta đắp bồi cho Mẹ Cha...
 Từ Nam Quan, Cà Mau
 Từ non cao rừng sâu
 Cùng nhau do non nước xây cầu
 Người thanh niên Việt Nam quay về với xóm làng
 Tiếng reo vui rộn trong lòng...*

Nói cho cùng, tâm ca hay du ca cũng chỉ là
 những bài hát tuyên truyền mà thôi, nhưng ở đây,
 người thanh niên tự nguyện làm công việc vận
 động quần chúng chứ không phải bị chính phủ hay
 một tổ chức chính trị nào ép buộc phải làm. Việc

làm này cũng chẳng mang lại cho họ một quyền lợi tài chánh to nhỏ nào cả. .

Ngôi nhà chệt đầu ngõ E trong cư xá gọi là Chu Mạnh Trinh (vì trong khu này có một trường học mang tên đó) của chúng tôi đã được nâng lên thành nhà ba tầng. Căn phòng chín thước vuông trên lầu ba là nơi tôi thường nằm bò trên sàn đá hoa để sáng tác. Về sau tháp ngà này sẽ là tháp tiên của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn để anh mơ màng bên Nàng Tiên Nâu khi tôi bán căn nhà – chưa trả hết tiền – cho anh. Gia đình chúng tôi đã càng ngày càng thêm đông đúc. Thái Thảo ra đời, rất xinh, giống bố nhất nhà. Giúp việc cho gia đình là một chị bếp và hai vú em để trông coi những đứa bé nhất. Lũ con đầy đàn là một bọn quý sứ, nếu tôi không có một căn phòng trên gác cao này thì tôi không thể nào sáng tác được. Thái Hằng có phòng riêng ở lầu hai. Đã từ rất lâu, chúng tôi không ở chung phòng vì tôi thường đọc sách tới khuya, hay sáng tác vào lúc nửa đêm về sáng và khi ngủ thì ngáy to như sấm nên bị vợ chê. Tuy ở riêng phòng mà cứ một hai năm lại sinh một đứa con. Bây giờ qua Mỹ mới thấy mình may mắn quá. Con cháu của lớp người đi tị nạn không dám có nhiều con, vì đời sống Mỹ quốc không cho phép. Chúng sẽ không được hưởng không khí vui nhộn của những gia đình đông con.

Tôi còn nhớ những đêm ngồi soạn tâm ca trong ngôi nhà bình yên và ấm áp này. Khi ngồi phang

piano dưới phòng khách hay khi ôm đàn guitare ngồi trên sàn gạch lầu ba, cũng như khi nằm ghé xích đu ngoài sân thượng để vừa nhìn trăng sao vừa soạn nhạc, tôi hơi lấy làm lạ là tại sao tôi soạn tâm ca nhanh đến thế. Bài bản cứ tuôn ra một cách dễ dãi, bài này tiếp bài kia, chỉ hơn một tuần là soạn đủ 10 bài. Có bài chỉ soạn trong khoảng 15 phút như bài *Giọt Mưa Trên Lá*. Gần đây, tôi mới hiểu tại sao. Trước giai đoạn tâm ca, đa số sáng tác phẩm của tôi đều hướng về những huyền thoại quê hương, nhất là huyền thoại Mẹ. Những ca khúc đó đều mang tính chất mô tả (descriptive) tạo ra những khung cảnh oai hùng rạng rỡ hay dịu dàng êm ả để người nghe cất bước lên đường hay trầm mình vào những huyền thoại đó. Nhạc điệu và lời ca của những bài đó thật là tươi đẹp, thật là lãng mạn, với kiến trúc vững vàng, với cấu phong chặt chẽ, thường thường là những bài hát khá dài dòng.

Vào với tâm ca, tôi bị hoàn cảnh đất nước lúc đó thôi thúc, tôi bị sự lo âu, sự hoảng sợ hay sự sống chết hằng ngày bao vây, tôi như bị một cơn hồng thủy cuốn đi... tôi không có thì giờ và tâm trí để soạn những điệu nhạc ngọt ngào và những lời ca óng ả được nữa. Bây giờ không phải là nhạc mô tả mà phải là nhạc kêu gọi hành động (impérative). Bây giờ không phải là lúc sáng tác một *Cung Oán Ngâm Khúc* với hàng trăm câu thơ hay một thứ hùng ca Hy Lạp với một hay hai ngàn lời. Hoặc một

trường ca 19 khúc (*Con Đường Cái Quan*) hay một trường ca 22 khúc (*Mẹ Việt Nam*). Bây giờ chỉ cần một đoạn khúc để nói về kẻ thù ta đâu có phải là người. Vũ trụ thu lại trong một hòn đá cuội hay một cành củi khô, cũng như cuộc đời thu lại trong một giọt mưa:

*Giọt mưa trên lá nước mắt mẹ già
Lã chã đầm đìa trên xác con lạnh giá.
Giọt mưa trên lá nước mắt mặn mà
Thiếu nữ mừng vì tan chiến tranh chồng về.
Giọt mưa trên lá tiếng khóc oa oa
Đứa bé chào đời cho chúng ta nụ cười.
Giọt mưa trên lá tiếng nói bao la
Tóc trắng đậm đà êm ái ru tình già...
Giọt mưa trên lá tiếng nói thâm thì
Bóng dáng Phật về xoa vết thương trần thế.
Giọt mưa trên lá tiếng nói tinh khôi
Lúc Chúa vào đời xin đóng danh vì người.
Giọt mưa trên lá tiếng khóc chơi vơi
Thế giới lạc loài chưa thoát ra phận người.
Giọt mưa trên lá cổ găng người ngoại
Nói với loài người: xin cứ nuôi mộng dài...
Giọt mưa trên lá bồi rối, bồi hồi,
Ráo riết, miệt mài, em (anh) biết yêu lần cuối.
Giọt mưa trên lá bồ ngỗ, xôn xao,
Cuống quít, dạt dào, anh (em) biết yêu lần đầu.
Giọt mưa trên lá thấp thoáng, bơ vơ,
Khép nép, đợi chờ, xa cách nhau vài giờ.*

Giọt mưa trên lá dãi văng xa xôi

Sớm tối bụi ngùi, xa cách nhau một đời...

Tuy nhiên, dù không còn ý định xung tưng què hương một chiều nữa mà là nhạc phê phán xã hội, Tâm Ca cũng là tiếng nói của Tình Yêu. Hãy nghe nhà văn Bùi Vinh Phúc nói lên điều này:

Tiếng nói của Tâm Ca là tiếng nói đậm đà, tha thiết, có lúc đi đến chỗ đả đốn, mời gọi mọi người bước vào để chia sẻ tình yêu. Tình yêu theo cái nghĩa tràn đầy và dung chứa được mọi thứ của nó. Tiếng nói ấy cũng có khi xót xa thoảng lên lời cay đắng (Đừng cho ai ăn cướp tình ta – Để lại cho em thành phố lên đèn, bọn người tranh nhau một đám bụi đen - Chập chờn bay trong bại thắng, ngọn cờ khăn sô màu trắng...) rất nhẹ, rất nhẹ thôi, nhưng thấm thía. Sự phẫn nộ – mặc dù vẫn dung chứa yêu thương – được nhận thấy rõ nhất ở hai bài Tâm Ca số 7 (Kẻ Thù Ta) và số 9 (Tôi Bảo Tôi Mãi Mà Tôi Không Nghe). Ở đây, nhìn thấy cảnh chém giết, đầy đoạ nhau của chính con người Việt, nhìn thấy sự nguy hiểm vẫn tiếp tục vênh vang bề thế của nó, Phạm Duy không giấu nổi sự phẫn nộ của mình. Phẫn nộ là yếu tố kích thích và là thước đo của chính lòng quý trọng, yêu thương. Sự phẫn nộ không phải là sự thù ghét. Phẫn nộ là cái gì trái lại với thù ghét. Phẫn nộ là một góc cạnh của tình yêu. Hãy phẫn nộ, hãy cất tiếng, hãy hành động để tình yêu được trả về cho chúng ta, cho con người...

Tâm Ca và Du Ca ra đời năm 1965 để nói lên cái bi đát của thời đại, mời mọi người ra khỏi sự vuốt ve của nhạc vàng, để hát to những điều mình muốn nói. Với mức độ chiến tranh càng ngày càng khủng khiếp, với sự có mặt của quân đội và vũ khí ngoại quốc ở của hai miền đất nước, nhờ ở sự dọn đường của Tâm Ca và Du Ca, một dòng nhạc khác xuất hiện, mang tính chất nhạc phản kháng (protest song) dẫn tới nhạc phản chiến.



Đi hát du ca tại Phan Thiết, 1965.

¹ Các nhà sản xuất băng nhạc tại Saigon hồi đó dùng danh từ nhạc vàng để đánh giá thật cao những thương phẩm của họ – Cộng Sản thì dùng danh từ đó để đánh giá thật thấp loại nhạc họ cho là ốm yếu bệnh hoạn.

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

*Mà nghe quê hương mình quá nặng nề.
Thảm thương bên kia, kia đời nước
Buồn vương bên đây, đây đời Quốc.
Đẹp nổi oan, thì tìm đường gai góc mà đi...
Một Người Mang Tên Quốc*



Hát bài “Trà lại tôi tuổi trẻ...”

Sau vụ lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, tuổi trẻ ở miền Nam tỏ ra có ý thức về chính trị nhưng họ không được võ trang bằng văn nghệ vì trong hơn một năm trời, chính quyền thay đổi như chong chóng cho nên không chính phủ nào có đủ thời gian để đưa ra một kế hoạch hun đúc tinh thần thanh niên.

Tới thời Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương của Nguyễn Cao Kỳ thì Bộ Thanh Niên mới để ý tới sinh hoạt của sinh viên, nhất là trong phạm vi ca hát. Hoàng Ngọc Tuệ là thành viên của ban Trầm Ca, vì cũng có thời cộng tác với Bộ Thanh Niên, bèn đem ban hợp ca vào hoạt động trong một thời gian ngắn. Rồi anh Tuệ đứng tên xin phép thành lập một tổ chức gọi là Phong Trào Du Ca. Phong trào này có những khoá huấn luyện du ca viên để đi phổ biến những bài thanh niên lịch sử ca, hướng đạo ca đã có trước đây. Ngoài những bài đó, phong trào còn đem luôn những bài tâm ca, trầm ca, thanh ca tác động¹ vào chương trình dạy thanh niên ca hát. Điều đáng nói là các toán du ca không hề là công cụ tuyên truyền cho chế độ. Đa số những bài hát của phong trào du ca là những bài hát nói tới thân phận tuổi trẻ thời đó. Tôi đóng góp vào phong trào troubadour này với bài Trả Lại Tôi Tuổi Trẻ:

*Trả lại tôi là tuổi trẻ mệnh mông
 Chúng mình như lúa reo trên ruộng đồng
 Dù mưa tuôn, dù bão cuốn
 Bông lúa vàng cuộn cuộn gió vươn lên
 Dù bom rơi, dù súng tới
 Bông lúa ngời vượt lửa khói lên ngôi
 Trả lại tôi là tuổi trẻ yên vui
 Dẫu rằng đang chiến tranh hay hoà rồi...*

Thanh niên thời nào cũng bị các lực lượng chính trị đẩy vào việc đấu tranh, nhất là trong những năm

vừa qua. Bài hát đòi trả lại những gì vốn thuộc về tuổi trẻ nghĩa là: tuổi trẻ vô tư, tuổi trẻ say mê, tuổi trẻ nên thơ, tuổi trẻ bao dung, tuổi trẻ tin yêu...

*...Trả lại tôi là tuổi trẻ hôm nay
 Chúng mình như đoá sen trong bùn lầy
 Việt Nam đây, đây rắc rối
 Nhưng vẫn còn nhiều hình dáng vui tươi
 Việt Nam ơi! Còn tiếng nói
 Yêu giống nòi đặt Tổ Quốc lên vai.
 Trả lại tôi là thần tượng tôi đây
 Chúng mình xin khắc sâu trong dạ này...*

Ngoài phần huấn luyện và đi hát, Phong Trào Du Ca còn có một tổ chức gọi là Xưởng Du Ca để thúc đẩy công việc sáng tác. Những nhạc sĩ ở ngoài phong trào như Trịnh Công Sơn và Tôn Thất Lập đã có thời kỳ tới sinh hoạt tại xưởng du ca này.

Tôi vẫn tự coi mình không ở phe nào khi soạn tâm ca hay bài hát du ca. Tâm ca số 3 Ngồi Gắn Nhau còn mời mọi người trong mọi phe vào ngồi gần nhau:

*Ngồi gần người tù bi, bên lũ giết người kia.
 Ngồi gần loài đùn dế, hay ác thú hùm beo
 Mình vào ngồi đây với nhau...*

.....

*Ngồi gần ngồi gần hơn, đôi mắt đôi mi lạ lùng
 Ngồi gần ngồi gần hơn, đôi má đôi môi làm quen
 Vào ngồi làm một đôi, trong tiếng than trong nụ cười
 Vào ngồi làm đôi đến cho đời...*

Ngồi gần loài ma quái
 Nghe tiếng nói là lời
 Ngồi gần tình thương yêu
 Nghe rõ tiếng bọt kêu
 Gần người hùng trong trắng
 Hay lũ cướp của công
 Ngồi thờ dài hay ước mong...

Bài tâm ca này nói rằng: muốn thật sự ngồi lại gần nhau thì người từ bi cũng phải ngồi chung với kẻ sát nhân, ông bọt cũng phải ngồi cạnh loài ma quái... Tất cả chúng ta vào ngồi chung trong một thế giới không xấu, tốt, buồn, vui, không mới toanh nhưng cũng không rách nát tả tơi.

Tuy tôi không phải là một nhân viên trong phong trào Du Ca nhưng sự kiện tâm ca được hát trong một phong trào đã có chút liên hệ với Bộ Thanh Niên khiến cho tôi bị phe bên kia coi là đối lập. Một bài báo của ông Lý Chánh Trung đăng trên tạp san Bách Khoa cho rằng tâm ca là ảo tưởng vì tiếng hát to (trong tâm ca số 2) không thể nào to hơn tiếng súng nổ bên bờ ruộng già. Ông Nguyễn Văn Trung thì cho tâm ca là mê hoặc vì không thay thế được tư tưởng chính trị để dẫn tới một tranh đấu chính trị.²

Hai bài báo đó kéo theo một bài viết của Thượng Toạ Thích Mãn Giác cũng đăng trong Bách Khoa với tựa đề Lần Đầu Tiên Tôi Thấy Ông Lão Từ Lâm... Vị tu sĩ cho rằng Lão Đam lâm vì chống sự

hiện hữu của lễ nhạc và tác dụng của nó. Đối với tâm ca, ông nói: trước hết, tác giả chỉ phản ánh cái đau thương vì chiến tranh của dân tộc và làm cho thiên hạ cảm động. Thứ đến không phải bỏ nhạc đi thì con người mới trở về với cái lẽ đặc thất hay lẽ vô vi của Lão Giáo. Có thể âm nhạc là rất cần để tác dụng tới một cuộc chiến tranh nổi da xáo thịt nhưng âm nhạc cũng rất cần để hướng con người về bản thể tràm tịch thường hằng.

Thượng Toạ Thích Nhất Hạnh thì mở đầu cuốn sách Nói Với Tuổi Hai Mươi bằng những cảm tưởng rất tốt đẹp khi nghe tâm ca số 5 *Để Lại Cho Em*, cho rằng sự thành thật với nhau và sự thương yêu nhau giữa những người Việt ở hai thế hệ (hay ở hai phe, hai miền) trong giai đoạn bị kẹt cứng của lịch sử này là con đường đi tìm lối thoát cho nhau. Có một điều làm tôi rất cảm động là, qua những bài viết của các quý vị kể trên, dù ý kiến có khác nhau nhưng các ngài đều tự nhận là đã khóc khi nghe tâm ca.

Trong thời gian tôi soạn tâm ca, tôi có bạn già như họa sĩ Tạ Tỵ hay bạn trẻ như nhạc sĩ Viêt Chung, đã từ lâu hoặc mới nhập ngũ, được điều động qua phụ trách phần văn nghệ trong Quân Đội hay trong tổ chức Xây Dựng Nông Thôn nên tôi có dịp soạn cho họ một số bài hát. Tạ Tỵ lúc này là Trưởng Đoàn Văn Nghệ trong Cục Tâm Lý Chiến. Tôi được anh dành cho một bàn giấy để tôi sinh hoạt với anh và các đoàn viên như Lữ Liên, Lê Đô, Trịnh Toàn...

Ngoài ra, tôi còn cộng tác với Trung Tá Hoàng Đạo Thế Kiệt (có họ hàng với Hoàng Đạo Thúy, người sáng lập Hướng Đạo Việt Nam) của Cục Chính Huấn trong chiến dịch trong sạch hoá quân ngũ. Tôi soạn những bài vận động thanh niên đi quân dịch như Một Hai Ba Chúng Ta Đi Lính Cả Làng và tạo không khí lành mạnh trong quân đội như Thi Đua Biện Luận, Tứ Đại Công Khai, Mừng Ngày Sinh Chiến Hữu, Anh Hùng Trong Trắng, Chiến Sĩ Guơng Mẫu...

... Đây là lúc tôi sống với người lính Cộng Hoà tại những làng quê trù mật hay hẻo lánh trong miền Tiền Giang, Hậu Giang, giống như khi tôi sống tam cùng (cùng ăn, cùng ngủ, cùng làm) với Vệ Quốc Quân trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Tôi lại được ngửi mùi gian khổ của người thanh niên trong cuộc sống ăn bờ nằm bụi luôn luôn bị cái chết đe dọa.

Trong khi tôi xung phong đi phục vụ cho Quân Đội như vậy, xảy ra chuyện phi công Phạm Phú Quốc của miền Nam bị hi sinh trên không phận Bắc Việt. Lúc đó cũng là lúc hình ảnh anh hùng, thần tượng, mẫu người lý tưởng đã bị mai một trong tâm khảm của con người Việt Nam. Tôi bèn soạn bài Huyền Sĩ Ca Một Người Mang Tên Quốc để ghi lại trong lòng chúng ta, nếu chưa phải là thần tượng thì cũng là hình ảnh một người anh hùng. Trong ngành nhạc, hình thức ballade là một thứ chant

épique, có thể là truyện ca hay là anh hùng ca. Tôi dùng chữ huyền sử ca cho nó có vẻ huyền bí.

Bài Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc ra đời vào năm 65 này sẽ kéo theo một số bài hát của các nhạc sĩ khác nói tới các vị anh hùng trong Quân Đội ở Miền Nam như Người Ở Lại Charlie, Anh Không Chết Đâu Em (Trần Thiện Thanh) v.v...:

Ngày xưa khi anh vừa khóc vào đời

Mẹ yêu theo gương người trước chọn lời

Đặt tên cho anh, anh là Quốc

Đặt tên cho anh, anh là nước

Đặt tên cho người, đặt tình yêu nước vào nôi...

Đã lâu lắm rồi, bây giờ tôi mới có cơ hội để xưng tụng một người trai chết cho quê hương đất nước. Tuy nhiên, tôi không muốn chỉ làm một công việc có tính chất tuyên truyền thuần túy, tuân theo chỉ thị như một văn công. Tôi chỉ mượn chuyện anh Phạm Phú Quốc để khóc bất cứ một người Việt Nam nào trong thời đại, sinh ra đã phải khoác lên mình cái số phận làm người hùng, trong khi có thể anh Quốc – cũng như một số thanh niên nào đó – chỉ ước mong được làm người hiền mà thôi.

Vì số phận phải làm anh hùng cho nên: Từ anh lên cao, anh là nắng, là trăng hay sao, anh nhìn xuống, nhìn nước non nhà đẹp xinh như gấm như hoa... anh vẫn phải đánh bom như thường. Cho nên, khi ngạo nghễ, anh chấp cánh thên thang, bình minh lên chiếm không gian thì khi hoàng

hôn về, lòng anh lại chan chứa tình thương. Một chiều nao anh đi làm kiếp người hùng, anh về quê³ rồi than ôi, anh phải rụng cánh đại bàng, anh đi về nước, anh đi về đất làm cho bụi vàng bay khắp không gian... Anh chết và biến thành vùng Thái Dương để soi sáng nước Việt Nam⁴:

Anh Quốc ơi! Từ nay trong gió xa khơi

Từ nay trong đám mây trôi

Có hồn anh trong cõi lòng tôi

Anh Quốc ơi! Nghìn thu anh nhớ tới tôi

Thì xin cho Thái Dương soi

Nước Việt Nam sáng rọi muôn đời...

Đến với Xây Dựng Nông Thôn, tôi được tới sinh hoạt tại Trung Tâm Vừng Tàu. Và được phát cho bộ quần áo màu đen để đi hát rong. Những bài hát tôi soạn cho tổ chức này chú trọng tới việc đề cao người nông dân: *Tay Súng Tay Cây, Cùng Nhau Xây Ấp Mới, Ai Về Thôn Ấp Mà Coi, Hát Hay Không Bằng Hay Hát, Khoác Áo Màu Đen, Bát Com Bát Mớ Hôi Bát Máu...*

Bài *Nông Thôn Quật Khởi* mở đầu bằng những câu hát nói lên số phận người nông dân Việt Nam trong thời này, chỉ có một cổ mà phải đeo tới hai tròng:

Đã bao năm nhân dân ta đau khổ vô cùng

Đã bao năm mang trên vai hai kẻ thù chung

Bọn cường hào ác bá nó dùng bạo quyền áp bức

Làm người dân lầm than sống trong nhục nhằn...

Bài *Hát Hay Không Bằng Hay Hát* là cái đuôi của

bài *Hát Với Tôi*. Tâm ca số 10 *Hát Với Tôi* là để cho sinh viên, học sinh thị thành hát. *Hát Hay Không Bằng Hay Hát* là để cho cán bộ và nông dân hát. Đầu đề cũng như câu hát chính của bài này trở thành một thứ phương ngôn của thời đại:

Hát hay không bằng hay hát!

Hát hay không bằng hay hát!

Hát luôn luôn, Hát luôn luôn!

Hát những lời xây dựng nông thôn.

(vỗ tay: Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)

Hát hay không bằng hay hát!

Hát hay không bằng hay hát!

Hát liên hoan! Hát vang vang!

Hát đông đông! Hát cộng đồng!

(vỗ tay: Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)

Hát cho ông già em bé

Hát cho ông già em bé

Gái thôn quê, với trai quê

Chúng ta đừng nghi ngại nhau chi.

(vỗ tay: Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)

Hát cho dân làng luôn nhớ

Hát cho dân làng luôn nhớ

Hát dân quân, hát vinh quang

Hát nông thôn, hát tự cường

(vỗ tay: Bốp bốp bốp bốp bốp bốp)

Trong số bài soạn cho Xây Dựng Nông Thôn, tôi thích bài *Khoác Áo Mầu Đen* bởi vì hồi đó tôi hay mặc áo bà ba đen để đi hát du ca:

*Khoác áo màu đen mặc màu dân tộc
Chiếc áo màu đen nhuộm màu đấu tranh
Màu đen màu tối ám, vùng lên để chiến thắng
Dẹp tan màu sơn, màu phấn điểm trang...*

Bài *Bát Com*, *Bát Mồ Hôi*, *Bát Máu* nói tới món nợ của người thị thành đối với nông dân:

*Hai bữa no đầy, một ngày cơm nước
Bát cơm vàng, ôi bát cơm vàng
Mình ăn được là nhờ ai?
Nhờ ai nuôi sống đời tôi?
Với bao nhiêu máu đổ
Với bao nhiêu máu đổ
Cùng mồ hôi trên ruộng đồng...
Ăn bát cơm rồi, một đời ghi nhớ
Chớ nghi ngờ, xin chớ nghi ngờ
Mình mắc nợ người dân
Người dân ra sức ngày đêm
Nắng mưa ôi vất vả
Nắng mưa ôi vất vả
Để làm nên cơm gạo này...*

Với những bài tâm ca, tôi tỏ thái độ của một nghệ sĩ trước cảnh sống tha hoá của người Việt Nam trong một cuộc chiến tranh tương tàn. Với những bài hát cho Phong Trào Du Ca, cho Quân Đội và cho tổ chức Xây Dựng Nông Thôn, tôi tự nguyện làm bổn phận của một công dân đang sống trong một miền mà mọi người vừa phải xây dựng đất nước, vừa phải chống đỡ một cuộc tấn công

đến từ miền ngoài. Với lập trường chính trị của những nhà lãnh đạo miền Bắc, những người thiên Cộng ở miền Nam có thể cho tôi là tay sai của ngụy quyền(!) nhưng thực ra, qua những bài hát tâm ca, du ca, quân đội ca và xây dựng nông thôn ca này, tôi chỉ có một mục đích là phục vụ tuổi trẻ, dù đó là thanh niên nơi thành thị, thanh niên mặc quân phục hay thanh niên lam lũ nơi đồng quê, tất cả đều là đối tượng duy nhất của tôi vào lúc đó.

Tôi không hề suy tôn một lãnh tụ, một đảng phái hay một chế độ nào cả. Dòng nhạc trong tôi trào dâng như một giòng sông... Trôi tới đây và vào lúc này là khúc sông của thanh niên nam nữ Việt Nam trong một thời để yêu và một thời để chết khác thường... Yêu trong chiến tranh và chết trong chiến đấu...

¹ Phải sau những danh từ “tâm ca” của cuối 64 qua 65, “trăm ca” của cuối 65 qua 66 và “thanh ca tác động” của giữa năm 66 thì đến cuối năm 66, danh từ “du ca” mới ra đời cùng với phong trào của Hoàng Ngọc Tuệ.

² Hai ông Trung (mà không trung lập) này đều có vẻ thiên vị vì không hề dă động tới một bài hát cũng có chung một ý niệm với tâm ca Tiếng Hát To là bài Tiếng Hát Át Tiếng Bom của phe miền Bắc.

³ Nhiều người hiểu lầm chữ về quê khi cho nó ý nghĩa về chốn chết trong khi anh Quốc người Bắc mà bắt buộc phải đánh bom miền quê của mình.

⁴ Sau này tôi được tin riêng (chưa kiểm chứng) là anh Phạm Phú Quốc chưa chết! Nếu đúng như vậy thì thật là điều đáng mừng cho gia đình và những người thân thích của anh.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

*The rain on the leaves is the tears of joy
Of the girl whose boy returns from the war...
The Rain On The Leaves*



Mỹ Quốc 1965, đi chơi ai ngờ có ngày đi thật!

Tháng 3 năm 1966, vào lúc Mỹ đang thực hiện cuộc leo thang chiến tranh ở Việt Nam, tôi

được văn phòng Giáo Dục Văn Hoá (Bureau of Educational and Cultural Affairs) của Bộ Ngoại Giao Mỹ mời viếng thăm Hoa Kỳ. Hãy nói tới chuyện leo thang chiến tranh. Thử phóng tầm con mắt về dĩ vãng để xem nó có từ lúc nào? Và 1949. Sau ngày Hoa lục bị nhuộm đỏ hoàn toàn, Việt Minh có một hậu phương lớn để chiến thắng Đoàn Quân 1953. Dwight Eisenhower đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Trong suốt hai nhiệm kỳ, vị cựu Thống Tướng này tiếp tục giúp cho Việt Nam trở thành tiền đồn chống Cộng tại Đông Nam Á. Tuy không chủ trương đưa Quân Đội Mỹ vào Việt Nam nhưng Hoa Kỳ gửi tới nước này một phái đoàn cố vấn quân sự.

1954. Hoa Kỳ không giải vây cho Quân Đội Viễn Chinh Pháp trong trận Điện Biên Phủ nhưng tích cực giúp ông Ngô Đình Diệm loại trừ các giáo phái, đảng phái để ông này nắm quyền tại Nam Việt Nam. Mặt khác, 1960, với đạo luật 10/59 (gọi là luật máy chém), vì cán bộ Cộng Sản nằm vùng ở miền Nam bị chính quyền nhà Ngô tiêu diệt nặng nề nên miền Bắc phải thay đổi ưu tiên và thực hiện ngay kế hoạch chiếu cố miền Nam. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập và được miền Bắc cung cấp nhân lực và vũ lực để mở ra những trận đánh lớn tại Nam Việt Nam. Lúc đó cũng là lúc Nam Dương có thể rơi vào tay Cộng Sản nên phe Cộng càng lấn át. 1961, khi Kennedy lên làm Tổng Thống và tình hình Nam Việt Nam trở nên càng ngày càng

khó khăn hơn thì phái đoàn Cố Vấn Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam trở thành Lực Lượng Yểm Trợ quân sự với con số khá lớn là 16.000 người. Hơn nữa, bị thất bại vì không ngăn được Cuba rơi vào tay Castro, tức là vào phe Cộng Sản, Tổng Thống Hoa Kỳ thi hành chính sách be bờ đối với Cộng Sản một cách chặt chẽ hơn, ngoài việc giúp Nam Dương chiến thắng Cộng Sản, còn giúp miền Nam Việt Nam tung những toán biệt kích ra phá hoại miền Bắc.

1963-1965. Sau khi cả hai ông Ngô Đình Diệm và Kennedy qua đời và Phó Tổng Thống Lyndon Johnson đắc cử Tổng Thống vào năm 1964, trước cảnh hỗn loạn của Nam Việt Nam sau vụ đảo chính tháng 11-63, vào lúc Thủ Tướng Liên Xô Kossigyne tới Hà Nội, Hoa Kỳ mượn cớ chiến hạm Maddox bị tấn công ở Vịnh Bắc Việt, quyết định tham chiến tại Việt Nam. Cuối tháng 6-65, quân số Hoa Kỳ tại Việt Nam lên tới 82.000 người. Rồi từ tháng 6 cho tới tháng 12 năm 1965, Hoa Kỳ đổ thêm vào Việt Nam 184.000 quân nữa. Tại miền Nam, đã có tới vài ba trung đoàn quân Bắc Việt được mệnh danh là những người sinh Bắc tử Nam...

Như vậy là ngay sau khi Hội Nghị Genève kết thúc với sự chia đôi nước Việt, Hoa Kỳ quyết tâm ủng hộ chính quyền miền Nam để đương đầu với chế độ theo Nga Xô và Trung Cộng ở miền Bắc. Khởi đầu người Mỹ chỉ có mặt tại miền Nam Việt Nam qua những cơ quan như USOM coi về viện

trợ, MAAG giúp về huấn luyện quân sự và USIS tức là Phòng Thông Tin Hoa Kỳ.

Vào năm 1955, khi vừa ở Pháp về, tôi được Ban Điện Ảnh của Phòng Thông Tin USIS muốn làm nhạc đệm cho những phim thời sự và phim tài liệu, lúc đó tôi đang cộng tác với Đài Phát Thanh và sắp sửa vào làm việc với Trung Tâm Điện Ảnh Quốc Gia. Làm cả hai công việc âm nhạc và điện ảnh, tôi thường được mời tới dự những buổi tiếp tân do Toà Đại Sứ Mỹ tổ chức.

Tới năm 1956, nhân có đạo diễn Mỹ nổi danh là Josef Mankiewicz tới Saigon để quay cuốn phim *The Quiet American* (Người Mỹ Trầm Lặng) rút từ cuốn sách của văn-sĩ người Anh Graham Greene, tôi được mời tới dự buổi tiếp tân và gặp luôn Edward Lansdale là một nhân vật huyền thoại mà đời sống đã được đưa vào cuốn sách và cuốn phim kể trên. Tài tử Audie Murphy được chọn để đóng vai một người Mỹ, tính tình rất trầm lặng nhưng thích nhúng tay vào những chính biến lớn ở Đông Nam Á, đặc biệt là ở Saigon. Trong cuộc đời, Edward Lansdale quả rằng có dáng dấp của một người Mỹ trầm lặng và đã nổi tiếng là người phù thủy chính trị tạo ra vua (king maker). Sau khi giúp Magsaysay dẹp tan quân phiến loạn HUK để trở thành Tổng Thống Phi Luật Tân, anh ta qua Việt Nam để giúp ông Diệm dẹp tan các phe phái chống đối và trở thành Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà.

Từ buổi tiếp tân đó trở đi, tôi có nhiều cơ hội gặp anh chàng Đại Tá Không Quân Mỹ làm công việc chính trị này và chúng tôi trở thành hai người bạn, không thân thiết lắm nhưng cũng không nhạt nhẽo lắm. Tôi biết chắc chắn anh chàng Ed này – người Mỹ thích được gọi tên tắt khi đã quen nhau – lúc còn trẻ đã từng là người soạn ca khúc cho nên anh ta thích chơi với một nghệ sĩ dân ca (folksinger) như tôi. Về phần tôi, có một người Mỹ huyền thoại để làm bạn, tôi cũng thấy vui vui. Trong sự giao du giữa một nghệ sĩ tự do và một người đang làm công việc tình báo cho cơ quan CIA, chúng tôi luôn luôn tránh không nói chuyện chính trị hay quân sự. Những ngày cuối tuần, Ed hay tổ chức tại nhà riêng ở đường Ngô Đình Khôi những buổi hootnanies (hát chung) và thường mời tôi với một số nghệ



Hát chung vui tại nhà Ed Lansdale với Cabot Lodge, Daniel Ellsberg, Đại Tá Wilson, Thúy Hoan, Quỳnh Hạnh, Phạm Duy...

sĩ Việt Nam khác như Thanh Lan, Phương Oanh, Nguyễn Đức Quang... tới hát.



Ed Lansdasle (bên trái) và các bạn...



Tại đây, tôi còn được hân hạnh hát bài Giọt Mưa Trên Lá bằng Anh Văn cho John Steinbeck nghe khi ông qua thăm người con đi lính ở Việt Nam¹ và nhận cuốn sách tặng có chữ ký của đại văn hào.

Người Mỹ bao giờ và ở đâu cũng là một dân tộc rất xuề xòa. Sau giờ làm việc, khi gặp nhau, quan to súng dài đến đâu cũng buông áo bỏ mũ ra để giải

khuây (relax). Tại nhà Edward Lansdale, chúng tôi có những buổi hát chơi với những ca sĩ tài tử như Cabot Lodge (Đại Sứ), Daniel Ellsberg (người công khai hoá hồ sơ Pentagon), Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Bộ Trưởng Bùi Diễm, Trung Tướng Nguyễn Đức Thắng vân vân...



Welcoming famous american writer John Steinbeck - Saigon 1965

Hát “The Rain On The Leaves” với Steve Addiss cho nhà văn John Steinbeck nghe.

Ngoài ra, tôi còn được tiếp xúc với những nhân vật Hoa Kỳ tới thăm Việt Nam như chủ tịch Tổ Chức Truyền Hình CBS Frank Stanton, nữ văn sĩ Mary McCarthy, tài tử Bob Hope, v.v.

Trong 12 năm qua, nghĩa là trong suốt thời gian ông Diệm nắm chính quyền cho tới lúc khởi đầu của chế độ quân nhân, ngoài những bài hát xung tưng tình yêu, sự đau khổ và cái chết, tôi đã viết ra

khá nhiều tác phẩm có tính cách phục vụ xã hội. Đó là những bài hát cho Bộ Thông Tin hay Bộ Chiêu Hồi, cho Quân Đội và cho Xây Dựng Nông Thôn. Nhất là hai bản trường ca *Con Đường Cái Quan*, *Mẹ Việt Nam* và *10 Bài Tâm Ca*. Tất cả những tác phẩm đó đã gây tiếng vang khá lớn trong dân chúng. Tôi còn là một công chức tại Trung Tâm Điện Ảnh, giáo sư của trường Quốc Gia Âm Nhạc, làm việc hàng tuần với các Đài Phát Thanh và là người cộng tác với Phòng Điện Ảnh của Sở Thông Tin Hoa Kỳ. Đối với người Mỹ, tôi là một nhân vật văn hoá. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ có Bureau of Educational and Cultural Affairs phụ trách việc mời những nhà văn hoá ở trên thế giới tới thăm Mỹ Quốc. Qua sự giới thiệu của Toà Đại Sứ ở Saigon, văn phòng này chính thức mời tôi viếng thăm Hợp Chúng Quốc.

Thế là vào tháng 3 năm 1966, tôi leo máy bay đi Mỹ. Trước tiên, tôi tới Honolulu và được nghỉ ngơi hơn một ngày trời cho quen với sự thay đổi giờ giấc. Sau khi ở Pháp về, mười năm đã trôi qua, bây giờ tôi mới có dịp đi xa, hơn nữa còn được tới hải đảo thần tiên mà tôi từng mơ tưởng khi còn bé. Bây giờ tôi được nghe tận tai loại nhạc hạ uy-di nững nịu và đa cảm, được nhìn tận mắt những cô gái đảo gần như khoả thân, uốn bụng múa điệu hula-hula gợi tình trong buổi hoàng hôn vàng tím.

Từ Honolulu, tôi đi thẳng qua Washington D.C., tới văn phòng International Exchange Program

để biết mình sẽ được đi thăm viếng những nơi nào trên lục địa rộng lớn này. Người Mỹ làm việc gì cũng rất chu đáo. Biết tôi là nghệ sĩ dân ca văn phòng này tổ chức cho tôi đi thăm các đài truyền hình ở New York, đi dự các nhạc hội dân ca (Festivals) ở Florida và Pennsylvania, tới ở vài ngày trong một gia đình nghệ sĩ là The Beers Family ở Petersburg... Họ cũng chiều ý tôi, không bắt tôi phải đi du lịch quá nhiều trên quốc gia mệnh mông này và thuận để tôi tới sống trong một tháng tại thành phố mà tôi ưa thích nhất là New York.

Khi tới New York, vào thăm Đài Channel 13 với Steve Addiss và Bill Crofut, ngẫu nhiên tôi được tham dự vào chương trình dân ca của Pete Seeger, nhạc sĩ phản chiến số một của Hoa Kỳ.



Hát tâm ca Việt Nam trong chương trình tivi của Pete Seeger.

Rồi còn được mời ăn trưa với Frank Stanton, Walter Cronkite, Mike Wallace... trong bữa cơm có trao đổi ý kiến về nhạc của The Beatles mà tôi cho là có tính chất **tribal**, nghĩa là nhạc hợp bầy, bởi vì khi tiếng nhạc của ban Tứ Quái này cất lên là tất cả thanh niên nam nữ trên thế giới, dù khác màu da, cũng đều thấy là của mình cả.

Tại Festival ở White Springs, Florida, nơi có đài kỷ niệm ông tổ dân ca Hoa Kỳ là Stephen Foster, tôi được nghe những bài cổ ca Anh Cát Lợi và những bài dân ca của người Mỹ gốc Pháp. Bị mời lên sân khấu, tôi hát bài *Giọt Mưa Trên Lá* bằng tiếng Anh (The Rain On The Leaves). Sau đó, bài này được nhóm hợp ca nổi danh Mitch Miller thu thanh vào đĩa hát.

Tại Festival ở Pittsburgh, Pennsylvania, tôi được thưởng thức những màn ca diễn của người Mỹ gốc Đông Âu. Tôi thấy dân nhạc Hoa Kỳ là sự tổng hợp những bài dân ca của nhiều nước. Trái với quan niệm hẹp hòi của một vài anh chàng chơi cổ nhạc ở Việt Nam, dân ca nước nào cũng đều phát triển và di chuyển không ngừng. Tại hai Nhạc Hội Dân Ca ở Florida và Pennsylvania này, những bài dân ca cổ xưa được hát lên không có gì là xa lạ đối với những bài dân ca mới mà tôi được nghe qua cassette hay radio trong thời gian ở Mỹ, ví dụ những bài hát của bộ ba Paul, Peter, Mary hay của Bob Dylan, Joan Baez. Có khác chăng là về nội dung, bây giờ đa số

dân ca mới của Hoa Kỳ mang tinh thần phản chiến. Rồi khi tôi được sống vài ngày trong một nông trại ở Petersburg với gia đình họ Beers, gồm người chồng đánh đàn harpshicord, người vợ hát và cô con gái đánh guitare, tôi liên tưởng tới gia đình nghệ sĩ Thăng Long...

Là một khách du lịch được tổ chức International Exchange Program cho đi thăm những cảnh tượng vĩ đại của nước Mỹ như thác Niagara, vực Grand Canyon, cho tới hưởng cái nóng nung người và thấy cảnh nghèo của người da đen trong thành phố New Orleans, rồi cho thấy thêm cảnh hoa lệ của San Francisco giữa thời kỳ hippy... còn cho gặp gỡ khá nhiều người nổi danh trong giới nghệ sĩ trình diễn (show business), dù trong lòng rất thích thú nhưng tôi không khỏi băn khoăn khi thấy đa số dân Mỹ chống đối cuộc leo thang chiến tranh tại Việt Nam của Hoa Kỳ. Nhất là sau khi được dự buổi họp ở New York của một nhóm chủ hoà, thấy Thượng Toạ Thích Nhất Hạnh mặc áo cà sa màu vàng ngồi trên sân khấu hội trường bên cạnh nhà văn thiên tả Arthur Miller và thấy những cuộc biểu tình trên đường phố hay trong khuôn viên Đại Học với đám đông gồm đầy đủ trẻ già trai gái, cầm cờ Giải Phóng Miền Nam và những biểu ngữ Get Out Of Viet Nam, Make Love Not War...

Với chuyến Mỹ du vào năm 1966, tưởng chỉ là chuyện đi du lịch, nhưng lại là dịp để tôi nhìn thấy

tận mắt sự chống đối dữ dội của dân chúng tại một quốc gia đang là đồng minh của Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh máu lửa với chính quyền Bắc Việt mà ai cũng biết đó là mũi nhọn tiên phong của Cộng Sản quốc tế.

Đây là lần đầu tiên tôi thấy tính tình của người Mỹ và sức mạnh của người dân trong một nước có dân chủ thực sự. Sức mạnh có thể thay đổi một đường lối chính trị hay đánh đổ một ông Tổng Thống dễ như chơi. Tôi thấy người Mỹ, nhất là đám thanh niên, dù mức sống rất cao vì nền kinh tế vững chắc của nước này, nhưng họ luôn luôn chống lại những cái gọi là trật tự xã hội. Thập niên 50 là lúc trong giới trẻ Hoa Kỳ có những người chống lại lối sống ngoan ngoãn như cừu của mọi người. Họ mặc quần áo da, đi mô tô và đề cao hư vô chủ nghĩa dù họ đang sống trong một xã hội dư thừa. Một thế hệ được gọi là **beatnik generation** ra đời để luôn luôn ảnh hưởng tới tuổi trẻ Hoa Kỳ. Sau đó, có lẽ vì được tiếp xúc với văn hoá phương Đông nên một số người Mỹ đưa ra phong trào **hippy**, chống lại đời sống máy móc. Quyết định không theo luật tài chính kinh tế của xã hội, họ chủ trương sống trong những cộng đoàn và xoá bỏ tư hữu. Họ góp tiền để sống chung với nhau như trong một bộ lạc. Họ còn phản đối định chế hôn nhân, chủ trương tự do luyến ái... Vào lúc Hoa Kỳ nhúng tay mạnh mẽ vào chiến tranh Việt Nam, thanh niên là nòng cốt của phong

trào phản kháng xã hội (social protest). Từ hành động này, họ đi tới phong trào phản chiến. Tất cả khởi nguồn từ các khuôn viên Đại Học (campuses) vì khi bị bắt lính, các sinh viên peacenik này tổ chức biểu tình, đốt thẻ trưng binh...

Tuy rất phục tinh thần dân chủ cũng như tính hiếu hoà của lớp người phản kháng, nhưng khi thấy khẩu hiệu *Make Love Not War* được áp dụng vào cuộc chiến Việt Nam tôi soạn một bài hát trong đó tôi cho rằng, đối với người Việt chúng tôi, không thể có sự chọn lựa giản dị là chỉ làm tình mà chẳng làm chiến tranh. Thưa quý vị phản chiến, chúng tôi – than ôi – phải làm cả hai việc ạ:

Một ngày cho người sống

Một ngày cho người chết

Một ngày cho người thương

Một ngày cho người ghét...

Trong cảnh ngộ một ngày cho cuộc chiến thì một ngày cho lười biếng và một ngày cho bình yên, thì một ngày lại cho điên... người Việt Nam chúng tôi đành chép miệng thở dài:

Hỡi, hỡi ôi!

Thân phận làm người!

Thân phận làm người!

Tôi chấp nhận cuộc đời, cho nên:

Một ngày cho khẩu súng thì một ngày cho ngòi viết

Một ngày đi mà giết, thì một ngày đi mà hát

Một ngày đi làm lính, thì một ngày đi đào chính

Một ngày đi cầu kinh, rồi một ngày về quê sinh...

Bài hát nhan đề *Một Ngày Một Đời* này kết luận, khác hẳn với ước muốn của con chuẩn chuẩn năm xưa:

Một đời mang phận sống

Một đời đeo cùm gông

Một đời đi ruổi rong

Một đời vẫn chờ mong

Một đời không còn mới

Một đời không từ chối

Một đời vẫn thường nói:

Một đời người, than ôi!

Hỡi, hỡi ôi!

Thân phận làm người!

Thân phận làm người!

Cứ việc bản khoăn vì phong trào phản chiến lên cao ở nước Mỹ, tôi dùng ngày giờ ở New York để đi mua đĩa hát băng nhạc và đi sắm nhạc cụ cho các con (đang tập tọe đi vào thế giới nhạc trẻ với ban The Dreamers). Vào năm 1966 Việt Kiều ở Mỹ không nhiều, tại New York tôi chỉ gặp Thượng Toạ Thích Giác Đức đang học Anh Ngữ tại Columbia University để cùng đi thăm tượng Nữ Thần Tự Do và gặp Nguyễn Ngọc Bích để nhờ anh bạn trẻ giới thiệu bằng Anh Văn những bản tâm ca khi tôi có hân hạnh tới hát cho sinh viên ở New York City College nghe.



Hát dân ca Việt Nam tại New York City College.

Tôi cũng được hai người bạn đã từng qua Việt Nam để đi hát rong với tôi là Steve Addiss và Bill Crofut dẫn tôi vào thế giới âm nhạc Hoa Kỳ. Đi nghe nhạc jazz tại các hộp đêm và đi coi ca kịch tại các rạp hát lớn ở Broadway, tôi học hỏi được nhiều điều bổ ích cho việc sáng tác của tôi. Được tới chơi với nhiều ca nhạc sĩ rất trẻ và được mời hút thử cần sa, tôi hơi ngạc nhiên khi thấy chất ma túy này quá nhẹ và vô vị so với á phiện mà tôi đã nếm thử, tại sao dân Mỹ có thể ghiền nó được nhỉ? Tôi cũng được thấy mặt trái của cái xã hội được gọi là du dật này, khi đi qua những khu phố của dân nghèo, nhất là khu người da đen. Không còn gì buồn thảm hơn cảnh một nhà máy bị đóng cửa với những mảng tường vỡ, trơ ra những sườn sắt rỉ và những sân xi măng xanh mầu rêu phủ.

Sau chuyến thăm viếng Hoa Kỳ vào năm 1966,

tôi lại có dịp qua Mỹ lần thứ hai vào năm 1970, khi một phái đoàn của Bộ Thông Tin đi giải độc du luận Mỹ mời tôi đi theo làm cố vấn. Vào giai đoạn này, tinh thần phản chiến ở Hoa Kỳ đã lên tới cực độ. Sau hai sự kiện mà tôi cho là tệ hại nhất cho Nam Việt Nam là cảnh vụ thảm sát Mỹ Lai và vụ Đại Tá Nguyễn Ngọc Loan đích thân hạ sát Việt Cộng trong Tết Mậu Thân được chiếu trên Tivi, tôi thấy rằng không ai có thể làm gì để thay đổi du luận Hoa Kỳ được nữa!

Riêng đối với tôi, phản ứng trong cuộc Mỹ du lần thứ hai là một bài hát nhan đề *Kể Chuyện Đi Xa*. Khi vụ thảm sát Mỹ Lai xảy ra, tôi chỉ biết vụ này qua một bản tin ngắn. Nay qua Mỹ, tôi được coi chương trình Tivi và được đọc những tờ báo có hình ảnh kinh hoàng của vụ thảm sát. Lúc đó phái đoàn đang ở trong một hotel New York.

Đứng trong phòng ngủ, nhìn qua cửa sổ, tôi thấy thiên hạ náo nhiệt đi trong mưa tuyết để mua quà Christmas tặng nhau. Rồi nhìn thấy trên giường ngủ có tờ báo Mỹ với ảnh mẫu ghi lại vụ thảm sát Mỹ Lai, tôi liên tưởng tới chuyện Quân Đội Pháp và bà mẹ Gio Linh khi xưa, tới bọn buôn súng đạn, buôn tin tức, làm giàu trên đầu người dân Việt Nam bây giờ. Bài hát là lời hỏi của lũ con và sự trả lời của người cha vừa đi xa về:

Cha ơi! Cha ơi!

Cha đã đi nhiều! Đi những nơi nào?

*Cha biết những gì? Kể chuyện con nghe
Cha biết những gì? Kể chuyện con nghe*

.....

Con ơi! Con ơi!

Cha đã đi từ ruộng đồng quê ta

Lê gót trên hè của nhiều kinh đô

Châu Á đông người, ở rồi ra đi

Âu, Mỹ xa vời, tạt về Châu Phi

Nhưng con ơi!

Cha đã đi nhiều mà chẳng bao nhiêu

Cha đã la cà mà chẳng đi xa

Con muốn nghe, thì kể chuyện cho nghe...

Con ơi! Con ơi! Con ơi! Con ơi!

Lũ trẻ thơ hỏi tiếp, để người cha trả lời

Cha ơi! Cha ơi!

Cha đã đi nhiều! Đi những nơi nào?

Nghe thấy những gì? Kể lại con nghe

Nghe thấy những gì? Kể lại con nghe

Con ơi! Con ơi!

Cha đã nghe toàn là lời cao sang

Nhân Ái, Nhân Quân ngấp Đại Tây Dương

Cha đã soi mình vào dòng sông Seine

Ôm ấp nhân tình ở ngọn Eiffel

Nhưng con ơi!

Trong lúc xuân tình vừa bùng hơi men

Cha bỗng se mình vì chợt nghe lên

Tiếng khóc la rên của Mẹ Gio Linh

Chen tiếng vô tình của bọn yêu tình

Buôn súng buồn tiền, làm giàu lên trên
 Thân xác dân hiền. Cuộc đời như điên
 Nghe súng bom liên, nổ từ hai bên
 Nghe tiếng dân mình chửi bọn lưu manh
 Nghe thuế điên cuồng (cùng) thịt gạo leo thang
 Con ơi! Con ơi! Con ơi! Con ơi!

Bài hát tiếp tục:

Cha ơi! Cha ơi!

Cha đã đi nhiều! Đi những nơi nào?
 Trông thấy những gì? Thuật lại con nghe
 Trông thấy những gì? Thuật lại con nghe
 Con ơi! Con ơi!

Đêm Giáng Sinh nào ở miền Tân Châu (2)

Cha đứng trên lầu chọc trời trông theo
 Dân chúng ra vào, quà tặng khen nhau
 Chơi tuyết bên cầu, trẻ đùa xôn xao
 Nhưng con ơi!

Trên những hoa đèn chập chờn công viên
 Bỗng thấy in hình một miến tre xanh
 Đôi bé quê mình quỳ gục trên mương
 Anh lớn tay choàng chịu đạn cho em
 Vết máu trên đường, một tràng liên thanh
 Ôi! Mỹ Lai thành quà tặng No-en
 Cho những thiên đường của từng con em
 Trong những gia đình gọi là văn minh.
 Con ơi! Con ơi! Con ơi! Con ơi!

Và kết luận:

Cha ơi! Cha ơi!

Cha đã đi nhiều! Cha đã đi nhiều!
Cha nhắn nhe gì? Để tụi con nghe
Cha nhắn nhe gì? Để tụi con nghe
Con ơi! Con ơi!
Cha muốn thua rằng: Địa cầu xoay nhanh
Kiếp sống thanh bình, người người mưu sinh
Sao nước non mình còn nhiều điều linh?
Ai đã cố tình đẩy cuộc đua tranh?
Đem cháu con mình làm vật hi sinh
Đất nước hai miền chật chội oan khiên
Ôi con ơi! Cha có đi tìm một niềm vui riêng
Cũng thấy thẹn thùng vì tội gom chung
Thế giới lấy lòng để một quê hương
Chua xót vô vàn! Thật là vô lương!
Cha muốn thua rằng: Người Việt đau thương
Thế giới âm thầm, thù phạm lâu năm
Con ơi! Con ơi! Con ơi! Con ơi!
Con ơi! Con ơi!
Thế giới bên ngoài! Cha đã đi nhiều
(nhưng) Cha có đi hoài? Chỉ buồn thêm thôi!
Cha có đi hoài chỉ buồn thêm thôi!
Chỉ buồn... thêm... thôi!

Như vậy, hai cuộc Mỹ du của tôi chỉ càng làm cho tôi nhìn rõ hơn cuộc đấu tranh giữa hai phe Tư Bản và Cộng Sản trong đó, phe được gọi là thế giới tự do vì người dân được hưởng quá nhiều tự do, nhất là tự do thông tin qua báo chí và tivi nên bị nhiều bó tay

hơn phe có một chủ nghĩa xã hội rất hấp dẫn đối với các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ Hoa Kỳ.

Tôi còn được mời qua Mỹ một lần nữa, tham dự một symposium về Nhạc Việt tại Southern Illinois University cùng với Trần Văn Khê và nhạc sĩ cổ nhạc Vĩnh Bảo, và càng thấy rõ chính tình nước Mỹ.

Sau chuyến đi Mỹ 1966 về nhà được ít lâu, con trai Đức ra đời, rất kháu khỉnh vì trong thời gian thụ thai, vợ tôi được tôi gửi vitamines từ Mỹ về để bổ dưỡng sức khỏe. Tôi còn nhớ Ed Lansdale mà tôi gặp ở Washington D.C. là người cầm thuốc bổ về cho vợ tôi.

¹ Anh này về sau thành đệ tử trung thành của ông Đạo Dừa.

² New Continent = USA.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

... Không biết rồi ai sẽ cứu ai?

Bà Mẹ Phù Sa



1965, thời tâm phần ca.

Truớc Tết Mậu Thân, tôi theo Tạ Tỵ ra Huế hát cho một vài đơn vị Quân Đội Cộng Hoà nghe. Không ngờ được tặng hai bài thơ rất dữ dội, tiên đoán một đại thảm kịch sẽ xảy ra ở đất Thần Kinh này. Gặp Nguyễn Đắc Xuân, người góp ý với tôi trong tâm ca *Để Lại Cho Em* ngày nào, bây giờ tặng tôi một bài thơ để tôi phóng tác thành một bài ca chưa chát nham đề *Nhân Danh*:

Vì giữ mình tôi phải giết một người!
Vì gia đình tôi phải giết mười người!
Vì xóm làng tôi phải giết ngàn người!
Vì giống nòi tôi phải giết vạn người!
Vì lý tưởng tôi phải giết triệu người!
Vì nhân loại tôi phải giết trọn loài người.
Xin nhân danh đường lối hoà bình, giết luôn tôi!

Khi hát bài này trước khán giả và được vỗ tay khen ngợi thì tôi nói: Quý vị không nên vỗ tay khen ngợi kẻ sát nhân, đã nhân danh mọi điều tốt đẹp để giết hết mọi người, rồi tự giết mình luôn. Nhưng vì quý vị hoan nghênh nên tôi xin được hát lại bài này và xin thay thế tất cả những chữ **giết** bằng chữ **cứu**:

Vì giữ mình tôi phải cứu, phải cứu
Cứu một người, cứu một người
Xin nhân danh ngôi dưới mặt trời
Vì giữ mình tôi phải cứu một người
Vì gia đình tôi phải cứu, phải cứu
Cứu mười người, cứu mười người
Xin nhân danh hạnh phúc lạc loài
Vì gia đình tôi phải cứu mười người...v.v.

Cũng ở Huế, thi sĩ trẻ Thái Luân có bài thơ nhan đề *Bi Hải Kịch*, tôi thấy hay quá và xin phổ nhạc:

Đạo diễn đưa tay lên
Đạo diễn đưa tay xuống
Bi hài kịch mở màn
Bi hài kịch khai trương
Diễn viên quay súng bắn

*Diễn viên gục đầu đường
 Máu chảy vệt loang loang
 Máu chảy vào quê hương
 Quê hương là ruộng đồng
 Quê hương là mưa nắng
 Quê hương là khoai sắn
 Quê hương là cơm ngon...*

Vở bi hài kịch Việt Nam trong bài thơ dù đổi màn, thay phong nhưng diễn viên vẫn là hai kẻ nguyên rửa nhau, hành hạ nhau, chém giết nhau. Cuối cùng khi vở bi hài kịch bỏ màn (nhưng ai cũng cảm thấy vở đó chưa xong) thì tất cả diễn viên, đạo diễn và khán giả cũng đều buồn như nhau:

*Diễn viên rơi nước mắt
 Đạo diễn khóc hay cười
 Khán giả thì bùng mồi
 Khán giả thì im hơi
 Ôi bi kịch còn dài
 Trong hay ngoài sân khấu
 Bên trên hay là bên dưới
 Ai cũng buồn như nhau...*

Trở về Saigon ít lâu, xảy ra biến cố Tết Mậu Thân. Chiến tranh vào thành phố! Nhưng đối với người dân Saigon, vì quá quen với ánh sáng hoá châu và tiếng B52 thả bom âm ỳ hàng đêm ở xa xa, chiến tranh chẳng bao giờ làm chúng tôi sợ cả. Khi đặc công Việt Cộng tấn công bộ Tổng Tham Mưu gần nhà, gia đình tôi còn đua nhau leo lên gác

thượng để coi đánh nhau. Chỉ tới khi có viên đạn lạc bắn vào mái nhà thì mọi người mới hoảng hốt tụt xuống! Thản nhiên trước cảnh đánh nhau, thản nhiên luôn trước cái chết. Khi đi coi những khu phố đã trở thành chiến địa, nhìn tận mắt những xác người nằm trên vũng máu đào bên đồng gạch vụn còn bốc khói, tôi không thấy lòng nao động như trong thời chiến tranh chống thực dân Pháp. Cũng như tôi, nhà văn trẻ Lê Tất Điều viết trong một bài báo nào đó: *Tôi không còn thấy rung động hay sợ hãi trước xác người chết...*

... Cho tới khi tôi biết rõ những gì xảy ra tại Huế trong tết Mậu Thân thì mới thấy hết dừng dừng rồi cảm phần và phản ứng bằng những bài *tâm phần ca*. Xưa nay tôi vẫn cho Huế là nơi người ta nói hộ dân chúng những điều u uất nhất của cuộc đời Việt Nam. Qua những câu hò, câu ru, câu ca tôi cho là nhọc nhằn, nỉ non, ai oán nhất. Cũng là điệu ru nhưng lối ru Huế sao mà nghe vắng xa chi lạ! Cũng là bài ca nhưng trong Ca Huế mới có những bản hát buồn. Nhạc miền Bắc chẳng bao giờ buồn cả, điệu làn thăm trong Chèo không thăm thiết bằng điệu Nam Ai, Nam Bình. Bài Vọng Cổ nghe buồn man mác, và chỉ man mác mà thôi! Hò kéo gổ, hò đẩy xe ở miền ngoài có thể làm cho người nghe nhức da nhức thịt nhưng hò mái nhì, hò mái đẩy mới đánh vào tâm não chúng ta. Mặt khác, chỉ những nhà thơ gốc Huế (hay ở Huế lâu) mới nói

hộ ta những lời buồn như thơ sầu rụng của Lưu Trọng Lư, thơ hờn tủi của Chế Lan Viên hay thơ ngậm ngùi của Huy Cận.



Cố đô Huế, Tết Mậu Thân...

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân có hậu quả chính trị làm rung động dư luận Hoa Kỳ, khiến Tổng Thống Johnson không tái ứng cử nữa, cuộc hoà đàm Paris thành tựu... Nhưng thảm kịch xảy ra tại Huế là một sai lầm lớn nhất trong cuộc nội chiến Bắc-Nam dài hai mươi năm.

Thảm kịch được phơi bày qua tư liệu lịch sử hoặc qua các tác phẩm văn chương như *Tình Ca Cho Huế* Đỗ Nát (1968), *Giải Khăn Sô Cho Huế* (1969) của Nhà Ca, *Ngôi Sao Trên Đỉnh Phú Văn Lâu* của Hoàng Phủ Ngọc Tường (1971), *Huế Những Ngày Nổi Dậy* (1979) của Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Quang Hà,

Tô Nhuận Vỹ, *Đất Nước Vào Xuân* (1979) của tướng Lê Chuông, Chính ủy mặt trận Huế thời đó, *Mùa Biển Động Tập III* (1988) của Nguyễn Mộng Giác... và cho ta thấy sau khi Bắc Quân bị đánh bật ra khỏi thành phố, Huế là chốn tử địa kinh hoàng với 19 mồ chôn tập thể. Số người bị thảm sát lên tới năm, sáu ngàn người. Ngoài những quân nhân, công chức cộng tác với chính quyền miền Nam, còn có cả tử thi đàn bà, con trẻ. Ai ra lệnh giết? Ai bình tĩnh, mù quáng thi hành mệnh lệnh dã man, tàn bạo đó? Những người đó nhân danh một chủ nghĩa hay một lý tưởng nào???

Thảm kịch Mậu Thân thay đổi cuộc đời, thay đổi thái độ sống của nhiều người, ảnh hưởng vào sáng tác của nhiều văn nghệ sĩ. Riêng tôi, nói về thành phố Huế yêu thương và đau thương, ngày nào tôi mơ một chiều nao đốt lửa rực đỏ thành, giấc hoá mộng của tôi là giấc mơ nghệ thuật, giấc mơ ánh sáng. Thảm kịch Mậu Thân cho tôi trực diện hơn nữa với bộ mặt thực của cuộc chiến tranh Nam-Bắc tương tàn để từ đây những sáng tác của tôi không thể nào dùng dung được nữa. Tôi soạn một bài hát có tính cách phản uất nhan đề *Tôi Không Phải Là Gỗ Đá* (khi in ra có đề tặng Lê Tất Điều):

Tôi không phải là cỏ cây

Tôi không phải là gỗ đá

Nên tôi khóc Việt Nam tôi

Ròng rã ba đời không biết vui

*Tôi không phải là người dung
 Tôi không phải là nước lũ
 Nên tôi khóc người không xa
 Gục ngã chiến trường tuổi còn xuân..
 Đừng nguy trang trong tiếng hát
 Đừng cần mang đôi kính mát
 Hãy lắng nhìn vào quê hương điêu tàn
 Hãy đếm từng người dân đang chết oan
 Hãy oán hờn cuộc binh đao tương tàn
 Hãy khóc thảm dù nước mắt đã cạn
 Hãy biết buồn! Hãy biết thẹn!
 Vì non sông còn tối đen...*

Rồi bởi vì tôi không thể nào thản nhiên, tôi không thể nào im tiếng, nên tôi hét vào thính không lời nói hải hùng hơn tiếng bom... Bởi vì tôi không thể nào miêng câm, tai điếc, nên tôi khóc và tôi điên... cho nên tôi tiếp tục đưa ra một số bài hát dữ dội, đặt tên là *tâm phản ca* (chanson en colère). Trước đây hai ba năm, khi tâm ca ra đời nó gây một tiếng vang lớn trong đám thi sĩ và nhạc sĩ trẻ. Họ cũng đồng ý với tôi là không thể nào thản nhiên và im tiếng được nữa. Thơ chống chiến tranh được viết ra (ví dụ những bài thơ của Thái Luân, Nguyễn Đắc Xuân tôi vừa kể) và nhạc phản chiến được soạn ra (ví dụ những nhạc phẩm của Trịnh Công Sơn, Miên Đức Thắng).

Cảnh chiến tranh huynh đệ tương tàn khiến cho một thi sĩ mang tên rất đẹp là Hoa Đất Nắng phải

viết ra những câu thơ hung tợn, để tôi phổ thành bài *Đi Vào Quê Hương*:

Tôi vào quê hương bằng cuộn dây thép gai
 Đồng cỏ cha tôi, tôi trói gô hình hài
 Tôi đào thông hào, trồng cây chông nhọn hoắt
 Tôi giơ tay cao, tôi cầu tôi cào
 Tôi vào quê hương bằng xe traction
 Chở mìn clay-mo, plát-tíc đi ngoài đường
 Tôi đặt lên sườn Mẹ Việt Nam gầy ốm
 Ôi Mẹ tan tành! Ôi Mẹ phanh thân!
 Tôi vào quê hương bằng dòng nước mắt
 Nước mắt vợ chồng, nước mắt cha con
 Nước mắt bạn bè, nước mắt anh em
 Tôi lội tôi bơi mệt nhoài trong đó
 Máu loang từ đầu, chảy xuống ruột mềm
 Tôi vào quê hương qua nòng thép súng
 Lửa cháy trong làng, lửa cháy trong thôn
 Lửa cháy trong lòng, lửa cháy trong tim
 Trên da mặt tôi mọc lên cổ thụ
 Cổ thụ sai oằn lựu đạn mooc-chiê...
 Tôi vào quê hương bằng một gánh hát quê
 Đả đảo hoan hô tôi đứng lên làm hề
 Lũ trẻ ngủ gật cười phun nước miếng
 Trên da mặt tôi, trên yếm, trên đầu
 Tôi vào quê hương quà tặng nhớ đem theo
 Một khẩu thompson hay chiếc súng cộng đồng
 Mỗi thằng một đứa, dành cho nhau một phát
 Mỗi đứa một thằng, dành một phát cho nhau...

Tôi tiếp tục soạn *tâm phần ca*. Bây giờ tôi muốn nói tới người lính Việt Nam nhưng không dùng những lời ca nịnh nọt hay mỉa mai mà các bộ máy tuyên truyền lúc đó đang đề cao. Tôi nói về cái chết của người lính trẻ:

*Người lính trẻ chết trận chiều qua
Nên trăng sao vụt tắt chẳng ngờ
Người lính trẻ chết trận hồi mơ
Nên hôm nay chẳng có mặt trời
Người lính trẻ chết trận ngày mai
Trên quê hương ngọn lúa rụng rời
Người lính trẻ chết trận ngày kia
Trên ngôi cao là hết dị kỳ...*

Cái chết của tuổi trẻ làm cho tất cả đều nổi giận: mặt trời, trăng sao phải vụt tắt, ngọn lúa phải rụng rời, các vị Thần phải ôm mặt khóc rồi rủ nhau chạy mất... Dây đàn phải đứt, dòng chữ phải tan, con người trần trụi trở về thời hồng hoang cho tới khi địa cầu nổ toang, cuộc đời tận thế:

*Người lính trẻ chết trận còn đâu!
Nên không lâu, nổ vỡ địa cầu.
Người lính trẻ chết trận rồi nghe!
Xin nghe đây tận thế gần kề!
Người lính trẻ chết trận còn chi*

Bởi vì tôi phần nộ nên sau khi nổi giận về cái chết của người lính trẻ, tôi nói chuyện mĩa mai với *Chuyện Hai Người Lính*:

Có hai người lính ở chung một làng

*Cùng yêu Tổ Quốc Việt Nam.
Có hai người lính ở chung một làng
Cùng yêu ruộng đất Việt Nam.*

.....

*Có hai người lính cùng chung một lòng
Cùng không để mất Việt Nam
Có hai người lính cùng tiến lên đường
Quyết tâm gìn giữ Việt Nam...*

Chuyện hai người lính là chuyện có thể xảy ra ở mọi nơi trong nước. Nhà văn Xuân Vũ cũng từng chứng kiến cảnh anh em trong một nhà, người theo giải phóng, người theo quốc gia rồi một sớm mai nào đó:

*Có hai người lính nằm trên ruộng đồng
Cùng ôm khẩu súng chờ mong
Có hai người lính, một sớm mai hồng
Giết nhau vì nước Việt Nam...*

Nói chuyện khôi hài đen, tôi có bài *Bà Mẹ Phù Sa*. Đây có thể là một câu chuyện có thực như chuyện *Bà Mẹ Gio Linh* trước đây hay *Chuyện Hai Người Lính* vừa kể. Tôi kể chuyện một bà mẹ ở đất Phù Sa, mới năm mươi tuổi đã già như tám mươi... Đúng như người mẹ trong câu ca dao:

*Mẹ già ở túp lều tranh
Đói no ai biết rách lành ai hay...*

Một ngày tháng 8 năm 62, có anh Ba cán bộ tới xóm tuyên truyền về Ấp Chiến Lược. Trong khi anh đang thuyết trình thì có tiếng súng nổ ở dưới

vườn, bà mẹ vội lừa anh Ba vào trốn dưới gầm giường. Người nổ súng cũng là một cán bộ: anh Tư của Mặt Trận Giải Phóng. Anh này mò đến nhà bà mẹ để tuyên truyền. Đón tiếp anh Tư, chợt trông ra đường muông, thấy Quân Đội Mỹ đang đi hành quân và tới gần lối xóm, bà vội vàng lừa anh Tư cũng vào trốn dưới gầm giường... Câu kết của bài hát là: *trong cuộc chơi đi trốn này, không biết rồi đây ai sẽ cứu ai?*

Vào lúc này, ngoài ngôi nhà lớn trong cư xá Chu Mạnh Trinh ở ngã tư Phú Nhuận, vợ chồng tôi mua thêm một căn nhà gỗ cũng nằm trong cư xá. Để tăng lợi tức cho gia đình đã trở nên khá đông đảo (con gái út Thái Hạnh mới ra đời), chúng tôi bèn cho Đại Hàn thuê ngôi nhà ba tầng để làm xưởng sửa máy điện tử và dọn về sống trong căn nhà nhỏ. Nhà này toạ lạc bên cạnh một cái giếng sâu, nơi có lần Duy Cường (mới lên 5) rơi xuống mà không chết. Ở đầu đường Võ Di Nguy có cái ngõ nhỏ dẫn vào nhà mà khỏi cần qua ngã lớn đường Chi Lăng. Ở hai bên ngõ là dãy nhà gỗ mái tôn, nơi cư ngụ của vài gia đình nghèo, trong đó có nhà của một ông giáo phải ngưng dạy học vì mắc bệnh thần kinh sau khi vợ bỏ đi lấy Mỹ.

Cuộc chiến tranh nào cũng tạo ra những người điên. Trong kháng chiến chống Pháp, tôi đã gặp vài ba người mất trí. Nhưng bây giờ có quá nhiều người điên ở trong nước. Trong thành phố, ở khu

nào cũng có người mất trí. Nhiều đến nỗi người điên hiện diện luôn trong một ca khúc rất cảm động của Trịnh Công Sơn, bài *Tình Ca Người Mất Trí*. Sống trong căn nhà mới ở trong cư xá này, hằng ngày chúng tôi được coi cảnh ông giáo chống tay bên hông đứng bên bờ giếng để lải nhải chửi bới. Thường thường ông chỉ chửi một cách nhẹ nhàng và bâng quơ, nhưng đôi khi ông réo tên các Tướng, Tá, các vị Bộ Trưởng Chính Phủ để chửi bới om sòm, và chửi luôn cả Tổng Thống nữa! Và lẽ dĩ nhiên ông chửi Mỹ một cách thậm tệ. Đặc biệt ông không chửi vợ. Có lẽ vào lúc đó, cả công chức lẫn tư chức và dân thường, ai cũng đều chửi thảm Chính Phủ cho nên ông giáo điên này không bị ai phản đối hay bị cảnh sát bắt đi. Chúng kiến cảnh một người suốt ngày đứng chửi rửa như vậy, tôi bỗng nhớ tiếc người điên của phố Hàng Dầu ngày xưa, suốt ngày lễ phép đứng chào khách qua đường!

Cũng tại căn nhà gỗ này, nằm trên cái gác xép nhỏ nhoi và nóng nực, tôi được coi trong Tivi đen trắng cảnh phi hành gia Amstrong đặt chân lên mặt trăng. Đúng như tôi đã nói trong bài *Một Đàn Chim Nhỏ*, quả rằng Amstrong không tìm thấy chú Cuội và chị Hằng ở nơi cung Quảng. Thấy kỹ thuật Hoa Kỳ đem được con người lên tới mặt trăng rồi thì tôi rất phục, nhưng thấy sự hiện diện của lính Mỹ ở Việt Nam quá đông thì tôi buồn. Trong bài *Bé Bắt Dế* soạn ra vào năm tới, tôi có nói đến tình cảm đó.

Vào hai năm 69-70, chiến tranh ở Việt Nam đã leo thang tới tột đỉnh. Nửa triệu binh lính Mỹ trên nước ta cùng với hàng ngàn Mỹ kiều khác (các nhân viên ngoại giao kinh tế, các nhà thầu xây cất, làm đường xá cầu cống...) tạo ra tại các đô thị lớn một giai cấp mới là những người Việt giao dịch hay kinh doanh với Mỹ. Trong khi đa số thị dân chỉ có đồng lương cố định, người làm với Mỹ làm giàu rất nhanh qua những dịch vụ mở quán rượu, nhà tắm hơi, phòng trà khiêu vũ. Một số lớn phụ nữ Việt Nam trở thành gái bán bar, gái đấm bóp hay gái nhảy. Tiền tiêu pha của lính Mỹ, tiền chi phí cho các hãng thầu Hoa Kỳ và tiền ăn xài của những người có dịch vụ với Mỹ tạo ra nguy cơ lạm phát phi mã. Tình trạng này làm cho người giàu cứ giàu lên, người nghèo càng ngày càng nghèo hơn. Đời sống của đa số dân chúng rất khó khăn. Xảy ra những vụ những lạm của các cấp hành chánh hay chợ đen... Đây là thời gian hầu hết những giá trị tinh thần, đạo đức của người Việt bị lật nhào vì chiến tranh và tiền bạc.

Sự sa đoạ của xã hội Việt Nam phải kéo theo những phản ứng. Trước cảnh thoái hoá trong gia đình, phản ứng của người mất vợ như ông giáo kể trên chỉ là mắc bệnh thần kinh rồi đứng bên bờ giếng chửi rủa. Ngoài xã hội, phản ứng lớn hơn nhiều, qua hành động của hai người tôi gọi là **anh hùng trong trắng**.

Tại Nha Trang, trước cảnh đảo điền của xã hội, thấy rằng danh dự quân nhân và trí thức của mình bị thương tổn, một bác sĩ sĩ quan là Hà Thúc Nhơn làm kiến nghị đòi trừng phạt Tỉnh Trưởng về tội tham nhũng. Bị tham nhũng vây bắt anh Nhơn cố thủ trong bệnh viện, quyết tâm chống lại bằng vũ khí, nhưng cuối cùng anh bị tham nhũng bắn chết. Một người bạn của anh Hà Thúc Nhơn là Phạm Văn Lương – cũng là bác sĩ sĩ quan – phản ứng bằng cách đứng trước trụ sở Quốc Hội ở Saigon, tay cầm quả lựu đạn đã mở sẵn chốt, kể tội tham nhũng của các Tướng Tá Việt Nam, kể từ Tham Muu Trường Cao Văn Viên trở xuống. Vì hành động của anh Lương xảy ra giữa thủ đô, nơi có tai mắt của quốc tế nên bọn tham nhũng không dám giết anh. Nhưng sau khi xoa dịu anh Lương rồi, nạn tham nhũng vẫn chẳng bớt đi chút nào. Nó còn tăng lên với vụ buôn lậu ở Long An có xe nhà binh hộ tống. Việc làm của hai người hùng trong trắng này và kết quả không đi đến đâu của nó khiến tôi phải soạn bài hát nhan đề *Dạ Hành*:

Người đi trong đêm tối, trong đêm thâm

Trong đêm vắng, trong đêm sâu

Trong đêm dầy, trong đêm dài Việt Nam, hự

(sau mỗi câu hát là có tiếng hự, tức là tiếng đâm vào lưng)

Người đi giương đôi mắt, khua đôi tay

Đưa chân bước trên chông gai

*Trên đất gầy, trên vũng lầy bùn nhơ, hự
 Người đi không ai dắt, không ai đưa
 Như đui mắt, đi bơ vơ
 Đi trong vòng vây quanh của bầy ma, hự
 Bầy ma chuyên uống máu nơi dân đen
 Moi tim óc bao thanh niên
 Ăn linh hồn, ăn da thịt Việt Nam, hự
 Bầy ma giơ tay níu, giơ tay mua
 Giơ tay đón, giơ tay đưa
 Giơ tay dọa không cho người vượt qua, hự
 Bầy ma giơ tay kéo, giơ tay ôm
 Lôi ta cúi, lôi ta khom
 Như con vật cong lưng bò trong đêm, hự...*

Biết rằng khó lòng thắng nổi bầy ma tham nhùng nhưng tôi cũng cứ hi vọng có thêm nhiều phản ứng của những người hùng trong trắng khác:

*Thế nhưng người là NGƯỜI nên không chịu làm thú!
 Thế nhưng người là NGƯỜI nên không sợ loài ma!
 Người đi, đi đi lên!
 Người đi tìm ánh sáng trời lên...*

Bài hát dữ dội này là một trong bộ ba *Lữ Hành, Xuân Hành, Dạ Hành* của tôi. *Lữ Hành* là cuộc lên đường bất tận. *Xuân Hành* là cuộc đi trong chật hẹp một đời người. *Dạ Hành* là cuộc đi trong đêm tối để chiến thắng loài ma quỷ.

Vào lúc Hoa Kỳ ào ạt đem quân sang Mỹ hoá chiến tranh ở Đông Dương – để sau này sẽ phải mượn có Việt Nam hoá cuộc chiến che dấu sự thất

trận của mình – thanh niên Việt Nam liên tiếp được động viên nhập ngũ và cầm súng ra chiến trường. Tôi luôn luôn kính trọng và tôn thờ lòng yêu nước, sự hi sinh (cũng như thương cho số phận) của họ nên không bao giờ tôi dám gọi họ là **lính đa tình** cả! Chiến tranh cần có chiến sĩ và tuổi trẻ Việt Nam phải chấp nhận bước theo định mệnh đó thì ta chỉ nên chúc cho họ sống một cách tuyệt vời trong niềm đau của phận người trong thời đại như thi sĩ Thanh Hữu đã nói ra qua một câu thơ ngắn:

Vì yêu anh không là lính đa tình

Bước tuyệt vời trong mùa Xuân định mệnh

Nên từ đó dân tộc ta vẫn hoà bình...

Tôi còn muốn nói thêm vào xã hội này nên dùng thơ Thanh Hữu để mở đầu bài *Cung Chúc Việt Nam*, tặng những cô gái thích làm hoa hậu, tặng các em bé thích làm siêu nhân và tặng cho những người thích làm thiên thần:

Vì yêu em không đảo nước khuynh thành

Sống tuyệt vời trong chiều hoa khồn hạnh

Nên từ đó dân tộc ta đỡ nhục hình...

Vì yêu em không là bé siêu phàm

Sống tuyệt vời trong đồng trình mộc mạc

Nên từ đó dân tộc ta đỡ lảm lạc...

Vì thương nhau không là những thiên thần

Sống tuyệt vời trong niềm đau một phận

Nên từ đó nhân loại kia vẫn vẹn toàn...

Trong hoàn cảnh đất nước ngả nghiêng như vậy,

nhất là sau vụ Tết Mậu Thân, tôi không còn bụng dạ nào để nghĩ tới chuyện tâm tình. Tôi không còn thanh thoi để cuối tuần lái xe đi đón người tình rồi chúng tôi ngồi trong xe hơi hay trên một bãi cỏ hoang ở vùng ngoại ô, nói với nhau những chuyện cao xa, thơ mộng. Người bạn gái cũng cảm thấy phải xa tôi để bước lên xe hoa. Qua một lá thư viết bằng bút chì, nàng già từ tôi, không buồn rầu nuối tiếc, không ân hận xót xa. Xong rồi, mối tình của tôi phải chấm dứt ở đây rồi. Tôi soạn bài *Nghìn Trùng Xa Cách*, coi như lời tiễn biệt người yêu:

Nghìn trùng xa cách người đã đi rồi!

Còn gì đâu nữa mà khóc với cười?

... Vâng, nghìn trùng xa cách, đời đứt ngang rồi, tôi chỉ còn lời trăng trối gửi đến cho người:

Nghìn trùng xa cách người cuối chân trời

Đường dài hạnh phúc, cầu chúc cho người...

Tôi sẽ có dịp để biết nàng có hạnh phúc hay không, mấy chục năm sau.

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo
Em nhớ cho mùa Thu đã chết rồi!
Mùa Thu Chết*



Bài hát của một thời...

Một khái quát về Tân Nhạc:

* 1938. Nhạc cải cách ra đời, sau một thời gian

chuẩn bị là dăm ba năm với những bài ta theo điệu tây.

* 1940-1945 là thời gian thành lập của một nền nhạc khác hẳn với nhạc cổ truyền, với hai xu hướng nhạc tình và nhạc hùng.

* 1945-1954. Dù vẫn được gọi là nhạc mới để phân biệt với cổ nhạc, Tân Nhạc đi tới thời kỳ phát triển 1 với hai xu hướng, hoặc từ dân ca cổ truyền đi lên hoặc đi theo đường lối soạn nhạc Tây Phương.

* 1954-1966. Tại miền Nam, vì có thêm nhiều phương tiện như radio, đĩa hát, băng nhạc, nhạc Việt đi tới thời kỳ phát triển 2 nếu có loại nhạc muốn được coi như phục vụ nghệ thuật thì cũng có loại nhạc chỉ được soạn ra với mục đích thương mại.

* 1966-1975 là thời kỳ loạn phát của nhạc Việt.

Vào giữa thập niên 60, có hai yếu tố làm cho nhạc Việt phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trước tiên là hiện tượng phòng trà. Hai mươi năm trước, tôi đã chứng kiến và đóng góp vào sự ra đời của những phòng trà đầu tiên của Việt Nam. Vào lúc đó, người Việt chưa có những phương tiện dồi dào như radio, đĩa hát, băng nhạc, lối phụ diễn chiếu bóng và hình thức đại nhạc hội như về sau này, phòng trà là nơi Tân Nhạc khởi sự sinh sôi rồi nảy nở.

Lúc đó chỉ có vài phòng trà ở Hà Nội (Quán Nghệ Sĩ, Phòng Trà Thiên Thai) và ở Huế (Nhà Hàng Tam Tinh, Quán Nghệ Sĩ), vấn đề ca sĩ, thính giả và nhạc

mục còn là chuyện rất đơn sơ. Để thay thế cho hình thức tiêu khiển của nho sĩ là nhà hát a đào đã hết thời, những nơi giải trí của giới tân học hồi bấy giờ chỉ có khoảng bốn, năm ca sĩ thuộc thế hệ thứ nhất là Phạm Duy, Kim Tiêu, Ngọc Bảo, Thương Huyền, Mai Khanh... hằng đêm tới hát khoảng năm, sáu bài tân nhạc như *Biệt Ly*, *Con Thuyền Không Bến*, *Bản Đàn Xuân*, *Bê Bàng*, *Buồn Tàn Thu*... cho khoảng 10 hay 15 thính giả nghe. Dần dà, phòng trà mọc thêm ở Hà Nội với những tên Thăng Long, Tuyết Sơn... Khi xảy ra kháng chiến, phòng trà trong thành phố đóng cửa, nhưng chỉ ít lâu sau, tại vùng quê có những quán cà phê thay thế cho phòng trà.

Từ ngày đất nước chia đôi, toàn bộ âm nhạc ở miền Bắc nằm trong tay của Nhà Nước và chỉ được phép phục vụ cho chính trị. Tại miền Nam ca nhạc sĩ người Bắc di cư vào Saigon, sau khi đời sống ổn định, cùng với nghệ sĩ gốc Nam, ngoài việc đi hát Đài Phát Thanh có thêm đất dụng võ là phòng trà có ca nhạc (live concert) như nhà hàng Văn Cảnh chẳng hạn... Thế hệ ca sĩ thứ hai xuất hiện với Minh Trang, Thái Thanh, Anh Ngọc, Mộc Lan, Tâm Vần, Nguyễn Hữu Thiết, Ngọc Cẩm...

Phòng trà phát triển với Đức Quỳnh đường Cao Thắng, Trúc Lâm (của nhà văn Mặc Thu) đường Ngô Tùng Châu, đào tạo thêm ca sĩ. Khi chính phủ cấm nhảy đầm, các khiêu vũ trường Tabarin, Baccara, Tự Do trở thành phòng trà. Quán Anh Vũ

của Võ Đức Diên đường Bùi Viện được chính quyền giúp đỡ để trở thành quán ăn kiêm phòng trà, thu hút học sinh, sinh viên. Phòng trà Kim Diệp trước rạp Casino mở ra là đông ngay nhưng bị đóng cửa vì có vụ ghen tuông bắn chết người ở đây.

Các phòng trà lúc đó là nơi phổ biến những ca khúc mới mẻ như *Tiếng Sáo Thiên Thai*, *Phố Buồn*, *Mùa Thu Paris...* và đào tạo thế hệ ca sĩ thứ ba: Lê Thanh, Kim Chi, Thu Hương, Thanh Thúy, Kim Vui, Thanh Lan (bà Cao Xuân Vỹ)... Sau thời ông Diệm, nhất là khi Quân Đội Mỹ tới Việt Nam và biến Saigon thành một thành phố rất phồn vinh (dù giả tạo) các phòng trà mọc lên như nấm. Có ba nơi rất đông khách:

* Phòng trà Tự Do, với ban nhạc Blue Notes và các ca sĩ thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba;

* Phòng trà Ritz, với chủ nhân là Jo Marcel – một người không những hát hay mà còn giỏi về kỹ thuật âm thanh – nơi ra mắt của thế hệ ca nhạc sĩ thứ tư như ban nhạc The Dreamers và Julie Quang trong bản *Mùa Thu Chết*;

* Phòng trà Queen Bee với ban nhạc Shotguns, nhờ tài “lăng xê” ca sĩ của Ngọc Chánh, trở thành nơi xuất hiện của những giọng ca mới như Lê Thu, nổi tiếng qua bài *Ngâm Ngủi*.

Nhà Hàng MAXIM’S (rạp Majestic cũ) đường Tự Do, có ăn uống và nghe nhạc cũng thành công với những tiết mục ca-vũ, phần ca do hai ba thế hệ

ca sĩ thay nhau tới hát, phần vũ do Hoàng Thi Thơ và Trịnh Toàn phụ trách. Hai nơi có vẻ trí thức nhất là Phòng Trà Khánh Ly, mang tên cô ca sĩ, người giới sinh viên gọi là “nữ hoàng chân đất”, khởi sự ca hát từ Quán Văn rồi sau khi bước vào thế giới âm thanh với nhạc Trịnh Công Sơn, nghiêm nhiên trở thành chủ phòng trà. Cuối cùng là Đêm Mầu Hồng và ban Thăng Long, với nghệ thuật ca diễn càng ngày càng vững chãi.

Những em bé trong ban Việt Nhi do nhạc sĩ Nguyễn Đức thành lập và hoạt động từ lâu tại các Đài Phát Thanh, nay đã lớn và trở thành thế hệ ca sĩ thứ năm của phòng trà hay sân khấu với những cái tên giống nhau như Phương Hồng Hạnh, Phương Hồng Quế, Phương Hoài Tâm...

Khán thính giả của các phòng trà trong thời đó là giới làm ăn khá giả nhờ đồng dollar được chi dụng bừa bãi ở Việt Nam, nhưng cũng là nơi không thể nào không ghé tới của những sĩ quan hay binh lính Cộng Hoà, từ mặt trận xa xôi trở về thủ đô nghỉ phép, vì không có nơi nào xoa dịu chiến sĩ khi nghỉ ngơi hơn là những phòng trà (giống như các quán cà phê trong kháng chiến là nơi giúp cho cái gọi là *le repos du guerrier* mà tôi nói tới trong *Hồi Ký II*).

Vào cuối thập niên 60, đi nghe nhạc tại phòng trà là cái mốt của thời đại. Vô phòng trà là bước vào cõi tình và cõi thơ. Nữ ca sĩ là thần tượng của mọi

giới, có cô trở thành bà Tướng, bà Lớn một cách nhanh chóng: Minh Hiếu là phu nhân Tướng Vinh Lộc, Thanh Lan thành bà Cao Xuân Vỹ... Người ta đặt cho phòng trà những tên nên thơ như Chiêu Tím, Hầm Gió... Tên Đêm Mầu Hồng cũng do bài thơ của Thanh Tâm Tuyền. Âm nhạc đi kèm với ly cà phê, được khán thính giả uồn người ngồi nghe trong một thính phòng mờ ảo, bây giờ đi vào quán chúng không phải là nhạc đồng quê hay nhạc via hè nữa. Nó là nhạc góc nhà, dần dà trở thành nhạc ma túy, nhạc thờ dài...

Nhưng phòng trà không phải luôn luôn là nơi để vui chơi. Tối thiểu, có hai lần tôi thoát chết tại phòng trà. Tại Queen Bee một đêm nọ, một khách hàng nhà binh, sau khi uống rượu say, làm tàng, tung ra quả lựu đạn khói, khiến cho mọi người xô nhau chạy toán loạn. Thái Thanh, tôi và ban Dreamers xuyết bị chết bẹp và chết ngạt. Trong đám khách hàng có người chị ruột của Thanh Thúy (vợ của Tỉnh Trưởng Nha Trang Lê Khánh) bị ngã dập lá gan rồi bị điếc tai luôn. Một đêm khác, tôi và các con vừa ở phòng trà Tự Do bước ra khỏi cửa để tới chỗ đậu xe thì mìn nổ tại nhà hàng này. Có người (thuộc phe nào đây?) muốn thủ tiêu nhân vật chủ hoà Hoa Kỳ McGovern đang từ khách sạn Caravelle đi tản bộ trên vỉa hè gần đó. Ông này không sao nhưng vợ của nhạc sĩ Lê Văn Thiện tới chơi phòng trà bị tan xác.

Phong trào phòng trà ở Saigon còn được nối dài qua những quán nhỏ của sinh viên. Quán Văn được thành lập trên bãi đất trống sau trường Đại Học Văn Khoa, với sự có mặt thường xuyên của Khánh Ly, người sẽ mở quán ở đường Đinh Tiên Hoàng lấy tên Quán Tre. Quán Thăng Bờm cũng do sinh viên mở ra ở đường Đề Thám. Có thêm hai quán nữa ở Thị Nghè do Nguyễn Trung và Vị Ý chủ trương, được trang hoàng rất đẹp vì có tranh “cây nhà lá vườn” của hai họa sĩ này. Quán Dalat gần sân banh Cộng Hoà do các sinh viên gốc gác ở thành phố sương mù, về Saigon ăn học, tạo ra quán này để làm nơi gặp gỡ nhau.¹

Sau phòng trà, hiện tượng thứ hai làm cho Nhạc Việt phát triển mạnh mẽ là nhạc trẻ. Loại nhạc này xuất hiện ở Việt Nam sau khi giới trẻ Saigon tiếp xúc với nhạc của tứ quái Beatles lúc đó đang lan tràn trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử âm nhạc, nhờ sự phát minh ra đàn điện, dễ chơi, dễ hấp dẫn người nghe bằng âm thanh điện tử, bốn thanh niên Anh quốc làm cho âm nhạc trở thành tiếng nói chung của tuổi trẻ trên hoàn cầu. Vào giữa thế kỷ 20, với phương tiện truyền thông tối tân, nhân loại sống trong một thế giới thu hẹp bằng một ngôi làng. Tuổi trẻ có chung lối sống, qua trang sức và trang phục như tóc dài, quần áo màu sặc sỡ... nghiêm nhiên trở thành một bộ lạc không phân biệt màu da. Nhạc Beatles xuất hiện, trở thành sự

đam mê của tất cả thanh niên nam nữ. Nhạc học gia gọi nhạc Beatles là nhạc bộ lạc (musique tribale) vì có khả năng gọi bảy nghĩa là dễ dàng tụ họp tuổi trẻ ở mọi nơi đang cùng có chung một sở thích về ăn mặc, suy tư và nghe nhạc

Khi quân đội Mỹ đổ vào Việt Nam, họ mang theo những tiện nghi của họ như Tivi, máy hát, băng nhạc, phim ảnh... Cùng với nhạc Beatles, nhạc rock Hoa Kỳ xâm nhập Saigon. Chỉ trong một thời gian ngắn, tuổi trẻ Việt Nam thành lập những ban nhạc mang tên CBC, The Uptight, The Hammers, The Enterprise, The Peanuts... học đàn hát ở đĩa hát, băng nhạc ngoại quốc, rồi tới trại lính để giải trí cho quân đội Đồng Minh. Trong thế hệ ca nhạc-sĩ thứ tư này, có những nhân tài mới như Tuấn Ngọc, Khánh Hà, Vi Vân, Cathy Huệ, Minh Xuân, Minh



Ban The Dreamers.

Phúc, Elvis Phương, Paolo... Các con tôi tự động thành lập một ban nhạc trẻ lấy tên The Dreamers với Duy Quang làm đầu đàn. Khi tôi được mời qua Hoa Kỳ trong ba tháng vào năm 66, tôi dành nhiều thời giờ đi mua đĩa hát và sắm nhạc cụ cho các con.

Ngoài việc đi hát tại các trại lính Hoa Kỳ ở Biên Hoà hay ở Long Bình, ban The Dreamers được mời tới hát tại ba phòng trà Tự Do, Ritz, Queen Bee. Tôi luôn luôn cùng đi hát với các con. Được tiếp xúc với nhạc rock, tôi không ngần ngại đi vào nhạc ngữ mới mẻ này để sáng tác những bản nhạc mới trong chủ đề tình yêu hay trong chủ đề đang rất thịnh hành lúc đó là chiến tranh hoà bình. Hơn nữa tôi được các nhà phát hành băng nhạc trả tiền để soạn lời ca cho những bản nhạc Pháp Mỹ đang được giới trẻ ưa chuộng: *If You Go Away, Listen To The Music, Love Story, Bang Bang*... Thanh Lan, xuất thân từ lò ca sĩ Việt Nhi, rất thành công khi hát loại nhạc dịch này. Tuy cũng thú vị khi soạn lời ca tiếng Việt cho nhạc ngoại quốc nhưng lúc bấy giờ tôi chú trọng vào việc sáng tác hơn là việc dịch lời.

Về chủ đề Tình Yêu, tôi đã soạn *Nghìn Trùng Xa Cách* để từ giã người tình. Tôi không còn soạn tình ca đôi lứa nữa. Những bản nhạc tình, từ nay trở đi, đối với tôi, là tình ca một mình. Bài điển hình nhất là *Mùa Thu Chết*, soạn theo bài thơ *La Chanson du Mal Aimé* của Apollinaire:

J'ai cueilli ce brin de bruyère

*L'automne est morte, souviens t'en
 Nous ne nous verrons plus sur terre
 Odeur du temps, brin de bruyère
 Et souviens toi que je t'attends...*

Bài thơ từng ám ảnh tôi hồi giữa thập niên 50 khi là sinh viên học nhạc tại Pháp, được phổ thành một ca khúc Việt Nam, mang ngũ thuật nhạc trẻ, nối lại truyền thống soạn nhạc mùa thu của các nhạc sĩ lãng mạn trước đây, lần này ở một xúc cảm cao độ nhất. Vì nó khóc một cuộc tình có thật:

*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo
 Em nhớ cho: Mùa Thu đã chết rồi!
 Mùa Thu đã chết, em nhớ cho
 Mùa Thu đã chết, đã chết rồi
 Em nhớ cho, đôi chúng ta
 Sẽ chẳng còn nhìn nhau nữa trên cõi đời này*

.....

*Ôi ngát hương thời gian mùi thạch thảo
 Em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em!*

Bài thơ tiếng Pháp cũng giản dị như lời ca tiếng Việt, nhiều người người ưa thích vì bài *Mùa Thu Chết* được hát lên với nhịp rock của thời đại, nhất là với giọng hát sôi nổi của Julie, lúc đó là con dâu của tôi. Lối hát như gào lên của thế hệ thứ tư này khác xa lối hát ồm ồm, vuốt ve hay thủ thỉ của các thế hệ ca sĩ đi trước, nhất là bây giờ được ban nhạc có âm thanh điện tử đệm theo làm cho bài hát hấp dẫn hơn. Về phần hoà âm, lối đệm đàn bass theo

chuyển cung chromatique cũng tối tân hơn trước. Julie sẽ còn thành công trong những bài tôi soạn theo style nhạc rock như *Nước Mắt Mùa Thu*, *Thu Ca Điệu Ru Đơn*, *Tưởng Như Còn Người Yêu...*

Không khí của phòng trà vào cuối thập niên 60 khác hẳn thời mới xuất hiện ở Hà Nội, Huế. Lúc trước, nhạc sĩ, ca sĩ chỉ muốn tạo cho thính giả một không khí nhạc thính phòng hay nhạc café-concert. Người đi phòng trà nghe nhạc như đi vào nhà thờ hay tham dự salon littéraire. Bây giờ thì khác, nhạc phòng trà phải là nhạc rock sôi nổi. Lúc này, những bài hát của hai anh em nhạc sĩ Carpenters được mọi người ưa thích. Những bài *We've Only Just Begun*, *Close To You...* được các con tôi vận máy hát nghe suốt ngày. Khi soạn thêm một bài hát tình ca một mình như *Trả Lại Em Yêu*. tôi bị ám ảnh bởi âm hưởng của nhạc The Carpenters:

Trả lại em yêu khung trời Đại Học

Con đường Duy Tân cây dài bóng mát.

Buổi chiều khuôn viên mây trời xanh ngát

Vết chân trên đường vẫn chưa phai nhạt...

Qua bài *Ngàn Trùng Xa Cách* tôi trả hết cho người yêu những kỷ vật xưa như tập thơ tình có ép xác lá khô, hoặc mớ tóc nâu mà nàng đã dùng – tôi tưởng tượng – chiếc dao vàng của Đoàn Phú Tứ để cắt tặng tôi một ngày sinh nhật. Bây giờ, tôi xin được trả luôn những vết chân của những ngày nào trên đường Duy Tân, qua bài *Trả Lại Em Yêu*. Tôi

mượn lời của người trai phải xa người yêu đi lính để bắt toàn thể thanh niên lúc bấy giờ phải hát mối tình của tôi:

*Trả lại em yêu mối tình vời vời
Ngôi trường thân yêu, bạn bè cũ mới
Đường buồn anh đi bao giờ cho tới?
Nỗi đau cao vời, nỗi đau còn dài!
Trả lại em yêu! Trả lại em yêu!
Mây trời xanh ngát!*

Tình ca một mình là những bài hát của kỷ niệm.
Kỷ niệm trên bãi cát bên bờ trùng dương như bài:

*Nha Trang ngày về
Mình tôi trên bãi khuya
Tôi đi vào thương nhớ
Tôi xây lại mộng mơ năm nào
Bờ biển sâu, hai chúng tôi gần nhau...*

Ngồi trên bãi biển để nhớ tới lớp sóng mơn man
thịt mềm, da ngát hương, nào ngờ sóng cuốn trôi
đi lầu vàng trên bãi hoang... Bài hát soạn ra khi tôi
trở lại Nha Trang sau mấy năm xa cách người thơ,
ngồi trên bãi biển đông người cho tới khi chỉ còn
tôi trên bãi đêm khóc người tình.

Kỷ niệm trên đồi hồng ở Dalat thì có bài *Cỏ Hồng*:
*Rước em lên đồi, cỏ hoang ngập lối
Rước em lên đồi, hẹn với bình minh*

.....

*Mời em lên núi cao thanh bình
Cỏ non phơn phớt ôm chân mình*

*Mời em rũ áo nơi đô thành
 Cùng ta lên núi cao thanh thanh
 Em ơi! Đây con đôi dài
 Như bao nhiêu mộng đời
 Nghiêng nghiêng nghe mặt trời yêu đương*

.....

*Em ngoan như tình nồng
 Em bao la mịt mùng
 Em thơm như cỏ hồng em ơi!*

Với hai bài *Nha Trang Ngày Về*, *Cỏ Hồng*, có vẻ nhạc tình cảm tính của tôi đã hơi ngả qua nhạc tình dục tính rồi. Đó là dấu vết của thời đại hơn là dấu vết cuộc tình.

Người bạn tình là một người rất yêu thơ và đã viết tới 300 bài thơ để tặng tôi. Trước khi xa nhau, nếu chúng tôi gặp nhau thì thường thường là để nói chuyện về thơ hay về nhạc, và cũng vì nàng yêu thơ cho nên nếu có những bài thơ hay của thời trước hay của thời đó là tôi phổ nhạc để tặng nàng. Bài *Tóc Mai Sợi Vắn Sợi Dài* là sự phát triển của một câu ca dao Miền Nam mà nàng đọc cho tôi nghe lúc đó:

*Tóc mai sợi vắn sợi dài
 Lấy nhau chẳngặng, thương hoài ngàn năm...*

Từ đây trở đi, hoặc tôi phổ nhạc những bài thơ chết chóc của các thi sĩ Việt Nam như *Đừng Bỏ Em Một Mình* (thơ Hoài Trinh), *Chuyện Tình Buồn* (thơ Phạm Văn Bình), hoặc tôi dựa vào một câu thơ của Hàn Mặc Tử để soạn bài hát *Giết người trong mộng*:

*Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phũ phàng...*

Nhưng vì không ai ở trên đời này có thể làm được việc đó, cho nên tôi xin:

*Làm sao giữ được người trong mộng
Để được tình yêu, dẫu bề bàng...*

Cũng thuộc dòng nhạc tình chết chóc, tôi còn soạn những bài không được phổ thông lắm như *Yêu Là Chết Ở Trong Lòng*, *Nỗi Buồn Có Tên...* Và vì cũng đã có lúc hát lên những bài tình ca mùa Xuân, tình ca mùa Thu rồi, bây giờ tôi soạn tình ca mùa Hạ, trong đó, cũng giống như trong bài *Cỏ Hồng*, dục tính có nhiều hơn. Mùa Hạ là mùa hoa phượng. Vào lúc trời đất ấm áp nhưng lòng mình giá lạnh, tôi soạn *Phượng Yêu* là để kể lại cuộc tình vừa qua:

*Yêu người như lá đổ chiều đông
Nhu mây hồng chưa tím
Nhu con chim khóc trong lồng
Nhu con giông đêm hè
Tình ta nức nở canh khuya...*

Tôi muốn yêu người như dòng suối cuộn cuộn không ngưng tỏ tình với rừng sâu, như con tàu mê say gió trùng dương, như con giun ngược lên trời để yêu trăng sao vời vợi... Tôi cho rằng được yêu người rồi nếu ngày mai phải chết, tôi cũng xin vui lòng nhắm mắt! Và phải theo bước chân người như ma quái đi theo yêu tinh tình nữ² tới cuối chân trời:

Yêu người, yêu có một lần thôi

*Xin yêu, dù gian dối, xin yêu tôi, dẫu nghi ngờ
 Khi bơ vơ còn nhiều thì đâu chối bỏ tình yêu?*

Hiện tượng phòng trà và các quán cà phê của sinh viên và sự du nhập của nhạc rock vào Việt Nam khiến cho âm nhạc ở miền Nam phát triển trên cả hai phương diện sáng tác và ca diễn. Thêm vào đó là việc ấn hành bản nhạc và sản xuất băng nhạc làm cho âm nhạc được dễ dàng phổ biến tới ngang cùng ngõ hẻm, từ thành thị tới thôn quê. Rồi còn có thêm Đài Truyền Hình tiếp tay cho Đài Truyền Thanh trong việc giới thiệu sáng tác mới, ca sĩ mới. Theo Ngọc Chánh, người ấn hành nhạc bản và sản xuất băng nhạc thành công nhất Saigon, một bài hát nào mà dân chúng thích có thể được in ra không dưới 10.000 bản. Chương trình băng nhạc ngon lành có thể bán được 8.000 tapes reel-to-reel, 15.000 cassettes. Những người mua băng lớn lại dùng nó làm băng chính để sang qua tape hay cassette bán cho dân chúng, cho nên số băng nhạc tiêu thụ tăng lên gấp bội.

Đời sống của tôi trở nên phong lưu hơn trước. Hầu hết nhạc phẩm của tôi được cơ sở Shotguns in ra và thu băng. Nhưng tôi cần phải tâm sự với bạn đọc là, trong suốt hai mươi năm đứng ở đầu sóng ngọn gió của làng nhạc miền Nam, soạn ra nhiều loại ca nhưng nhạc yêu nước (!), nhạc chiến đấu (!!), nhạc xây dựng (!!!) chẳng đem lại cho tôi số tác quyền nào đáng kể. Chỉ có loại nhạc tình

hay nhạc ngoại quốc lời Việt mới giúp tôi có nhiều tiền tác giả. Có dịp ngồi soạn lại gia tài âm nhạc để tặng các con, mới thấy mình soạn quá nhiều lời Việt cho những bản nhạc ngoại quốc. Có tới hàng trăm bài! Lời Việt của nhạc Âu Mỹ mới mẻ hơn lời nhạc Việt thuần túy của tôi nhiều! Và có ảnh hưởng lớn trong dân chúng. Có lẽ nên in ra cuốn *Ngàn Lời Ca Khác* chăng?

Khởi sự từ nhạc cổ điển rất lãng mạn: *Dòng Sông Xanh* (Danube Bleu), *Sầu* (Chopin), *Chiều Tà* (Toselli), *Dạ Khúc* (Schubert) v.v... qua nhạc khiêu vũ ê chề: *Vũ Nữ Thân Gầy* (La Cumparsita), *Tango Xanh* (Tango Bleu)... tới nhạc trong phim thê thiết: *Chuyện Tình* (Love Story), *Hồi Người Tình Lara* (Dr Jivago)... Với nhạc tối tân hơn là new wave, disco... tôi cũng soạn lời Việt ngổ ngỗ (cho Thái Thảo hát) ví dụ *Leo Lên Xe Này* (Jump In My Car), *Hồi Cô Bé* (Hi Girl)... Kể cả bài ca phản ánh đời sống mệt mỏi ở Mỹ: *Thứ Hai Chán Chường* (Manic Monday), *Sau Ngày Cuối Tuần* (I've Done It)... Lời ca bài *Emmanuelle* còn rất bạo:

Cánh tay nào khát khao nồng cháy hơn là Emmanuelle?

Dục tình nào lửa đốt làn môi?

Đắm say nào bốc lên từ vú căng tròn Emmanuelle?

Vùi đầu vào làn tóc nồng thơm...

Nhạc cổ điển Tây Phương với lời Việt làm nên một phần sự nghiệp Thái Thanh. Nhạc rock với

lời Việt: *Cuộc Tình Tàn* (Je Sais), *Hè 42* (Summer '42), *Hai Khía Cạnh Cuộc Đời* (Both Sides Now), *Himalaya...* giúp cho Elvis Phương, Paolo, Vy Văn, Duy Quang, Julie... được thánh giá Việt Nam yêu hơn, vì hiểu rõ ý nghĩa bài ca. Những bài nhạc Pháp *Bang Bang*, *Chèvrefeuille Que Tu Es Loïn*, *Dans Le Soleil Et Dans Le Vent...* khi trở thành *Khi Xưa Ta Bé*, *Ôi Giàn Thiên Lý Đã Xa*, *Trong Nắng Trong Gió...* đã làm nên phần nào sự nghiệp Thanh Lan, cô bé ca sĩ rất trí thức từng có chút kỷ niệm đẹp với tôi khi cùng đi Tokyo dự thi âm nhạc quốc tế.

Tiền tác quyền để dành – phần lớn do việc soạn lời Việt cho nhạc Âu Mỹ cộng với tác quyền nhiều bản nhạc tình – và tiền bán hai căn nhà cũ cho phép vợ chồng tôi mua một miếng đất khá lớn cũng trong ngõ Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận. Tôi vay thêm tiền để xây một ngôi nhà ngói nhỏ, thuê người trồng cỏ, đào một hồ nước có núi non bộ. Tôi còn lái xe đi lấy những tảng đá ở Định Quán đem về đặt trong khu vườn có thảm cỏ xanh biếc, có bụi trúc lua thưa, có hàng chuối la đà, có cây dừa cao lớn này. Từ đó, tôi được sống cảnh thiên nhiên tôi ao ước từ lâu, sáng ra ngoài hiên nghe tiếng chim hót, tối nằm vòng nghe tiếng ếch kêu... Tại đây, sau bài *Đốt Lá Trên Sân...* với sự cộng tác của một sinh viên (quên tên) tôi soạn một bài thuộc loại mới tôi gọi là dã ca (pastorale):

Hãy hô hây hô hấy hố! Ta đi qua cầu này

*Nhịp cầu tre soi nước xoáy, ta nghe ta lạnh đây.
 Hây hỏ hây hô hấy hổ! Ta đi ra vườn ngoài
 Đạt dào dăm ba gốc chuối, cây không cao buồng dài...*

Có vườn rộng rồi, tôi nuôi hai con chó. Một con thuộc loại bull, mặt nhăn nheo rất dễ thương. Con berger tên Saba to lớn nhưng hiền lành, ít sữa và chắc cũng chẳng bao giờ cắn ai đâu! Người ta nói súc vật nuôi trong nhà thường giống tính chủ.



Rồi tôi bỏ nước ra đi. Các con tôi biến nhà vườn thành nơi nuôi lợn. Trong bức thư vào giữa năm 75, chúng cho tôi biết con Saba nhớ chủ rồi bỏ ăn mà chết. Sau khi các con tôi vượt biên, nhà tôi trở thành dinh thự của một anh Công An. Gần đây, có người về thăm Phú Nhuận, xin phép vào chụp hình căn nhà xưa rồi gửi cho tôi coi. Tôi coi hình rồi khóc!

¹ Những quán nhạc Saigon bây giờ có cháu đích tôn là Quán Nhỏ do sinh viên Việt Kiều mở ra tại UCLA (Los Angeles).

² Mùa Thu Chết, tên một bài hát của tôi, cũng soạn trong giai đoạn này.

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

*Sức mấy mà buồn niềm vui ở ta đến.
Sức mấy mà buồn phải vui để sống còn...
Sức Mấy Mà Buồn*



Một bài thơ Hồ Xuân Hương qua bút vẽ của Bùi Xuân Phái.

Trong suốt một đời, tôi chỉ muốn được nói thật nhiều về đất nước và con người Việt Nam. Khi thì nói với ngôn ngữ ngợi ca và tả thực hay hiện

thực như trong **nhạc kháng chiến**. Khi thì nói một cách trêu tượng, siêu hình với **trường ca**. **Tâm ca** thì dùng hân trực ngôn và khi thấy nói như vậy mà chưa thấy đủ thì có **tâm phần ca** đi theo...

Nhưng nếu những bài ca kháng chiến mang ngôn ngữ của cả bình dân (nhất là nông dân) lẫn trí thức thì những loại ca sau đó như **trường ca**, **tâm ca**, **tâm phần ca** nhắm vào giới có học nghĩa là thanh niên, sinh viên thị thành. Tôi lại còn nhận thấy trường ca, tâm ca đứng đắn quá, nói cách khác, nó cũng có thể là bài ca đạo đức giả hay mỉa dân, là điều tôi sợ nhất trong đời! Tôi bèn phá tung những huyền thoại đó bằng cách xuống vỉa hè.

Ngôn ngữ vỉa hè Saigon lúc đó là gì? Là **Sức mấy mà buồn, Bỏ đi Tám, Ô Kê Salem...** Cũng chẳng cứ gì anh phu xe, chị bán hàng rong, chú bé đánh giầy, người lính Cộng Hoà – **lính mà em** – mới chế ra những danh từ của thời đại. Ngay Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Tướng, Tá, nhà văn, nhà thơ... ai cũng đều nói: **sức mấy, sức voi, ô kê, chịu chơi, Tết Congo...** Do đó tôi cũng cởi áo trang nghiêm để khoác áo bình dân. Tôi soạn vỉa hè ca số 1, *Sức Mấy Mà Buồn*:

Sức mấy mà buồn! Buồn Giao Chi không lớn!

Sức mấy mà buồn! Chịu chơi cả với buồn...

... với mục đích dùng ngôn ngữ của vỉa hè thành phố Saigon để nói những gì tôi đã nói qua tâm ca. Theo tôi, tinh thần **sức mấy** là một cái gì rất Việt

Nam. Đó là phản ứng muôn đời của người mình trước định mạng. Nó là niềm tự tin, sự coi thường khó khăn. *Sức Mấy Mà Buồn*, trong thực tế nói triết lý đó lên một cách rất bình thường, không dung tục hoá hay cường điệu hóa chút nào cả! Vĩa hè ca này nói cái gì? Nó nói trong ái tình:

Tôi buồn vì nó đã bỏ tôi!

Tôi buồn vì nó đã đi rồi!

Tôi buồn nhưng nó vẫn thành thơi

Tôi buồn một lúc sẽ tức cười!

O! Sức mấy mà buồn...

Đối với những cái buồn viễn vông như:

Tôi buồn vì tích hát, chuyện phim.

Tôi buồn vì những cái hảo huyền.

Tôi buồn không có cơ là (tôi) điên.

Không buồn lại rước lấy cái phiền!

Hơ! Sức mấy mà buồn...

Còn cái buồn lớn của người Việt Nam hiện nay là gì? Là chiến tranh phải không? Cho nên:

Tôi buồn vì đâm đá mọi nơi.

Tôi buồn vì chém giết tôi bời.

Tôi buồn vì đất nước tả tôi...

Vĩa hè ca bèn mượn lời của nhà văn Vũ Trọng Phụng:

Biết rồi! Khổ lắm! Cứ nói hoài!

Cái tinh thần **sức mấy** đã có sẵn trong người Việt Nam cho nên tác giả chỉ kết luận dùm:

Không buồn thì đã có làm sao?

Không buồn là sẽ hết đau đầu!
 Không buồn đi đấu hót cùng nhau.
 Yêu đời bằng bất cứ giá nào!
 Và câu nói cuối cùng của tác giả là gì? Là:
 Sức mảy mà buồn, cười lên để tranh đấu!
 Sức mảy mà buồn vượt ra khỏi cái sâu!
 Sức mảy mà buồn niềm vui ở ta đến.
 Sức mảy mà buồn phải vui để sống còn!

Lúc tôi soạn **via hè ca** là lúc quân đội ngoại quốc
 đổ bộ ào ạt vào Việt Nam, trước sự xâm nhập của
 nền văn minh vật chất, một số người mình quá
 thực có chạy theo lối sống Âu Mỹ! Sự ham muốn
 những gì quá tầm tay của mình, chẳng hạn già như
 tôi mà còn mê gái sẽ bị gái nguyệt cho một cái “Xí!
 Già mà ham”!. Trong xã hội Việt Nam hồi đó, nếu
 ta ngăn được cái lối nghèo mà ham ở mọi địa hạt, ta
 sẽ tránh được cảnh ô kê salem rất lem nhem đó. Tôi
 soạn bài *Nghèo Mà Không Ham* với mục đích này:

Nghèo mình nghèo mà mình không ham
 Xin cô em đừng nên quá đáng
 Nghèo mình nghèo mà mình không ham
 Xin anh Hai đừng nên lảng cháng
 Chớ khoe giàu là chớ có khoe giàu
 Chớ khoe sang là chớ có khoe sang
 Nghèo mình nghèo mà mình không ham
 Xin bà con đừng nên vội mừng...

.....

Nghèo mình nghèo là nghèo cho vui

*Không lên voi mình không xuống chó
 Nghèo mình nghèo của mình không to
 Tuy không “beau” mình không xỉ quá (1)
 Sống cho đẹp là mình sống cho đẹp
 Chết cho oai là mình chết cho oai
 Nghèo mình nghèo là nghèo chơi chơi
 Chưa thực ai thực ai là nghèo...*

Bây giờ mới có dịp để nhìn kỹ vào **via hè ca**. Té ra nó là **luân lý ca!!!**

Hai bài ca vui đùa này được in ra và bán rất chạy. Nhưng lập tức có sự phê bình gay gắt đến từ nhiều phía. Tôi định soạn thêm bài **Ồ Kê Salem,Ồ Kê Nước Mắm** thì cụt hứng! Nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn chưa chịu thua...

Rồi tôi phản ứng lại bằng cách soạn những bài ngổ nghịch hơn **via hè ca**. Và phải có qui mô hơn. Đó là mười bài tục ca, bài thì tục về chữ, bài thì tục về ý, bài thì tục về chuyện. Bài đầu tiên là sự phát triển của câu ca dao mà ai cũng thích:

*Em như cục cút trôi sông
 Anh như con chó ngồi trông trên bờ...*
 Tôi cũng thích nó và bịa thêm lời mới:
*Em đừng nói vậy em khờ
 Ba em hồi đó cũng chờ như anh...*

Tôi soạn thêm một về bốn câu hát nữa để thành bài tục ca nhan đề **Hát Đối**:

Nam: *Anh như con đực chạy rông
 Còn em như con mèo cái, chống mõng em gào...*

Nữ: *Anh đừng nói chuyện tào lao
Má anh hỏi trước... cũng ôn ào như em...*

Tục ca số 2 thì lấy cảm hứng ở một câu thơ rất lãng mạn của nữ thi sĩ thời tiền chiến, T.T.KH:

*Người ấy thường hay vuốt tóc tôi
Thở dài những lúc thấy tôi vui.
Bảo rằng hoa dáng như tim vỡ
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi...*

Câu thơ buồn này dù sao cũng có thể được coi như một mối tình thom tho vì có mùi hương của những bông hoa hình con tim vỡ. Tục ca của tôi, khởi đi từ câu thơ đó thì lại mang tên là *Tình Hôi*... hát theo nhịp **american blues**:

*Người ấy thường hay đến gặp tôi
Thở dài, thở dài khi thấy... nách tôi hôi
Nói rằng: Sao nách anh hôi thế?
Mỗi lần người thấy chết đi thôi..
Mỗi lần người thấy chết đi thôi
Nhưng trót yêu anh, em ráng chịu cho rồi
Vả chẳng em vẫn thường hay nói:
Tề mình đôi lúc cũng... hôi hôi...*

Tục Ca số 3 là bài thơ của Bùi Giáng, *Gái Lợi Qua Khe*, nói tới chuyện một cô con gái bị ướt đầm thân thể sau khi lợi qua con suối rừng và phải cời quần áo ra để vắt cho khô. Thi sĩ trông thấy thế thì nhắm mắt lại, không nhìn cô gái lộ thể.

Nhưng có cái khăn thường quần trên đầu để khăn vái tổ tiên thì thi sĩ vui lòng cho cô gái mượn để



lau... lau bất cứ chỗ nào, tùy ý!
Thi sĩ nhắm mắt không nhìn
cô gái lau tay chân, lau mình
mấy nhưng tổ tiên ở dưới mồ
thì thức dậy và khuyên cô gái
cứ việc tự nhiên tùy nghi sử
dụng cái khăn vắn thường
dùng để khăn vái tổ tiên.

Tục ca số 4 là truyện tiểu
lâm *Úm Ba La! Ba Ta Cùng*

Khỏi! do bố tôi là Thọ An Phạm Duy Tồn viết và cho
in ra trong tập Truyện Tiểu Lâm An Nam xuất bản
vào hồi đầu thế kỷ. Đây là câu chuyện hai vợ chồng
nhà kia, vì thòm thèm chuyện tình mà bị khó khăn.
Vợ thì nhét củ từ vào chỗ ấy. Chồng về định tòm
tèm thì vợ khai ồm, bèn nghịch ngợm với con chó
cái, ai ngờ dính luôn, lôi chẳng ra. Rồi cả hai leo lên
giường, nói là bị bệnh. Người nhà hoảng sợ vội đi
mời ông thầy cúng tới.

Ai ngờ ông này cũng bị dính luôn:

Thầy bùa tuy ra cúng

Úm ba la! Úm ba la!

Mà lòng còn tưởng hoài.

Nậm rượu thờ, đem xuống

Úm ba la! Úm ba la!

Thầy luồn vào cửa ... thầy!

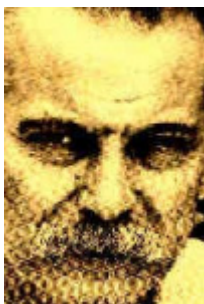
Nậm rượu mắc ngang, muốn lôi ra chẳng được,
thầy bùa như chết cứng, đứng giữa sân khu khu ồm

nằm rượu. Chị vợ trông thấy phì cười và phọt củ từ ra! Tưởng là miếng thịt, con chó cái nhảy vọt ra tìm cục mồi. Thầy bùa nghi chó cắn, hoảng sợ chạy, nằm rượu đập vào bàn, vỡ tan tành! Thế là cả ba thoát nạn. Thầy bùa bèn niệm chú: **Úm ba la! Ba ta cùng khỏi!**



Như đã nói, trong thời gian tôi đi học nhạc ở Pháp, tôi rất yêu thi sĩ kiêm nhạc sĩ và ca sĩ Georges Brassens. Anh này soạn những bài hát rất tục, rất sắc bén... nói thẳng vào xã hội nước Pháp, nhưng bao giờ cũng nói với tâm hồn của một thi nhân. Trong số những bài được gọi là **chansons grossières** của ông, tôi thích bài *Gare Au Gorille* nhất. Tôi dịch nguyên văn bài này để thành ra tục ca số 5, nhan đề **Khí Đột**:

*Đàn bà rủ nhau ra gánh xiếc xem
 Một con khí đột đứng im trong chuồng,
 Lớn to như người, chẳng chi là kém!
 Bà này bà kia mắt liếc mắt lia
 Nhìn đi nhìn lại cái nơi đen xì,
 Vốn tên tục tằn, mẹ tôi cấm nghe...*



Một hôm con khi đột thoát ra khỏi chuồng và vui mừng vì phen này sẽ được mất tăn.

Dù nữ lưu trong vùng xưa rày vẫn phục khi đột là hay hơn người nhưng bây giờ họ chạy đâu mất tung. Trừ ra một bà cụ và một ông Quan Toà...

*Khi đột nhìn quanh không thấy gái to
Bèn đi đủng đỉnh tới nơi ông Toà,
Tới nơi bà già, khi toe toét ra...*

Bà già cho rằng ta đã 60 mà con khi đột có ưa biết mùi thì cái duyên may này, thật không ngờ tới!

Ông quan Toà thì yên chí:

*Làm sao khi đột dám nghi ta là khi non trắng da?
Nào ngờ khi ta tuy có tiếng tăm
Là tay khoẻ mạnh, vốn tay dâm thân,
Khi ta khờ lắm!
Phải chọn bà kia cho đúng lẽ ra
Ngờ đâu khi đột nắm tai ông Toà
Cùng ra chiến khu...*

Câu chuyện kết thúc với hình ảnh con khi đột hiếp dâm ông Toà ở khu rừng lá. Ông Quan bù lu bù loa khóc, giống như anh tù nhân mà ông vừa kết án tử hình hôm qua...

Vào những năm đầu của thập niên 70, tại Saigon có phong trào sửa sắc đẹp. Tôi soạn bài tục ca nhan đề *Mạo Hoá* để phản ánh xã hội thời đó:

*Tôi có người yêu, cái đít to như Thẩm Thúy Hằng
Cái đít nhìn qua đã khiến cho ta phải ngỡ ngàng
Vừa to vừa lớn! Như những mặt Vua
Mặt ông Tổng Thống, cũng phải thua...*

Nhưng có ngờ đầu mông của em được bom nhựa, mỗi khi em bị cúm, tiêm thuốc vào mông em thì gầy cả kim của anh thấy chích. Luân lý của bài này là: Mông giả, vú giả, răng giả, tóc giả... cái gì của em cũng giả, thì anh phải đi Đức Quốc mua một cái giả cho hợp **marque** với em!

Tục ca số 7 *Nhìn L...* là một chuyện có thật, xảy ra hồi tôi còn bé và sống ở tại một tỉnh nhỏ ngoài Bắc Việt. Một lũ ranh con thích rủ nhau đi nhòm phụ nữ tại cầu tiêu công cộng. Ai ngờ một hôm nhòm đúng cái đố của bà mẹ một thằng trong bọn. Từ đó:

*Lũ ranh con tò mò tọc mạch
Cùng nói với nhau:
Xin chùa! Xin chùa!*

Tục ca số 8 nhan đề *Em Đ...* thì tục quá là tục, tôi không dám kể ra đây! Ngoài tính chất châm biếm xã hội, tục ca còn là bài hát chính trị nữa. Tục ca số 9 *Chửi Đồng* và tục ca số 10 *Cầm C...* phản ánh sự công phần tội độ của tôi vào giai đoạn 1968-72, trong đó có Tết Mậu Thân, mùa Hè đỏ lửa, xã hội Việt Nam bị băng hoại vì đồng tiền và chiến tranh, tham nhũng trong chính quyền và cái Hội Nghị đăm ba thành phần gì đó ở Paris mà tôi cho là *sự đổi*

chác của lũ bịp (marché de dupes). Bài *Cầm C...* còn biểu dương mạnh mẽ tinh thần độc lập, nhất định không *cầm cò* cho phe nào cả! (2)

Hai vị viết sách, viết báo về tôi là Tạ Tỵ và Georges Gauthier đều cho rằng cái vui, cái tếu không phải là chất liệu Phạm Duy, cho nên tục ca không thành công. Chưa kể có người chê tôi đi tới chỗ nhằm nhì trong nghệ thuật. Tôi cũng hiểu được vì sao có những người chống đối tục ca dù họ không biết cặn kẽ nội dung của nó. Tôi không hề tung tục ca ra quần chúng. Tôi chỉ tặng vài người bạn thân một băng cassette ghi lại buổi hát chơi ở Vũng Tàu và còn dặn dò đừng phổ biến!

Tôi soạn via hè ca và tục ca trước và sau khi đi Mỹ. Lúc đó, sự có mặt của người Mỹ tại nước ta là một điều rất trầm trọng, mọi người đều sợ bị ngoại xâm văn hoá. Người ta không thích Cộng Sản, nhưng người ta cũng không thích văn hoá Mỹ, nhất là không muốn lối sống Mỹ xâm nhập vào Việt Nam. Khi thấy tôi được mời đi Mỹ theo Chương Trình Trao Đổi Văn Hoá, nếu nói một cách nhẹ, người ta nghĩ rằng tôi có một thứ **compromis** nào đó với Mỹ rồi. Nếu nói thâm độc hơn, ai được Mỹ mời mọc, người đó phải là tay sai của Mỹ. Ở Hà Nội mà được đi Liên Xô thì phải có liên hệ chặt chẽ ra sao chứ? Bây giờ, tôi đi Mỹ về, muốn chỉ trích tôi cũng không tìm được cái gì cụ thể để tấn công. Khi biết tôi soạn tục ca (chứ không hề được nghe tôi hát

tục ca) thì người ta có cái họ cho là sở đoản để tấn công. Cũng có thể đây chỉ là hành động của những người ghen ghét về nghề nghiệp, chưa chắc đã là do nơi những người làm chính trị *chống Mỹ cứu nước*.

Sau hai mươi năm, bình tĩnh nhìn lại thời thế, phải công nhận một điều: người nào sống trong xã hội Việt Nam liên tục từ 1954 thì cho tới 1968-70 – là lúc tôi soạn những bài ca nổi giận như tâm phần ca, vĩa hè ca, tục ca – họ cũng phải nổi giận như tôi! Người dân miền Nam đã chờ đợi, chịu đựng suốt từ thời ông Diệm cho tới biến cố 11-63, rồi chịu đựng thêm một năm 64 để hi vọng có một cuộc Cách Mạng thực sự. Người ta còn cố chịu đựng để cho Mỹ vào Việt Nam giải quyết chiến tranh, giải quyết nổi loạn. Đúng là một chuỗi dài chấp nhận hi sinh trong hi vọng có một chiều hướng tiến bộ nào đó làm đẹp cho quốc gia. Đến lúc đó, 1970, sự chờ đợi đã lâu quá rồi! Hết sự thất bại này đưa tới lời hứa hẹn và khuyên nhủ chờ đợi thêm, tới sự thất bại khác với lời hứa hẹn khác. Đến lúc sự chết chóc, đổ vỡ cứ tiếp diễn, cuộc chiến cứ đi sâu và mang tính chất hoàn cầu, hoàn cảnh đất nước trở nên quá lớn lao, không rút chân ra được thì người ta càng thấy bị trói buộc. Sự thất bại, chua cay không nằm trên bình diện lý luận hay quan sát nữa. Nó đi vào tiềm thức mất rồi! Sự phản ứng bây giờ không phải là phân tích tình hình bằng **bon sens** hay bằng cách ngồi lại với nhau, giải thích với nhau. Ai cũng bị bó tay, bó chân trong cơn bối

rối. Tất cả những áp lực cùng tới mà mình phản ứng không khéo thì có hại cho bản thân. Và mọi người bèn nổi giận. Sự nổi giận lúc đó là gì? Là phải vắng tục ra chứ còn là gì nữa?

Về phương diện dân tộc học, xưa kia, trong nền văn minh dân gian, mỗi năm có một ngày lễ hèm để người ta tới đó làm chuyện gọi là bầy bọ, vắng tục, chửi thề để giải toả ẩn ức. Nền văn minh của người Việt miền Nam vào những năm cuối của thập niên 60 bắt con người phải vắng tục vào nền văn minh cơ khí, nền văn minh chiến tranh, nền văn minh tiêu thụ, nền văn minh hippy đang hiện diện ở mảnh đất này. Trong khi thế giới rêu rao rằng nền văn minh hippy là cao siêu nhất, tổng hợp được Đông Phương và Tây Phương thì bây giờ người Việt thấy những cái gọi là *Hành Trình Về Đông Phương*, *Câu Chuyện Một Dòng Sông*, những gì ngỡ là cao siêu nhất hoá ra chỉ là không tưởng.

Ngay cả Phật Giáo đang lên, tưởng rằng có thể đem lại đường lối tốt đẹp nhất để cho Miền Nam ra khỏi ngõ bí, lại dường như góp phần vào bế tắc chung. Nói gì đến sự thất vọng đối với văn minh Thiên Chúa Giáo lúc đó nữa? Nhân Vị, Duy Linh là đồ chơi của một số người. Rồi khi có một nền văn minh gọi là chống lại Duy Vật chủ nghĩa thì hoá ra nó lại là một thứ Siêu Duy Vật chủ nghĩa khác! Còn người Cộng Sản thì nói là giải phóng, nhưng rõ ràng là họ đưa Mặt Trận Giải Phóng

Miền Nam ra để lợi dụng. Người trong cuộc thì biết mình chỉ là nạn nhân, không ăn thua gì vào cái sự giải phóng đó!

Ai cũng biết là dù chúng ta có ngồi lại với nhau, nói chuyện với nhau một cách xây dựng và có thiện chí nhất, có cởi mở hoàn toàn thì cũng không đi đến đâu hết. Mọi sự đã hoàn toàn ra khỏi tầm tay của người Việt, nạn nhân của một thời đại trong đó thế giới đang ở điểm cao nhất của một cuộc chiến tranh lạnh!

Đó cũng là cao điểm tột bậc của cuộc chiến tranh lạnh vì ngay sau đó, người ta đã phải giải quyết bằng sự rút quân. Mình là cái gì mà có thể bình tĩnh để ra khỏi cái mâu thuẫn mà mình là nạn nhân ba bốn đời đó được? Chỉ có thể phản ứng bằng tiếng hát. Tiếng hát thở than hay tiếng hát chửi rủa cũng đều là tiếng hát phản kháng. Trong phạm trù ấy, âm nhạc ở miền Nam đã diễn tả rõ ràng sự nổi giận của tất cả mọi người qua nhiều bài hát

Phản kháng của tôi là sự kéo dài từ **tâm ca, tâm phẫn ca** qua **via hề ca, tục ca**. Phản kháng của anh em trong các nhóm du ca là bài hát của Nguyễn Đức Quang: *Xuong sống tôi đã oằn xuống, triệu mưu toan cứ đè lên...* Phản kháng của Phạm Thế Mỹ là *thương quá Việt Nam*, của Tôn Thất Lập là *đứng dậy hát cho đồng bào tôi*, của Miền Đức Thắng là *hát từ đồng hoang...* Và của Trịnh Công Sơn là: *Bao năm máu như sóng trôi thành nguồn, máu đã khô trên ruộng*

đồng, máu âm u trong rừng rậm, từng dòng máu che mặt trời soi quanh đời u tối... Người nói mạnh nhất là Giang Châu:

Tuổi trẻ chúng tôi

Đã bao nhiêu năm lần lượt đi lên giàn lửa thiêu

Kiếp sống lang thang như mây chiều

Vì đâu xương máu ngất núi

Trên quê hương đầy đầy hận thù...

Sao chúng tôi không có quyền lên tiếng nói

Sao chúng tôi phải gục đầu và hi sinh cho ngoại quyền

Cho chủ nghĩa, cho danh từ rỗng không?

Hai mươi năm Việt Nam – từ 1954 tới 1975 – là sự đấu tranh không ngưng nghỉ giữa người Việt hai miền. Tại miền Bắc với một nền văn nghệ chính ủy, âm nhạc hoàn toàn phải phục vụ tuyên truyền, đồ ai tìm được một bài hát tình yêu hay phản kháng. Ở miền Nam, may thay, người nghệ sĩ được nói lên đầy đủ *hai khía cạnh của cuộc đời* (tôi sức nhớ tới bài hát rất được phổ biến hồi đó là



Judy Collins.

Both Sides Now của Judy Collins, người tình một

thời của anh bạn Steve Addiss) nghĩa là nói lên được đầy đủ cái tốt cái xấu, cái thực cái giả, cái buồn cái vui... ầu cũng là một liều thuốc an ủi cuộc đời. Sau thời huy hoàng của nhạc kháng chiến, tới thời tương đối hoà bình nên có nhạc tình yêu rồi cũng phải có nhạc nổi giận trước hoàn cảnh ngả nghiêng của đất nước chứ!

¹ Đã le lối cái phong cách của tục ca rồi đó!

² Quý bạn có thể đọc toàn thể lời Tục Ca trong cuốn *Ngàn Lời Ca*.

CHƯƠNG HAI MƯƠI

Tình yêu như trái phá con tim mù loà...

Tình Sầu - Trịnh Công Sơn



Hai thế hệ ca nhân, tại tư gia Phạm Duy, Saigon 1970.

Dầu thập niên 70 là lúc Nhạc Việt, trong phạm vi ca khúc, phát triển đến tột độ. Có sự thành công của những bài hát thông thường và chỉ được coi là nhạc thương phẩm – mệnh danh là nhạc vàng – với những tình cảm dễ dãi phù hợp với **tuổi choai**

choai, với **em gái hậu phương** và **lính đa tình**, tuy không được coi trọng nhưng lại rất cần thiết cho vài tầng lớp xã hội trong thời chiến. Rồi có **phong trào du ca** và **tâm ca** với những bài hát phi thương-mại, đi kèm với **tình ca quê hương** và **trường ca**, nói lên được phần nào tâm thức của thời đại và được thanh niên sinh viên công nhận.



Hai thế hệ ca nhân đó, gặp nhau tại Paris, 20 năm sau.

Trong phạm vi giải trí, phòng trà trở thành cái mốt của mọi người: thương gia, công chức, tư chức, quân nhân, thương phế binh và cả các bà nội trợ nữa... ai ai cũng thích đi nghe nhạc và giúp cho ca sĩ chuyên nghiệp, nhạc sĩ sáng tác, nhạc công đánh đàn thăng tiến trong nghề mình. Cánh tay nối dài của phòng trà là quán cà phê có nghe nhạc, thu hút đông đảo sinh viên, học sinh. Nhạc trẻ ra đời, đem lại cho nhạc Việt một số bài hát mới, sôi nổi, đậm

sắc hơn trước. Một rừng nhân tài trẻ trung xuất hiện qua những ban nhạc bốn người (gọi là combo), sử dụng nhạc khí điện tử với âm thanh mới lạ.

Mười năm trước, ở trong nước chỉ có ba nhà sản xuất đĩa hát. Bây giờ, rất nhiều người – từ Ngọc Chánh (Shotguns) qua Duy Khánh (Trường Sơn) tới những người của các hãng khác (Nhã Ca, Hoà Mi, Sơn Ca, Sóng Nhạc)... làm nghề sản xuất băng nhạc, mỗi tháng tung ra những chương trình nhạc rất hấp dẫn, kể cả cổ nhạc lẫn tân nhạc, nhạc trẻ lẫn nhạc già (nhạc tiền chiến). Hàng trăm, hàng ngàn (hàng vạn, nếu kể cả Saigon và các tỉnh) cửa hàng sang băng, càng làm cho băng nhạc phát triển dữ dội.

Trong bối cảnh sinh động như vậy, phần chính yếu là sáng tác phẩm phải rất phong phú. Vào lúc này, ngoài những người đi trước như Vũ Thành, Cung Tiến, Phạm Đình Chương, Lâm Tuyền, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Văn Giảng, Ngọc Bích, Hoàng Thi Thơ, Trần Ngọc, Y Vân, Lê Dinh, Anh Bằng, Trúc Phương, Duy Khánh, Trần Thiện Thanh tức Nhật Trường, Lam Phương, Đỗ Lễ, Phạm Thế Mỹ... đã xuất hiện một số người mới như Thanh Trang, Trầm Tử Thiêng, Anh Việt Thu, Lê Uyên Phương, Ngô Thụy Miên, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Nguyễn Ánh 9, Lê Hựu Hà, Nguyễn Trung Cang...

Tân Nhạc đã có tới bốn đời nhạc sĩ và có hàng

trăm, hàng ngàn ca khúc được soạn ra và hát lên. Trong Hồi Ký này, tôi chỉ nhắc tới những người đánh dấu thời đại một cách sâu đậm bằng tác phẩm của mình.

Người nổi nhất là Trịnh Công Sơn. Trước tiên, người ta biết tới anh nhờ Quán Vãn. Quán do nhóm sinh viên mang tên Khai Hoá chủ trương. Nhóm này đã làm nhà xuất bản (Quảng Hoá) rồi khi phong trào phòng trà thịnh hành, nhóm mở quán cà phê ở ngay trung tâm Saigon, trên nền Khám Lớn cũ trong khu Đại Học Văn Khoa, sinh viên tới uống cà phê nghe băng nhạc và nghe Khánh Ly hát.

Bài hát của Trịnh Công Sơn được nghe tại quán Vãn lúc đầu là *Lời Buồn Thánh*. Cũng như nhạc Đặng Thế Phong, bài hát tân lãng mạn (néo-romantique) này nói về nỗi buồn. Bài *Lời Buồn Thánh* thật là buồn, như bài hát buồn làm cho người Âu Châu phải tự tử là *Chủ Nhật Buồn* tôi đã nói tới trong một chương sách. Trong bài hát của mình, họ Trịnh cũng nói tới ngày chủ nhật buồn:

Chiều chủ nhật buồn

Nằm trong căn gác đầu hiu

Ôi tiếng hát xanh xao của một buổi chiều

Trời mưa, trời mưa không dứt

Ô hay mình vẫn cô liêu...

Thoạt nghe đã thấy ngay là tiếng hát đau đớn, thấy mưa ảm đạm trong lòng (như thơ Verlaine), thấy sự cô đơn, hoang vắng. Sinh ra ở Ban Mê

Thuột, sống ở Huế, mưa âm ảnh Trịnh Công Sơn rất nhiều cho nên cũng vẫn là nỗi buồn của ngày chủ nhật mùa mưa trong bài *Tuổi Đá Buồn*:

*Trời còn làm mưa, mưa rơi mênh mang
 Từng ngón tay buồn em mang em mang
 Đi về giáo đường, ngày chủ nhật buồn...*

Nhạc Trịnh Công Sơn là nhạc nói về QUÊ HƯƠNG, TÌNH YÊU, và Thân Phận Con Người. Hãy nói về tình khúc Trịnh Công Sơn, nói về thân phận Người Tình trong giai đoạn quê hương đổ nát này...

... Từ khi Tân Nhạc Việt Nam ra đời đầu thập niên 40, đã có những tình khúc của Lê Thương, Lê Yên, Hoàng Giác, Dzoãn Mẫn... Lúc đó là thời bình, khi tình còn xanh và yêu chưa lo sợ. Ngôn ngữ tình yêu thật là bình dị, đối tượng là cô hái mơ, cô láng giềng, cô lái đò, cô hái hoa hay anh Trương Chi. Từ khi nước Việt bị chia đôi, nhạc tình miền Nam đậm sắc hơn và trong mười năm đầu, vì cuộc đời chưa thực sự bị đe dọa, người ta vẫn có những bài hát hữu tình hay thất tình, xinh xinh, hiền lành, lúc đầu còn mới mẻ, dần dà ngôn ngữ tình yêu trở thành sáo ngữ.

Tới lúc đời sống trở nên bấp bênh, thanh niên được gọi đi lính rất nhiều (chết trận cũng nhiều) biết bao nhiêu đôi lứa phải xa nhau (có khi vĩnh viễn xa nhau) tình khúc miền Nam thay đổi ngôn ngữ. Nhạc tình không còn là nhạc lãng mạn, nhạc

cảm tính với câu hát đắm đuối hay hờn dỗi nữa: Bây giờ là những bài hát nhức nhối của những tình nhân yêu nhau trong cơn mê sáng. Nhạc trở thành não nề và đánh vào não tính. Nhạc tình bây giờ là *tình ca của người mất trí*.

Tình khúc Trịnh Công Sơn ra đời, từ giàn phóng là Quán Văn được hoả tiễn Khánh Ly đưa vút vào phòng trà, rồi vào băng cassette và chỉ trong một thời gian ngắn chinh phục được tất cả người nghe. So với tình khúc của ba bốn chục năm qua, ngôn ngữ trong nhạc Trịnh Công Sơn rất mới, chất chứa những hình ảnh lạ lùng, quyến rũ như *con mua hồng, thuở hồng hoang, dấu địa đàng, cánh vạc bay...*

Tình yêu trong nhạc của anh là những cảm xúc dữ dội như trái phá con tim mù loà, như nổi chết con đau thật dài, như vết thương mở rộng... Cuộc đời là hư vô chủ nghĩa, con người sống trong cảnh Chúa, Phật bỏ loài người. Cuộc đời còn là đám đông nhưng cũng là quán không. Con người là cát bụi mệt mỏi, bao nhiêu năm làm kiếp con người, chợt một chiều tóc trắng như vôi... Tất cả nói lên sự muộn phiền, đau đớn... Buồn tủi cho thân phận con người nên nhánh cỏ cũng xót xa, phiền đá cũng ưu phiền, và chỉ còn những mưa và mưa để xoa dịu vết thương mở lớn: Hãy nghe thêm những câu hát về mưa trong *Diễm Xưa*:

Mưa vẫn hay mưa cho đời biển động

Làm sao em biết bia đá không đau?

Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng

Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau...

Diễm Xưa cho thấy rõ tiếng hát đứt đoạn của nội tâm về nỗi đau con người trong tình yêu, thấy thêm sự hoang vắng của tâm hồn. Bị ám ảnh bởi mưa đến độ còn nhìn ra màu sắc của mưa – mưa hồng – *Trịnh Công Sơn* nói lên nỗi bàng hoàng của con người khi thấy cái chết nằm ngay trong sự sống:

Người ngồi xuống xin mưa đây

Trên hai tay con đau dài

Người nằm xuống nghe tiếng ru

Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ?

Nguyễn Đình Toàn gọi nhạc *Trịnh Công Sơn* là những bản tình ca không có hạnh phúc, những bài hát cho quê hương đổ vỡ. Cũng là phản ứng của người đau đớn trước hoàn cảnh đất nước, nhưng nó là sự chịu đựng và chết lịm hơn là sự nổi sùng và chửi bới. Như tôi đã làm qua tâm phần ca hay tục ca. Có lẽ vì tác giả là người lớn lên ở Huế, một thành phố nên thơ, hiền hoà, không chấp nhận bạo động.

Tôi vẫn cho người Việt ở ba miền đất nước có những phản ứng khác nhau trước những hoàn cảnh khó khăn. Ví dụ người con gái miền Bắc thất tình thì phản ứng bằng sự điên giả – *CHÈO* có vở *Vân Đại Giả Điên* – hay điên thật rồi nguyên rủa, chửi bới cuộc đời (như ông giáo ở Phú Nhuận nói ở chương trên). Sự phản ứng của người gái Huế là

buông xuôi (fatalisme), mất người tình là nàng có thể đâm đầu xuống sông tự tử. Còn ở miền Nam à? Không oong đơ gì cả, người thất tình sẽ đốt chồng như cô Quờn.

Về phần nhạc, toàn thể ca khúc Trịnh Công Sơn không cầu kỳ, rắc rối vì nằm trong một số nhạc điệu đơn giản, rất phù hợp với tiếng thờ dài của thời đại. Bài hát chỉ cần một chiếc đàn guitare đệm theo, nếu hoà âm phối khí ruộm rà thì không hợp với những bài hát soạn theo thể **ballade** này.

Từ nhạc tình yêu, thân phận con người, Trịnh Công Sơn chuyển qua nhạc thân thoại quê hương. Âm nhạc ở miền Nam trong thời gian này thật phong phú. Vẫn có những bài hát soạn cho tuổi choai choai: *Em 16*, *Em Mới Biết Yêu Đã Biết Sầu*, *Túp Lều Lý Tường*, *Người Tình Chung Vách*, *Người Tình Chung Thủy* và cho người lính Cộng Hoà: *Lính Mà Em*, *Lính Dù Lên Đỉnh*, *Lính Nghĩ Gì*, *Lính Xa Nhà*, *Lời Người Lính Xa*, *Lính Trận Miền Xa*, *Anh Là Lính Đa Tình*, *Người Lính Chung Tình*, *Đám Cưới Nhà Binh*... Và có thêm những bài hát phản ứng trước cảnh tang thương của đất nước.

Như đã nói trong chương trước, nhạc tâm ca, du ca lúc này là sự phản nộ của thanh niên khi thấy mình bị đưa lên giàn hoả thiêu hoặc phải đi vào quê hương bằng cuộn dây thép gai rồi xuống vĩa hè và trở thành tục ca. Bây giờ, ngoài những ca khúc đi vào tình nhớ, tình xa, tình sầu... với cơn chết lịm,

với nỗi muộn phiền và niềm xót xa trong cảnh cô đơn mà ta đã biết, nhạc Trịnh Công Sơn phản đối nghịch cảnh bằng cách khác. Nhạc anh đi vào quê hương bằng bước chân của người con gái da vàng, của em bé loà lổ suốt đời lang thang...

Sống cùng thời với những người đi vào quê hương qua nẻo tâm ca và du ca, Trịnh Công Sơn cũng nhận diện lại quê hương. Đi tìm quê hương, phải sống những ngày dài trên quê hương thì phát hát bài quê hương, phải nhỏ giọt nước mắt cho quê hương khi thấy quê hương hình hài nát dấu bom với xác người chết hai lần... Phải gặp những người tình có người yêu chết trận Pleime hay chết ở chiến khu D... gặp thêm người già em bé, chị gái anh trai, người phu quét đường, đồng hoá họ là người nô lệ da vàng, ngủ im trong căn nhà nhỏ... Rồi đánh thức họ dậy, khuyên họ đập tan xiềng xích để chờ ngày quê hương sáng chói, đứng dậy hò reo, chờ Hoà Bình đến tiếng bom im, cho những bước đi trên những con đường không chông mìn, cho đường giao thông chấp nối chuyến xe qua ba miền, ngày Thống Nhất tới cho những tình thương vô bờ...

Nhạc thần thoại quê hương, nhạc tình yêu và thân phận con người của Trịnh Công Sơn có một tư tưởng chỉ đạo khá rõ, dù toàn bộ âm nhạc của anh đẹp như một bức họa trừu tượng hơn là tả thực. Cả nhạc lẫn lời, cả xác chữ lẫn hồn thơ, nghe bằng lòng, mơ hồ khó phân định cho đúng nghĩa, nhưng

nếu nghe kỹ cũng tìm ra ý chính: Trịnh Công Sơn muốn nói lên nỗi đau con người trong cuộc sống hiện đại, có tình yêu, có chiến tranh, có hận thù, có cái chết dễ dàng như chết trong mơ. Anh ca tụng tình yêu và – cũng như bất cứ nghệ sĩ nào ở trên đời này – anh chống bạo lực và chống chiến tranh.

Một, hai năm trước biến cố 30-4-1975, nhạc Trịnh Công Sơn đi vào Thiên, có lẽ cũng giống như tôi đi vào Đạo Ca, vì lũ chúng tôi, khi nhập cuộc khi xuất thế... như thể sống lửng lơ giữa thiên đường và địa ngục.

Đồng thời với nhạc đau thương, nhạc phản đối chiến tranh của Trịnh Công Sơn, nhạc do đôi uyên ương Lê Uyên và Phương tung ra là những khúc ca không mang tham vọng lớn, hoặc để cầu nguyện cho Việt Nam, hay nói lên thân phận da vàng. Những bài hát của Lê Uyên, Phương chỉ muốn xoáy vào cá nhân, nói rõ hơn nữa là vào thứ đau thương của đôi tình nhân. Những ca khúc *Nỗi Buồn Dâng Hiến*, *Buồn Đến Bao Giờ*... không còn là tình sầu của họ Trịnh mà là tình điên. Nhìn đôi uyên ương này hát với lối diễn tả rất khêu gợi thì càng thấy được chất nhục tính trong nhạc của họ. Tuổi trẻ quá đau khổ chỉ còn một cách phản ứng là vùi đầu vào ái ân. Từ trong *Vùng Lầy Của Chúng Ta*, đôi Lê Uyên, Phương đưa ra những bài hát ngây ngất như đôi người tình vừa ôm ấp nhau, hay chán chường như họ vừa buông nhau ra sau một trận ân ái. Chúng

ta cho nhau lần cuối nhưng cũng không nhìn nhau lần cuối.

Cũng trong thời kỳ cực thịnh của âm nhạc này, nhạc Từ Công Phụng xuất hiện với những bài hát được coi như sự nối dài của những ca khúc Đoàn Chuẩn trên một bình diện trí thức hơn, có nghệ thuật hơn. Tình yêu là chiếc que diêm, một lần loé lên để soi sáng mắt người tình, thấy mình là con dĩa trảng trên bãi cát, có sóng thủy triều xóa đi ngòi lâu đài tình ái, nghĩa là rất lãng mạn.

Còn là nhạc tình đậm đà và trong sáng của Ngô Thụy Miên nữa. Chấp nhận khó khăn của cuộc đời trước mặt, dù sao đi nữa, anh vẫn yêu em, nhạc của anh còn là những bài thơ có giá trị của Nguyên Sa như *Áo Lụa Hà Đông*, *Paris Có Gì Là Không Em*, dễ dàng làm cho sinh viên, thanh niên yêu thích. Cũng nói tới tuổi đã buồn, tới cơn buồn phiền, nhưng nhạc của Miên tươi hơn nhạc của Sơn. Với họ Trịnh, mưa cho em tay buồn đi về giáo đường. Với họ Ngô, mưa cho tình thấm tươi nồng nàn. Người thi nhân có nhiều hơn trong người thứ nhất nhưng người nhạc sĩ nổi bật hơn trong người thứ hai.

Thế là trong giai đoạn phát triển tốt bậc của âm nhạc ở miền Nam này, đã có khá nhiều xu hướng khác nhau, nhưng tất cả đều nằm trong hai chủ đề **Tình Yêu và Chiến Tranh/Hoà Bình**. Có nhạc phục vụ cho lính quốc gia, cho tuổi mơ

mộng nhưng cũng có dòng nhạc nhận thức thân phận làm người trong một nước đang cơn tao loạn. Tình khúc là nhạc tình tân-lãng mạn, nhạc tình cảm tính, nhạc tình não tính, nhạc tình nhục tính. Như thế đã đủ chưa?

Thưa chưa đủ ạ: Còn **nhạc tình ảo tính** của Lê Hựu Hà và Nguyễn Trung Cang nữa: Hai nhạc sĩ nòng cốt của ban nhạc trẻ Phượng Hoàng, trong thời kỳ này, đã soạn ra những ca khúc tôi cho là mới mẻ nhất. Với nhạc ngữ rất lạ, phù hợp với ban nhạc combo hơn là nhạc tiền chiến, những **Hợp Khúc** của họ hay không thua gì những bài hay nhất của nhạc rock Hoa Kỳ. Nhạc của Lê Hựu Hà và Nguyễn Trung Cang, theo tôi, phản ánh một lớp trẻ lạc loài trong xã hội đang sa đọa:

Nước mắt ấy đã lau khô rồi

Đôi môi ấy đã hoen nụ cười

Cuộc tình lỡ đã phai nhạt rồi

Người tình cũ đã xa ta rồi:

Lính Mỹ tới Việt Nam đánh giặc Vixi thì đụng luôn phải giặc ma túy. Họ mua ma túy dễ dàng thì thanh niên Việt Nam – nhất là ca nhạc sĩ – cũng dễ mua ma túy. Tệ đoan xã hội này được phản ánh qua bài *Mặt Trời Đen* trong *Hợp Khúc số 3* của hai chàng Lê Hựu Hà và Nguyễn Trung Cang, bài này quả rằng có mùi vị của cần sa hay bạch phiến:

Mặt trời đen, quá đen, đen như đời ta

Đời hằng mong thoát ly, thay khung trời xa,

*Cuộc đời như chó hoang lang thang về đêm.
Cuộc tình không mấy khi nghe câu dịu êm.*

.....

*Trong khu phố se sua, trong khu phố lao xao
Sao ta thấy hoang vu như sa mạc thôi:
Khi chân thấp chân cao
Trong khu phố lao xao, đêm lung linh đèn mầu
Trong hơi khói cay cay, trong giây phút say say
Ta quên đi ngày mai.*

Bài hát là ảo giác của người dùng chất ma túy rồi chân thấp chân cao đi trong khu phố lao xao, trong hơi khói cay cay làm cho mình say say... Bài Mặt Trời Đen chắc chắn phải là nhạc tình ảo tính.

Một người viết tình khúc khác là Vũ Thành An thì tung ra những **bài ca không tên**. Tình ca không có đầu đề, chỉ được đánh số 1, số 2, số 3, v.v. có lẽ vì tác giả không còn tin tưởng vào Tình Yêu nữa. Giống như một trường ca về tình bị cắt rời, mỗi lúc lại hát lên một đoạn nào đó, đứt quãng như những mối tình dang dở của thời chiến.

Bây giờ nhắc tới Vũ Thành, Cung Tiến và Phạm Đình Chương vào lúc nhạc Việt lên tới cao độ này.

Vào năm 72 Vũ Thành đưa ra bài *Thụy khúc* sau những ca khúc đã trở thành cổ điển *Giấc Mơ Hồi Hương*, *Gửi Áng Mây Hàng*, *Say Giấc Canh Tàn*, *Nhật Cánh Sao Rơi*... *Thụy Khúc* là bài hát tự ru mình ngủ, ngủ rồi mà vẫn còn mang mộng mị vui buồn của kiếp nhân sinh.

Sau bài *Thu Vàng* phổ biến từ 1954, Cung Tiến vẫn chủ trương soạn nhạc theo đường lối Tây Phương và vạch cho mình mục đích tối hậu là nhạc giao hưởng, hoặc là nhạc tân-cổ điển (neo-classique) hay là nhạc vô thể (atonal). Trong khi chờ đợi, anh vẫn cho chúng ta những ca khúc như *Thu Vàng*, *Hoài Cảm*, *Nguyệt Cảm*, *Đêm Hoa Đăng*, với cấu phong rất vững chắc, với tứ nhạc rất nhạy cảm, với lời ca rất trí thức, có khi là lời thơ của thi sĩ nổi danh như Xuân Diệu. Anh chịu ảnh hưởng nhạc cổ điển Tây Phương và không ngần ngại dùng nhạc đề Beethoven để mở đầu cho ca khúc của mình.

Nổi tiếng trong ban Thăng Long trong thập niên 50 với những bài như *Được Mùa*, *Tiếng Dân Chài*, *Thuở Ban Đầu*, *Đợi Chờ*, *Xóm Đêm*, *Lý Rượu Mừng*, *Đón Xuân*, vào lúc hình thức trường ca được thử thách, Phạm Đình Chương cống hiến bản *Hội Trùng Dương*, một tác phẩm rất có giá trị. Vào đầu thập niên 70 này, Phạm Đình Chương phổ nhạc nhiều bài thơ như *Đôi Mắt Người Sơn Tây* (thơ Quang Dũng), *Mộng Dưới Hoa* (thơ Đinh Hùng), *Mẫu Kỷ Niệm* (thơ Nguyễn Sa), *Mưa Saigon Mưa Hà Nội* (thơ Hoàng Anh Tuấn), *Người Đi Qua Đồi Tôi* (thơ Trần Dạ Từ), *Nửa Hồn Thương Đau*, *Đêm Mầu Hồng* (thơ Thanh Tâm Tuyền)... thành những bài hát Việt Nam có nhiều chuyển cung rất hay, để cho Thái Thanh làm cho thính giả ở mọi phòng trà luôn luôn phải nín thở để nghe. Trước ngày biến cố

tháng 4-1975, Đêm Mậu Hồng được coi là nơi rất cao quý của nhạc Việt và vì phòng trà không rộng lớn lắm nên cũng là nơi ấm cúng nhất của Saigon trong những ngày cuối cùng của thành phố này.

Hai mươi năm ở miền Nam là thời gian của khói lửa chiến tranh đem lại chết chóc, của ô nhiễm chính trị đem lại mệt mỏi, của tiền bạc và lối sống ngoại nhân đem lại sa đoạ... khiến cho cả xã hội lẫn con người có thể bị tha hoá. Tại sao vẫn còn những người hùng trong trắng, những chiến sĩ vô danh, những phụ nữ kiên trinh, những tuổi thơ ngọt ngào, những người mẹ hiền khô – như mẹ ở đất Phù Sa hay trong Ca Dao Mẹ – trong đám đông thâm lặng ở xã hội này? Tôi trộm nghĩ, nhờ biết qua phúc lợi Kinh Nhạc của Cụ Khổng, xã hội và con người miền Nam đã phần nào được điều hợp bởi hàng trăm ca nhạc sĩ. Hãy tưởng tượng một miền Nam không có nhạc tình hay chỉ có nhạc tuyên truyền như miền Bắc.

Hai mươi năm âm nhạc ở miền Nam xung tưng một cách rất hùng hồn nhiều khía cạnh cuộc đời (chứ không chỉ có both sides mà thôi) với tất cả hạnh phúc và khổ đau, sự sống và sự chết... để bình thường hoá mọi sự, hoá giải mọi khó khăn. Nói ra bi đát là hết bi đát, tôi nhắc lại một lần nữa câu nói của nhà văn Pháp Albert Camus. Tôi khẳng định: âm nhạc trong giai đoạn chịu đựng của miền Nam có khả năng trị liệu những căn bệnh tinh thần,

vì trong đó, TÌNH YÊU và CON NGƯỜI lúc nào cũng được xung tụng.

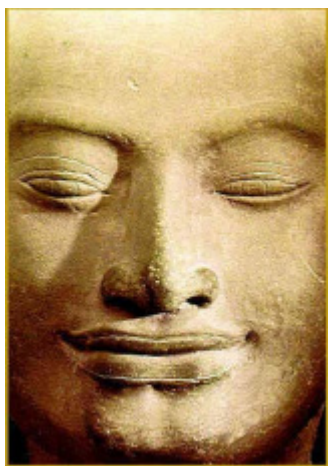
Sẽ chẳng bao giờ có một diễn đạt phong phú như thế nữa.

CHƯƠNG HAI MƯƠI MỐT

A ha! Ta tuy hai mà một

A ha! Ta tuy một mà hai...

Đạo Ca Một - Pháp Thân



Nhưng sự công phần của mọi người qua những bài ca muộn phiền hay phần nộ và đi thêm một bước nữa là vắng tục (như tôi) cũng không thể kéo dài. Thứ nhất: không thể đổ thêm dầu vào lửa. Thứ hai: tâm lý chung của người Việt Nam là họ tìm thấy sự cao quý khi chẳng may trở thành nạn nhân.

Là nạn nhân của thằng ăn cướp hay của một chế độ hà hiếp hoặc của một hoàn cảnh khó khăn thì mặc dù mình đáng thương hại, nhưng mặt khác mình thấy mình cao quý hơn cái thằng đàn áp mình.

Có thể nói đó là một thứ triết lý nhẩn nhục, nhưng thực sự khi nạn nhân chịu đựng thời gian đau khổ của mình một cách chững chạc thì họ có cái lớn lao của họ. Và chính ở trong thái độ đó mà họ đi ra khỏi phần nộ, đi ra khỏi vắng tục để đạt tới một thể quân bình mới. Nhưng khi có thể quân bình mới rồi thì lần này người ta không còn ngây thơ nữa. Không còn tin là phải ngồi lại với nhau, lấy lòng ra giải quyết vấn đề chung. Người ta biết tấm lòng cũng không đủ nữa rồi. Bây giờ phải thắng hoa sự đau khổ lên, phải đánh động tiềm thức chứ không thể đánh vào lý trí của cái lũ đang đàn áp mình. Bây giờ phải đánh vào chỗ cao cả nhất của tất cả các đối phương, nếu không đạt được mục đích cũng để cho lịch sử phán xét.

Đạo Ca ra đời vào cuối năm 1971. Lúc đó cũng không phải chỉ có tôi đi từ phần nộ, nói đùa, vắng tục để rồi tiến lên đạo ca. Còn có những người khác như Chu Tử và nhóm Con Ong trong báo chí, như Nguyễn Đức Sơn biệt hiệu Sao Trên Rừng trong thi ca, đó là chưa kể người đã thoát tục để lên được cõi tiên như Bùi Giáng.

Trước vụ Tết Mậu Thân tức cuối 1966-67, người ta thường hay dùng tiếng Mỹ (trí thức for rent) hay

nói lái (trí thức chôn lúi) để sỉ vả những người theo thời, đánh mất tinh thần kẻ sĩ. Nó đi từ giàu có tới lỗ lã hoá cuộc đời, nói theo Võ Phiến là với thái độ trắng tráo (cynique). Rồi sau cùng người ta cũng phải thăng hoa, phải vượt qua tất cả những dung tục đó. Trước hết, người ta tưởng giải pháp nằm trong quá khứ, trong lịch sử, cho nên ai cũng chạy đi tìm hiểu thời Lý, thời Trần, thời tam giáo đồng nguyên. Nhưng người ta lại thấy tinh thần tồn cổ, trở về với giá trị cũ cũng không đúng. Giải pháp có thể là đem cái mới toanh vào không? Cũng không được, vì hoặc nó là siêu-vật-chất, là quá bạo động, hoặc mình không làm chủ được tình hình.

Vậy chỉ còn có cách trở về với con người mà mình kiểm soát được tức là con người Việt Nam rất dung hoà, không có khía cạnh gì quá đáng, không chờ đợi cái gì lớn lao cả! Nghĩa là bây giờ người ta muốn khai mở nội tâm. Cũng trở về nguồn, về với cây nhà lá vườn, nhưng cũng không dựa trên một mẫu số nào nhỏ hẹp của cánh này, cánh kia. Một tổng hợp nho nhỏ của một thời đó. Cơ sở văn nghệ hoặc tập san đều chọn những tên thẩm nhuần tinh thần về nguồn: An Tiêm, Ca Dao, Giũ Thơm Quê Mẹ... Trong văn có Lý Chánh Trung với cuốn *Tìm Về Dân Tộc*, có Người Việt Đáng Yêu của Đoàn Quốc Sĩ... Trong nhạc có nhóm Tiên Rồng, nhóm Nguồn Sống và có tôi với nhạc tập *Dân Ca* và cuốn *Biên Khảo Về Dân Nhạc*.

Về nguồn, rồi khi vào Đạo Ca, tôi muốn thăng hoa mọi thứ lên. Lúc đó cũng có nhiều người muốn làm như tôi, ví dụ người thi sĩ tôi cộng tác để làm đạo ca là Phạm Thiên Thu.



Với Phạm Thiên Thu - Saigon 2000.

Anh là một nhà sư trẻ (đạo danh Tuệ Không), có một đàn trường – kiểu đàn trường Viễn Kiến của Nguyễn Đức Quỳnh – để bạn bè tới nói chuyện văn nghệ. Tất cả đều rất trẻ nhưng cung cách của họ giống như các ông cụ non. Tuy nhiên khi đàm luận với nhau, họ không có gì là lúng túng hết. Họ rất ung dung và họ cũng rất già giặn trong tâm hồn, bởi vì họ già trước tuổi. Khi phải sống dưới biết bao nhiêu đe dọa (đi lính chẳng hạn), cũng như trong hoàn cảnh kinh tế sa sút, họ chỉ còn có cách trốn vào một đàn trường, vào một cái vỏ trong đó họ có thể ung dung ngồi nói chuyện thi phú, nói chuyện tư tưởng, những chuyện nhẹ nhàng bên trong với nhau, không lý gì đến chuyện bên ngoài và không cần phải ai biết đến họ.

Sự gặp gỡ của tôi với Phạm Thiên Thư – mà thi sĩ gọi là của một ngọn núi và một đám mây – là nhờ Nguyễn Đức Quỳnh. Vào năm 1971, anh Quỳnh bị ung thư dạ dày và vào nằm trong bệnh viện cho hai Bác Sĩ Phạm Biểu Tâm và Trần Ngọc Ninh cứu chữa. Ngày tôi tới thăm anh tại bệnh viện thì gặp Phạm Thiên Thư ở đó. Và chúng tôi yêu mến nhau ngay. Sau đó chúng tôi gặp nhau gần như hằng ngày. Lúc bấy giờ tôi đang soạn những bài ca cho tình yêu và tuổi học trò như *Trả Lại Em Yêu, Con Đường Tình Ta Đi...* Đọc được bài thơ *Ngày Xưa Hoàng Thị* mà anh bạn trao cho, tôi như bắt được viên ngọc quý và xin phổ nhạc ngay:

Em tan trường về

Đường mưa nhỏ nhỏ

Anh theo Ngõ về

Gót giầy lặng lẽ đường quê...

Khi đưa thêm thơ cho tôi phổ nhạc thì tôi chọn bài *Em Lễ Chùa Đây* vì cả hai chúng tôi đều muốn quay về xung tụng những gì thuộc về văn minh Việt Nam, như ngôi chùa cổ ở miền Bắc là nơi, lúc còn nhỏ, tôi thấy đôi kẻ tình nhân thường hẹn nhau tới tự tình:

Đầu mùa Xuân cùng nhau đi lễ

Lễ chùa này vườn nắng tung bay

Và ngàn lau vàng mầu khép nép

Bãi sông bay một con bướm đẹp...

Mùa Hạ cùng em đi lễ... Rồi mùa Thu, mùa Đông

vẫn cùng em đi lễ, bốn mùa hẹn nhau vào ngôi chùa cổ, có lò hương với làn trầm nghi ngút. Nhưng vào lúc tàn Đông, em yêu chết, anh tiễn đưa em trong áo quan này:

*Vườn chùa đây vào nằm trong đất
Nép bên hoa đây những hoa vàng
Vườn đào thom chập chờn cánh bướm
Bướm quơ râu, ngơ ngác bay ngang...*

.....

*Rời từ đây vườn chùa thanh vắng
Đến thăm em ngày tháng qua mau
Một nụ mai vừa nở trong nắng
Hỡi em ơi, mây đã qua cầu...*

Từ đó, tôi luôn luôn tìm đọc thơ của Phạm Thiên Thư như tập thơ *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng* hay bài thơ *Gọi Em Là Đóa Hoa Sầu* để phổ thành những bài hát thanh cao nhất của thời đại. Đối với tôi lúc đó, hình ảnh Thiên, chùa, động hoa vàng thật là mát mẻ và rất cần thiết. Bài *Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng* được rút ra từ mấy trăm câu thơ của thi sĩ, và ta chỉ cần có hai đoạn ca là nói lên hết được cái cảnh ngày xưa, có kẻ từ quan, lên non tìm động hoa vàng. Để làm gì? Không phải chỉ để nhớ nhau mà để ăn náu vậy. Lúc đó tôi tự coi mình cũng là một *kẻ từ quan* tìm được một nơi ăn náu là cõi thơ Phạm Thiên Thư.

Gặp tu sĩ Tuệ Không kiêm thi sĩ Phạm Thiên Thư là tôi như thoát xác, vượt ra khỏi những đấng

cay, chán chường và bế tắc của tâm ca, tâm phần ca, vĩa hè ca. Tôi muốn thử đi vào ĐẠO với một tu sĩ mà cái uyên thâm về đạo giáo chắc chắn phải hơn tôi rất xa. Trước hết tôi đề nghị với anh bạn nên soạn lại kinh Phật – ví dụ *Kinh Kim Cương* – với lời tụng là thơ Việt, để tôi phổ thành bài tụng kinh, khác với lối tụng kinh theo tiếng Phạn hay tiếng Hán. Lúc còn bé, tôi cũng thuộc vài câu kinh rồi, nhưng chẳng bao giờ tôi hiểu ý nghĩa của lời kinh. Việc thi hoá Kinh Phật chưa thành nhưng qua một bài thơ ngắn, Phạm Thiên Thư giúp tôi một con đường đi vào đạo ca, nếu chưa phải là đi vào ĐẠO SỐNG.

Vào lúc cuộc sống Việt Nam trở nên quá hãi hùng, quá tầm hiểu biết và tin tưởng của tôi, cũng như mọi người, tôi không biết sự thật ở đâu thì bài thơ *Pháp Thân* giúp tôi thấy được một sự thật trong đời là thuyết nhất nguyên:

Xưa em là kiếp chim

Chết mục trên con đường nhỏ

Anh là cội băng mai

Để tang em chờ mấy thuở...

Lập tức tôi đề nghị Phạm Thiên Thư cùng tôi soạn 10 bài hát giống như 10 bước đi của Thiển đã được thể hiện qua 10 bức tranh không trâu, có trâu, dất trâu, mất trâu mà người học về Thiển đã biết. Chúng tôi đưa ra danh từ đạo ca, chữ “đạo” không có nghĩa tôn giáo mà là con đường. Con đường dẫn người nghe đi tìm sự thật. Cho tới lúc này, 1972, tôi

chưa hề sản xuất bằng nhạc. Tôi nổi hứng khởi sự nghề này với băng *Đạo Ca* do Thái Thanh hát với phần hoà âm phối khí của Hồ Đăng Tín. Trong băng có lời giới thiệu từng bài:

Đạo Ca Một *Pháp Thân* khởi đầu cuộc đi tìm chân lý. Vũ trụ được hiện bày như một toàn thể sinh hoá, một tương duyên mật thiết không còn vực bờ hữu hạn, xoá bỏ tất cả ý thức về ngã và phi-ngã, xoá bỏ mọi dấu chân đi tìm ngoại vật. Một là tất cả, tất cả là một. Tôi thích những câu:

Xưa em làm kiếp ao, ưu tư mùa cuối Hạ.

Anh làm chim bói cá, đậu soi mấy mùa trăng.

Xưa em là chữ biếc, nằm giữa lòng cuốn kinh

Anh là thiền sư buồn, ngồi tụng dưới ánh trăng...

Đạo Ca Hai *Đại Nguyên* đi từ quan điểm toàn thể trên, dẫn đến một tâm linh bao la, diệu vợi. Đó là lòng từ bi, là ý lực cứu độ muôn loài như cứu chính mình: Thương người như thể thương thân (Gia Huấn Ca).

Đạo Ca Ba *Chàng Dừng Sĩ Và Con Ngựa Vàng* hay là *Ảo Hoá*, đưa ra hình ảnh một dũng sĩ cười ngựa vàng đi tìm người yêu muôn thuở. Đi hết năm tháng, đi khắp mọi nơi, đi cho tới khi áo bào sòn rách, ngựa vàng đổi lông mà vẫn không tìm ra người yêu lý tưởng. Thế rồi một ngày kia, dũng sĩ dừng chân xuống ngựa trên cầu, ngựa vàng bỗng hoá thành người đẹp mà dũng sĩ ra công đi tìm. Thì ra, đã từ lâu, dũng sĩ ngồi lên sự thật mà không

biết! Bài hát rất dài, có tới bảy đoạn. Đoạn hay nhất là đoạn con ngựa hoá thân là người yêu muôn thuở:

Mùa Đông rồi tới, hoa bay trước đời.

Rừng mai nở mãi, trông như nét cười của ai... ai ơi!

Ngoài sông gắm gió, trên sông bắc cầu,

Cùng con ngựa quý, qua sông lúc nào

Chợt con ngựa cũ thân yêu hoá thành người yêu...

Đạo Ca Bốn mang tên *Quán Thế Âm* hay là *Hoá Thân*. Bài này biểu tượng cá nhân bước vào đại thể. Người mẹ đi tìm con với niềm đau khổ riêng của mình đã nghe thấy tiếng khổ chung của nhân loại:

Có bà mẹ đi tìm con trên đỉnh đồi lan trắng,

Có bà mẹ đi tìm con trong động hang lan vàng,

Có bà mẹ đi tìm con bên bờ sông lam tím,

Có bà mẹ đi tìm con trong thung lũng cỏ hoang...

Đạo Ca Năm *Một Cành Mai*, sự vượt thắng mối lo sợ về sự chết. Vì sinh tử chỉ là sự đắp đổi, thăng hoa trong một miền viễn là cuộc đời. Bài này còn muốn tưởng niệm nữ sinh viên Nhất Chi Mai đã tự thiêu để cầu nguyện cho hoà bình:

Cành mai đã rụng rơi, rơi rụng xuống cuộc đời.

Một cành mai rụng rồi, làn hương vẫn chẳng phai.

Người không riêng của ai, nhân loại vẫn của người

Đặt mình trong dòng đời, tử sinh cũng là vui...

Đạo Ca Sáu *Lời Ru Bú Mớm Nâng Niu* muốn nói về hiện thể tạo hoá của Mẹ khiến cho đứa con có một nền tảng tâm linh, hiền hoà giữa tạo vật, nhân sinh không còn là tù ngục giữa con người:

*Ru con bằng vòng tay ấm, cho con yêu tiếng dịu dàng.
 Ru con bằng bầu sữa nóng, cho con ơn mãi tình nồng.
 Ru con bằng bài ca ngân, cho con mến Nhạc và Thơ.
 Ru con còn nhờ mây gió, tìm con chẳng có vực bờ...*

Đạo Ca Bảy Qua Suối Mây Hồng hay là Vô Ngôn diễn tả cuộc chiến tranh thâm lặng giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, tranh nhau trái tim My Nương tượng trưng cho ý thức sáng tạo. Sơn Tinh, sự vắng lặng của ý niệm ngôn ngữ, cùng người đẹp biến vào Đại Thể, còn lưu lại trên đỉnh núi cuốn thiên thư không chữ và cây sáo thần không lỗ, thúc giục loài người vượt thoát ý niệm ngôn ngữ để thể nhập vào cõi uyên. Bài này cũng rất dài, có tới chín đoạn. Đoạn chiến tranh giữa Sơn Tinh, Thủy Tinh:

*Thề quyết không một trời
 Thủy Vương vùng kiếm thét:
 “Trả đũa hoa hồng ngời! “
 Thủy Vương vùng kiếm thét.
 Nhưng trên ngọn đỉnh núi
 Chẳng được ai trả lời
 Thủy Vương căm giận đổng
 Xua quan quân thẳng tiến!*

Đạo Ca Tám Giọt Chuông Cam Lộ là bình minh của tâm thức trong ba động của tiếng chuông chùa. Tiếng đại hồng như giọt nước làm tràn mạch suối tâm linh, với hình ảnh Thiền Sư Vạn Hạnh chống gậy trúc xuống núi, cuu mang cả mùa Đông trong lòng tay ngọc:

*Bóng đêm qua rồi! Bóng đêm qua rồi!
 Tiếng chuông vang hồi! Tiếng chuông vang hồi!
 Thấy trong nhân loại tiếng chuông vang hồi,
 Ngọt lành thơm mát, từng giọt chuông rơi.*

.....

*Gây Thiến đưa xuống thế gian cõi thường.
 Thời gian mãi mãi, tiếng chuông sáng ngời.
 Thiến Sư xuống núi, cứu nguy cho đời.
 Ngọt lành thơm mát, từng giọt chuông vang...*

Đạo Ca Chín Chắp Tay Hoa hay là Quy Y, diễn tả thái độ cung kính yêu thương vạn vật quanh ta vì tất cả đều hiện bày một bản thể mẫu nhiệm như nhau. Bài này xô đổ mọi nấc thang giá trị:

*Chắp tay lạy Người, xin cho nụ cười.
 Chắp tay lạy Trời, cho đám mưa rơi.
 Chắp tay lạy Đất, cho mầm cây tươi.
 Chắp tay lạy Nước, cho mát cõi đời.
 Chắp tay lạy Người, chắp tay lạy Trời
 Chắp tay lạy rồi, lạy mãi không thôi!*

Đạo Ca Mười, tiểu đề *Tâm Xuân*, là con đường trở về thiên nhiên, gia đình, xã hội và siêu nhiên khiến cho cá nhân được quân bình giữa cảm xúc, trí thức và hành động. Đó là nền đạo lý tổng hợp tối diệu ba nguồn tư tưởng Phật-Lão-Khổng của Việt tộc. Mùa hồi sinh của tạo vật cũng là sự bùng sống mãnh liệt của tâm tư.

*Mùa Xuân có không? Hay là cõi Tâm?
 Mùa Xuân có không? Hay là cõi Không?*

*Về nguồn về cội! Về nguồn về cội!
Để rồi vươn tới, với lòng menh mông...*

Thực hiện xong cuốn băng *Đạo Ca* vào năm 1972, tôi có hai điều buồn. Thứ nhất: là một người không giỏi về thương nghiệp, bước vào nghề sản xuất băng nhạc mà không chịu nghiên cứu thị trường, tung ra một cuốn băng cao hơn trình độ thẩm mỹ của người bình dân thì bị lỗ vốn là cái chắc. Đã tự thể nguyên là chẳng bao giờ ngu si đại dốt như thế nữa, vậy mà vào cuối đời mình, lại cả gan bỏ tiền ra thực hiện cuốn băng *10 Bài Rong Ca...*

Điều buồn thứ hai: băng *Đạo Ca* được thực hiện xong thì người bạn tâm tình của tôi là Nguyễn Đức Quỳnh không được nghe. Anh lia đời vào ngày 21 tháng 6 năm 1972 sau khi hai người bạn bác sĩ giỏi nhất Việt Nam không chữa nổi bệnh ung thư ruột của anh. Mất hai người bạn hơn tuổi mình là Nguyễn Sơn và Nguyễn Đức Quỳnh, từ nay trở đi tôi không còn có ai để mà học hỏi nữa. Chỉ cần nhắc lại một câu lo lắng của anh Quỳnh khi nghe tin Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập. Nghe anh nói:

– Không khéo thì lại chết thêm vài triệu người nữa...
là tôi học được cái nhìn xa nhìn rộng của Nguyễn Đức Quỳnh.

Qua cuộc đời của anh, tôi thấy làm kẻ sĩ trong thời đại của chúng tôi, thật là khó! Tài hoa và thông thái trên mọi lãnh vực như anh Quỳnh, đi vào môi

trường văn hoá và chính trị miền Nam với tất cả thiện chí, thấy trước được sự thất bại của Đệ Tam Quốc Tế nên muốn cùng mọi người đi vào văn hoá tổng hợp với nòng cốt là kẻ sĩ, thế mà chỉ được tiếng là phù thủy văn nghệ mà thôi... Cộng Sản coi trí thức không bằng cục phân, còn quốc gia thì chỉ biết dùng bồi bếp. Kẻ sĩ như Nguyễn Đức Quỳnh trước khi chết, dặn con cái phải treo trên xe tang một biểu ngữ: Làm người Việt Nam là một khốn khó. Làm kẻ sĩ còn là một khốn khổ hơn!

Trong đời sống tan vỡ ra trăm ngàn mảnh, hôm nay, tại xứ lạ quê người, một lần nữa, tôi khóc thêm Nguyễn Đức Quỳnh bút danh Hà Việt Phương, Đặng Tâm Thành, Ngô Đồng Thanh, Hoài Đồng Vọng... một người suốt đời thành tâm muốn đồng thanh, đồng vọng với tất cả mọi người, rồi đã khuất bóng từ hai mươi năm nay mà sự tương ứng, tương cầu chưa hề xảy ra giữa người Việt Nam ở bất cứ nơi nào, dù là người ở trong nước hay ở ngoài nước.

CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI

*Em hỏi anh bao giờ trở lại
Xin trả lời mai mốt anh về...
Kỷ Vật Cho Em*



Ra chiến trường...

Tưởng bước vào đạo ca (1971) là tôi có thể dứt điểm loạt bài ca phản kháng (protest songs) khởi sự từ tâm ca (1966), vậy mà tôi vẫn tung ra nhạc tập *Thuong Ca Chiến Trường* với những bài soạn sau Tết Mậu Thân và một số bài mới, soạn ra vì nhu cầu của nhà xuất bản, hãng sản xuất băng nhạc và phòng trà. Nói cho đúng tâm ca và tâm phần ca

chỉ được phổ biến trong giới sinh viên học sinh vì những bài ca thiên về chính trị và bị coi như quốc cấm này – cũng giống như một số bài của Trịnh Công Sơn – không được giấy phép kiểm duyệt thu thanh trong băng nhạc thương mại, ngoại trừ bài *Giọt Mưa Trên Lá*. Có người còn cho rằng nhét tâm ca vào băng nhạc là dung tục hoá bài ca tâm thức đi. Ai theo dõi âm nhạc ở miền Nam thì biết rằng với tâm phần ca, tôi vạch mặt bọn cường đạo quốc tế đạo diễn vở bi hài kịch. Tố cáo sự nhân danh chủ nghĩa để giết hại nhau. Nói lên nghịch cảnh của hai người lính và kể chuyện hai anh cán bộ thù nghịch phải chui xuống gầm giường của bà mẹ Phù Sa. Bởi vì tôi không phải là gỗ đá, trước cái chết của người lính trẻ, tôi tuyên bố Trời Phật Thánh Thần đều bất lực. Những tiếng nói về thân phận con người như vậy cũng có người khác nói lên, nhất là những thanh niên đang phục vụ trong Quân Đội. Một hôm tôi đọc được một bài thơ ngắn nhan đề *Trả Lời Một Câu Hỏi* của một người lính chiến tên Linh Phương, đăng trong góc nhỏ của một báo hằng ngày. Tôi bèn thêm lời, thêm ý để phổ nhạc thành bài *Kỷ Vật Cho Em*:

Em hỏi anh! Em hỏi anh! Bao giờ trở lại?

Xin trả lời! Xin trả lời! Mai mốt anh về...

Anh trở về, có thể bằng chiến thắng Pleime,

Hay Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giả.

Anh trở về! Anh trở về, hàng cây nghiêng ngả,

Anh trở về có khi là hòm gỗ cài hoa.

Anh trở về trên chiếc băng ca

Trên trục thẳng sơn màu tang trắng...

Tôi hát bài này trước tiên tại phòng trà Ritz của Jo Marcel với ban nhạc Dreamers rồi hầu hết các ca sĩ, từ Thái Thanh, Lệ Thu, Khánh Ly qua Thanh Lan, Nhật Trường đều thu thanh vào băng nhạc. Bài hát trở thành một hiện tượng lớn của thời đó. Ở phòng trà, khi ca sĩ hát bài đó lên, bao giờ cũng có sự náo động nơi khán thính giả. Nếu là thường dân thì phản ứng cũng vừa phải, nhưng vì hồi đó dân nhà binh ở bốn Vùng Chiến Thuật về Saigon là đi phòng trà và khi trong đám thính giả có một sĩ quan đi nghỉ phép hay một thương phế binh là có sự phản ứng ghê hồn nơi người nghe. Có thể nói bài này gây một không khí phản chiến, nhưng có một cái gì cao hơn chính trị. Nó nói đến định mạng của con người Việt Nam mà ai cũng phải chấp nhận:

Anh trở về, đây kỷ vật, viên đạn đồng đen

Em sang sông cho làm kỷ niệm

Anh trở về! Anh trở về trên đôi nạng gỗ

Anh trở về, bại tướng cụt chân

Em ngại ngừng dạo phố mùa Xuân

Bên người yêu tận nguyên chai đá...

Nếu nói về tiến trình soạn nhạc của tôi, với bài *Kỷ Vật Cho Em*, đây là lần thứ ba tôi nói tới người thương binh. Lần thứ nhất vào năm 1947, tôi xưng tụng một nhân vật điển hình của thời đại qua bài

dân ca *Nhớ Người Thương Binh*. Với tất cả tin tưởng vào kháng chiến, tôi nhắc tới một thứ anh hùng dân tộc mà cả nước phải mang ơn: Người về có nhớ thương binh? Anh hi sinh một cánh tay và vì lúc đó, ở trong nước, người dân chưa thấy mình là nạn nhân của chiến tranh nên ai cũng thương người cụt tay. Do đó mà người xa gửi đến quà xa. Người thương binh cũng thấy *đẹp lòng tôi lắm ai ơi!*

Một thập niên qua đi, tưởng rằng Hội Nghị Genève 1954 mang tới hoà bình nên tôi lại nói tới nhân vật thương binh với bài *Ngày Trở Về*. Vẫn nói rất đậm đà về anh, nhưng bây giờ anh chỉ có con trâu cày và người vợ mới cưới để cưu mang mình. Anh chống nạng cày bừa và anh có con trâu xanh hết lòng giúp đỡ. Anh lấy được vợ hiền lành để cố gắng sống đời hoà bình. Bài này đưa ra thêm một nạn nhân của chiến tranh nữa là mẹ của anh, đôi mắt đã loà vì quá đợi chờ.

Hơn một thập niên nữa lại trôi qua. Từ trận Ấp Bắc tới trận Tết Mậu Thân, chiến tranh giữa hai miền lên tới mức độ kịch liệt nhất. Tôi đọc bài thơ *Trả Lời Một Câu Hỏi* tôi hiểu được tác giả nhà binh mang tên Linh Phương đã biết hai bài hát về thương binh trước đây của tôi, nên anh ta đưa ra hình ảnh người thương binh thời nay, trong ngày trở về, có thể cũng giống chàng về nay đã cụt tay hay anh nông phu chống nạng cày bừa, hoặc có thể là hòm gỗ cài hoa hay bại tướng cụt chân...

Phổ nhạc bài thơ có chủ đề thương binh, tôi làm nốt công việc tạo ra những bộ ba (triptyque) như trước đây với *Em Bé Quê, Bà Mẹ Quê, Vợ Chồng Quê* hay với dự phóng bộ ba *Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam, Trường Ca Trường Sơn* – Trường Ca này đã được thay thế bằng *Bầy Chim Bỏ Xứ*. Tôi muốn nói ra đây một điều cần nói, là: bài *Kỷ Vật Cho Em* tích cực chứ không hẳn là bài ca phản chiến hay định mạng. Nếu ta biết rằng miền Bắc xưa quân đi trên con đường xương trắng Trường Sơn không có ngày về, vì bắt bộ đội xâm trên tay – hay nhét trong đầu, cũng thế câu **sinh Bắc tử Nam** thì tối thiểu trong bài *Kỷ Vật Cho Em*, khi em hỏi anh bao giờ trở lại, em hỏi đi hỏi lại luôn luôn anh trả lời em mai mới anh về. Anh còn tặng em viên đạn đồng đen nếu em bỏ anh sang sông, lấy chồng khác. Có nhân bản trong bài hát đấy chứ. Còn thêm một sự kiện: *Kỷ Vật Cho Em* vẫn là điều phải có trong nghiệp ca nhân của tôi. Trước đây tôi ca ngợi Vệ Quốc Quân kháng chiến nhưng tôi không quên nói đến khổ đau của người mẹ mất con ở Huyện Gio Linh. Quý vị nào luận về tôi trong giai đoạn này thì đừng quên qua bài thơ *Mẫu Tím Hoa Sim* – mà sau này tôi phổ nhạc với tên *Áo Anh Sứt Chỉ Đường Tà* – thi sĩ Hữu Loan cũng nói tới đau thương của người lính trong kháng chiến, tưởng rằng không có ngày trở về với người yêu thì, oan nghiệt thay nhưng không chết người trai chiến sĩ, mà chết người em nhỏ hậu

phương... Chứ không riêng chỉ có tôi mới nói tới cái bi trong kháng chiến!

Và bây giờ, sau khi xung tưng người chiến sĩ Cộng Hoà với bài *Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc* và loạt bài soạn cho Cục Quân Huấn trước đó, hay tổ khúc *Chiến Ca Mùa Hè* sau này chẳng hạn, thì tôi vẫn phải nói tới mặt trái của cái hùng là cái bi. Chỉ nên đặt vấn đề khi tôi bóp méo sự thật, dung tục hoá hay cường điệu hoá sáng tác mà thôi! *Kỷ Vật Cho Em* là một sự thật tôi phải nói lên. Nếu ai ngăn tôi không cho tôi nói tới mặt trái của huy chương tôi cũng sẽ có phản ứng như khi bị Việt Minh không cho nói lên sự đau khổ của nhân dân.

Ngoài nhiều bài thơ trực tiếp nói về thân phận của người thanh niên trong quân ngũ mà bài *Trả Lời Một Câu Hỏi* là một ví dụ, tôi còn được đọc những bài thơ gián tiếp mong ước hoà bình như bài *Khi Tôi Về* của một sĩ quan tâm lý chiến Kim Tuấn, và được hân hạnh phổ nhạc bài đó cho Thái Thanh hát hàng đêm ở Phòng Trà Queen Bee:

*Khi tôi về, con chim câu nằm trong tổ ấm
 Dây thép gai đã hết rào quanh đồn phòng ngự
 Và người lính đã trở về cày cấy ruộng xưa.
 Khi tôi về, con diều bay, đùa bay trong gió
 Chốn quê nhà trên thảm cỏ xanh
 Có lũ trẻ để bụng lời rồn rên cười thanh bình...*

Vâng! Khi tôi về, có con trâu rung mõ xa xôi như trong giấc mộng. Khi tôi về, mẹ già vừa tóc bạc, đôi

mắt nhìn xa xôi, mẹ tôi ngóng tương lai và quên hết ưu phiền. Con còn lại bay trên đồng ruộng xanh. Tre già bảo nhau cúi đầu trầm ngâm cùng mùi khói lam quen thuộc! Đúng như vậy! Khi tôi về, tôi đi thăm bờ sông thuở nhỏ, tôi sẽ buồn vì

chuyện ngày xưa, tôi sẽ khóc vì chuyện quê hương bao lần đau khổ, bao lần cay đắng. Quê hương tôi là ở đó, tôi lớn lên bằng lời ru, bằng tình thương, bằng hồn căm và bằng túi hờn...

Khi tôi về! Con chim ca lời ca tình ái

Lũ thiếu nhi đã hát mừng cho đời thịnh trị

Dù còn yếu cũng nhào mình vô lấy tình yêu...

Cái quan trọng nhất là tôi tìm lại được thằng tôi, sau khi tôi đã mất tôi trong cuộc chiến này:

Khi tôi về! Khi tôi về! Cuộc đời xuôi chảy

Bóng trắng xưa soi trên lối mòn,

Có rừng cây ấm vì nhiều thương nhớ,

Có người yêu cũ nằm chờ bên gối

Và khi thức dậy tôi tìm thấy tôi!

Từ trận Ấp Bắc, qua trận Tết Mậu Thân tới Mùa Hè Đỏ Lửa vào năm 1972, tôi thấy ai cũng nhìn nước Việt Nam trong khoảng mười năm qua như một thứ chiến trường tồi tệ và trong bối cảnh bi đát này, tôi cho in nhạc tập *Thương Ca Chiến Trường* khi có yêu cầu của nhà xuất bản HIện Đại.

Nhà báo kiêm thi sĩ Ngô Đình Vạn cũng có chung một ý nghĩ về quê hương như tôi cho nên đã gửi cho tôi hai bài thơ để phổ nhạc. Đó là những bài

Tình Khúc Trên Chiến Trường Tỏi Tệ, Thầm Gọi Tên Nhau Trên Chiến Trường Tỏi Tệ. Những bài này đã được Duy Quang, Thanh Lan, Anh Ngọc thu vào băng nhạc và hát trên Đài Phát Thanh. Bài *Tình Khúc Trên Chiến Trường Tỏi Tệ* xung tưng tình yêu đôi lứa:

Gửi tới em! Gửi tới em! Gửi tới em!

Một hạt mưa lẻ loi trong đêm tối, mưa bay dài.

Gửi tới em! Gửi tới em! Gửi tới em!

Một giọt mưa, hạt nước mắt hiếm hoi trong đời này!

.....

Gửi tới em! Gửi tới em! Gửi tới em!

Những gì còn sống sót trên đời như hơi ấm tuyết vùi

Ta ôm em và tan loãng trong không gian lưu đầy

.....

Em có nghe xào xạc, tiếng lá bay xào xạc,

Tiếng gió đêm buồn buồn

Lang thang trên muôn vàn đỉnh cây,

Hạnh phúc nào không tả tôi đắng cay?

Bài Thầm Gọi Tên Nhau Trên Chiến Trường Tỏi

Tệ xung tưng tình đồng đội:

Thầm gọi tên mày!

Thầm gọi tên tao!

Thầm gọi tên nó!

Những thằng tốt đên trong cuộc đời,

Những thằng lính non hay già rồi.

Gọi tên mày! Gọi tên tao! Gọi tên nó!

Gọi tên nhau, tên nhau!

*Thăm gọi tên mây!
 Thằng bạn của tao!
 Mây vừa ngã xuống
 Chiến trường núi cao nơi địa đầu
 Thung lũng sâu nơi Hạ Lào
 Gọi tên mây! Gọi tên tao! Gọi tên nó!
 Gọi tên nhau, suốt đời!*

Nhưng nếu cần phải đánh giá từng bài trong nhạc tập *Thương Ca Chiến Trường*, bài thơ *Tưởng Như Còn Người Yếu* của Lê Thị Ý do tôi phổ nhạc vào năm 71 phải là bài ca nào nùng nhất, đau thương nhất, chua xót nhất. Bài này mô tả cảnh người goá phụ đi linh xác người chồng chết trận, được gửi về từ nơi chiến địa:

*Ngày mai đi nhận xác chồng
 Say đi để thấy mình không là mình
 Ngày mai đi nhận xác anh
 Cuồng si thuở ấy, hiển linh bây giờ!
 Cao nguyên hoang lạnh ơ hồ
 Như môi goá phụ nhạt mờ vết son
 Tình ta không thể vuông tròn
 Say đi mà tưởng như còn người yêu.*

.....

*Em không nhìn được xác chàng
 Anh lên lon giữa hai hàng nến trong.
 Mùi hương cứ tưởng hơi chồng
 Ôm mờ cứ tưởng ôm vòng người yêu!
 Đang soạn thêm những thương ca chiến trường*

để cho các ca sĩ thu thanh vào băng nhạc và để hát tại các phòng trà thì xảy ra vụ mùa hè đỏ lửa năm 1972. Tôi cùng vài bạn nghệ sĩ như Duyên Anh, Nhật Trường đi ra Huế, Quảng Trị để tham quan chiến trường. Tôi tạm quên những bài hát cho chiến trường tôi tẽ để sáng tác những bài ca tích cực hơn như: *Điệp Khúc Trần Thế Vinh, Vùng Trời Mang Tên Ta, Lên Trời, Trong Bão Cát Mưa Rừng* soạn cho Không Lực Việt Nam... Tôi cũng đem một bài thơ của Phạm Văn Bình, thi sĩ trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, để làm thành bài hát nhan đề *Mười Hai Tháng Anh Đi*.

Rồi tôi phổ những bài thơ của Phạm Lê Phan, một thi sĩ làm việc tại Đài Phát Thanh Quân Đội, thành một Liên Khúc gồm 16 chiến ca nhan đề *Chiến Ca Mùa Hè... Điệp Khúc Trần Thế Vinh* đi sau bài *Huyền Sử Ca Một Người Mang Tên Quốc* nên không được đón tiếp nồng hậu cho lắm. Trong bài này, tôi nói đến người quả phụ nhiều hơn là nói đến con người hùng mà trần thế phải quang vinh:

Này mặt trời nhỏ bé phương Nam

Mặt trời từng sưởi ấm cô đơn

Cho ta bay ngang qua lửa đạn

Cho quê hương yên vui ngày loạn

Này mặt trời hãy khóc đi thôi

Vì người tình của nắng lên ngôi

Con chim xanh bao la tình người

Thành vị thần: TRẦN THẾ VINH ơi!

Đây Thần Đất giữ dùm thân tôi
 Ngăn xâm lăng dưới đất trên trời
 Đây Thần Gió giữ hồn cho tôi
 Xin dâng cho Tổ Quốc muôn đời
 Đây người tình yêu dấu không tên
 Phận đàn bà cuộc chiến trao duyên
 Quân xâm lăng gây nên sự tình
 Không ai mang khăn tang một mình
 Đây người tình hãy nín đau thương
 Vì người dù xa vắng giai nhân
 Nhưng quê hương ta thêm thần tượng:
 Một người hùng trần thế vinh quang...

Bài Mười Hai Tháng Anh Đi soạn theo thơ của
 Phạm Văn Bình thì nói tới hành trình trong 12 tháng
 của một chiến sĩ trong Thủy Quân Lục Chiến:

Tháng giêng xuôi quân ra Huế
 Cố đô hoang vu điêu tàn
 Bãi học chiều, em vắng bóng
 Tóc thề đã quấn khăn tang.
 Tháng hai về trấn ven đô
 Chong mắt hoả châu, giữ cầu.
 Gió thoảng vào hơi rượu mạnh
 Qua làn sương ánh đèn mầu...
 Tháng ba, tháng tư thì:
 Ba lô lên vai tới miền Tây Đô
 Quê hương em xanh, xanh rợp bóng dừa...
 ... Tháng năm theo vì sao biếc
 Hoa phượng nở quanh sân trường...

...Tháng sáu anh vẫn miệt mài
 Hành quân chưa về thăm em...
 ... Tháng bảy mưa ngâu, nước mùa bay mau
 Ô hay ta sao trong lòng rung sầu...
 ... Tất cả bầu trời thơ ấu
 Ai làm tháng tám cần khô...
 ... Tháng chín ta về Cửu Long
 ... Cuối năm mùa Đông đan áo
 Cuối năm trời đã lạnh rồi.
 Thiên hạ thì may áo cưới
 Ta thì hẹn tới năm sau...

Thế là tuy đôi chân của tôi đang bị trói lại
 trong thành thị, tâm hồn tôi lại được theo anh
 lính Thủy Quân Lục Chiến đi giang hồ một phen
 qua bài hát này.

Rồi khi cởi trói đôi chân, cùng với Duyên Anh,
 Nhật Trường ngồi trên xe thiết giáp M113 đi ra
 chiến tuyến, tôi có cảm hứng để đi vào một công
 trình khá lớn là *Liên khúc Chiến Ca Mùa Hè 72*, phổ
 thơ của Phạm Lê Phan với những đoạn khúc như
Qua Cầu Ái Tử, Bên Giòng Thạch Hãn, Lời Dẫn Dò,
Suối Trăng Hồn, Đêm Hội Máu, Một Tình Thiêng,
Đêm Hội Pháo, Bất Khuất, Đưa Mẹ Về Trị-Thiên Yêu
Dấu, Đưa Mẹ Về Sữa Trắng Rừng Xanh, Mặc Niệm,
Xin Tha Thứ... Bản trường thi của Phạm Lê Phan có
 nhiều đoạn rất sát máu nhưng lại có đoạn kết rất
 nhân bản:

Xin một lúc mặc niệm

Cho triệu người đã chết
 Chết trong lòng cuộc chiến
 Xin một phút bồi hồi
 Cho những người tình khôn
 Cho những đứa đại khờ
 Xin cúi đầu thật thấp
 Xin âm thầm được khóc
 Những oan hồn bè bạn
 Những oan hồn kẻ thù
 Cùng đi thăm mộ tối
 Từng làn hương mờ khói
 Xin cho phù mẫu cò
 Rồi khẩn nguyện chung một lời:
 Là người Việt Nam là xin tha thứ
 Tha thứ cho nhau tha thứ cho đời.
 Tủi hờn cùng chung, cùng chung kiêu hãnh
 Chung kiếp gian nan, chung kiếp u buồn.
 Cùng một mẹ cha, chung lời chung tiếng
 Xâu xé tan hoang hai mươi năm ròng.
 Xin thổi kèn lên, tiếng kèn u uất
 Xin đốt nén nhang, đốt nén hai hàng
 Việt Nam hãy khóc khóc cho thật nhiều!

Hai thi sĩ quân đội Phạm Lê Phan, Phạm Văn
 Bình mà tôi mang ơn vì đã cho tôi hai bài thơ hay
 để phổ nhạc, cả hai đều là thanh niên của thời đại,
 do định mệnh mà trở thành quân nhân, đi vào cuộc
 chiến với tâm hồn uớt át và tấm lòng đầy nhân bản
 như vậy... than ôi, sau ngày 30 tháng 4, 1975, được

đi cải tạo rồi hoặc thành xác chết chôn trong nấm mồ chung của ngụy quân, ngụy quyền (!), hoặc âm thầm biến vào đám đông tiện dân có nợ máu với Cách Mạng (!) Nếu còn sống, liệu các anh có còn đủ tấm lòng Việt Nam để tha thứ như đã nói trong bài hát không?

CHƯƠNG HAI MƯƠI BA

*Xin đi lại từ đầu
Chưa đi vội về sau ...
Kỷ Niệm*



Sau một thời gian ngụp lặn trong vũng lầy của tâm ca, tâm phần ca, via hè ca, tục ca, thương ca chiến trường, chiến ca mùa hè và sau khi cố bay lên để trốn tránh vào đạo ca thì vào năm 1972, tôi rơi xuống đất.

Tôi rơi vào kỷ niệm, những kỷ niệm của rất

nhiều người thuộc lứa tuổi tôi, lúc còn bé, còn ngây thơ trong trắng và được sống ở tỉnh nhỏ, có những buổi chiều *đi giữa làng quê*, đi giữa ruộng lúa rồi vì quá mê trời mây tía nên không nghe tiếng mẹ gọi về... Hoặc trong những *đêm mùa khô* ráo ngồi bên cha mẹ, mơ ước viễn du khi *nghe tiếng còi tàu xe lửa*... Tôi nhớ lại kỷ niệm và xin quay về dĩ vãng:

*Cho tôi lại nhà trường
Bao nhiêu là người thương
Không ai thù ai oán
Ai cũng bảo tôi ngoan...*

.....

*Tôi theo tà áo trắng
Cô em bạn cùng trường
Cho tôi lại một mùa
Mưa rơi buồn ngoại ô*

.....

*Tôi mơ thành triệu phú
Cứu vớt gái bơ vơ.
Tôi mơ thành thi sĩ
Đem thơ dệt mộng hò...*

Tôi xin lại Tình Yêu mà có lẽ tôi đã đánh mất. Tôi không cần khôn khéo nữa, tôi xin cho lòng tôi được non yếu để tôi có thể dễ khóc, dễ tin theo... Tôi xin lại thời thơ ấu nghĩa là tôi xin đi lại từ đầu:

*Xin đi từ thơ ấu
Đi vui và bên nhau
Trong tim thì sôi máu*

*Khoé mắt có trăng sao
 Bông hoa cài trên áo
 Trên môi một nụ cười
 Cho đi lại từ đầu
 Chưa đi vội về sau...*

Tôi xin đi từ tuổi thơ nên tôi đi vào nhi đồng ca. Trong suốt mấy chục năm qua, kể từ khi có Tân Nhạc cho tới lúc bấy giờ là năm 1972, tôi soạn đủ mọi thứ loại ca, nhưng tôi chỉ soạn có hai bài hát nhi đồng là *Em Bé Quê*, *Một Đàn Chim Nhỏ*. Bây giờ, trước hết, tôi muốn phục hồi những đồng dao cổ tôi cho là những bài trong sáng nhất của thi ca bình dân Việt Nam...

Tiếc thay, với sự xâm chiếm nước ta của thực dân Pháp và với sự áp đảo của văn hoá Âu Tây, tới đầu thế kỷ 20 này, đồng dao ở Việt Nam đã chết. Dù Trương Tửu đã viết cuốn *Kinh Thi Việt Nam*, không một câu đồng dao mới nào được hát lên. Bây giờ tôi muốn đồng dao sống dậy với âm điệu mới và nhịp điệu mới. Sau nữa, tôi còn muốn đồng dao có thêm ý mới, phù hợp với cuộc sống hôm nay. Phục hồi vốn cũ, nhưng tôi muốn đi từ đồng dao cổ (tức là bé ca của thuở xưa) đến việc soạn những bài hát mới cho trẻ em, dựa vào sự trong sáng của đồng dao. Tôi đặt tên cho loại ca này là **Bé Ca**. (1) Trước hết tôi đưa ra bài **Ông Trăng Xuống Chơi**:

*Ông trăng xuống chơi cây cau thì cau sẽ cho mo
 Ông trăng xuống chơi học trò thì học trò cho bút.*

*Ông trăng xuống chơi ông bụt thì ông bụt cho chùa
Ông trăng xuống chơi nhà Vua thì nhà Vua cho lính...*

Tôi thấy được trong bài đồng dao này một bài học về sự vật (leçon des choses) người xưa dạy cho tuổi thơ. Bài đồng dao cổ truyền cho tuổi thơ biết rằng: nếu cây cau có mo, học trò có bút, ông bụt có chùa thì nhà vua có lính, nôi chõ có vung, cành sung có nhựa, con ngựa có tầu, cần câu có lưỡi v.v... Vì Ông Trăng đẹp quá nên những sự vật đó được dâng tặng cho ông mỗi khi ông xuống chơi với chúng ta.

Luân lý của bé ca *Ông Trăng Xuống Chơi* này là: ông Trăng không sống ở dưới trần gian này, ông ở trên Trời, từ phía Đông ông xuống chơi với chúng ta trong một đêm, rồi ông từ già để đi khuất về phía Tây. Ông Trăng đẹp quá nên đã quyến rũ luôn cả những tình nhân nữa, khiến cho gái đẹp cũng sẵn sàng cho chồng, đàn ông cũng sẵn sàng cho vợ. Nhưng ông Trăng cũng không nhận luôn cả cái chuyện cho vợ, cho chồng này... Ông Trăng bèn:

Trả chồng (cho) cô gái

Trả trái (cho) cây cà

Trả hoa (cho) cây bưởi...

Ông trăng trả lại hết, trả lưỡi cho cần câu, trả tầu cho con ngựa, trả nhựa cho cây sung.... cuối cùng là trả lính cho nhà Vua, trả chùa cho ông bụt, trả bút cho học trò, trả mo cho cây cau, ông trăng đi mất.

Tới bài *Chú Bé Bắt Được Con Công*. Đây là một bài học về các con người quen thuộc trong gia đình:

*Chú bé bắt được con công
 Dem về biếu ông, ông cho con gà
 Dem về biếu bà, bà cho quả thị
 Dem về biếu chị, chị cho quả chanh
 Dem về biếu anh, anh cho con chim tu hú
 Dem về biếu chú, biếu chú, chú cho buồng cau*

Chú bé trong bài đồng dao này, rõ ràng nó có ông bà, có anh chị, có chú thím để làm một công việc đổi chác. Trong gia đình nó, ai cũng thích con công nó vừa bắt được nên đã đem con gà, con chim tu hú, quả thị hay buồng cau đổi lấy con công. Chú bé đồng ý, cho tới khi vì chuyện đổi chác mà gây ra vụ đổ máu giữa chú và cô thì nó nghe lời của mợ nó, đòi lại con công, không đổi chác nữa:

*Ai ngờ đánh nhau, cô chú đánh nhau vô đầu
 Ôi thằng bé nào, bé nào mà không hoảng sợ?
 Thế rồi nghe mợ, nghe mợ trả lại buồng cau
 Xin hoà với nhau, Cô ơi! Cô ơi! Cô Chú!
 Buồng cau trả chú
 Tu hú hú trả anh
 Quả chanh trả chị...*

Với bài *Thằng Bờm*, lần này tôi muốn đổi tên nó là *Thằng Bọm* (dấu nặng):

*Thằng Bọm, thằng Bọm có cái quạt mo
 Phú ông, phú ông muốn đổi (ý)
 Ba bò chín trâu, Bọm chỉ lắc đầu
 Thằng Bọm, thằng Bọm nó chỉ lắc đầu
 Phú Ông muốn đổi (ý)*

Ao sâu cá mè, thế mà Bọm chỉ nín khe...

Theo tôi, Thằng Bọm thời nay không đại như Thằng Bòm thời xưa, đã chỉ đổi cái quạt mo lấy một nắm xôi nhỏ của Phú Ông, trong khi Phú Ông sẵn sàng cho nó đổi lấy năm con bò, chín con trâu, một xâu cá mè, một...

Qua kết luận của câu đồng dao cổ, hình như ai cũng khen là Thằng Bòm thực tế, chỉ cần có nắm xôi ăn cho no bụng không cần sự giàu sang của Phú Ông.

Tôi thì cho rằng Phú Ông bóc lột Thằng Bòm dẫu huyền. Lần này gặp Thằng Bọm dẫu nặng, nó ôm tất cả mọi thứ của Phú Ông và cùng với chiếc quạt mo của nó, chạy luôn một mạch khiến cho Phú Ông đứng đó kêu Trời:

Một tay thì giữ quạt mo

Một tay nắm cổ ba bò chín trâu

Bọm chạy cho mau là Bọm chạy cho mau

Cùng xâu cá mè

Cùng bè gỗ lim

Cùng chim đôi mỏ

Cùng với nắm xôi

Bọm chạy đi thôi

Là Bọm chạy đi thôi

Mặc cho Phú ông kêu trời...

Ba bài bé ca đó xoay quanh vấn đề cho nhau và trao đổi với nhau. Cái gì tốt và hợp lý thì nhận. Cái gì không hợp lý và đem lại sự đánh nhau thì thôi,

không trao đổi nữa. Và cũng chẳng nên đánh lừa người thấp cổ bé miệng bằng sự dối chác.

Bé ca sẽ đi tới những bài hát, tuy không khỏi sự tù đồng dao nhưng nó vẫn nằm trong thế giới trẻ em như bài *Bé Bắt Dế*. Ở đây, nó là một bài hát ám chỉ về thời cuộc nước ta trong cảnh chiến tranh, dựa vào việc trẻ con Việt Nam thường hay đào lỗ bắt dế rồi đem về chơi trò chọi dế. Con dế nói: tôi là ca sĩ chứ không phải là võ sĩ. Xin để cho tôi hát, đừng bắt tôi phải đánh nhau:

*A! Đây bé! Con dế nó ở miền quê
Chinh chiến lan về, nó phải tản cư
Nó sống trên hè, quanh quẩn ngoài ô
Làm thân sống nương, ở nhờ*

.....

*A! Đây bé! Con dế nó ở nhà em
Nên nó cũng thèm coi truyền hình đêm
Nó thấy phi thuyền lên tận mặt trăng
Mà không thấy đâu Chị Hằng?*

A! Đây bé! Con dế cúi đầu phục lãn

Nó hát khen rằng:

Con người giỏi giang

Nhưng vẫn chê rằng:

Thiếu hẳn Tình Thương

Lòng vẫn chứa đầy bạo cường...

Thế rồi, tới lúc dế không còn ở lại với bé được nữa, vì dế phải đi tới quê mẹ để nối lại tình cha và ca hát câu giải hoà. Dế đi nhưng vẫn hứa hẹn ngày về:

A! Này bé! Con để đến mùa phải đi

A! Này bé! Rồi sẽ có ngày trở về...

Bé Ca thời nay tả thực hơn là mang những ẩn ngữ của đồng dao cổ. Nó muốn kết chặt thân tình anh em, như trong bài **Đưa Bé Đến Trường**:

Đưa bé đến trường bằng xe đạp

Khi bước ra đường bình minh đã lên

Ba má đã khuyên mình nên đi sớm

Em hãy leo lên để anh đi liền...

Sáng đưa bé đến trường, chiều đón bé ra trường:

Đón bé ra trường, chiều mưa xám xịt

Đi giữa hai hàng đèn đêm đứng im

Em bé co ro ngồi ôm tay lái

Anh cũng so vai cùng lưng tiến lên

Xe đi loanh quanh, mưa xuống nhanh nhanh

Chân anh, chân em tràn ngập nước văng

Anh em ca lên cho đỡ run lạnh

Ca lên, ca lên câu hát anh em

Ta thương yêu nhau, đời là cõi tiên

Nay mai xa nhau, kỷ niệm chẳng quên...

Luân lý của bài **Đưa Bé Đến Trường** nằm trong câu hát chót:

Mai một em thành người trong xã hội

Chức lớn sang giàu, nổi danh khắp nơi

Em có đi chơi bằng xe hơi mới

Xin chớ cán xe đạp của anh, bé ơi!

Xin chớ cán xe đạp của anh, bé ơi!

Bé ca Đốt Lá Trên Sân sau đây cũng nằm trong không khí nổi lên hồ sâu thế hệ:

*Nếu bé yêu anh, anh mời đến ở
Dưới mái thô sơ, nơi vườn xanh cỏ
Ngày thì chia nhau sách đọc, mới cũ
Để chiều còn ra tưới vườn, quét lá...*

Quét lá rồi vun lá giữa sân, nhóm lửa đốt:

*Khói, khói lên nhỏ nhoi
Khói lên nhẹ hơi, khói lên lả loi
Khói, khói lên đầy vơi
Khói lên tả tơi, khói lên mù khơi
Khói, khói lên đẹp ngời...*

Khói trắng khơi lên kỷ niệm êm nhẹ của những ngày anh cũng nhỏ như bé, còn mẹ cha và cũng có những chiều đốt lá... Khói nhắc anh những ngày vui khoẻ, là chàng trai trẻ anh đi theo nhạc hành quân xa, trên nẻo đường ta... Khói làm cay mắt, em ạ! Nước mắt tuôn ra vì khói hay vì nhớ ngày xa xưa?

*Đốt lá trên sân, khói mờ cay toả
Nước mắt rung rung, anh nhiều mắc cở
Ngọn lửa làm anh mắt mờ thương nhớ
Chỉ làm cho em má hồng đẹp thêm...*

Bé Ca được phát triển mạnh trên hình thức ngay sau mấy bài hát giản đơn. Bài Bé, Cây Đàn, Ngôi Nhà Xanh, Đôi Cỏ phong phú hơn, nó là một câu chuyện nên được chia ra nhiều đoạn: Trên ngọn đồi cao có ngôi nhà xanh và có một em bé đang đứng ôm một cây đàn. Tôi leo ngang qua đồi và đi qua nhà. Bé bắt tôi

đánh đàn cho bé nghe. Đánh đàn xong, trả lại đàn, bước xuống đôi nhìn lên, tôi bỗng thấy bé rất lẻ loi...

Bài *Trong Tiếng Đàn Của Anh, Trong Tiếng Cười Của Em* là sự bổ sung cho bài *Bé, Cây Đàn, Ngôi Nhà Xanh, Đôi Cỏ*. Kể từ khi tôi hay nói tới tiếng đàn trong những bài hát đầu đời, bây giờ – nghĩa là mấy chục năm sau – tôi mới lại có dịp nói tới tiếng đàn:

EM: *Trong tiếng đàn của anh, em thấy một niềm đau
Em thấy nỗi buồn theo tang tóc nơi quê nghèo
Trong tiếng đàn của anh, em thấy mối âu sầu
Rơi rớt theo giọt châu thương nữ, chốn giang đầu
Qua tiếng đàn của anh, em thấy nhạc Ly Tao...*

ANH: *Trong tiếng cười của em, anh thấy một màu xanh*

*Anh thấy khung trời thanh, anh thấy bao tia lành
Trong tiếng cười của em, anh thấy bao ân tình
Cho tái sinh niềm tin nơi ngón tay bập bênh...*

EM: *Ôi tiếng đàn của anh, xin vẫn chẳng hề quên
Những oái ăm về trên non nước ta ngoan hiền
Ôi tiếng đàn của anh, xin vẫn chứa ưu phiền
Nhưng cũng xin được vui, vui bớt chút oan nghiệt*

ANH: *Ôi tiếng cười của em, xin vẫn cứ cười vang lên
Ôi tiếng cười của em, xin vẫn mãi mãi êm đềm
Ôi tiếng cười của em trong những tiếng anh đàn
Ôi tiếng đàn của anh trong tiếng cười của em*

HÁT CHUNG: *Ôi tiếng lòng của ta, của đôi ta...*

Từ 1973 qua 1975, trong phạm vi bé ca, tôi đi từ đồng dao cổ phục hồi tới những bài nổi liền hai thế

hệ. Tôi cũng muốn đưa bé ca lên hình thức nhạc kể chuyện, nhạc thần tiên nên đã soạn những bài có nhiều đoạn khúc. Trong đầu năm 75, tôi còn soạn được hai bài bé ca nữa: *Con Ốc Sên Và Hòn Đá Cuội* và *Một Con Chim Nhỏ Trên Cành Yêu Thương*. Bài sau đã thành ra “lớn ca” mất rồi:

*Một con chim nhỏ trên cành yêu thương
Cất tiếng ca đêm Việt Nam vô thường
Nhựa Hoà Bình loang nhành khô héo xuống
Mưa Hoà Bình gột tóc Mẹ sau gương
Vòm tre lơ lửng theo ngọn thủy dương
Nắng đã soi trên Việt Nam mơ màng
Đồng cỏ xanh lơ đợi chờ cơn gió
Hoa nở đầy miên, bia mộ đường quên
Một con chim nhỏ trên trời cây non
Cất tiếng yêu thương Việt Nam vô vàn
Thảm cỏ mềm cho giọt sương lay lắt
Sông nằm dài, chờ kết bạn trăm năm...*

Bây giờ nói về nữ ca. Nữ ca được soạn khi tôi bị lôi cuốn bởi những tờ báo dành riêng cho tuổi ô mai. Nhưng lý do chính là để cho con gái yêu Thái Hiền hát (2). Nhờ các con tôi đi theo phong trào nhạc trẻ, tự thành lập một ban nhạc combo lấy tên The Dreamers, lúc đó tôi cố gắng cười cở vô **sì tin** nhạc trẻ, nghĩa là làm sao để sáng tác của mình không trở thành nhạc lai căng. Những bài như *Tuổi Mộng Mơ*, *Tuổi Ngọc*, *Tuổi Hồng*, *Tuổi Thần Tiên*, *Tuổi Xuân*, *Tuổi Bâng Khuâng*, *Tuổi Vu Vơ* hay *Tuổi*

Ngu Ngơ, Tuổi Sợ Ma... xung tưng tuổi tuyệt vời của các em và xin các em giữ chặt lấy nó, đừng... hít xì ke nghe.



Duy Quang (bên trái) trước khi có ban The Dreamers.

Tôi mở đầu loạt bài nữ ca với bài ***Tuổi Mộng Mơ***. Đây là một bài hát đối đáp:

Em ước mơ mơ gì, tuổi mười hai, mười ba?

Em ước mơ em là, em được là tiên nữ

Ban phép tiên cho hoa nói được cả tiếng người

Ban phép tiên cho người chấp cánh bay giữa trời...

Bài hát tiếp tục: Em ước mơ em được là thi sĩ hay hoa hậu, hoa khôi... Nhưng khi em đã vào tuổi mười lăm, mười sáu, nếu hỏi em ước mơ gì, em trả lời:

em chỉ muốn được là cô gái yêu nước Việt, bước chân theo giống nòi.

Bài nữ ca số 2 ra đời để hưởng ứng công việc của tờ báo của Duyên Anh, mang tên *Tuổi Ngọc*. Đây là lời nùng nịu của cô bé xin được mặc chiếc áo dài

của dân tộc, rồi xin một mớ tóc dài chứ không phải tóc quăn. Cuối cùng:

*Xin cho em còn một xe đạp
Xe xinh xinh, để em đi học
Tùng vòng, tùng vòng xe
Là vòng đời nhỏ bé
Đạp bằng bàn chân gót đỏ hoe
Cho em leo từng con dốc dài
Cho em xuôi về con dốc này
Rồi một ngày mai đây
Tùng kỷ niệm êm ái
Chở về đây trên chiếc xe này...*



Con gái yêu Thái Hiền.

Bài *Tuổi Hồng* là bài nhiều tính chất của nhạc folk-rock nhất. Bài này có cơ hội được một bạn đồng nghiệp Hoa Kỳ là James Durst soạn lời ca Anh Ngữ nhan đề *The Rosey Years* và được thu vào băng nhạc và đĩa hát Hoa Kỳ (cũng như bài *Bé Bất Để* với tên *Little Child! Catch A Cricket*):

*Hôm nay em đi trời không có nắng
Nhưng sao đôi má em lại bùng bùng
Nơi em đi qua lửa không bốc cháy
Nhưng sao đôi má em như người say
Em không hung hăng giận, hay tức tối
Em không biết uống ly rượu người mời
Đôi khi em đi hạt mưa giăng lối
Nhưng sao môi mắt em như mặt trời..*

Bài hát tiếp tục xung tưng cô gái Việt Nam:

*Hoa chưa ra hoa nụ hoa chưa hé
Nhưng em thơm mát hương mạ chiều hè*

.....

*Mây xanh mây xanh nhiều khi mây đứng
Nhưng em phơi phơi bay vào trời quang*

.....

*Chưa ai cho em một câu ân ái
Chưa ai đưa lối hoa mộng đường dài
Em chưa nghe thiên tình ca êm ái
Nhưng em đã bước chân vào huyền thoại*

.....

*Tuổi Hồng ơi ý ơi! Tuổi Hồng ơi ý ơi!
Tuổi Hồng ơi ý ơi! Tuổi Hồng ơi ý ơi!*

Ba bài nữ ca đầu soạn theo nhịp rock, nhưng giai điệu vẫn nằm trong ngũ cung Việt Nam. Bài **Tuổi Mộng Mơ** chẳng hạn là nét nhạc bài **Lưu Thủy**... Nữ ca **Tuổi Thần Tiên** sau đây có một nhạc ngũ và cấu phong khác ba bài trước. Nó xung tụng cô bé với tình yêu gia đình, yêu nhà trường, yêu quê hương:

Tuổi thần tiên nép trong tay mẹ hiền

....

Tuổi thần tiên lắng nghe cha ngọt ngào

....

Tuổi thần tiên có thêm anh chị yêu

Có thêm ông bà tóc trắng da nheo

.....

Tuổi là cây bút thon thon ngọc ngà

Tuổi là sách thơm, trong như ngoài bìa

Tuổi là tay viết xanh xanh hàng chữ

Ép trong đôi tờ, cánh bướm đã khô

.....

Tuổi thần tiên có quê hương hoà bình

.....

Tuổi thần tiên có con sông thật dài

.....

Tuổi thần tiên có quê hương đổi mới

Nước non thanh bình cho bé yên vui

Mùa Xuân đến, lên chùa phát tâm nguyện

Nơi Phật đường, tuổi thêm thần tiên

Mùa Đông đến với đêm Chúa êm đềm

Giáng Sinh về, đẹp tuổi thần tiên.

Nữ Ca Tuổi Sợ Ma rất vui. Cô bé Việt Nam trong thời đại đảo điên này, gặp nhiều ma lắm. Nào là *ma lem, ma bùn, ma men, ma cò bạc, ma túy, ma cà rồng, ma cô, ma giáo, kể cả mafia, ma đầu cơ, ma tích trữ...* Em gặp ma, nhưng em...

... quyết đánh cho ma tan tành

Ma vô hình, nhưng chúng mình phải giơ tay đánh...

Thế rồi hôm qua em đang trong giấc ngủ bình an thì có ma đánh thức em dậy. Nhưng ma này lại là ma dịu dàng gọi là **maman**. Maman nói với bé:

Hỡi bé! Hãy nên ngoan! Hãy nên ngoan!

Đừng cho Mẹ mắng! Phải ngoan!

Maman! Maman! Maman!

Mẹ yêu, mẹ mến, mẹ thương!

Bài Tuổi Xuân sau đây mô tả cô bé quá yêu đời, yêu người và chỉ sợ con tim nhỏ bé của mình sẽ bị vỡ toang vì tình yêu:

Bổng dung yêu đời! Bổng dung yêu đời!

Tình yêu thứ nhất quê hương đẹp người

Rồi yêu kế tiếp năm châu mọi nơi

.....

Yêu biết bao cuộc sống!

Yêu biết bao cuộc đời!

Yêu từ ngày hôm nay

Yêu sẽ yêu còn dài

.....

Bổng dung yêu người! Bổng dung yêu người!

*Ở trong thương xá hay trên vỉa hè
Hoặc ngồi xe lam lắc rung rinh đường quê*

.....

*Em mến yêu trẻ thơ
Em kính yêu ông già
Yêu Thầy và yêu Cô
Yêu giấc mơ học trò...
Bổng dung vui nhiều! Bổng dung vui nhiều!
Niềm vui thứ nhất, ba nuông mẹ chiều
Và vui thêm nữa anh yêu, chị yêu!
Bổng dung vui nhiều! Bổng dung vui nhiều!
Niềm vui kế tiếp không chê giàu nghèo
Và vui chót hết, em luôn được yêu*

.....

*Bổng dung mơ màng! Bổng dung mơ màng!
Một con tim bé bao nhiêu là tình
Chỉ lo nó vỡ con tim đẹp xinh*

.....

*Nhưng em không sợ tim mình vỡ toang!
Nhưng em không ngại tim mình vỡ toang!
Em ca em hát, em vui rộn ràng
Là la la là la la là là - Là la la là la la là la...*

Càng đi vào nữ ca, tôi càng tìm ra những nữ
tính như **vu vợ, ngu ngơ, ngu ngơ** trong bài hát
Tuổi Vu Vợ:

*Tuổi nào hay tui thân
Và hay khóc với hay dối hờn?
Tuổi nào hay ngạnh ương*

Tuổi hay bĩu môi và nguyệt lờm?
 Có khi vùng vàng lui tới!
 Có khi ngổ thờ không nói!
 Có khi nằm dài co ro bụng đói
 Có khi cười đùa thân thiết
 Có khi thiệt râu muốn chết!
 Sống trong nhiệt cuồng, yêu ghét liên miên!

.....

Tuổi nào mở lòng ra,
 Thả theo gió bay đi bốn mùa
 Tuổi còn thêu dệt hoa
 Và bốn chữ “ái tình tôn thờ”

.....

Tình gần bỗng vội xa,
 Rồi khép nép xung tội hững hờ
 Có khi ngổ nhà vui quá!
 Có khi sầu về trên phố!
 Viết hay đọc hoài không hết phong thư.

.....

Tuổi là của tình thương,
 Từ con rắn đến voi, đến hùm.
 Kể luôn tới loài dun,
 Dù nó dữ hay là nó hiền .
 Có thiên thần, thì cũng có
 Lũ ác quỷ ở bên đó
 Thế nên tuổi dành ngu ngơ ở giữa
 Tuổi là của vị tha,
 Tuổi thương sót biết cho mấy vừa

*Tuổi một ngày một xa,
 Thì hãy giữ cho tuổi không nhòa
 Giữa nơi lọc lừa gian trá, vẫn mang một niềm tha thứ
 Sống trong rừng già, nhún bước nai tơ...*

Trong bài *Tuổi Bàng Khuâng*, cô bé Việt Nam tự hỏi mình sao không phải là hoa, là lá, là cỏ, là cây, là mây, là gió, là trăng, là suối, là biển, là bướm, là chim? Nó được soạn trong lúc có danh từ hoà hợp hoà giải cho nên nó cũng đưa ra hình ảnh một khu rừng, trong đó cây chen vai hoà hợp quanh năm cho nên khu rừng mới cao được. Đại ý nó muốn nói: ta phải đoàn kết thì nước ta mới lớn được:

*Sao em sao em không là hoa lá?
 Sao em sao em không là cỏ cây?
 Sao em sao em không là cơn gió?
 Sao không như mây trên đồi cỏ xa?*

.....

*Sao em sao em không là suối nhỏ?
 Sao em sao em không là sóng cả?
 Sao em sao em không là cánh bướm?
 Sao em sao em không là chân chim?
 Sao em không như một thời gian bầu?
 Không lâu, không lâu giải hoà niềm đau*

.....

*Sao em sao em vẫn còn mơ mãi?
 Sao em sao em vẫn còn chơi vui?
 Tay em phân vân se làn tóc rối
 Trong đêm bàng khuâng nhớ mình, nhớ người.*

Tôi đây cô bé đã tới tuổi 17, 18 rồi! Đã biết buồn rồi! Tôi soạn chung với Ngọc Chánh bài *Tuổi Biết Buồn* để đi dự thi Âm Nhạc Quốc Tế ở Tokyo trong năm 1974. Bài này do Thanh Lan hát và được vào chung kết:

*Buồn đã tới rồi, một chiều tím trên sông
 Làm cho úa vàng từng mộng ước tươi hồng
 Ôi những chú nai tơ, Công Chúa rừng già
 Nơi hoang đường xa, cửa đã khép ngăn em về...
 Nhớ bé xưa, cùng chơi đuổi nhau dưới bóng hàng cây
 Nấu nướng hay nhảy dây, vòng chơi cuốn theo tuổi say
 Nụ hoa dất trên đầu, tặng nhau đứng bên cầu
 Ai ngờ dòng đời đang cuốn mau
 Buồn đã tới rồi, một buổi tối không trăng
 Tình len lén vào cửa mở lớn tim nàng
 Ôi những phút say sưa, những phút dịu dàng
 Yêu người mà sao lòng còn mãi băn khoăn?
 Buồn đã tới rồi, cả một trắng đêm khơi
 Tình đã hoen màu vàng cả tóc mây ngời
 Ôi những mối dây tơ đã rối mù rồi
 Oan tình đầy vơi, mở rộng lưới giam bao người
 Nhớ lúc vai kề vai dìu nhau đi giữa hàng dương
 Thấy bóng soi hồ trong, ngừng chân dưới gốc đôi thông
 Nụ hôn lúc ban đầu, thần tiên dẫn ta vào
 Ai ngờ cuộc tình tan vỡ mau
 Buồn đã biết rồi từ thuở biết thương yêu
 Tình sẽ lớn dần và buồn sẽ thêm nhiều
 Mang những vết thương đi trong cõi tình dài*

Ôi tuổi buồn ơi! Tuổi còn mãi theo ta hoài...

Vào năm 1961, tôi có soạn bài *Ngày Em Hai Mươi Tuổi* cho một người bạn gái. Tôi dùng bài này là bài kết của loạt *Mười Bài Nữ Ca*, vì nữ ca khởi sự từ tuổi 13, nay ngưng lại ở tuổi 20 là vừa!

Ngày em hai mươi tuổi

Tay cắt mái tóc thể

Giã từ niềm vui nhé

Buồn ơi! Hãy chào mi

.....

Ngày em hai mươi tuổi

Tay náu chân cuộc đời

Cho ngừng lời giảng giải

Thời gian cũng đứng trôi

Ngày em hai mươi tuổi

Mới chớm biết yêu người

Đã buồn vì duyên mới

Rồi đây sẽ nhạt phai...

Hình như khi nào tôi đi vào một đề tài nào đó thì khi đi qua những đề tài khác, tôi cứ bị đề tài cũ ám ảnh hoài. Do đó mà có cái vụ soạn ra một bài, rồi mười năm sau, được dùng để làm bài chót cho một thứ **chương khúc** gồm những bài mới cùng chung đề tài với bài cũ.

Với 10 bài bé ca và 10 bài nữ ca, tôi đang tung ra những bài ca tươi thắm, khác hẳn với cảnh khốc liệt và trần trụi của tâm ca, tục ca. Vì tôi mắc cái bệnh thích làm bộ ba, tôi bèn soạn thêm 10 bài

binh ca để cho vào một nhạc tập được ấn hành với tên *Hoan Ca*, có tranh bìa rất đẹp của hoạ sĩ Đinh Tiến Luyện.

Cho tới đầu thập niên 70, ở miền Nam đã có những bài thơ mà tác giả có khi là tu sĩ (Nhất Hạnh) hay anh thanh niên không thích đi quân dịch, có khi là lính trơn (Linh Phương) hay sĩ quan tâm lý chiến (Thái Luân, Kim Tuấn, Phạm Lê Phan), là thi sĩ được nhiều biết tới (Ngô Đình Vạn, Lê Thị Ý) hay hẳn còn là mầm non thi sĩ... nói lên sự ước mơ hoà bình của toàn thể dân tộc Việt Nam dù chính quyền không đồng ý để văn nghệ sĩ nói lên giấc mơ đó. Văn nghệ sĩ miền Bắc là phải thể phanh thầy uống máu quân thù thì văn nghệ sĩ ở miền Nam, dù sự bắt buộc không thành văn, cũng phải lên gân như vậy. Ai cũng biết từ thời ông Diệm cho tới giữa thập niên 60, danh từ hoà bình là một thứ cấm kỵ (tabou), không ai được nói tới. Một tờ báo như tờ *Hoà Bình* của linh mục Trần Du, lúc xin cấp giấy phép ra báo thì Bộ Thông Tin đề nghị đổi tên **manchette**. Từ 68 trở đi, nghĩa là từ khi có Hội Nghị Paris và có chuyện Việt Nam hoá chiến tranh thì ở bên Mỹ, ở bên Âu Châu ai cũng nói tới hoà bình. Nhưng ở Việt Nam thì gần như người ta không muốn nhắc tới danh từ đó.

Chỉ tới khi Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ, trong một bài diễn văn do nhà văn kiêm nghị sĩ Thái Lăng Nghiêm viết, nói rằng: Mặt Trận Giải Phóng, tuy

không phải là một thực thể nhưng nó là một thực tế, thì chữ hoà bình mới không còn bị ngăn cấm nữa. Người ta bắt đầu xài chữ đó nhưng thêm vào hai chữ thành ra hoà bình công chính. Chữ hoà bình cộc lốc mà phe tả dùng đến thì coi như là nguy hoà. Bên Công Giáo từ trước đến nay rất kị khái niệm hoà bình thiên tả thì bây giờ đưa ra phong trào Hoà Bình và Công Lý. Nói tóm lại, chiến lược của Miền Nam vào lúc đó đã có nét mới là chấp nhận chiến lược toàn cầu. Trong làng văn có ngay một buổi ra mắt được tổ chức rất xôm tụ của cuốn *Hoà Bình, Nghĩ Gì, Làm Gì*, một cuốn sách vừa to vừa dày của Nguyễn Mạnh Côn. Anh bạn láng giềng của tôi xưa nay là người có tư tưởng, có lập trường, một nhân vật chỉ đạo của Nha Chiến Tranh Tâm Lý, đã từng viết nhiều về Việt Minh. Bây giờ thấy anh viết sách đó tôi hiểu được rằng chống Cộng đến chiều như anh mà cũng chuẩn bị hoà bình thì chắc việc đó là như thế đó.

Là người phổ nhạc những bài thơ ước mơ hoà bình kể trên, bây giờ, trong bối cảnh Hội Nghị Paris với ba thành phần hay bốn phe gì đó đang sắp sửa ký kết với nhau, tôi soạn những bài hát nói tới hoà bình. Tôi không gọi tên loại ca này là **hoà bình ca** mà chỉ gọi là **bình ca**. Vì trong 10 bài hát này, tôi nói nhiều tới chuyện lấy lại cái bình thường, cái bình dị của dân tộc ta đã bị mất đi sau mấy chục năm chiến tranh. Hoà bình tới thiệt đi nữa cũng không phải

để tôi nói tới chuyện tương lai, với sự trùng tu xú xở, xây lại nhà trường, nhà thờ, nhà máy, đường xá, cầu cống... Tôi muốn bình ca là những bài hát điệu hợp xã hội và con người, trong đó chỉ nghe ra ngôn ngữ hiền hoà mà thôi. Tuy nhiên nó cũng không thiếu ngôn ngữ của thời đại và nhạc ngữ của nó thì hoàn toàn theo si-tin nhạc trẻ.

Bài *Bình Ca Một* còn đưa ra hình ảnh anh hippy:

Này em con chim lười

Nhiều năm chim đau phổi

Buổi sáng vắng tiếng chim cười vui

Này em con trâu già

Nhiều năm trâu vất vả

Cùng với bác xã nơi đồng quê

.....

Này em vang tiếng cười

Giờ chơi không e ngại

Trường lớp đó là nơi

Ngày xưa, giam bao người

Trại cũ đã biến ra trường đời

.....

Này em đã tới giờ

Mẹ đưa em đi chợ

Rồi khi đưa nhau về

Gặp anh hippy trẻ

Mặc áo rách đứng bên nhà thờ

Trông đẹp tựa hình Chúa hiền mơ...

Bài bình ca số 2, *Sống Sót Trở Về* đúng là ngôn ngữ tráng sĩ hành:

*Sống sót trở về, trên đường làng tươi mát,
trên đại lộ thơm ngát, trên rừng đồi xanh ngát,
trên biển xanh cát vàng...*

*có anh thợ cấy sung sức, có anh thợ mỏ náo nức,
có anh mục đồng thao thức, có anh thợ chài bâng
khuâng...*

*Sống sót trở về, anh hùng rực chiến công
cũng giống anh hiền ưa cuộc đời tối tăm,
chúng ta đều ngập ước mong
là được má ấp môi kẻ ôm người đẹp suốt năm:*

*Sống sót trở về, tên cường đạo lau kiếm
Xé áo giang hồ xin chèo đò trên bến
Sống sót trở về, quên mầu hồng, gái điểm
Trút phấn son rồi, xin mặc lại áo huyền...*

Còn riêng tôi:

*Sống sót trở về, tôi tạ từ vũ khí
Sống sót trở về, tôi trở lại nhỏ bé
Sống sót trở về, đeo một bầu rượu quý
Sống sót trở về, vui một mình, tôi đi .*

Bình Ca số 3 *Dường Như Là Hoà Bình* mang nhiều tính chất nhạc trẻ nhất:

*Dường như nghe đâu đây tiếng người
Ngày hôm qua im tiếng im hơi
Người xưa nay thường che mặt lại
Bỗng hôm nay không ai là không cười*

.....

*Dường như đêm hôm nay quá dài
 Đường như đêm nay ngắn quá thôi
 Cùng nhau chơi ở nơi mờ hội
 Chúng tôi vui như điên, như dại*

.....

*Dường như tôi hôm nay bé lại
 Đường như tôi nay mới lên hai
 Mẹ ôm tôi vào lòng êm ái
 Gãi lưng tôi, nhặt chấy cho tôi...*

Bình Ca 4 *Xin Tình Yêu Giáng Sinh* là một bài thơ của Trữ Vũ do tôi phổ nhạc. Nội dung của bài này: Xin cho tình yêu được giáng sinh trên một quê hương đã cần cỗi vì chiến tranh, trên một quả địa cầu đã tằm tối vì bạo lực, trong lòng mọi người hấp hối đang sống trên sự gian dối và tội lỗi trong một cuộc đời lầy lội và nổi trôi này. Bài ca nói tới mười ngàn đêm đau thương, trong đó chúng ta sống một trường thiên ác mộng. Bài ca nói tới mười ngàn đêm của hờn, mười ngàn đêm của giận và trên vũng lầy vô tận này ta chỉ thấy máu và xương, chỉ thấy khóc và than. Chúng ta đã có tới mười ngàn đêm đau thương, mười ngàn đêm đoạn trường, mười ngàn đêm oan khiên rồi thì đã đến lúc chúng ta phải quỳ xuống, cầu nguyện cho tình yêu giáng sinh, cho một lần hoa nở, cho một lần ngực thở, cho một lần của mở và cho tình yêu của chúng mình cũng được giáng sinh.

Bình ca số 5 với cái tên *Xuân Hiên* rất là cổ kính.

Có dùng nhiều danh từ như **Xuân Phong**, **Xuân Tiêu**, **Xuân Miên**... để nói tới gió Xuân, ánh sáng mùa Xuân, tới giấc ngủ và giấc mộng đêm Xuân. Hình ảnh tôi thích nhất là: khoanh tay ra bờ giếng gọi tên Trời Đất:

Xuân huy chan hoà trên khắp quê hương

.....

Xuân phong đem về tin tức vui chung

.....

Xuân xanh em là xuân nữ tơ trinh

.....

Xuân tiêu em nằm trong giấc mơ yêu

.....

Xuân miên anh vào sâu giấc mơ tiên

Anh ra bờ giếng, khoanh tay gọi tên

Gọi đất trời rất ngoan hiền

.....

Xuân non, Xuân già, Xuân vẫn Xuân quen

Mới biết Xuân là cuộc tái sinh duyên

.....

Xuân không lên đường Xuân đứng êm êm

Đứng mãi trong đời để cống ta lên

Yêu Xuân đắm thắm, yêu Xuân một phen

Và sống cùng với Xuân hiền...

Bình ca số 6 nhan đề Ru Mẹ là lời con ru mẹ, không phải mẹ ru con:

Mẹ năm mươi tuổi chiến tranh

Con hai mươi tuổi, Hoà Bình về chơi

.....

Mẹ tôi giấc ngủ khó khăn
 Xưa nay ru mẹ toàn bằng đạn bom
 Mẹ ơi! Xin ngủ êm đềm
 Riêng con không ngủ, ngồi nhìn mẹ yêu
 Mẹ xưa nay ngủ không nhiều
 Con xin ru mẹ ngủ chiều, ngủ trưa

.....

Mẹ năm mươi tuổi thiếu mơ
 Con hai mươi tuổi nằm chờ mộng xanh
 Mẹ ơi! Giấc mộng tốt tươi
 Cho con xin gửi cuộc đời Việt Nam
 Mộng không máu đổ, xương tàn
 Mơ trong giấc ngủ một đàn trẻ thơ...
 Bình ca số 7 Lời Chào Bình Yên phát triển hình
 ảnh con người khoanh tay gọi tên Trời Đất:

Mang giấy gió tốt, mang khăn áo lành
 Tôi chào đất nước tôi nay thái bình
 Tôi cúi lưng xin chào anh
 Tôi đứng lên, tôi chào em

.....

Tôi thấy chung quanh chào nhau
 Tôi cũng không quên chào đứa tôi đâu

.....

Xin chào những bác nông dân ít lời
 Tôi chào chiến sĩ đang ôm súng ngồi

.....

Tôi chào vùng nước trong xanh, tháng hè

Tôi chào tấm áo bông, đêm rét về
 Tôi chào đứa bé sơ sinh khóc oà
 Tôi chào đám cưới đi ngang trước nhà
 Tôi vẫy tay theo nhịp xe
 Đưa đám ma ra ngoại ô
 Tôi muốn thăng hoa cuộc sống đi qua

.....

Tôi chào trái đất xinh xinh giữa trời
 Tôi chào thế giới chung nhau giống người

.....

Tôi chào ý nghĩ chia vui chúng mình
 Chia buồn, sẽ sống chung nhau thái bình

.....

Ta bắt tay nhau chào tiếng hân hoan
 Lời Chào Bình Yên! Lời Chào Bình Yên!

Bình ca số 8 Giã Từ Ác Mộng nói tới chuyện tìm
 lại được thiên đường hạ giới:

Nào người yêu, già từ ác mộng
 Ta đưa nhau tới cội địa đàn
 Về một nơi sông dài nước rộng
 Ta yêu nhau trên bãi cỏ hoang

.....

Nào người yêu già từ bóng tối
 Ta yêu nhau dưới ánh mắt trời
 Cỏ vàng khô cũng là chăn gối
 Hay mưa rơi cũng mát lòng người

.....

Nào người yêu đêm về phơi phơi

Ta yêu nhau dưới ánh đèn ngời
 Mầu tường vui, căn phòng êm ái
 Soi gương nhau nhớ mãi hình hài

.....

Nào người yêu già từ oán ghét
 Thôi ăn năn, hối tiếc, buồn phiền...

Bình ca số 9 Chúa Hoà Bình muốn được nhìn
 Chúa Giê Su như một con người của hoà bình:

Nếu có ai giận dữ, nếu có ai bất hoà
 Nếu có ai lầm lỡ, rồi sinh ra khát khe
 Sẽ đánh tôi một cái, tát tôi nơi má này
 Sẽ thấy tôi lặng lẽ, chìa luôn ngay má kia

.....

Đã trót mang tội gốc
 Gái hư thân nào nùng
 Khóc giữa nơi quần chúng
 Nằm cho viên đá quăng
 Hỡi những ai ở đó
 Sẽ đóng vai phán toà
 Nếu tự thấy không tội lỗi
 Thì quăng viên đá coi

.....

Lạy Chúa, lạy Chúa tôi!
 Thân xác ra với đời
 Lạy Chúa, lạy Chúa tôi!
 Tim óc về với tôi!
 Lạy Chúa, lạy Chúa tôi!
 Nơi khó khăn kiếp người

Lạy Chúa, lạy Chúa tôi!

Nhận Chúa là nỗi vui

Amen... Amen...

Bài Ngày Sẻ Tới soạn từ lâu, nay dùng để kết thúc

10 bài Bình Ca:

Ngày sẽ tới, biết bao nhiêu mừng vui

Mừng biết mấy chiến tranh đã tàn phai

Quê hương ta xưa nay đã đẹp rồi

Thêm xinh tươi, thêm vui, thêm tuyệt vời

.....

Ngày sẽ tới nước non thôi là hai

Ngày thống nhất, Bắc-Nam đi lại rồi

Anh đưa em ra nghe Thu Hà Nội

Em đưa anh vô Nam coi mặt trời

.....

Ngày đã tới, cái ta gọi là yêu

Là quý mến chúng ta vẫn hoài nghi

Nhưng hôm nay, ôm nhau không còn ngờ

Ta yêu nhau, thương nhau như trẻ thơ

Này hơi hơi hoà bình!

Réo gọi **Này hơi hơi hoà bình...** nhưng 10 bài bình ca là những bài hát không vui vẻ trẻ trung lắm đâu, dù về phần nhạc ngữ, nó được các con tôi hát lên với phong cách nhạc trẻ. Nếu là hoà bình ca thật sự thì phải là nhạc mở hội, nhạc vui nhộn, nhưng bình ca lại buồn man mác. Con người sống sót trở về, đi trên đường làng, trên đại lộ, trên rừng đồi hay trên biển xanh cát vàng mà lòng thì buồn

ruồi ruồi . Rồi chắp tay chào nhau một lời chào bình yên. Rồi ra bờ giếng khoan tay gọi tên trời đất. Hoà bình tới, già từ ác mộng để ôm ấp nhau nhiều hơn là xây dựng đất nước. Tôi không tin có hoà bình dù trong mấy chục năm trời, tôi nói tới ba lần hoà bình: *Thu Chiến Trường, Hoa Xuân, Ngày Sẽ Tới* của ba đời thương binh: *Nhớ Người Thương Binh, Ngày Trở Về, Kỷ Vật Cho Em*.

Trực giác khiến cho tôi thấy hoà bình do Hội Nghị Genève hay do Hội Nghị Paris đem tới cũng đều chẳng ra cái gì cả. Biết là hoà bình giả tạo mà vẫn phải xung tưng, bởi vì đã là con người ai mà chẳng ước mơ hoà bình?

Bình ca đối với tôi, là những bài hát tất nhiên phải cất lên ở cuối một con đường. Nghĩ rằng đây là cuối đường cho nên ngưng lại để ca hát nhưng tôi cũng biết đây chưa thực sự là đoạn cuối của con đường. Thứ ánh sáng le lói ở cuối đường hăm mà hơn một người đang bận tâm về vấn đề Việt Nam – như Kissinger chẳng hạn – tưởng như nhìn thấy, không làm tôi tin tưởng vào văn kiện hoà bình mà chính quyền miền Nam, dù không muốn ký nhưng cũng bị Hoa Kỳ ép phải ký. Để cho người Mỹ rảnh tay đem quân, đem tù binh và đem xác tử sĩ về nước, sau khi nhờ chiến tranh ở Việt Nam mà nổi được bang giao với Trung Cộng.

Tuy vậy, ảo tưởng về hoà bình có thể sẽ tới với cuộc ngưng bắn, tiếp theo là việc lấn đất giành dân

để chờ có chính phủ liên hiệp hay chờ cuộc chiến tái diễn giữa hai miền (mà không còn quân Mỹ nữa) cũng giúp cho tôi soạn ra những bản bình ca để, trước hết, bình thường hoá lòng mình. Đứng ở cuối một đoạn đường, với cõi lòng đã lấy lại bình thường, tôi ngộ ra từ ngày không còn được cầm súng kháng chiến chống thực dân Pháp nữa và chọn vào sinh sống ở miền Nam... tôi lại phải cầm đàn để làm cuộc kháng chiến khác, đối đầu với cuộc chiến khác.

Trước hết, tôi ngẫu nhiên đứng vào hàng ngũ của một đội quân trong cuộc nội chiến Nam-Bắc mà tôi không chủ trương và cũng không tham gia tích cực, mặc dù tôi không hề từ chối một công tác văn hoá nào, rồi rút cục được đưa vào bảng phong thần trong Phòng Triển Lãm Tội Ác Mỹ Ngụy (!) sau ngày 30 tháng 4, 1975. Sau nữa là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm văn hoá do tình hình chính trị quốc tế gây nên ở miền Nam. Tôi đồng tình với các nhà văn hoá ở miền đất tự do này, trước hiểm hoạ của nền văn minh vật chất đột nhập vào Việt Nam với sức mạnh của tiền bạc và súng đạn, không ai bảo ai, đưa ra phong trào về nguồn trong mọi địa hạt văn chương thi ca âm nhạc...

Tôi còn làm hơn thế nữa, nghĩa là sau khi kết án bạo lực từ Moscou và Washing ton D.C đổ xuống đất nước và lên đầu con người xứ này, sau khi tố cáo những tệ đoan xã hội do sự có mặt của ngoại

nhân gây ra... tôi nhắm vào tuổi thiếu niên và nhi đồng qua những bài bé ca, nữ ca (vừa nói tới trong chương này). Tuy nhiên, trở về nguồn nhưng cũng phải tiến hoá. Xin các em gái giữ lại chiếc áo dài (hơn là mini-jupe), bảo vệ mớ tóc dài (hơn là mớ tóc quăn) nhưng không khước từ chiếc xe đạp. Cũng như giữ lại nhạc ngũ cung (dù hấp thụ nhạc thuật mới) nhưng không từ chối nhạc trẻ (nhạc điện tử). Quay về với đồng dao cổ truyền trong sáng nhưng cũng tạo ra đồng dao mới với những hình ảnh mới, tình cảm mới.

Ồ hay! Vào thời điểm này, tôi mới bước vào tuổi 50 mà tại sao tôi lại làm những chuyện mà chỉ có người già mới làm, sau khi họ đã hiểu hết về con người, sau khi họ đã mệt mỏi về cuộc đời, nhất là sau một thời chiến tranh tàn phá và vào lúc khởi đầu của một xây dựng. Thầy Mạnh Tử cho rằng **xích tử chi tâm**, phải nhắm vào trẻ thơ mà tấm lòng chỉ là trong sạch để làm tiêu chuẩn giáo dục. Thi hào Goethe tới tuổi 80 mới soạn thi ca cho tuổi trẻ. Cũng như mọi người ở Việt Nam, phải sống hai mươi năm với số mạng làm người nhược tiểu da vàng (sic), phải chấp nhận những sự việc vừa oan khiên vừa oan trái, phải hành động như một răng cưa trong bộ máy chung... tôi già đi trước tuổi. Có phải vì thế mà đám thanh niên, ngay từ hồi đó, đã gọi tôi là bố già?

Nói về cái già, tôi có một bài hát cho tuổi 60,

soạn từ đầu thập niên 60 và được in trong nhạc tập *Hát Vào Đời*. Bài này mang tên *Nhạc Tuổi Vàng*, lúc đó chỉ muốn là sự tiếp diễn của bài *Nhạc Tuổi Xanh*:

*Tuổi vàng như bông lúa thơm tho ngày mùa
Trên cánh đồng chiều tà
Nhờ gió Thu đưa về quá khứ
Nhớ Xuân xa, khi còn tơ
Tuổi vàng như hoa lá nguy nga đầu cành
Thương xuống hạt mầm lành
Chờ mai nghiêng mình gieo sức sống
Móm tương lai cho Hoà Bình...*

Bài hát tiếp tục nói về: giờ này, hoàng hôn đã xuống, và là giờ bao ước muốn, như lúa hoa mang tình thương. Chúng ta đã đem máu xương nuôi tuổi xanh thì bây giờ vào tuổi già, chúng ta đem ái ân nuôi tuổi lành...

*... Vạn nghìn đời xưa chia cắt
Đổi thành một đêm nổi thất
Chúng mình xây đắp yêu đương...
Cuối cùng:
Tuổi vàng đã chói lói khi bao người đời
Chung sức để thành Trời
Để lúa lên ngôi miên băng giá
Vội bông hoa, trên sa mạc xa...
Tuổi vàng đưa ta thoát ra ngoài thế giới
Về mặt trăng đất mới
Lúa ngô chen chúc nhau bên chị Hằng Nga*

Thành tình thắm, nuôi Cuội già...

Đã có một bài hát về tuổi già rồi, tôi có luôn một bài hát về cái chết với nhan đề *Những Gì Sẽ Dem Theo Về Cõi Chết*. Bài này soạn ra sau giai đoạn tâm ca:

Rồi mai đây tôi sẽ chết

Trên đường về nơi cõi hết,

Tôi sẽ đem theo với tôi những gì đây?

Rồi mai đây tôi hoá kiếp

Trong lòng còn bao luyến tiếc

Tôi sẽ đem theo với tôi những gì đây?

Tôi không đem theo với tôi được tiền tài hay danh vọng, được gái đẹp hay rượu nồng, được lầu vàng hay gác tía, được mộng giàu sang phú quý... thì tôi xin đem theo với tôi một nụ cười không nghi ngại và đôi mắt đẹp ngời của trẻ thơ:

Em giương to đôi mắt, soi vào cuộc đời đang bước tới

Tương lai vui hay tối thui cũng là nhờ anh lớn thôi!

Tôi không đem theo với tôi được quyền hành trong giai đoạn, được giới hạn tiếng anh hùng, được tượng đồng, bia đá thì tôi xin đem theo với tôi một cuộc tình không quen thuộc của một đôi uyên ương, xin mến thương không khó nhọc hay ngượng ngùng, trong đêm thâu ôm ấp nhau bên cột đèn hay khóm trúc, không ai ngăn hay lấy cung vì phạm thuần phong mỹ tục. Kết luận: tôi không đem theo với tôi được tất cả thì xin để lại cho thế giới một vài

điều tôi công nhận như số phận sinh làm người và
cái quên của một người sẽ tái duyên...

... Rồi mai đây tôi sẽ chết

Trên đường về nơi côi niết

Tôi sẽ không đem với tôi những gì đâu

Rồi mai đây tôi hoá kiếp

Trong lòng còn bao hối tiếc

Tôi sẽ không đem theo với tôi những gì đâu...

¹ “Bé ca” nghĩa là chưa đi vội về...”lão ca “. Gặp Vũ Khắc Khoan tại Santa Ana năm 1982, họ Vũ nói: Sao cậu không làm bài hát cho tuổi 60? Tôi trả lời: Có làm rồi đấy chứ! Đó là bài *Nhạc Tuổi Vàng*.

² Cũng như thơ của Nguyễn Tất Nhiên (Cô Bắc Kỳ Nho Nhỏ, Thà Như Giọt Mưa...) được phổ nhạc để “lãng xê” Duy Quang, lúc đó mới ra nghề.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BỐN

Rọi vào ngực tim nhau...

Chỉ Chờng Đó Thôi



Đoàn Văn Nghệ Miền Nam tại sân bay Rabat-Maroc. Nghệ sĩ Phùng Há, ông Đại Sứ, Năm Châu và Phạm Duy.

Dưới thời Thủ Tướng Trần Văn Hương, trong khi Hội Nghị Paris đang họp, Nhà Nước hai miền Nam Bắc đều gửi phái đoàn văn nghệ đi Pháp. Hà Nội gửi một đoàn văn công rất hùng hậu qua Paris trong đó có nhiều nghệ sĩ tôi không quen biết

và có anh bạn cũ ngày nào ngày nào là Lê Yên, tác giả bản tình khúc lãng mạn *Bê Bàng* và bản nhạc vui *Ngựa Phi Đường Xa*.

Saigon gửi một đoàn nghệ sĩ gồm anh Năm Châu (trưởng đoàn), chị Bảy Phùng Há, Kim Chung, Thanh Nga, Thành Được, Bích Thuận, Bích Sơn, Thanh Thanh Hoa trong nhóm Cải Lương, Hoàng Thi Thơ và ban vũ Trịnh Toàn trong phần vũ, Vĩnh Phan, Nhật Thanh, Hồ Điệp, Lữ Liên trong phần ngâm thơ, dân nhạc, Phạm Duy, Thái Hằng, Kim Tuyến trong phần tân nhạc và Trần Văn Trạch, ban AVT trong mục ca hài hước.

Thế là đương nhiên có sự thi đua tài nghệ của hai gánh hát ở giữa thủ đô văn hoá Paris. Gánh miền Bắc rõ ràng theo đúng đường lối tuyên truyền nên có màn vũ thủy thủ bắn máy bay Mỹ. Gánh miền Nam có màn Cải Lương đẹp mắt vui tai như Lã Bô Hí Điều Thuyền, màn vũ trống ôn ào, màn hát dân ca êm dịu hay tân nhạc lá lướt, tất cả chỉ có mục đích biểu dương văn nghệ.

Annie, người bạn gái, được đi coi cả hai gánh, phê bình: *nghệ sĩ Hà Nội giỏi nhưng quá nghiêm (trop sérieux) trong khi chúng mày (vous) trình diễn vui đùa (trouvez du plaisir) trên sân khấu*. Có lẽ vì miền Nam có màn ca hài hước chẳng? Và sân khấu miền Bắc thừa màn động viên, thiếu màn hát vui. Riêng tôi rất phục anh đánh đàn bầu của đoàn văn công Hà Nội, trình tấu những bản nhạc mới, có tiết tấu

rất nhanh, khác hẳn bài bản độc huyền cổ truyền vừa chậm vừa buồn.

Đây là lần đầu tiên, sau hai mươi năm, tôi được tiếp xúc với nghệ sĩ miền Bắc khi đi coi họ trình diễn tại một rạp hát ở vùng Vitry-sur-Seine. Tiếp xúc một cách thâm lặng thôi, vì vào giờ nghỉ giữa màn (*entr'acte*) ra *bar* uống nước thấy Lê Yên đứng xa với cái nháy mắt đồng lõa, rồi sau giờ diễn thấy anh bạn leo lên xe với cái vẫy tay kín đáo. Thấy hai ông Huy Cận và Xuân Thủy, ông nào cũng béo tốt – ít ra cũng béo hơn tôi vào lúc đó – nhưng chúng tôi nhìn nhau như những hòn đá cuội. Chán quá!

Đoàn văn nghệ Saigon còn đi Marseille, Nice, Londres, Alger, Rabat, Dakar... để diễn cho kiểu bào coi. Buồn cười nhất khi tới xứ Maroc, gặp một anh chàng Ả rập trước kia ở Việt Nam, da đen kịt, mặc quần áo trắng tinh, hỏi thăm bằng tiếng Việt: “*Hà Nội có còn cô đầu Khâm Thiên không?*” Rồi khi tới thủ đô Dakar của xứ Sénégal, sau đêm hát, một lô thiếu nữ da đen mặc áo dài mầu lòe loẹt chen nhau vào hậu trường để tỏ tình với kếp Thành Được bằng tiếng Nam Kỳ. Đó là những con lai của lính Sénégalais rạch mặt trong thời kỳ Pháp còn hiện diện ở Việt Nam.

Trong thời gian ở miền Nam, tôi được xuất ngoại khá nhiều. Nhưng đây là lần đầu tiên Thái Hằng được ra nước ngoài nên vợ tôi thích lắm. Khi ở Nice, gặp đúng ngày hội Mardi-Gras, có đoàn xe

hoa với Tây Đầm trẻ trung ném confetti vào mặt nhau khiến cho chúng tôi nhớ lại Hà Nội những ngày son trẻ. Thăm mấy nước Phi Châu thấy dân tuy nghèo nhưng được sống trong thanh bình, rồi dạo chơi khu Soho của thành phố Londres để ngắm các mốt quần áo táo tợn... chúng tôi tạm quên được những nhọc nhằn của đời sống trong nước sau khi Mỹ rút quân... để khi Đoàn Văn Nghệ trở về Saigon là chúng tôi lại sống với những nhọc nhằn đó.

Khi quân đội Mỹ rút từ từ ra khỏi Việt Nam tình trạng kinh tế dần dần xuống dốc. Phòng trà vắng khách, băng nhạc không còn bán chạy như xưa, ban The Dreamers không còn đi hát cho Mỹ nghe được nữa. Tôi khởi sự thấy túng thiếu. Ba đưa con Quang, Minh, Hùng đã nhập ngũ, may mắn hơn các thanh niên khác là được xung vào Phòng Văn Nghệ của Không Quân, khi ở trong trại Tân Sơn Nhất, khi được về nhà ăn ngủ và đi hát vặt. Lương lính làm gì đủ ăn, để có tiền nuôi cả gia đình, vợ chồng tôi phải bớt đi một người làm, chỉ giữ lại chị bếp và bà vú trông nom con gái út.

Về sáng tác, sau những hoan ca, tôi không có đề tài nào hấp dẫn để soạn thêm loại ca nào khác. Tôi chỉ cung cấp cho phong trào du ca một bài hát nhan đề *Mùa Xuân Du Ca*:

*Kìa mùa Xuân vừa mới bước chân
Về đời ta vừa mới thoát thân
Cho đi đời cũ đã qua một phần*

*Còn lại đây ngày với tháng, năm
Phần còn xa đời mới hiến dâng
Ca lên lời hát du ca mùa Xuân*

.....

*Tiếng du ca vang lên từ miền cát trắng
Tiếng du ca vang lên từ miền ruộng vàng
Tiếng du ca dâng lên đồng bào trong nước
Tiếng du ca rung rung hoà nhịp quê hương...*

Đối với bây em nhỏ bé mắt nai đang tung tăng dạo bước đi trên đường đời, với lời ca ước mơ, với lời ru thiết tha... du ca là tiếng hát thương yêu tuổi thơ. Đối với cô thợ cấy hay ông thợ già ở ngoài đồng hay ở trong nhà máy... du ca xung tưng đời sống cần cù lao động. Đối với em, ôi người tình, với bài hát câu ca thật hiền... du ca là tiếng hát yêu ngày mai. Còn đối với riêng ta:

*Rồi về đêm ngôi đối bóng ta
Chẳng cần ôm đàn hát cũng nghe
Dư âm cuộc sống yêu thương tràn trề
Rồi cả đêm ngủ với giấc mơ
Vẳng lời ca nào đến vuốt ve
Con chim mộng đã ru riêng đời ta!*

Rồi vào đầu năm 75, tôi được Ngọc Chánh, chủ hãng Shotguns mượn làm hai bài ca mùa Xuân để cho vào băng nhạc, dự định bán ra trong dịp Tết. Vì trong lòng còn dư âm của những bài hoan ca, du ca, tôi soạn cho con gái yêu Thái Hiền bài hát nhan đề *Trên Đồi Xuân*:

*Một buổi sáng vừa tỉnh giấc là tàn Đông
 Liền vội đứng dậy mở tung cửa đón Xuân
 Năng trên thềm lấp lánh
 Lũ bướm vàng tung cánh
 Với to nhỏ chim hót trên cành...*

Tôi không thể nào ngờ đó là hình ảnh mùa Xuân cuối cùng của tôi trên quê hương được thể hiện qua bài hát này: Mùa Xuân Việt Nam đẹp quá, khiến cho cô bé choàng dậy, chải vội mớ tóc mây, mặc bộ áo vóc vào người, xỏ đôi giày cong rồi chạy tung lên đồi. Cô bé đi như đi trong hơi thở của quê hương, gió mát và bầu trời ôm ấp cô, mây làm xanh mắt cô, hoa cỏ làm thơm lòng cô và trong tim của cô thì có sóng... Rồi một người trai mang kiếp rong rêu nào đó, muốn được cùng cô, cùng với con ốc trong vỏ, cùng với loài giun dế âm thầm hay với bầy chuồn chuồn vô tư lự... được quán quýt đời, không muốn ra đi... Không muốn ra đi, nhưng cuối mùa Xuân đó, vẫn phải bỏ quê hương ra đi!

Ngoài bài *Trên đồi Xuân* soạn cho Thái Hiền hát solo trong băng nhạc, còn thêm bài *Mừng Xuân* soạn cho Duy Quang và Thái Hiền hát *duo*. Bài này nói tới chuyện khoan dầu trên biển, khiến cho nước ta sẽ giàu to, người dân sẽ đủ no và có tự do. Với ba chữ vắn “o” giống như là con số zéro như thế, đó là câu hát tiên tri sai bét vì cho tới bây giờ, 1991, dầu hoả vẫn chưa phun lên mịt mù ở biển Đông, còn nước ta thì đứng vào hạng nghèo nhất thế giới:

Mừng Xuân tới bằng tiếng sáo vui
 Với tiếng cười yêu mến đời
 Mừng Xuân tới bằng tiếng vỗ tay
 Vang khắp trời mây
 Mừng Xuân tới bằng tiếng hát vang
 Dưới mái trường hay giữa làng
 Lời ca hát từ núi xa xăm ra tận đại dương.
 Mừng em bé vừa mới lên năm
 Có Tiên về nơi bé nằm
 Mừng ông lão bà lão tám mươi lăm
 Sống thêm vài chục năm...

.....

Mừng Xuân tới bằng tiếng máy khoan
 Nơi núi rừng, nơi suối ngàn
 Mừng Xuân tới bằng tiếng máy
 Xoi giữa nơi biển khơi...

Trong những ngày nặng trĩu mối âu lo về kinh tế gia đình, những ngày cuối cùng được sống với hơi thở và tim đập của Saigon, với ngôi nhà vườn êm đềm ở Phú Nhuận này, một hôm ngồi trên ghế đá cạnh hồ nước, thấy nhện sa trước mặt, tôi chợt nhớ tới tình yêu. Trong một thời thế rất nghiêm trọng, tôi muốn kết liễu hoàn toàn cơn mộng đẹp trong tôi, nên soạn bài *Chỉ Chùng Đó Thôi*:

Chỉ chùng một năm trôi là quên lời trăng trời
Ai nuôi thương tình ta, chỉ chùng một năm thôi
Chỉ chùng một năm qua là phai mờ hương cũ
Hoa úa trong lòng ta, chỉ cần một năm xa

*Chỉ cần một cơn mưa là vai gầy thêm nữa
 Cho ướt môi, mềm da, chỉ cần giọt mưa sa
 Chỉ chờ một cơn mưa để không ngờ chi nữa
 Đi dưới mưa hồng nghe giọt nhẹ vào tim ta
 Chỉ một chiều lê thê ngồi co mình trên ghế
 Nghe mất đi tuổi thơ, chỉ một chiều bơ vơ
 Chỉ là chuyện đông đưa, đời luôn là cơn gió
 Thay áo cho tình ta, chỉ là chuyện thiên thu...*

.....

*Cả triệu người yêu nhau, còn ai là không thấu
 Len giữa u tình sâu, một vài giọt on nhau
 Tia sáng Thiên Đường cao rọi vào ngực tim nhau...*

Chỉ cần chùng mười năm để vun sỏi một mối
 tình, và chỉ cần dăm ba năm thương nhớ nó, thế
 cũng là đủ lắm rồi. Sẽ không bao giờ tôi còn tặng
 thêm cho cuộc tình cuối của mình một bài hát
 nào nữa...

CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM

*Mai Kha ơi hỡi Mai Kha!
Rời nhau một bước nên xa mấy trùng...
Nhị Độ Mai*



Xuân Lộc, dân chúng chạy loạn...

Theo Thoả Hiệp Hoà Bình Paris, cuộc ngưng bắn ở Việt Nam có hiệu lực từ 24 giờ quốc tế GMT, tức là 8 giờ sáng ở Saigon, ngày 28-1-73. Mấy ngày trước thời hạn thoả hiệp có hiệu lực, các lực lượng Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng đồng loạt tấn công vào nhiều vùng do Việt Nam Cộng Hoà kiểm soát để lấn đất giành dân, mở rộng vùng kiểm

soát của họ. Quân Đội VNCH phản công. Nhiều trận đánh lớn xảy ra, chiến tranh tái diễn. Tới ngày lệnh ngưng bắn có hiệu lực thì những trận đánh to nhỏ vẫn chưa ngừng và vẫn còn tiếp diễn dài dài. Ủy Ban Liên Hợp Quốc được thành lập để kiểm soát sự ngưng bắn nhưng sau một thời gian hoạt động thì tan vỡ ngay. Qua năm 1974, vì Thỏa Hiệp Paris trù liệu hai bên Quốc-Cộng gặp nhau để phân định lần ranh giới giữa hai bên, Quân Đội VNCH mở những cuộc hành quân gọi là gặm nhấm để tẩy đi những vết da beo trên lãnh thổ miền Nam. Đầu tháng 3, 1974 để chiếm lại những đất đai bị mất, nhất là để thử nghiệm sự phản ứng của Mỹ, quân Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng mở chiến dịch đánh lớn. Chiến tranh thực sự tái diễn với quyết tâm của Hà Nội là chiếm đoạt miền Nam mà không còn e ngại Mỹ can thiệp nữa. Nhất là sau vụ Watergate, Tổng Thống Hoa Kỳ Nixon đã phải từ chức.

Chiến dịch Tây Nguyên được mở ra, quân đội Cộng Sản tấn công Bình Long, bao vây An Lộc và cuối cùng vào ngày 7-1-1975, chiếm được Phước Long, một tỉnh lỵ cách Saigon khoảng 60 cây số. Lần đầu tiên, Hà Nội có một thành phố ở miền Nam để làm thủ đô cho Mặt Trận Giải Phóng.

Khi nghe tin Phước Long bị mất vào tay Cộng Sản, ở Saigon, chẳng thấy ai lo lắng gì cả. Kinh nghiệm cuộc Tổng Công Kích năm 68 và kinh

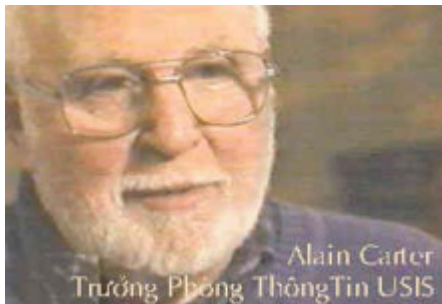
nghiệm Mùa Hè Đỏ Lửa năm 72 cho thấy Cộng Quân có chiếm được nơi nào thì cũng chỉ ít lâu sau là bị đánh bật đi. Cho nên mọi người có vẻ rất bình tâm.

Cho tới khi Ban Mê Thuột bị chiếm vào ngày 12 tháng 3 năm 75 thì tất cả mới ngã ngựa người ra! Trong thời gian 55 ngày trước khi Saigon thất thủ, những tin tức kinh hoàng như vụ triệt thoái bị thảm của quân dân Cao Nguyên trên đường số 7 (mệnh danh là con đường máu và nước mắt)... vụ mất Quảng Trị tiếp theo là vụ thị xã Huế bị bỏ ngõ và xảy ra cảnh cướp của giết người hãm hiếp phụ nữ gây nên bởi đặc công Việt Cộng hay bởi đám lính tan hàng... vụ Đà Nẵng, Chu Lai, Nha Trang, Đà Lạt đồng loạt rơi vào tay Cộng Quân sau khi cũng lâm vào cảnh hỗn loạn như Huế, tất cả những chuyện đó làm cho tinh thần dân chúng đã buông xuôi rồi, nay lại bị nhận chìm xuống.

Hồi Ký này không dám quy định tội lỗi làm mất miền Nam cho ai cả. Nó chỉ xin đưa ra một nhận định là trong suốt thời Đệ Nhị Cộng Hoà, chưa bao giờ có sự gắn bó giữa chính quyền và dân chúng. Chiến tranh 30 năm đã làm tê liệt phần hồn phần xác của dân chúng rồi, người dân không được chia sẻ quyền hành với chính phủ tối thiểu là được chia sẻ sự hiểu biết về tình huống quốc gia. Không có một tổ chức Thông Tin Dân Vận nào làm được công việc đả thông (communication) giữa người

dân và chính phủ. Về phần thông tin ngoài chính quyền là báo chí, ngay từ *Chính Luận* cũng chỉ phổ biến trong những thành phố lớn. Ở các tỉnh không nắm rõ tình hình đất nước, không biết miền Nam đã bị Mỹ bỏ rơi, dù bị Cộng Sản tấn công liên tiếp, người dân vẫn không tin là mất miền Nam. Không tin luôn vào sự truyền thông trên thế giới – như Đài BBC chẳng hạn – về sự hấp hối của miền Nam. Dân chúng còn bị lừa gạt đến độ cho rằng với tinh thần Thoả Hiệp Hoà Bình Paris, chính phủ ba thành phần là giải pháp tối hậu. Mù quáng trước tình hình chung, người dân không nhận ra định mệnh của đất nước và của mình. Tới khi thấy nguy cơ miền Nam sắp bị mất vào tay Cộng Sản thì không còn ai có khả năng để chống chọi nữa!

Tôi cũng không sáng suốt hay tích cực gì hơn ai. Nhưng trực giác giúp tôi thấy được nguy cơ của miền Nam ngay từ ngày mất Bình Long. Sau đó, mất nốt Ban Mê Thuột là coi như miền Nam bị tiếp thu đến nơi rồi. Và thấy ngay số phận sắp tới



của Saigon và của mình khi Bắc quân tiến vào. Tôi không lo sợ cho tính mạng mình, nhưng tôi cảm thấy

không thể nào ở lại Việt Nam sống dưới một chế độ mà mình đã rời bỏ cách đây hơn 20 năm vì hai chữ tự do.

Tôi chưa biết nhìn vào ai để giúp mình nhưng tôi biết tôi phải đi khỏi nơi này. Trong khi tôi đang bối rối tìm lối thoát ly, bạn bè xa gần gọi điện thoại hỏi han tin tức. Tôi cũng bốc máy nói gọi vài người quen, hi vọng tìm ra lối đi, cuối cùng được Hoàng Hải Thủy – lúc đó đang làm việc với phòng Thông Tin Mỹ USIS – cho biết trong bảng danh sách những người được Mỹ bốc đi, tên gia đình tôi đứng hàng đầu. Đang sốt ruột ngồi đếm từng giờ từng phút, lại chỉ thấy Giám Đốc USIS là Carter trấn an tinh thần dân chúng trên màn ảnh truyền hình...

... Một hôm, Phạm Thiên Thu và Trần Dạ Từ bản khoản tới hỏi tôi về đường đi nước lùi. Tôi tâm sự với Phạm Thiên Thu về ý định soạn một bài hát bỏ nước, lấy tên *Bầy Chim Bỏ Xứ*. Tôi hình dung nước Việt Nam với một bầy chim phải cất cánh bay đi vì ở quê hương sẽ không còn bầu trời tự do cho chim bay bổng nữa. Phạm Thiên Thu cho tôi vài lời thơ, rồi tôi quên cả lo lắng buồn phiền, nằm bò trên nền đá hoa trong căn nhà vườn để soạn đoạn đầu của tổ khúc này.

Thời gian không gian như bị lay động dữ dội. Thấy chung quanh mình, một số bạn hữu đã được Mỹ đem đi hay đang chuẩn bị ra đi, tôi sốt ruột quá! Trong một đêm vắng, người anh vợ là Hoài Trung,

nhân viên của Đài Tự Do VOF (Voice Of Freedom) đến chào từ giã vợ chồng tôi để ra đảo Phú Quốc chờ tàu chở đi Mỹ. Mừng cho Hoài Trung nhưng nhìn vào hoàn cảnh mình thì thất vọng, vì từ lâu tôi không còn cộng tác với Phòng Thông Tin USIS, không còn giao dịch với bất cứ một người Mỹ nào nữa. Tôi cũng không phải là một công chức quốc gia để có thể tới Toà Đại Sứ Mỹ xin cho đi tị nạn. Chạy đi kiếm Hoàng Hải Thủy thì không thấy anh ta đâu. Ca sĩ Tâm Vần, bạn của vợ tôi, cho biết có lối ra đi trả tiền, nhưng gia đình tôi gồm hai vợ chồng cộng với tám đứa con thì phải là triệu phú, chúng tôi mới mua được đường đi. Dẫn con trai Cường đi tìm đường cao chạy xa bay suốt mấy ngày trời mà không có kết quả. Thất vọng trở về nằm dài trên chiếc võng, vì nhà ở gần sân bay Tân Sơn Nhất, nhìn qua những cánh dừa cao lớn, tôi thấy phi cơ vận tải C130 chở người đi tị nạn bay ngang từ sáng sớm tới chiều tối.

Sau những ngày lo âu rồi tuyệt vọng, tôi chuẩn bị nếu phải ở lại Saigon thì không nên giữ những tài liệu có thể gây tai họa cho mình. Lấy ở tủ sách ra một số ảnh, bản thảo và ấn phẩm rồi đào một cái hố cạnh chuồng gà, nổi lửa đốt. Trong đêm tối, đứng ngoài sân, lại ngẩng đầu nghe tiếng phi cơ vận tải ầm ỹ trên không. Tôi sốt ruột vô cùng, lòng như lửa đốt, có thể là lửa trên đồng tài liệu len vào chẳng? Đốt mớ tài liệu, khói cũng bốc lên như ngày nào

đốt lá trên sân cùng mấy em bé. Khói cũng làm cay mắt nhưng tôi không cảm động như lúc nhìn khói để nhớ về thời ấu thơ và trai trẻ. Bây giờ, tôi đang làm công việc tự thiêu, nói cho rõ hơn, tôi đang đốt đi một quãng đời của mình. Đây không phải lần đầu tôi lâm vào cảnh tự xử hoặc được người ta khuyên khai tử tác phẩm của mình. Khi còn ở Việt Bắc, tôi được dỗ dành chôn sống những bài ca ủy mị (!) Khi từ vùng kháng chiến về thành bố vợ cắt ảnh Nguyễn Sơn ra khỏi tấm hình đám cưới do ông tướng này chủ hôn. Suốt hai chục năm ở miền Nam, tuy không tuyên bố khai tử nhưng không bao giờ tôi dám in ra và hát lên những bài ca kháng chiến. Bây giờ, vì không biết mình có ra khỏi được Việt Nam hay không, tôi phải tự tay đốt những tấm ảnh chụp chung với các nhân vật chính trị Hoa Kỳ hay Việt Nam. Kể cả bức ảnh chụp chung với Bảy Viễn và Nguyễn Đức Quỳnh khi cả bọn kéo nhau đi coi vũ đoàn tại nhà hàng Moulin Rouge ở Paris vào năm 54. Hoả táng luôn một mớ bản thảo, nhạc tập, thư từ...

Thành phố nhốn nháo như tổ ong vỡ. Ra đường, nhìn ai cũng thấy vẻ lo lắng, hoảng hốt. Đây là lúc tôi không còn một chút sáng suốt nào để hiểu nổi cái gì là cái gì nữa! Chỉ nhớ câu thơ trong *Cung Oán Ngâm Khúc*:

Cái quay búng sẵn trên trời

Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm...

Nhớ tới di ngôn của Nguyễn Đức Quỳnh: Làm người Việt Nam khó quá! Làm nghề sĩ còn khó hơn! Nhìn lại dĩ vãng, thấy trong suốt 500 năm, không một lúc nào ngưng loạn ly trên đất nước. Sự thật không bao giờ ở lâu và ở một phía nào nhất định. Khiến cho tiền bối Nguyễn Gia Thiều, một người hiện sinh hơn Jean-Paul Sartre, hiểu rằng định mạng người Việt là phải sống theo cái búng quay sắn trên trời. Chao ôi, so với năm thế kỷ tao loạn làm đời người như chiếc lá mỏng manh nổi trôi theo mệnh nước, thời gian 20 năm vừa qua nào có nghĩa lý gì đâu? Mình là cái gì mà thoát khỏi cái vòng quay đó được? Nhất là đã biết từ lâu những ai đã búng con quay đó ở trên trời. Thời đại Nguyễn Gia Thiều thiếu phương tiện truyền thông nên chỉ nhận chân ra sự mù mờ. Còn mình biết rõ ràng số phận của người dân nhược tiểu, nạn nhân của cuộc chiến tranh lạnh giữa hai thế lực quốc tế, vì thiếu người lãnh đạo tài ba, sáng suốt ở cả hai miền nên toàn thể nhân dân phải sống như trong một khúc dạ hành.

Đang trong cơn buồn tủi nào nề, vào 11 giờ 30 đêm 27 tháng 4, có cú điện thoại của một người bạn Mỹ giỏi tiếng Việt, rất yêu nhạc và có vợ Huế, cho biết tôi có thể ra khỏi Saigon nếu sáng mai tới địa điểm ở đường Kỳ Đồng là nơi người Mỹ sẽ bốc người ra đi. Tối đó, người già em nhỏ được đi ngay, nhưng mấy người con trai lớn đang là quân nhân

có thể bị Quân Cảnh giữ lại. Vừa mừng cho mình, cho vợ và cho bốn con nhỏ, vừa lo lắng cho bốn con trai lớn thì có thêm cú điện thoại của Nguyễn Ngọc Bích hỏi:

– *Đã có ai giúp anh chị và các cháu ra đi chưa?*

– *Rồi, nhưng chỉ có một nửa gia đình...*

Nguyễn Ngọc Bích cho chúng tôi tên và số điện thoại của một người Mỹ tên là Ed Jones. Vào năm 1951, từ Khu IV vào thành, đại gia đình họ Phạm phải chia ra ba nhóm để dinh tề, bây giờ gia đình tôi cũng chia ra hai toán để xuất ngoại. Sáng mai vợ chồng tôi và bốn con nhỏ sẽ tới điểm hẹn ở đường Kỳ Đồng, còn bốn con trai sẽ đi theo đường dây Nguyễn Ngọc Bích vừa mách cho. Muốn chắc ăn, tôi gọi điện thoại hỏi Ed Jones thì anh ta cười hề hề: *Ông yên chí, các con ông sẽ sang Mỹ trước ông!*

Chúng tôi thức suốt đêm để thu xếp hành lý. Khổ sở vô cùng vì không biết cái gì đem đi, cái gì để lại? Ưu tiên là những ảnh của tổ tiên và khoảng một chục cuộn phim âm bản. Không ngờ vào lúc này, có dịp rửa ra hình để cho in vào những cuốn Hồi Ký. Vớ thêm được vài cuốn băng nhạc. Cũng không ngờ những băng này giúp tôi trở thành nhà phát hành băng cassette trong những năm đầu ở Florida.

Sáng ngày 28, con trai Cường chở bố mẹ và bốn em ra khỏi căn nhà vườn Phú Nhuận. Tôi không dám quay mặt nhìn lại cái tổ ấm của mình. Xe chạy

chầm chậm trong một Saigon xơ xác giống như vào năm 45, khi bị lính Viễn Chinh Pháp tấn công tôi phải trốn khỏi thành phố như thế này. Tôi ngao ngán vô cùng vì chợt nhớ tới những cuộc bỏ chạy sau đó nữa... Nhớ lại đêm đông 1946, phải rời xa mẹ, bỏ Hà Nội ra vùng quê, kháng chiến... Nhớ lại ngày hè 1951, đôi vợ chồng và đứa con đầu lòng lếch thếch bỏ Chợ Neo để vào thành tìm tự do... Rồi lễ mễ già từ miền Bắc vào Nam để sinh sống... Và bây giờ là long đong vĩnh biệt Saigon với một nửa con cái. Thì ra suốt đời, mình chỉ là người bị chơi trò ú tim đi trốn. Mỗi lần mang theo một gánh nặng. Gánh nặng mỗi ngày một nặng thêm. Đã mất đi bốn, năm lần tổ ấm và bây giờ có thể mất luôn cả tổ quốc.



Tới địa điểm ở đường Kỳ Đồng, vì có sự giới thiệu của người bạn ân nhân rồi nên gia đình tôi được chấp nhận cho đi. Tôi định cho Cường đi theo

nhưng không hiểu vì sao tôi bảo Cường về nhà đi với các anh. Có lẽ tôi sợ trên đường vào sân bay, Cường có thể bị Quân Cảnh chặn lại thì vừa hụt đi với cha mẹ, vừa hụt đi với các anh chẳng? Về sau, khi các con tôi kẹt lại, trong bốn năm trời dài đằng đẳng, tôi hối hận và khổ sở vô cùng vì đã đuổi con về. Khi từ đường Kỳ Đồng đi vào Tân Sơn Nhất, quả có bị lính chặn xe lại, trong xe có một thanh niên vào tuổi quân dịch, nhưng khi bố mẹ anh này tặng mấy người lính một số tiền thì họ cho xe đi ngay. Vào lúc này tôi hoảng hốt tới độ không nghĩ tới chuyện có thể đứt lốt Quân Cảnh như gia đình rất thông minh của anh thanh niên kia đã làm. Đã có sẵn tờ giấy 20 đôn ở trong túi rồi mà! Và cũng chỉ có số tiền nhỏ nhoi đó thôi, để làm lại cuộc đời ở Mỹ.

Vào tới Tân Sơn Nhất, gia đình tôi ngồi bệt xuống sân cỏ trước cổng DAO, cơ quan viện trợ quân sự của Mỹ, giữa một đám người khá đông, trong đó tôi nhận ra gia đình Vũ Khắc Khoan và quá nhiều bạn quen. Chúng tôi ngao ngán nhìn nhau, rồi tuần tự được gọi tên và mời vào ngồi trên những hàng ghế dài ở ngoài sân và trong phòng DAO. Trong một không khí tuy náo nức nhưng rất có trật tự, sau gần nửa ngày ngồi đợi, mỗi gia đình leo lên một phi cơ vận tải C130 cùng với dăm ba chục gia đình khác.

Chuyến phi cơ chở chúng tôi cất cánh vào khoảng năm giờ chiều ngày 28, lúc đó Bắc Quân đã pháo kích vào sân bay rồi. Nếu tôi không nhầm thì

gia đình tôi là những người chót lọt được lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đẩy vào một trong những chuyến phi cơ cuối cùng rời khỏi Tân Sơn Nhất. Chui vào lòng tàu bay, mọi người phải co đầu, ép gối ngồi bệt trên sàn tàu. Ở hai bên cửa phi cơ có hai người lính Mỹ cầm sẵn súng phóng hoả châu, để phòng Việt Cộng bắn hoả tiễn tầm nhiệt lên thì chỉ trúng trái sáng. Lên tới độ cao, phi cơ nhào đi nhào lại để tránh đạn nếu bị bắn, rồi bay vút ra phía biển. Tôi ngồi ôm mấy đứa con thơ, mắt nhắm lại như không muốn nhìn thấy phong cảnh đất nước nữa. Và lại, muốn nhìn quê hương một lần chót cũng không được, vì hai người lính Mỹ đã đóng chặt hai cánh cửa phi cơ lại rồi.

Trong lòng tàu chật cứng người tị nạn, bay từ



Nhìn Saigon lần cuối...

vùng trời Saigon qua Căn Cứ Clark ở Phi Luật Tân, suốt trong không trình dài năm tiếng đồng hồ, không ai nói với ai một câu nào cả! Mọi người ngồi im lặng và buồn rầu như trong một đám táng. Một đám ma không có ai khóc ai vì mỗi người tự đưa đám ngay chính thân xác của mình. Sự câm nín này dường như còn kéo dài cho tới bây giờ...

CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU¹

*Đền em một tháng trời gần
Đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thôi!
Kiếp Sau – Cung Trầm Tưởng*



Thái Thanh, bạn đồng hành...

Như đã tâm sự cùng bạn đọc, trên 20 năm sống ở một phần quê hương khi đất nước bị đặt vào hoàn cảnh phân chia Quốc-Cộng, đời tôi quả là một cuộc phiêu lưu trong nghệ thuật hơn là cuộc đi bộ dài dài trên bản đồ Việt Nam như trong thời

thơ ấu, vào đời, đi hát rong rồi đi kháng chiến. Dù trong thời gian hơn hai thập niên ấy, tôi có hơn một lần xuất ngoại, những cuộc đi về các nẻo chân trời xa lạ không có gì là phiêu lãng mà chỉ để bồi đắp cho vốn liếng nghệ thuật của mình. Có thêm một cuộc phiêu lưu khác là khi tôi phải bỏ nước ra đi để trở thành công dân của một xứ có nền văn hoá khác (nếu không nói là trái ngược) với những gì làm nên tôi, từ thuở lọt lòng tới khi lòng tới khi phanh ngực vào đời, cho đến ngày tóc đã bạc, lưng đã cong, giọng đã khàn, trí óc đã cùn và trái tim đã mỏi.

Trong hơn 20 năm sống với cái *mờ mờ nhân ảnh* mà tiền nhân Nguyễn Gia Thiều đã thấy từ khá lâu về trước, tôi cũng được gần đàn anh Nguyễn Đức Quỳnh để thấy làm chính trị ở Việt Nam trong những năm đó khó như người đi đêm. Tôi không làm chính trị như anh Quỳnh, nhưng nhìn nhận chính trị là con rắn không buông tha ai cả. Từ ngày Cách Mạng mùa Thu 45 cho tới bây giờ, trong cuộc sống hằng ngày và ngay cả trong giấc ngủ, không một người Việt Nam nào ra thoát khỏi cái lưới chính trị. Suốt nửa thế kỷ vừa qua, trong sự nghiệp (!) của mình, tôi hoàn toàn bị chính trị bủa vây nhưng tôi luôn luôn cố gắng không để cho chính trị trói buộc. Mở to đôi mắt để nhìn vào thời thế. Tỉnh táo theo dõi đường đi nước bước của chính trị. Không có một nhượng bộ chính trị nào với bất cứ ai, nếu thấy sai. Được Việt Minh chiếu cố

mà không chóng mặt. Được quốc gia nuông chiều mà không nóng đầu. Được ngoại quốc đãi ngộ mà không hoa mắt. Bị ngộ nhận, theo dõi hay bị đe dọa cũng không đầu hàng (2). Làm một nghệ sĩ trong 20 năm ở miền Nam kể ra cũng không khó lắm đâu. Chắc chắn là dễ hơn *người đi trên giấy* của nhà thơ miền Bắc Phùng Quán:

*Người làm xiếc đi giấy rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật...*



Nhà thơ anh dũng Phùng Quán...

Qua những trang hồi ký vừa cống hiến bạn đọc, không muốn tiến trình sáng tác bị đứt quãng, tôi viết qua loa về những biến cố chính trị ảnh hưởng tới tôi. Tôi chưa đủ động tới những bộ mặt chính trị hay một số sự kiện lịch sử đã chi phối mọi việc để tôi nhìn thấy và soạn ra những bài ca chứng tích. Tôi cũng chưa có dịp nói tới hoạt động của các văn

nghệ sỹ đồng thời. Bây giờ là lúc tôi muốn tạ ơn những hoàn cảnh, nhân vật và những chứng liệu, chứng nhân của 20 năm sóng gió đó, như đã từng tạ ơn cuộc đời nói chung qua một ca khúc.

Xin được cắt thời gian 20 năm nổi trôi với lịch sử làm bốn giai đoạn.

Đoạn đầu

Tôi rời bỏ vùng Việt Minh để vào Hà Nội rồi kéo gia đình nhà vợ vào sinh sống ở Saigon, dưới cái gọi là chế độ quốc gia Việt Nam (État du Viet Nam) nằm trong Liên Hiệp Pháp (3) con đẻ của giải pháp Bảo Đại. Lúc đó, tôi đứng đứng trước thời cuộc vì còn tiếc nuối những ngày được cùng cùng toàn dân làm cuộc lên đường vĩ đại, thực hiện giấc mộng đánh Tây mà cha ông ấp ủ. Hơn nữa tôi còn buồn tủi khi bị người quốc gia chưa chân chính, con đẻ hay con nuôi của thực dân nhốt vào khám Catinat cùng với Lê Thương, Trần Văn Trạch trong 120 ngày.

Vào đầu thập niên 50 này, ông Bảo Đại không còn là sự hi vọng của những người yêu nước không đi với Việt Minh ngay từ đầu hoặc đã vỡ mộng với Mặt Trận Kháng Chiến. Ai cũng biết rằng trong cuộc đấu tranh để giành độc lập, đấu lực với Pháp vẫn hơn là đấu trí. Nhưng nếu muốn cầm súng đánh Pháp thì phải đi với ông Hồ. Lúc bấy giờ, ai cũng biết Bảo Đại không phải là người chơi trò

chiến tranh với Pháp, nhưng chơi trò chính trị với thực dân, Cựu hoàng cũng không thua kém ai đâu. Cho tới năm 51, tôi còn nhìn Bảo Đại như một chính trị gia giỏi. Vào ngày Cách Mạng thành công, cái đầu của bất cứ một ông vua nào cũng giống như trúng đề đầu đẳng, ông ta biết rời ngai vàng với một câu tuyên bố bất hủ: *Thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ*. Sau đó, ông Hồ Chí Minh cũng phải dựa vào Bảo Đại để thu phục nhân tâm và đánh lừa thế giới khi mời Cựu hoàng làm Cố Vấn chính trị. Rồi khi thấy cố vấn thoát khỏi tay Việt Minh để lập triều đình ở Hồng Kông thì tôi còn cho Bảo Đại là giỏi quá chừng!

Nhưng giải pháp Bảo Đại cho một nền độc lập không thành công vì trong suốt thời gian từ 1948 cho tới 1954, các đảng phái và các nhân vật quốc gia, chống Pháp hay thân Pháp, dần dần bỏ rơi ông dù ai cũng thấy ông đòi được ở Pháp vài điều mà ông Hồ phải dùng máu xương của nhân dân để giành giật. Vì cuối cùng, ai cũng chỉ nhìn thấy một *play boy* trong Cựu hoàng mà thôi!

Tôi thường tự hỏi: sự chọn lựa làm người hành lạc hơn là hành mệnh (thiên mệnh) của cựu hoàng là do bản chất của ông hay vì ông cần phải đóng kịch chính trị? – tôi cũng từng phải đóng vai ăn chơi đàng điếm để dễ dàng xa lánh chính trị. Trong thực tế, hình như vị Hoàng Đế cuối cùng của Việt Nam không muốn làm vĩ nhân. Là BẢO và ĐẠI, ông

chỉ muốn bảo toàn sinh mạng của mình và không hề có ý định thực hiện đại nghĩa cho dân tộc. Ông không làm được điều gì gọi là vĩ đại nhưng ông cũng không giết ai và không bị hạ sát như ông Diệm. Lịch sử muốn phán xét cựu hoàng ra sao cũng phải nhìn nhận vào lúc khởi đầu của một miền gọi là quốc gia Việt Nam, giải pháp Bảo Đại có ưu điểm mở đầu cầu cho những người ở chiến khu về và nhất là mở đường cho giải pháp Ngô Đình Diệm.

Cho tới năm 1954, ngoài giới làm chính trị, có nhiều điều làm cho văn giới cũng xa lánh chính quyền. Lúc đó, quả rằng trong xã hội vẫn còn quá nhiều bất công, cờ bạc đi điểm được tổ chức và bảo trợ bởi chính phủ, người lãnh đạo thì bất xứng, kẻ thù là Pháp vẫn còn hiện diện, đa số trí thức, văn nghệ sĩ ở miền quốc gia đều có vẻ trùm chán.

Riêng đối với tôi, trong mấy năm đầu sống tại Saigon dưới một chính quyền độc lập có thực hay giả tạo, tôi cũng mang nhiều thất vọng. Ngó lại những ngày đi theo Việt Minh thì chua xót, nhìn vào người quốc gia thì thiếu hứng khởi. Nhưng sau khi bị ép lòng tới tốt độ, tôi bung ra để soạn bài *Tình Ca*. Rồi trong đà sáng tác đó, nhờ ở gia đình êm ấm, nhờ ở đời sống khá sung túc, nhờ ở tình bạn thân thương, nhờ ở quần chúng yêu nhạc... tôi soạn thêm những bài hát ngọt ngào như *Tình Hoài Hương*, hạnh phúc như *Vợ Chồng Quê*, tung cánh như *Viễn Du*, *Lữ Hành*... Tôi chấp nhận đầu cầu Bảo

Đại để bám vào mà sống, mừng thay cho tôi, một số tình ca quê hương đã ra đời để cho người yêu nhạc còn hát lại rai sau gần một nửa thế kỷ.

Tôi còn có may mắn sống chung với một gia đình ca nhạc sĩ. Trong giai đoạn sáng tác này, nếu không có Thái Thanh và ban Thăng Long, chưa chắc tôi đã tung ra nổi một số ca khúc căn bản của ý niệm về bản sắc quốc gia và mang tinh thần vượt thời gian không gian nói trên. Thái Thanh sẽ còn là bạn đồng hành của tôi trên con đường dân nhạc đầy hứa hẹn này. Tôi sẽ trở thành người khuyến khích Thái Thanh lúc nào cũng nâng giọng hát của mình lên cao, không bao giờ hạ mình hát những bài hát thiếu giá trị. Và ngược lại, Thái Thanh luôn luôn là khuôn vàng thước ngọc để tôi đo chiều cao chiều sâu trong âm vực của từng bài hát quê hương, dù là đoản khúc, dù là chương khúc hay trường khúc...

Đoạn hai là từ 1954 tới 1963.

Sau khi giải pháp Bảo Đại – tức giải pháp Pháp – kết thúc, với sự phân chia nước ta ra thành hai miền Quốc Cộng và với sự rút lui của người Pháp, bây giờ miền Nam có chủ quyền thực sự. Giải pháp Ngô Đình Diệm – nói thẳng thừng là giải pháp Mỹ – được đưa ra để đương đầu với miền Bắc Cộng Sản. Trong chiến lược toàn cầu, sau thắng lợi của Cộng Sản quốc tế với một tỉ người Trung Quốc rơi vào chế độ mầu hồng của họ Mao và với sự liên kết

hãy còn chặt chẽ giữa Trung Cộng và Nga Sô, miền Nam nước Việt – cũng như Đại Hàn, Tây Đức – phải trở thành tiền đồn chống Cộng, dù ông Diệm, ông Nhu muốn hay không muốn.

Chính thể Ngô Đình Diệm có rất nhiều ưu điểm mà tôi không cần nhắc ra đây nhưng sau một thời gian khá lâu, với cái nhìn khá xa, có một số người thấy rằng trong gần mười năm cầm quyền, để trị nước, hai anh em họ Ngô dựa trên căn bản quyền lợi gia đình và tôn giáo hơn là dựa trên quyền lợi quốc gia dân tộc.

Ngay từ lúc khởi đầu, dựa vào Ky Tô Giáo ở trong nước và ở Hoa Kỳ hay ở La Mã – hình như đã có lần ông Diệm tuyên bố: *Je vais évangéliser le Viêt Nam* – họ Ngô đánh tan một số giáo phái nhỏ, truất phế Bảo Đại, thành lập chế độ gia đình trị, rồi cuối cùng đụng độ với Phật giáo và bị đánh đổ luôn (Lẽ dĩ nhiên, cũng có thêm những thành phần xã hội khác và nhất là có bàn tay phù thủy nhúng vào việc lật đổ ông Diệm. Hồi Ký của tướng Đỗ Mậu cho rằng vì hai anh em ông Diệm, Nhu có liên lạc với Hà Nội để mưu đồ việc thống nhất nên bị thủ tiêu. Nếu đúng như vậy thì thật là một oan nghiệp lớn cho hai ông Diệm, Nhu và cho nước Việt Nam). Để ngay sau khi hết thời nhà Ngô, suýt nữa thì xảy ra cuộc đổ máu lớn giữa Công Giáo và Phật Giáo, qua những cuộc xuống đường đánh nhau của một số giáo dân và Phật tử mà tôi đích thân chứng kiến

ở gần nhà thờ Huyện Sĩ. Dù sao đi nữa, trong thời thịnh của Cộng Hoà thứ nhất, nhờ được sống yên ổn và hừng khởi dưới một chế độ vững chãi, qua một số bài tình ca quê hương và tình tự dân tộc, tôi tạo dựng được hình ảnh một nước Việt Nam tự do để đối kháng với Cộng Sản.

Miền Bắc chủ trương đấu tranh giai cấp, chọn chủ nghĩa Mác-Lê làm kim chỉ nam nên phủ nhận một tầng lớp xã hội, phủ nhận quá khứ và phủ nhận luôn những giá trị truyền thống như gia đình, tôn giáo, tổ tiên. Sống tại một miền mà tất cả mọi người đang xây dựng một bản sắc quốc gia dân tộc, tôi phát triển những gì tôi chỉ mới phác hoạ trong bài *Tình Ca* như: Hình ảnh quê hương trọn vẹn ba miền đất nước với lịch sử và tiếng nói chung của toàn dân. Qua những bài mang tính chất dân ca mới, tôi đưa ra một bản sắc Việt Nam, man mác hình ảnh những con người vốn là sản phẩm của một nền nông nghiệp miền nhiệt đới, bám vào đất nước, gia đình, làng xóm, tổ tiên để sống còn.

Cũng cần nhắc lại những gì tôi đã viết ra trong những Chương đầu của cuốn Hồi Ký này. Khi nước nhà đã có chủ quyền, sống dưới một chính phủ đang được tín nhiệm, với khung cảnh thái bình và khi xã hội đang được lành mạnh hoá, các văn nghệ sĩ ở trong các lãnh vực nghệ thuật khác cũng đều làm như tôi, nghĩa là hoàn toàn ủng hộ ông Diệm. Thi bá Vũ Hoàng Chương bỏ phiếu cho ông Diệm với

câu thơ có tính chất khẩu hiệu: *Lá phiếu trung cầu một hiền linh, phá tan bạo ngược với vô hình*. Và lại đại đa số văn nghệ sĩ là những người từ miền Bắc di cư vào Nam và đã bầu ông Tổng thống bằng đôi chân của mình trước khi tham gia tích cực vào đời sống văn học nghệ thuật trong thời thịnh của nhà Ngô này. Cùng với lớp văn giới di cư, những văn nghệ sĩ già hay trẻ ở trong Nam cũng ủng hộ ông Diệm. Về sau, nếu ông Diệm không còn được toàn dân tín nhiệm nữa khi ông chủ trương gia đình độc trị thì vào lúc ông tiếp tục đường lối chống lại đòi hỏi của Hoa Kỳ là được đổ quân tham chiến trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam – nhất là qua cuộc đối thoại vào giờ phút cuối cùng với Đại Sứ Cabot Lodge – ông là một Trần Bình Trọng thứ hai mà lịch sử cần ghi lại.

Tôi mang ơn những ngày được sống dưới chế độ nhà Ngô để chen vai thích cánh với bạn bè trong việc xung tưng tổ quốc nghìn năm, con người muôn thuở. Thời Cách Mạng và kháng chiến khi xưa giúp tôi trưởng thành trong khói lửa, qua cuộc đấu tranh sắt máu với thực dân, cùng vui cùng buồn, cùng sướng cùng khổ với mọi tầng lớp nhân dân. Nay sống ở miền Nam, tôi không còn phải treò đeo lận suốt như trước và trong niềm vui của người dân một nước vừa được giải thực sau nhiều khó khăn, tôi thành thoi để tự do học hỏi, tự do đi lại, tự do sinh hoạt và nhất là tự do sáng tác. Tôi cũng được chính quyền và tư nhân khuyến khích,

ủng hộ rất nhiều. Qua những người nắm trong tay các tổ chức hay cơ quan phổ biến âm nhạc như Đài Phát Thanh, phòng trà, phòng thu băng và đĩa hát, nhà xuất bản nhạc tập.

Trong khung cảnh tương đối thanh bình của thời Cộng Hoà thứ nhất, chấp nhận những hệ lụy của đời người, tôi còn được uống một liều thuốc nhục và một viên kẹo ngọt với hai cuộc tình vực thẳm và trời cao để soạn ra những khúc nhạc tình cho nhiều thế hệ tình nhân còn hát mãi mãi trong tình yêu. Hơn thế nữa tôi còn được che chở và nâng đỡ bởi sự bao dung và hi sinh của người vợ hiền để sống tận cùng với tình cảm đa đoan của một người chót sinh làm kiếp nghệ sĩ. Xin trân trọng cảm ơn tất cả.

Giai đoạn nhạc tình này còn phải nhờ tới giọng hát Thái Thanh thì những rung cảm về tình của tôi mới có nơi để vươn lên hay chìm xuống. Lúc này Thái Thanh đạt tới đỉnh cao của danh vọng, nghĩa là trở thành vương hậu của Đài Phát Thanh, Đại Nhạc Hội, Phòng Trà, đĩa hát hay băng nhạc. Chúng tôi không còn ở chung một nhà nữa nhưng không bao giờ Thái Thanh hát lạc điệu một bản nhạc tình của tôi. Nhất là những bài **tình ca hoan lạc**, có lẽ tại vì lúc đó cô em đã tìm được tình yêu và hôn nhân sau khi có danh vọng chẳng?

Đoạn ba,

khởi sự từ sau ngày chế độ Ngô Đình Diệm cáo chung cho tới khi Hội Đồng Tướng Lãnh đưa ra một liên danh nhất trí cho cuộc bầu cử năm 1967, khởi đầu nền đệ nhị Cộng Hoà.

Trong mấy năm 64-66, phải nói rằng miền Nam nước Việt là một quốc gia vô chủ vì không có một Nhà Nước nào đứng vững được trước những cuộc đảo chánh, chính lý thường xuyên với những thay đổi nhanh chóng từ chế độ quân nhân này qua chế độ quân nhân khác, từ chính quyền nhà binh qua chính quyền dân sự rồi rút cục lại trở về chế độ quân nhân. Trong thời gian này, Hoa Kỳ đổ nửa triệu quân vào nước ta vì trong chiến lược toàn cầu, Chú Sam không tin rằng có mâu thuẫn thực sự giữa Trung Cộng và Nga Sô và muốn dùng Việt Nam làm nơi bao vây địch thủ, với chính sách be bờ để ngăn làn sóng đỏ. Cho tới khi Kissinger và Nixon lại dùng luôn Việt Nam để làm cửa lớn hay cửa hẹp đi vào Trung Quốc nói chuyện với họ Mao, yên chí về sự chia rẽ của khối Cộng Sản thì bình thường hoá ngoại giao với Tàu Cộng sau 20 năm đối địch. Xong xuôi mọi việc rồi thì Hoa Kỳ rút lui ra khỏi Đông Dương bằng cuộc Việt Nam hoá chiến tranh.

Sự có mặt của người Mỹ tại miền Nam làm cho chiến tranh gia tăng, xã hội băng hoại ra sao và làm cho tất cả mọi người công phần như thế nào, tôi đã nói qua trong những Chương sách trước. Xin

kể thêm phản ứng của quần chúng vô danh qua câu châm ngôn: **Nhất đi – Nhì cha – Ba sư – Bốn tướng**. Hay câu ca dao:

*Rót Tú Tài anh đi trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con
Mai rồi xong việc nước non
Anh về anh có Mỹ con anh bông...*

Phản ứng của các văn nghệ sĩ cùng thời, ngoài nhạc phản đối của Trịnh Công Sơn, mệt mỏi của Lê Uyên Phương, tìm quên của Lê Hữu Hà, Nguyễn Trung Cang... đó là **Thơ Đen, Thơ Chì, Thơ Xám** của Tú Kếu, Trần Đức Uyển:

*Điên từ khi mất tuổi thơ
Mười năm loạn lạc bơ phờ tóc xanh
Súng thay câu hát ngọt lành
Bom thay lời mẹ dỗ dành đêm đêm...*

Là thơ cảm khái hay thơ ngắt ngưỡng của Nguyễn Bắc Sơn, một trong hàng triệu thanh niên miền Nam phải đi lính, nhìn địch quân là đứa xâm mình, ăn muối đá, điên say chiến đấu và mình là *lính cậu hiền khô, đi hành quân rượu đế vẫn mang theo...* thì chúng ta đánh nhau không hề vì thù hận:

*Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi...*

Còn là phản ứng của Phạm Thiên Thư, tự coi mình là *gã từ quan, lên non tìm động hoa vàng.... nhớ nhau!*

Ngoài nhạc phản đối, nhạc phản chiến, thơ đen,

thơ ngắt nguổng, thơ lẩn tránh của lớp trẻ, còn là sự thất vọng hiện ra nơi bộ óc và trái tim văn nghệ lớn như Vũ Khắc Khoan: *Không có cuộc sống nào đáng sống hết!* Nghiêm Xuân Hồng: *Đời toàn là ảo ảnh!* Thi nhân Vũ Hoàng Chương thì tâm sự với Nguyễn Mạnh Côn và trả lời phỏng vấn trong báo VĂN: *Tôi chỉ muốn tự tử!*

Tôi sức nhớ tới anh bạn Tam Ích, mới ngày nào treo cổ lên trần nhà, đưa chân đạp chống sách cao để tự tử. Đạp sách để chết, là coi như cái hiểu cái biết cũng chẳng dẫn mình đi đến đâu cả! Và nhớ tới cái chết vào đầu năm 1975 của người anh ruột học giỏi tài cao Phạm Duy Khiêm, một người suốt đời cho rằng mình đã hiểu biết rất nhiều, hơn thằng em út và có thể hơn tất cả mọi người nữa, rồi cũng phải quyên sinh vào lúc miền Nam đang hấp hối! Khiến cho tôi muốn sửa lại câu: **Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết... cũng chết!**

Phản ứng trước nghịch cảnh của giới văn nghệ sĩ còn là đi vào Thiển như Nhất Hạnh, Trụ Vũ, hay dần thân như Nguyễn Văn Trung, Lữ Phương, Vũ Hạnh về một phía này và như Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Phan Nhật Nam về một phía khác. Rồi viết bạo như Chu Tử và một số nhà văn nữ..

Phản ứng của tôi là **Mẹ Việt Nam**, là 10 bài **tâm ca**, là **tâm phản ca**, **tục ca** và **đạo ca**.

Chân thành hết sức thì đem Mẹ Tổ Quốc ra để kêu gọi. Thương tâm vô cùng thì đem con tim ra để

than thở. Công phần cực điểm thì nổi giận và chửi bới bằng tiếng nói mỉa mai hay bằng ngôn ngữ via hè. Rồi khi thấy phản ứng của mình có vẻ tiêu cực thì, trước hết, tôi quyết định không phổ biến tục ca. Sau nữa tôi đi theo anh bạn Phạm Thiên Thu vào đạo ca để siêu hoá mọi sự.

Xin tri ân tất cả bạn bè vì trong những năm leo cao và xuống dốc đó, tôi không thấy mình lẻ loi trong việc gánh vác định mệnh oan khiên của dân tộc mình.

Vào lúc nhạc của tôi không còn là nhạc để ngồi nghe mà là nhạc để hát hay nhạc để bàn bạc như các bản **du ca**, **tâm ca**, **tâm phần ca**... thì Thái Thanh vắng tiếng. Tôi cũng không thể tưởng tượng nổi việc Thái Thanh hát **Sức Mấy Mà Buồn** hay hát **tục ca** trước công chúng, qua radio hay trong cassette. Cho tới khi có đạo ca thì giọng hát vượt thời gian này mới quay về với tôi và dù những bài hát đi tìm sự thực này không được phổ biến nhiều, bằng cassette đạo ca do Thái Thanh hát từ 1970, cho tới ngày hôm nay (1991) vẫn còn gây cảm động cho những người nghe. Khi hát đạo ca, tôi ngờ rằng Thái Thanh vừa kinh qua một khổ đau lớn của riêng mình nên tìm được an ủi ở những lời thơ tuyệt vời của Phạm Thiên Thu và ở những nét nhạc thoát tục của tôi chăng?

Đoạn bốn là thời Đệ nhị Cộng Hoà

Sau quá nhiều bất ổn về chính trị, tình hình tạm yên khi Đệ Nhị Cộng Hoà ra đời nhưng dân chúng ở thành phố đã ề ảm mặt mày vì những vụ đảo chính, chỉnh lý, bãi khoá, xuống đường, đốt xe, bãi thị. Gian thương tiếp tục hoành hoành dù có dụng pháp trường cát ở giữa Saigon. — thôn quê, ấp chiến lược, ấp dân sinh bị phá tan, cán bộ quốc gia bỏ chạy lên quận lên tỉnh. Tình hình kinh tế suy sụp khiến cho chính quyền phải thành lập *chính phủ của người nghèo*. Những người hiểu biết cho đó là *chính phủ của người nghèo làm cho người giàu* vì biện pháp tân tiến hoá đất nước chỉ giúp cho hố sâu giữa người giàu và người nghèo sâu thẳm hơn lên.

Chiến tranh gia tăng khủng khiếp với cao điểm là vụ Cộng Sản tấn công hầu hết các tỉnh lỵ và thành phố lớn miền Nam trong Tết Mậu Thân. Rồi là **Mùa Hè Đỏ Lửa**, là **Mặt Trận Bình Long**, **An Lộc...** Đây là lúc các nhà văn Phan Nhật Nam và Nhã Ca diễn tả hộ chúng ta bộ mặt thực của đất nước nhưng đây cũng là lúc người ta quá sợ hãi thực tại nên chúi đầu vào chuyện chưởng của Kim Dung hay chuyện tình của Quỳnh Dao. Tôi đi tìm bạo động ở Lý Tiểu Long cũng như trước đây đi tìm lối đi (!) ở **Hiệp Sĩ Mù**. Có lần cùng vợ con xếp hàng lấy vé vào rạp chiếu bóng Rex, hết chỗ tốt, phải ngồi vào hàng ghế đầu, nhìn lên màn ảnh mà muốn mù mắt luôn, thế nhưng vẫn hả hê với những cú đấm cú đá của Lý Tiểu Long.

Nhưng hoà bình có vẻ ló ra với Hội Nghị Paris. Đã quá mệt mỏi sau những đợt phản đối bằng tâm ca, tục ca và muốn quay về tắm mát trong cái ao tuổi thơ nên tôi soạn những khúc **hoan ca**. Tưởng rằng sắp có hoà bình, tôi muốn xây dựng lại con người ngay từ lúc đầu đời nên tôi soạn bé ca và nữ ca sau bình ca. Với những hoan ca, tôi cố tình vẽ ra khung cảnh thanh bình dù, cũng như mọi người, tôi không tin có hoà bình, vì tôi thấy hận thù giữa hai miền đã được nuôi dưỡng từ quá lâu.

Suốt một đời, tôi chứng kiến biết bao nhiêu chuyện đảng tranh, nhìn thấy biết bao nhiêu chính trị gia, cán bộ bị thủ tiêu dưới triều Hồ, triều Ngô khiến cho nhân tài, nói theo Nguyễn Trãi, *hiếm hoi như lá mùa Thu* và khiến cho vào lúc sắp sửa mất vào tay Cộng Sản, miền Nam chỉ được lãnh đạo bởi những người ngẫu nhiên nắm được quyền lực, sau khi ngồi vào chức vụ chỉ huy rồi, chỉ nghĩ tới quyền lợi riêng tư mà thôi. Tôi rất tiếc, tôi không mang một chút ân huệ nào đối với những người lãnh đạo quân nhân vô trí, vô dũng đó. Tôi chỉ kính cẩn nghiêng mình trước vong linh của hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu đồng bào vô danh đã gục ngã ở khắp mọi nơi, ngoài chiến địa hay chốn hậu phương tưởng là an toàn của một quê hương trong thời loạn. Tôi chỉ xót xa cho hàng triệu gia đình – trong đó có gia đình tôi – vì sự vụng về và mù quáng của các nhà lãnh đạo ở hai miền Nam, Bắc nên suốt đời

chịu cảnh chia lìa và ly hương. Phải dăm ba lần làm đi làm lại cuộc đời, từ thời thực dân qua thời độc lập, từ tỉnh thành chạy ra miền quê, từ thôn quê chạy vào thành thị, từ miền Bắc đi vào miền Nam. Phải sống hai mươi năm nguy khốn, âm thầm chịu đựng để sống sót, trước khi còn phải chia ly một lần nữa với người thân thích và giã từ nơi chôn nhau cắt rốn để đi sống ở nước người với nhiều hải hùng trong những năm đầu của cuộc sống lưu vong.



Tori (Carter) Pham.

Bây giờ mới là năm giờ sáng nên mặt trời mùa Thu chưa lên ở Thị Trấn Giữa Đàng của miền Cali chỉ ấm áp khi nắng lên cao. Nhưng lòng tôi không lạnh lẽo cho lắm. Còn ấm lòng hơn khi nghe tiếng khóc của thằng cháu ngoại, lai Mỹ tên là Tori. Mọi người trong nhà còn đang ngủ kỹ. Đứa bé khóc nhưng không ai dỗ thì nó ngủ lại. Ngồi trước máy điện toán để viết nốt những dòng chữ cuối cùng của cuốn Hồi Ký này, tôi như vừa trút xong một gánh nặng nhất của đời mình. Suốt trong 16 năm sống ở ngoại quốc, lúc nào tôi cũng bị cái dĩ vãng

20 năm sống ở miền Nam đè nặng trái tim. Dĩ vãng của thời thơ ấu rồi vào đời và đi chiến đấu xa quá, thơ mộng quá, hào hùng quá nên không được tôi thương sót bằng dĩ vãng quay cuồng và nhọc nhằn khi nước mình là nơi để hai đế quốc xanh đỏ đấu tranh bằng xương máu thanh niên hai miền Nam, Bắc.

Rồi tới khi Việt Nam trở thành sự nhức nhối của thế giới, phe biết tuyên truyền và chuyên nghề đánh đấm thắng phe không biết tuyên truyền và chống đỡ dờ. Một phe thắng đại mùa Xuân rồi dương dương tự đắc và một phe chạy có cớ để luôn luôn chỉ nhớ mầu cò – như trong bài hát của một cô ca sĩ – nhưng không bao giờ nhớ tới bài học chua cay của dĩ vãng, nghĩa là vẫn sống tới tận cùng của sự chia rẽ... Sự oan khiên của dân tộc mình chưa bao giờ được nói lên, hoặc có được nói tới qua những cuốn sách lếu lảo hoặc qua những cuốn phim như *Apocalypse Now*, *The Deer Hunter*, *The Last* hay *Rambo*, nhất là loạt chương trình truyền hình *Viet Nam*, *A Television History*... thì đó chỉ là một sự thoả mạ dân tộc Việt Nam mà tôi không thể nào tha thứ được.

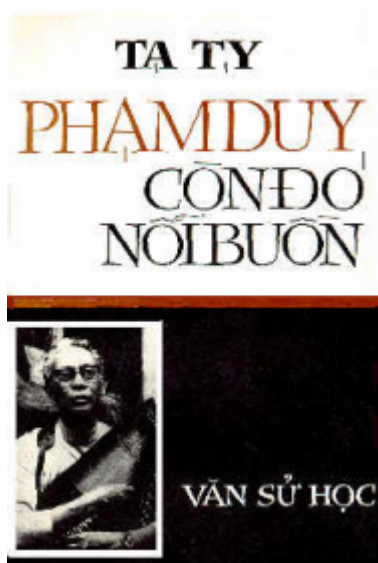
Phải sống hơn 20 năm trong một nước bị chia đôi, khi người hai miền bị đặt vào thế đối địch, tôi cũng phải chọn cho mình một chỗ đứng. Chưa xót thay, trong hơn hai thập niên đó – và còn tới bao giờ? – người Việt Nam ít khi được là “người Việt

thuần túy” (như dân Thụy Sĩ chẳng hạn). Phải hoặc là “người cộng sản”, hoặc là “người quốc gia”.

Là nghệ sĩ, chọn làm nghề ca hát, không muốn làm con khướu hót vui tai mọi người, hay làm con vẹt cho một phe, lại chọn làm kiếp ve sầu để hát lên những khổ đau của thời đại thì ráng mà chịu lấy oan khiên. Chết chứa oan khiên vào cõi lòng bé nhỏ của mình thì dù có soạn hàng trăm, hàng ngàn bài hát, cũng khó rũ sạch nỗi. Phải chờ khi đi vào tuổi già và trở thành mẫn non nghĩa địa mới được ngồi viết cuốn Hồi Ký này để trút bầu tâm sự với hi vọng giải oan cho mình, cho người.

Là người chỉ mong nói lên những thống khổ của cả hai miền đất nước nhưng vì sinh sống ở đảng trong, tôi dễ dàng trở thành đối tượng của đảng ngoài. Giá tôi chỉ là một nghệ sĩ ít người biết tới thì nỗi oan đến với tôi cũng vừa phải thôi. Nhưng tối thiểu cũng đã có ba người viết về tôi với tất cả nhiệt tình. Nếu tôi có Georges Etienne Gauthier với loạt bài *Một Người Già Nã Đại Với Nghệ Thuật Phạm Duy* và Tạ Tỵ với cuốn *Phạm Duy Còn Đó Nỗi Buồn* để nhiệt tâm cứu sống tôi (4) thì cũng phải có nhà giáo Mác Xít Nguyễn Trọng Văn với cuốn *Phạm Duy Đã Chết Như Thế Nào* để giết tôi một cách nhiệt thành. Trong mấy chục năm qua, cũng có lúc tôi vui và buồn vì các nhiệt tình kể trên, nhưng bây giờ, đã bước vào tuổi 70 rồi, tôi mất cả buồn lẫn vui, chỉ xin được cảm ơn cả ba tác giả đó.

Là nghệ sĩ, sợ nhất là tác phẩm của mình rơi vào sự dửng dưng, im lặng. Được người đời nhắc tới, đó là hạnh phúc lớn.



Sách này là lý do để có thêm sách:
“Phạm Duy Đã Chết Như Thế Nào”.

À, còn thêm một nỗi oan nữa cần hoá giải. Hơn 20 năm sống với Saigon mà tôi không có một tiếng hát nào cho thành phố nơi tôi sống những ngày phong phú nhất đời mình. Saigon không phải chỉ có *con đường Duy Tân cây dài bóng mát* để tôi đưa người tình đi học. Tuy cũng có Y Vân ghé bến Saigon để thấy *Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi!* Và có thêm Hoàng Anh Tuấn cùng với Phạm Đình Chương nhìn mưa Saigon để nhớ tới mưa Hà Nội...

nhưng nói chung, lũ nhạc sĩ chúng tôi rất vô ơn đối với Saigon. Phải bỏ xứ ra đi, phải sống trong thành phố bị đổi tên, rồi mới hối hận để có khá nhiều nhạc sĩ lưu vong hay ở trong nước hối hả soạn ra sau ngày 30-4-75 những bài như *Saigon Oi Vĩnh Biệt*, *Saigon Bây Giờ Buồn Không Em*, *Saigon Vĩnh Biệt Tình Ta*, *Saigon Niềm Nhớ Không Tên*, *Saigon Của Tôi*, *Saigon Oi Thôi Đã Hết...* Con người là thế đó, có viên ngọc trong tay không biết giữ, mất rồi mới tiếc ngẩn tiếc ngo. Hãy cho tôi được sụp lạy thành phố thân yêu ở đây, với vài câu trong bài *Thương Nhớ Saigon* soạn năm 1981 ở Mỹ:

Saigon ơi! Yêu tôi xin chờ tôi nhé!

Tôi sẽ trở về để hôn những vĩa hè

Của Thành Đô, cao sang và say đắm

Chia sót túi hờn và xây đắp tình nồng .

Saigon ơi dù có thay tên

Mà người yêu còn nhớ không quên...

Lại nhắc tới Thái Thanh. Người ta thường gắn liền âm nhạc của tôi vào giọng hát của cô em. Đó là một vinh dự lớn cho tôi. Dù Thái Thanh không hẳn liên tục cùng đi từng bước với tôi trên nhiều đoạn đường vì có nhiều loại ca của tôi vắng giọng Thái Thanh (như **bình ca**, **nữ ca**, **bé ca** nhất là **tị nạn ca**, **ngục ca**, **hoàng cảm ca** và tổ khúc **Bầy Chim Bỏ Xứ...**) nhưng chúng tôi tái ngộ sau 10 năm xa cách vì hoàn cảnh lịch sử, chắc chắn Thái Thanh còn

nhiều thời gian để đuổi kịp tôi. Vì nàng là *giọng hát vượt thời gian* mà.

Ước mong những điều tôi viết ra trong cuốn sách này không làm buồn lòng ai cả. Hi vọng nó có thể giải tỏa những oan nghiệt mà tôi, một nghệ sĩ miền Nam, đã cam chịu trong 20 năm trời. Cảm ơn bạn đọc đã kiên nhẫn nhìn vào ba mảnh đời của một nghệ sĩ được sống hết mình với Việt Nam trong nhiều thời đại, từ thời êm đềm hay hào hùng tới thời tủi nhục hay thác loạn để cố gắng nói lên định mệnh chung của dân tộc.

Và dù tôi có trải qua dăm eo sèo nhân thế, tôi vẫn chưa phai lòng say mê để tiếp tục cống hiến nốt cho bạn đọc mảnh đời cuối cùng của mình bằng cuốn hồi ký thứ tư. Trong cuốn *Hồi Ký Thời Hải Ngoại* phát hành mùa Thu năm tới, tôi muốn cùng những người có chung số phận, ôn lại thời gian sống lưu vong, tuy chúng ta lúc nào cũng khắc khoải thương nhớ quê hương nhưng vẫn có thể mừng thầm vì được làm cuộc viễn du ra thế giới để cùng nhân loại đi vào thế kỷ 21 với kỷ nguyên kỹ thuật. Cuốn hồi ký này, may thay, được viết sau khi cuộc chiến tranh lạnh giữa các cường quốc chấm dứt, trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, chủ nghĩa Cộng Sản đang sụp đổ, các nước xã hội đang thay đổi và toàn cầu đang đi vào một trật tự mới. Người Việt Nam ở trong hay ngoài nước đã có thể nhìn thấy sự phi lý của 20 năm phân chia Quốc-Cộng

chất chứa oan khiên và 15 năm phân chia Quốc Nội Quốc Ngoại chan chứa hận thù. Liệu sớm có ngày chúng ta xúm nhau thực hiện sự Thống Nhất của Việt Nam mà vào năm 1975, có người đã làm mà chưa hề thành công. **Thống nhất đất nước chưa đủ, cần phải thống nhất lòng người.** Tôi hi vọng còn sống khoẻ, sống mạnh để đóng góp vào niềm vui chung đó.

*Thị Trấn Giữa Đàng
Mùa Thu 1991*

- Hết Cuốn Ba -

¹ Xin được coi như những lời tạ ơn.

² Một cán bộ của Đảng Cần Lao dọa tôi nếu không ca tụng nhà Ngô sẽ bị lôi thôi. Một trợ giáo mà tôi mượn tới nhà để kèm học cho các con tôi, về sau mới biết anh là người của Mặt Trận Giải Phóng.

³ Danh xưng “người quốc gia” có khi từ chính phủ Cộng Hoà Nam Kỳ ra đời năm 46. Như vậy Nguyễn Văn Thinh là một trong những người quốc gia đầu tiên. Và là người quốc gia độc nhất tự tử khi biết mình lầm.

⁴ Có lẽ sau khi tôi soạn bài *Mùa Thu Chết* và có người hát nhại là “*Em nhớ cho, Phạm Duy đã chết rồi*” “... nên Tạ Tỵ bèn “cứu sống” tôi, viết cuốn sách này, cho rằng **“Phạm Duy vẫn còn đó, với nỗi buồn... Nhưng tôi thường nói đùa với anh bạn: “Sách này nên đặt tên là Phạm Duy còn đó nỗi buồn... cười! Vì tôi là kẻ... sức mảy mà buồn!!!”**

